

ĐẶC-SAN XUÂN CANH-DẦN 2554 CHÙA HẢI-ĐỨC

2101 Pickettville Road, P.O. Box 60097, Jacksonville, FL 32236-0097

Tel: 904-781-4183 email: Buddhist1@aol.com <http://www.chuahaiduc.org>



Chùa Hải-Đức
www.chuahaiduc.org

Trong Số Đây

Thông Điệp Xuân	3
Tin Tức Sinh Hoạt 2010	5
Thơ, Châu Ngọc	98
Những Thử Thách Tăng Già	100
Số Táo Quân	104
Pháp Môn Lay Phật	111
La Hán Quả	115
Nhân Nào Quả Nấy	118
Ngôi Chùa Trong Tâm Tưởng	121
Sắc Đẹp Và Khôn Ngoan	126
Diễn Văn Tốt Nghiệp	133
Phật Giáo Tây Tạng	137
Kinh Pháp Hoa Chữ Phạn	157
Lục Tổ Giảng Kinh Kim Cang	172
Câu Chuyện Hotmail	183
Thọ Giới	188
Luật Tạng Trong Tăng Đoàn	194
Lợi Ích Của Việc Đi Bộ	197
Thiền Sư Và Gã Lái Đò	205
Danh Từ Hán-Việt Thường	207
Du Tăng Cầu Pháp	217



Trang bìa trong, để trống

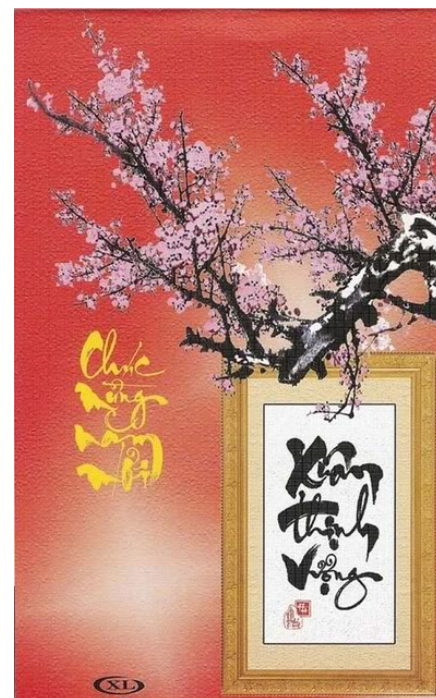


TÔI ĐÃ GẶP . . .

Tôi đã gặp biết bao lần
 Những vị Bồ-tát hóa thân
 Cũng như Bồ-tát hiện thân
 Với bao bất khả tư nghị
 Dám mong Bồ-tát dự lưu
 Chớ là Bồ-tát thối chuyển.

H.N.

*Khóa Thiền mùa đông 2009
 Marywood, Switzerland*





Độc Trong Sổ Này

Thông Điệp Xuân Canh-Dần	3	Phật Giáo Truyền Thống Tây Tạng,	
Sinh Hoạt Chùa Hải-Đức		<i>Geshe Kelsang Gyatso</i>	
Tháng 6, 2009	5	<i>Thích Nữ Trí Hải dịch</i>	137
Tháng 7, 2009	15	Nhìn Tây Tạng, Thấy Việt Nam,	
Tháng 8, 2009	25	<i>Lê Minh Khôi</i>	153
Tháng 9, 2009	48		
Tháng 10, 2009	58	Saddharma-Pundarika Sutra, Kinh Pháp	
Tháng 11, 2009	68	Hoa Chữ Phạn,	
Tháng 12, 2009	88	<i>Thích Kiên Định</i>	157
		Người Suốt Đời Lắc Chuông Giữa Chợ,	
Thơ, Châu Ngọc	98	<i>Trần Bang Thạch</i>	168
Những Thử Thách Của Tăng Già Trong			
Thế Kỷ 21, Đạt Lai Lạt Ma,		Lục Tổ Giảng Kinh Kim Cang,	172
<i>HT Thích Trí Chơn dịch Việt</i>	100	Câu Chuyện Hotmail,	
Sớ Táo Quân	104	<i>Silicon Valley Resident</i>	183
Pháp Môn Lay Phật,		Thọ Giới, Thích Huệ Hưng giảng,	
<i>Thích Trí Hoàng</i>	111	<i>Thích Thiện Toàn ghi</i>	188
La Hán Quả, Vị Ngọt Cho Người Tiểu		Luật Tạng Trong Tổ Chức Tăng Đoàn	
Đường, DS Trần Việt Hưng	115	Ngày Nay Tại Việt Nam,	
		<i>Thích Minh Chuyển</i>	194
Nhân Nào Quả Nấy, Vô Danh			
<i>Tôn Thất Bằng dịch</i>	118	Lợi Ích Của Việc Đi Bộ	197
Ngôi Chùa Trong Tâm Tưởng,		Vị Vua Lê Lên Ngôi Hai Lần Và Lấy Vợ	
<i>Nguyễn Văn Sâm</i>	121	Tây	201
Thơ, Nguyễn Ánh Nga	125	Thiền Sư Và Gã Lái Đò,	
		<i>Thăng Điền</i>	205
Sắc Đẹp và Khôn Ngoan,		Những Danh Từ Hán-Việt Thường Dùng,	
<i>Lokanatha giảng,</i>		<i>Thầy Chạy Sydney</i>	207
<i>Thích Giải Thông dịch</i>	126		
Diễn Văn Cho Lễ Tốt Nghiệp Đại Học		Du Tăng Cầu Pháp, Nghĩa Tịnh,	
Stanford,		<i>Thích Hằng Đạt dịch</i>	217
<i>Steve Jobs</i>	133		



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN TĂNG THỐNG

Thanh Minh Thiền Viện, 90 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP Saigon

Phật lịch 2553

Số 01 /VT/XTLV

THÔNGIỆP HÃY CÙNG ĐỨNG LÊN XUÂN CANH DẦN - 2010

của Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ

Nam Mô Đương Lai Hoan Hỉ Từ Thị Di Lạc Tôn Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng lão,
Chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni,
Cùng toàn thể Phật tử và Đồng bào các giới trong, ngoài nước,

Năm cũ qua, năm mới đến. Nhân danh Hội đồng Lương Viện, tôi xin gửi đến toàn thể chư liệt vị Trưởng lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, nam nữ Cư sĩ Phật tử cùng Đồng bào các giới trong và ngoài nước lời cầu chúc một năm an lành, như ý và viên thành Phật sự.

Vì nhớ tưởng mà cây trở lộc xuân nở hoa, nên Xuân là Mùa Nhớ tưởng. Người dân Việt nhớ tưởng Ông Bà, Tổ tiên đã sinh thành ra nòi giống, quê hương; người Phật tử nhớ tưởng Đức Phật đã trải xuống cõi Diêm Phù Đề con đường giải thoát giác ngộ, đồng lúc nguyện cầu cho Đức Phật Di Lạc thị hiện giữa Mùa Xuân dân tộc, đem từ vô lượng tâm cải hóa thế giới hận thù, tranh chấp.

Trong Mùa Nhớ tưởng, xin chư liệt vị chớ quên công đức sâu dày của Đức cố Đệ tứ Tăng thống, Đại lão Hòa thượng **Thích Huyền Quang**. Vì nhờ Ngài mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất vẫn còn hiện hữu uy nghi trước thời đại Pháp nhược ma cường. Nhớ tưởng Ngài là đem hết thân tâm thực hiện lời Ngài căn dặn qua bức Thông điệp Xuân Di Lạc, Phật lịch 2544:

« Làm con Phật là vượt khỏi địa vị phạm phu, phát bồ đề tâm mà bước vào ngôi vị Bồ Tát. Lấy tâm Đại Bi bảo bọc chúng sanh, lấy tâm Đại Từ làm lợi ích cho chúng sanh, lấy tâm Vô Ngại dẹp tan các chương duyên và áp bức đang đè nặng nhân thế và muôn loài. Bồ đề tâm ở đâu, Bồ tát ở đó; Bồ tát ở đâu, Phật đạo ở đó; Phật đạo ở đâu, An lạc và Tự do ở đó. Bồ đề tâm được phát khởi, thì mọi khổ đau mới chấm dứt; dù đó là đau khổ vì vô minh hay vì tham luyến, đau khổ của bản cùng hay đau khổ vì áp bức. Công năng này chứa sẵn trong mọi người con Phật, chỉ cần chí thành ưu tư, ước vọng an lành cho hết thảy chúng sanh là Bồ đề tâm hoạt dụng và biến hóa khôn lường ».

Trước cảnh đảo điên của thời thế làm phân hóa lòng người, thì chúng ta hãy nhớ tưởng lời Đức Đệ Tam Tăng Thống, Đại lão Hòa thượng **Thích Đôn Hậu**, như bức cảm nang giải quyết sự khủng hoảng sa lầy của Tăng đoàn do ngoại nhân độc phá. Ngài dạy:

« Trong lịch sử truyền bá Phật Giáo Việt Nam cũng như thế giới, có lúc rất bi thảm đầy tủi nhục, nhưng cũng có lúc vẻ vang rất đáng tự hào. Lúc bi thảm là lúc bản thể của Tăng bị lu mờ, nội bộ của Tăng bị phân hóa và thành phần của Tăng có nhiều quan điểm dị biệt, giới hạnh suy kém và hiểu biết đạo lý một cách cục bộ, phiến diện. Trái lại, lúc vẻ vang là lúc nội bộ chúng Tăng hòa hiệp, biết gạt bỏ những quyền lợi riêng tư, những ngã chấp tầm thường, để tiến xa trên con đường tịnh hạnh, lấy giác ngộ, giải thoát làm cứu cánh, lấy bản nguyện độ sanh làm sự nghiệp »



Đặc biệt năm nay chúng ta hướng lòng tưởng nhớ Đức cố Đại lão Hoà thượng **Thích Tịnh Khiết**, Ngài là vị Tăng thống thứ nhất thời cận và hiện đại nối tiếp giai phẩm khởi sự từ thời Đinh, lúc Việt Nam mình định chủ quyền dân tộc sau mười thế kỷ bị Bắc phương uy hiếp. Nhớ Ngài là hiện mình hiện diện trên đất nước còn thương đau hôm nay như một thực thể hòa bình. Trong bức Thông điệp Xuân Kỷ Dậu, Phật lịch 2513, Ngài nhắc nhở ân cần:

« Hòa bình chỉ có ý nghĩa đích thực khi bảo đảm được quyền tự chủ quốc gia và những quyền tự do dân chủ căn bản của dân chúng, trong sinh hoạt cộng đồng thế giới. (...) Chúng ta phải hiện diện như một thực thể tiêu biểu đích thực cho nguyện ước Hòa bình của dân tộc để nói lên tiếng nói phát xuất từ thâm tâm con người và tiềm lực dân tộc. Chúng ta không có quyền trao vận mệnh dân tộc này cho những người phi dân tộc, nguy dân tộc, phản dân tộc. (...) Chỉ có chúng ta, những người Việt đang sống trên đe dưới búa, đang bị tước đoạt quyền sống và bị phá hoại mới có đủ tư cách để tự biện minh trong mọi quyết định vận mệnh chung cho một thể chế quốc gia dân tộc do chính chúng ta tự quyết mà thôi ».

Nhân dân Việt Nam, trong đó có Phật tử, phải được sống trong an lạc và tự do để phát triển. Phát triển đời sống vật chất cũng như đời sống văn hóa và tâm linh. Vì vậy Giáo hội phải nói lên ngưỡng vọng của 85 triệu người đòi hỏi cuộc sống nhân quyền và dân chủ để phát triển. Hơn nữa, hiện nay chủ quyền dân tộc đang bị uy hiếp bằng những *quyền lực cương* hay *quyền lực nhu* của các manh tâm nước lớn. Phật tử là người hiểu thời thông biến, nên không thể nhắm mắt quay lưng trước các ý đồ mại quốc. Nước mất thì đạo suy. Cho nên giữ nước là con đường dân tộc hai nghìn năm cứu mình, cứu người đưa quê hương thoát ly xâm lăng, nô lệ và cuồng tín.

Tâm tư của người Phật tử ngày nay là tâm tư của kẻ bị dày xéo từ một thế kỷ rưỡi qua vì những thế lực ngoại lai muốn biến Việt Nam thành chiến trường, thành thị trường, thay vì đạo trường. Tâm tư ấy biến thành cuộc vận động không ngưng nghỉ của Phật giáo suốt thế kỷ XX cho đến nay để phục vụ dân tộc, tổ quốc, nhân loại theo sứ mệnh tôn giáo, chứ không theo cương vị chính trị. Vì vậy mà thái độ của Giáo hội đối với nhà đương quyền Xã hội Chủ nghĩa là thái độ của tôn giáo đối với những chính sách sai lầm, những khuynh loát chính trị, những lạm dụng đất nước và quần chúng.

Cụ thể của chính sách sai lầm, khuynh loát chính trị, lạm dụng đất nước và quần chúng vừa được một lần nữa thấy rõ trong những ngày vừa qua. Khi Nhà nước Xã hội chủ nghĩa đưa ra tòa án giả trá những phần tử ưu tú tương lai của đất nước. Những người tay không tác sát với tấm lòng ưu tư trước nạn ngoại xâm và đời sống không có nhân quyền dân chủ, mà Nhà nước và Đảng chẳng đoái hoài. Giáng xuống họ những bản án giam tù và quản thúc nặng nề, khiến dư luận trong và ngoài nước công phẫn, khinh miệt. Đây là bản án của Chế độ Thực dân đầu thế kỷ XX đang được tái hồi cho toàn thể dân tộc vào đầu thiên niên kỷ thứ ba.

Hiểu rõ bị kịch đang ngăn cản sự phát triển quốc gia, làm cho văn hóa suy đồi, đạo lý nghiêng ngả như thế, chư liệt vị Trưởng lão, Hoà thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, cùng đồng bào Phật tử trong và ngoài nước hãy cùng đứng lên đảm trách sự cứu khổ trừ nguy mà đức Phật trao truyền: Hễ là Chánh đạo thì tiến tới, chỉ sợ bước tới không mau; hễ không phải Chánh đạo thì lui bước, chỉ sợ đi lui không gấp.

Nguyện cầu chư Phật mười phương gia hộ chư Liệt vị năm an lành, thành công viên mãn đại nghĩa bồ đề.

Nam Mô Bồn Sur Thích Ca Mâu Ni Phật.

Làm tại Thanh Minh Thiền Viện,
Saigon, ngày 8.2.2010
Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống
kiêm Viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN
(ấn ký)
Sa môn **Thích Quảng Độ**



Sinh Hoạt Chùa Hải-Đức Những Tháng Cuối Năm 2009

Hộ Pháp ghi

Tháng 6, 2009

Chủ Nhật 7, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Tùng Địa Dũng Xuất thứ 15. ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Tùy Hi Công Đức thứ 18, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Sám-Hối Hồng-Danh, ĐH Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên chủ sám, ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh duy na, ĐH Diệu-Bình Trần Thị Tiếng duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Diệu-Bình Trần Thị Tiếng tụng Hải-Thanh tụng.









Chủ Nhật 14, 11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Pháp Sư Công Đức thứ 19, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-Siêu, ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt chủ sám, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoa duyệt chúng. Thọ trai.

12 giờ rưỡi trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Đồng-Thuận Huỳnh Lý chủ sám.

1 giờ rưỡi trưa: tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16, quyển 6, ĐH Vạn-Hòa Nguyễn Thị Mai tụng.









Chủ Nhật 21, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Phân Biệt Công Đức thứ 17. ĐH Nguyên-An Lý Bình Hòa tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát thứ 20, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-An, ĐH An-Lành Lê Thị Yên chủ sám, ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh duy na, ĐH Ngọc-Châu Nguyễn Thị Loan duyệt chúng. Thọ trai.

12 giờ rưỡi trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt chủ sám.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân tự Hải-Huệ tụng.







Chủ Nhật 28, 11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Như Lai Thành Lực thứ 21 & Chúc Lũy thứ 22, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Tịnh-Độ, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân chủ sám, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoa duyệt chúng. Thọ trai.

12 giờ rưỡi trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy & Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga chủ sám.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Tùy Hỷ Công Đức thứ 18, quyển 6, ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh tụng.







Tháng 7, 2009

Chủ Nhật 5, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Pháp Sư Công Đức thứ 19. ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự thứ 23, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-An, ĐH Vạn-Hòa Nguyễn Thị Mai chủ sám, ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga duy na, ĐH An-Lành Lê Thị Yên duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga tụng Hải-Tánh tụng.









Chủ Nhật 12, 12 giờ trưa: Nghi-thức Sám-hối Hồng Danh, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân chủ sám, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoan duy na, ĐH Nguyên-An Lý Bình Hòa duyệt chúng. Thọ trai.

12 giờ rưỡi trưa: Mông Sơn Thích Thực, ĐH Đồng-Thuận Huỳnh Lý & Nguyên-Cát Trần Boy chủ sám.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Tỳ Hỷ Công Đức thứ 20, quyển 6, ĐH Tâm-Nhơn Nguyễn Hữu Thị Diệp tụng.







Chủ Nhật 19, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Như Lai Thần Lực thứ 22 & Dược Vương Bồ Tát Bản Sự thứ 23. ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Diệu Âm Bồ Tát thứ 24, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-Siêu, ĐH Diệu-Bình Trần Thị Tiếng chủ sám, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy duy na, ĐH Nguyên-Hựu Hồ Thị Đề duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Nguyên-Dũng Hà Hiệp tụng Hải-Ý tụng.









Chủ Nhật 26, 11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Quan Thế Âm Bồ Tát thứ 25, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Tịnh-Độ, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính chủ sám, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Doa duyệt chúng. Thọ trai.

12 giờ rưỡi trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy & Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga chủ sám.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự thứ 23, quyển 6, ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh tụng.







Tháng 8, 2009

Chủ Nhật 2, 10 giờ sáng: tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Diệu Âm Bồ Tát thứ 24. ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Đà La Ny thứ 26, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-Siêu, ĐH Nguyên-Hiền Phú Cúc chủ sám, ĐH Diệu-Bình Trần Thị Tiếng duy na, ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: tụng Giới Bồ Tát. ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh tụng Hải-Thanh tụng.









Chủ Nhật 11, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Dược Thảo Dụ thứ 5. ĐH Tâm-Nhơn Nguyễn Hữu Thị Diệp tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Ánh Sáng Điem Lành thứ 1 (tiếp), ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-Siêu hương linh Nguyễn Văn Bé, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính chủ sám, ĐH Nguyên-An Lý Bình Hòa duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoà duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Nguyên-Thành Hà Tân tự Hải-Y tụng.

ĐH Trần Kim Chung cắt & xén cỏ sân chùa.







Chủ Nhật 9, 11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự thứ 27, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-An Phổ Môn, ĐH An-Lành Lê Thị Yên chủ sám, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy duy na, ĐH Ngọc-Châu Nguyễn Thị Loan duyệt chúng. Thọ trai.

12 giờ ruỗi trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy chủ sám.

1 giờ ruỗi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Quan Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn thứ 25, quyển 7, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân tụng.





Thứ Sáu 14, ĐH bà Bường và các cháu Nguyễn Bùi Anh Việt, Nguyễn Quang Chính, Lê Jackson và các bạn học lên chùa sơn lại chánh điện.





Thứ Bảy 15, các ĐH tiếp tục lên chùa sơn chánh điện, có quý vị ĐH bà Bường & Mỹ Dung, ông bà ĐH Trương Công Chớ, ĐH Phạm Johnny. ĐH Phạm Duy Tân lắp đặt hệ thống âm thanh vô tuyến mới. Bà Đức chưng bông & trái cây.



Chủ Nhật 16, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự thứ 26. ĐH Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên tụng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Sám-Hối Hồng Danh, ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt chủ sám, ĐH Nguyên-An Lý Bình Hòa duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoa duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Nguyên-Dũng Hà Tân tụng Hải-Ý tụng.









Chương trình Bát-Quan-Trai-Giới tại Chùa Hải-Đức, Jacksonville, Florida, ngày 21 và 22 tháng 8 năm 2009, dưới sự chứng minh của TT Thích-Pháp-Tịnh:

Thứ Sáu 21 tháng 8 năm 2009

7pm: Thọ Giới.

7:30pm: TT Pháp-Tịnh thuyết-pháp

“*Kinh Dược Sư Bốn Nguyên*”.

8:40pm: Nghỉ.

9:00pm: Tụng Kinh A Di Đà, ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt duy na, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân duyệt chúng.

10:05pm: Nghỉ.

11pm: Chỉ tịnh.



Thứ Bảy 22 tháng 8 năm 2009

5:30am: Thức chúng.

6:00am: Công Phu Khuya. ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy duy na, ĐH Diệu-Bình Trần Thị Tiếng duyệt chúng.

6:45am: Nghỉ.

7am: Tảo thực.

8:10am: TT Pháp-Tịnh thuyết pháp “*Kinh Dược Sư Bốn Nguyên*” (tiếp).

9:30am: Nghỉ.

10am: Lao tác & Trai soạn.

11:15am: Cúng Ngọ. ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt duy na, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duyệt chúng.

11:45am: Quá Đường & Kinh Hành Niệm Phật.

12:30pm: Chỉ tịnh.

2:20pm: Thức chúng.

2:30pm: Tụng Kinh Cầu An Phổ Môn. ĐH An -Lành Lê Thị Yên duy na, ĐH Tâm-Nhơn Nguyễn Hữu Thị Diệp duyệt chúng.

3:20pm: Nghỉ.

3:30pm: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt duy na, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duyệt chúng.

4pm: Nghỉ.

4:10pm: TT Pháp-Tịnh thuyết pháp “*Kinh Dược Sư Bốn Nguyên*” (tiếp).

5:30pm: Nghỉ.

5:45pm: TT Pháp-Tịnh thuyết pháp “*Kinh Dược Sư Bốn Nguyên*” (tiếp).

6:45pm: Nghỉ.

7pm: Xả Giới.







Bát Quan Trại Giới TT Thích Pháp Tịnh ngày 21 & 22 tháng 8 năm 2009 tại Chùa Hải-Đức, Jacksonville, Florida





Chủ Nhật 23, 11 giờ trưa: Đại lễ Vu-Lan 2554, TT Thích-Pháp-Tịnh & TT Minh-Huân chủ lễ, HT Giác-Ngộ & HT Giác-Phúc thuyết pháp, ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt duy na, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duyệt chúng.

ĐH Nguyên-Thọ Lê Thanh Vĩnh và ĐH Nguyên-An Lý Bình Hòa khay đèn cung thỉnh. ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân MC & đọc Thông Bạch Vu Lan của TT Viên-Định, phó Viện trưởng kiêm Tổng Thư ký GHPGVNTN. ĐH Tâm-Nhơn Nguyễn Hữu Thị Diệp ca.

Dâng y & tứ sự do đại diện Phật tử chùa Hải-Đức: ĐH Nguyên-Hựu Hồ Thị Đề tự Hải-Niệm & Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh tự Hải-Pháp đại diện chúng Bồ Tát Giới Hải-Đức, ĐH Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên & ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga đại diện Đạo tràng Pháp-Hoa Văn Thù Sư Lợi, cúng dường.

1 giờ rưỡi trưa: Quy Y & Thọ Giới cho 10 Phật tử địa phương. TT Thích-Pháp-Tịnh chứng minh.



















Chủ Nhật 30, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bồ Sư thứ 27. ĐH Đồng-Thuận Huỳnh Lý tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát thứ 28 (HẾT), ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Tụng Kinh Vu Lan Bồn, ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga chủ sám, ĐH An-Lành Lê Thị Yên duy na, ĐH Nguyên-Hựu Hồ Thị Đề duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Nguyên-Hiền Phú Cúc tự Hải-Hậu tụng.









Tháng 9, 2009

Chủ Nhật 6, 12 giờ trưa: Tụng Kinh Vu Lan, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân chủ sám, ĐH Nguyên-An Lý Bình Hòa duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoà duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy chủ sám.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát thứ 28, quyển 7, ĐH Tâm-Nhơn Nguyễn Hữu Thị Diệp tụng.







Chủ Nhật 13, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Tựa thứ 1. ĐH Đồng-Thuận Huỳnh Lý tụng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Sám-Hối Hồng-Danh, ĐH Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên chủ sám, ĐH Tâm-Nhơn Nguyễn Hữu Thị Diệp duy na, ĐH Diệu-Bình Trần Thị Tiếng duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Nguyễn-Trường Nguyễn Văn Chính tụng Hải-Thọ tụng.





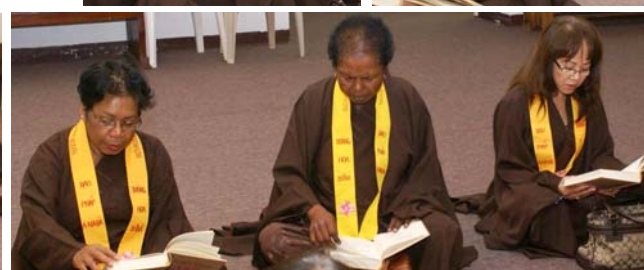




Chủ Nhật 20, 12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-Siêu A Di Đà, ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt chủ sám, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duy na, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Đồng-Thuận Huỳnh Lý & Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt tụng.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Phương Tiệm thứ 2, quyển 7, ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga tụng.





Thứ Tư 23, TT Pháp-Tịnh tụng kinh Cầu-Siêu A Di Đà & chủ lễ thành-phục cho tang quyến ĐH Nguyễn Văn Bé, thông gia ĐH Đặng Hữu Ngôn, tại nhà quán Normandy. ĐH Nguyễn-Đức Phạm Duy Tân đọc lời chia buồn của Hội Phật Giáo Đông Bắc Florida.



Thứ Năm 24, 1:30 giờ trưa, lễ di quan, 2:30 giờ trưa, lễ hạ huyệt, TT Pháp-Tịnh chủ lễ.





Chủ Nhật 27, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Thí Dụ thứ 3. ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh tụng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-Siêu hương linh Nguyễn Văn Bé, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân chủ sám, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoa duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Diệu-Bình Trần Thị Tiếng tụng.









Tháng 10, 2009

Thứ Bảy 3, ông bà ĐH Nguyễn Đoa lên chùa làm vườn. Bà Đức chung bông và trái cây.

Chủ Nhật 4, 11 giờ sáng: khởi sự học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Ánh Sáng Điềm Lành thứ 1, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Sám-Hối Hồng Danh, ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga chủ sám, ĐH Vạn-Hòa Nguyễn Thị Mai duy na, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy tụng.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Phương Tiện thứ 2, quyển 7, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân tụng.









Chủ Nhật 18, 11 giờ sáng: khởi sự học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Ánh Sáng Điem Lành thứ 1 (hết) & phẩm Thiện Quyền thứ 2, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng. ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga dạy tiếng Việt cho thiếu nhi.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-An, ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga chủ sám, ĐH Tâm-Nhon Nguyễn Hữu Thị Diệp duy na, ĐH Vạn-Hòa Nguyễn Thị Mai duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy tụng.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Thọ Ký thứ 6, quyển 3, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân tụng.







Thứ Bảy 24, ĐH Huỳnh Lý & con trai Dương lên chùa làm công quả. Bà Đức chung bông & trái cây.

Chủ Nhật 25, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Dược Thảo Dụ thứ 7. ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Thiên Quyền thứ 2 (hết), ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Tịnh-Độ, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính chủ sám, ĐH Nguyên-An Lý Bình Hòa duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đóa duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga tự Hải-Tánh tụng.









Tháng 11, 2009

Chủ Nhật 1, 11 giờ sáng: khởi sự học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Ứng Thời thứ 3, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Sám-Hối Hồng Danh, ĐH Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên chủ sám, ĐH Nguyên-Hiền Phú Cúc duy na, ĐH Ngọc-Châu Nguyễn Thị Loan duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ trưa: Mông Sơn Thích Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy tụng.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Ngũ Bá Đề Tử Thọ Ký thứ 8, quyển 3, ĐH Nguyên-An Lý Bình Hòa tụng.

ĐH Trần Kim Chung & ĐH Huỳnh Lý cắt cỏ sân chùa.







Chủ Nhật 8, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Thụ Ký Học Và Vô Học thứ 9. ĐH Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Ứng Thời thứ 3 (hết), ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-Siêu, ĐH Nguyên-Hùng Nguyễn Anh Kiệt chủ sám, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân duy na, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân tụng Hải-Huê tụng.









Thứ Ba 10, thăm ĐH Nguyễn Thị Xuân và ĐH Huỳnh Lương Hiệu nằm bệnh viện Memorial Hospital.

Thứ Tư 11, ĐH Huỳnh Lý & Dương lên chùa quét dọn chánh điện chuẩn bị Bát Quan Trai. Bà Đức chưng bông và trái cây.



Chương trình Bát Quan Trai Giới từ 7 giờ chiều Thứ Sáu 13 tháng 11 năm 2009 đến 7 giờ chiều Thứ Bảy 14 tháng 11 năm 2009 tại chùa Hải-Đức dưới sự chứng minh của NS Thuần-Bạch & SC Viên-Bồn.

Thứ Sáu 13 tháng 11 năm 2009

7 pm: Truyền giới Bát Quan Trai.
7:50 pm: Nghỉ.
8 pm: Ni-sư Thuần-Bạch thuyết pháp: “*Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm Nghi Vấn*, đoạn Phước Đức và Công Đức”.
9:10 pm: Nghỉ.
9:30 pm: Công Phu Chiều, Kinh A Di Đà. Sư cô Viên-Bồn chủ lễ.
10:30 pm: Nghỉ.
11 pm: Chỉ tịnh.

10:10 am: Nghỉ. Lao tác. Nấu ăn.
11:30 am: Cúng Ngọ.
11:45 am: Quá đường.
12:10 pm: Kinh hành niệm Phật.
12:30 pm: Nghỉ.
2 pm: Thức chúng.
2:30 pm: Ni-sư Thuần-Bạch thuyết pháp: “*Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm Hành Do*, đoạn Không Nghi Thiện Không Nghi Ác”.
3:40 pm: Nghỉ.
4:30 pm: Tham vấn, Ni-sư Thuần-Bạch.
5:40 pm: Nghỉ.
6 pm: Mông Sơn Thí Thực.
7 pm: Xả giới.

Thứ Bảy 14 tháng 11 năm 2009

5:30 am: Thức chúng.
6 am: Công Phu Khuya.
7 am: Tảo thực. Nghỉ.
9 am: Ni-sư Thuần-Bạch thuyết pháp: “*Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm Hành Do*, đoạn Xưa Nay Không Một Vật”.







Bát Quan Trại Giới ngày 13 & 14 tháng 11 năm 2009 với Ni-sư Thuận-Bạch & Sư-cô Viên-Bổn tại Chùa Hải-Đức, Jacksonville, Florida







Chủ Nhật 15, Đại lễ Hạ-Nguyên, 11 giờ trưa: Ni-sư Thuần-Bạch & Sư-cô Viên-Bồn. đến từ Thiền-viện Diệu-Nhân, California, niêm hương. Thiếu nhi Phật-tử Hải-Đức dâng hoa. ĐH Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên & Diệu-Lành Phan Thị Dô khay đèn cung thỉnh. ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga ca. ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh MC. Ni-sư Thuần-Bạch thuyết pháp: “*Chữ Nhẫn Trong Đạo Phật*”.

12:30 giờ trưa: Sư-cô Viên-Bồn chủ lễ Cầu-An, ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga duy na, ĐH Vạn-Hòa Nguyễn Thị Mai duyệt chúng.

1 giờ trưa: thọ trai thân mật do quý bà trai soạn và Phật-tử cúng dường.

Sau buổi lễ, hai cô đã rời chùa đi Gainesville, FL để tiếp tục hoằng pháp.













Chủ Nhật 22, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Pháp Sư thứ 10. ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Tin Uất thứ 4, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-An, ĐH Nguyên-Hiên Phú Cúc chủ sám, ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga duy na, ĐH Ngọc-Châu Nguyễn Thị Loan duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh tự Hải-Pháp tụng.









Thứ Bảy 28, ĐH bà Đóa lên chùa làm vườn, ĐH Huỳnh Lý lên quét dọn chánh điện. Bà Đức chung bông và trái cây.

Chủ Nhật 29, 11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Cây Thuốc thứ 5, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Tịnh-Độ, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân chủ sám, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duy na, ĐH Nguyên-Cát Trần Boy duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy chủ sám.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Hiện Bửu Tháp thứ 11, quyển 7, ĐH Vạn-Hòa Nguyễn Thị Mai tụng.

ĐH Trần

Kim Chung,
Huỳnh Lý, Phạm
Dương & Đặng
Văn Xuân quét lá
sân chùa.







Tháng 12, 2009

Chủ Nhật 6, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Hiện Bửu Tháp thứ 11. ĐH Đồng-Thuận Huỳnh Lý tụng.

11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Thụ Ký Cho Thanh Văn thứ 6 & Vãng Cổ thứ 7, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-Siêu, ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga chủ sám, ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh duy na, ĐH Diệu-Thảo Bùi Thị Hiệp duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Đồng-Hiền Nguyễn Quyền Thọ tự Hải-Minh tụng.









Thứ Bảy 12, các ĐH Nguyễn Văn Quá, Phạm Duy Tân, Nguyễn Văn Chính lên chùa gắn hệ thống loa mới. Bà Đức chung bông và trái cây.

Chủ Nhật 13, 11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Vãng Cổ thứ 7 (tiếp), ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Sám-Hối Hồng-Danh, ĐH Nguyên-Đức Phạm Duy Tân chủ sám, ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoa duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Châu-Ngọc Lê Hoa Nhụy & Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên tụng.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa thứ 12, quyển 4, ĐH Chứng-Tường Nguyễn Thị Thái Bình tụng.







Chủ Nhật 20, 10 giờ sáng: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Trì thứ 13. ĐH Nguyên-Trường Nguyễn Văn Chính tụng.

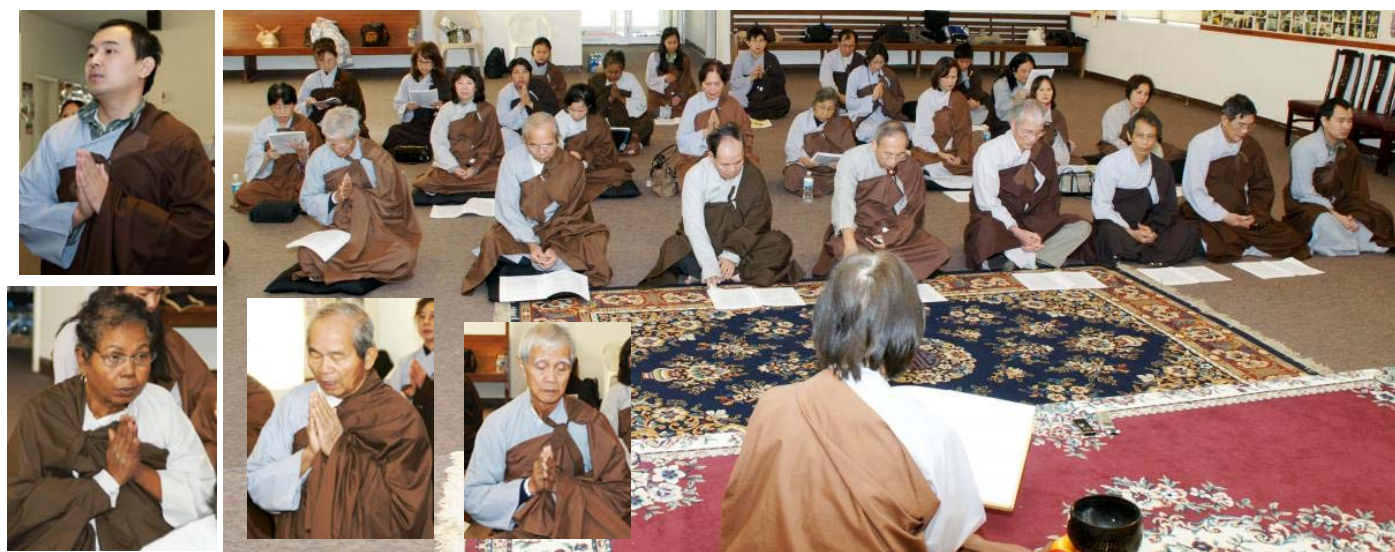
11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Vãng Cổ thứ 7 (hết) & Thụ Ký Cho Năm Trăm Đề Từ thứ 8, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Cầu-An, ĐH Vạn-Đạo Huỳnh Thị Ánh chủ sám, ĐH Nguyên-Hiền Phú Cúc duy na, ĐH Ngọc-Châu Nguyễn Thị Loan duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Giới Bồ Tát. ĐH Tâm-Minh Nguyễn Ánh Nga tụng Hải-Tánh tụng.









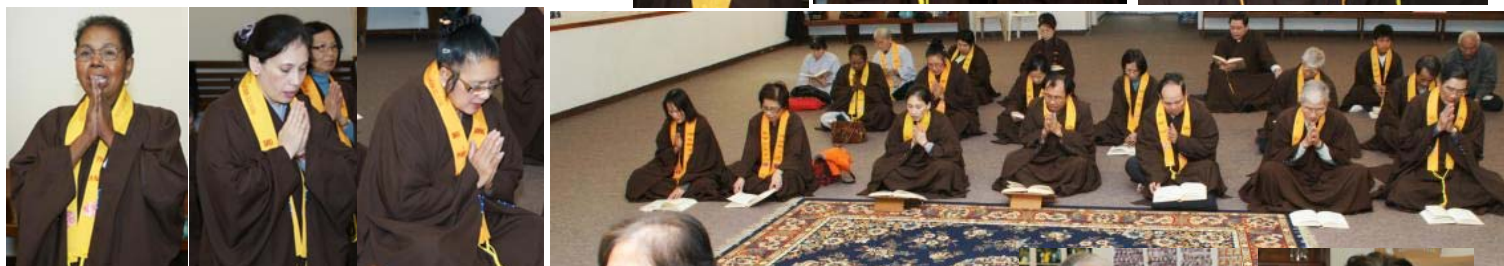
Chủ Nhật 27, 11 giờ sáng: học Kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Thụ Ký Cho A Nan Và La Vân thứ 10, ĐH Minh-Quang Nguyễn Lê Đức giảng.

12 giờ trưa: Nghi-thức Tịnh-Độ, ĐH Nguyễn-Hùng Nguyễn Anh Kiệt chủ sám, ĐH Nguyễn-Đức Phạm Duy Tân duy na, ĐH Vạn-Phước Nguyễn Đoa duyệt chúng. Thọ trai.

1 giờ trưa: Mông Sơn Thí Thực, ĐH Nguyễn-Hùng Nguyễn Anh Kiệt chủ sám.

1 giờ rưỡi trưa: Tụng Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm An Lạc Hạnh thứ 14, quyển 4, ĐH Liên-Hoa Nguyễn Thị Kim Liên tụng.





Thứ Ba 29, gia-đình các ĐH Nguyễn Đình Bường & Phạm Duy Tân lên quét dọn và sơn lại nhà bếp.





Thơ Châu Ngọc

Chùa Xa

*Có những ngôi chùa xưa rất xưa
Ở tận non cao tránh lọc lừa
Bụi đời không vương chân sơn tự
Mây trắng thong dong gió thoảng đưa*

*Buổi sáng nghe chuông rền vách đá
Bình minh ấm áp tiếng Lãng-Già
Buổi ngọ cơm rau chừng non dạ
Đến chiều chờ đợi tụng Di-Đà*

*Màn đêm tĩnh tọa tâm an trụ
Công hầu khanh tướng chẳng thiết tha
Vinh hoa, phú quý chừ buông xả
Vào núi tìm thiền Tổ Đạt-Ma*

*Chín năm diện bích Ngài an tọa
Công án chín mềm đã nở hoa
Ngộ ra Phật pháp không còn lạ
Ở khắp gần xa khắp mọi nhà!*

TẾT

*Tết về cuối nẻo đường hoa
Mang đầy an lạc đưa vào nhà xuân
Pháo vui rộn rã tung bừng
Thủy tiên mai cúc nở mừng đầu năm*

HY VỌNG

*Hôm nay xuân đến lửa trong gió
Mê mãi nô đùa với cỏ cây
Dem theo nắng nhớ vào trong đó
Dừng lại xuân nào đã nhạt phai*

*Quê hương thoi thóp chờ xuân lại
Tết đến bao giờ sao chẳng hay
Những giò lệ khổ còn tuôn mãi
Mộng ước một ngày sẽ đổi thay:*

*“Tình sông nghĩa biển kết lâu dài
Nắng mưa hợp khúc trái oằn sai
Phì nhiêu ruộng đất dài thêm mãi
Phố chợ phồn hoa vẫn sống hoài!”*

*Vàng đẹp cờ bay sẽ có ngày
Nắng xuân tự tại giữa trần ai
Tết về hứa hẹn còn đây mãi
Cầu mong đất nước hết nạn tai!*

*Tôi gửi về quê mấy món quà
Những dòng tha thiết kẻ đi xa
Bát ngát vườn tâm hương sắc tỏa
Tự do hạnh phúc bão giông qua*



PHẬT THÍCH CA

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca
Danh thơm ngát cõi Sa-bà
Giáo lý cao siêu truyền dạy
Thương yêu, hỉ-xả, vị tha

Vinh danh Đức Phật Thích Ca
Đức Phật lịch sử thăng tòa
Con đường chính chân mong đợi
Tìm về tánh giác trong ta

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca
Từ tâm đồng mãnh thiết tha
Hy sinh sống đời cao cả
Cung vàng con vợ mẹ cha

Dấn thân vào rừng xa lạ
Làm bạn muông thú lá hoa
Từ tâm Ngài đem chuyển hóa
Trần gian vui sống an hòa

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca
Lắng nghe hơi thở vào ra
Mỗi bước chân đi chánh niệm
Đưa mọi phiền não đi qua

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca
Âm thanh vang khắp mọi nhà
Nhắc con sống đời tịnh hạnh
Tìm lại Phật ở trong ta

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca
Phật đưa cảnh hoa trên tòa
Ca Diếp mỉm cười im lặng
Nguồn Thiền vi diệu nở hoa!

TẾT CANH DẦN

*Tuổi xuân nở rộ trên chùa
Từ hôm chim én về đưa tin mừng
Canh Dần Tết gọi tung bừng
Niềm vui theo pháo lầy lừng bay cao
Gặp nhau trong hội hoa đào
Dừng chân lãng tử bước vào cõi xuân
Tình yêu xin chớ dừng dừng
Mưa nguồn chớp bể xin dừng lại đây
Nặng oằn mái tóc bạc phai
Cũng xin điểm chút trang đài gấm bông
Tuổi thơ lạc bước bênh bồng
Lắng trong gạn đục vẫn lòng sắt son
Luân hồi hẹn biển thề non
Rằng xuân sum họp vẫn còn tương lai
Chờ thương cho thắm đào mai
Mùa xuân vẫn đợi đất này muôn năm!*

XUẤT HÀNH ĐẦU NĂM

Mừng một xuất hành lên chùa
Trên đường pháo đỏ gió lửa khắp nơi
Hoa xuân rạng rỡ đón mời
Đầu năm lễ Phật ta chờ nhau đi
Dưới chân sỏi đá ôm ghì
Tay trong tay ấm còn gì vui hơn?
Càng già càng thắm keo sơn
Bóng chiều bôi xóa oán hờn tiêu hao
Niềm vui cất tiếng thanh tao
Đón xuân Di Lạc đem vào ấm no
Ơn trên lộc Phật ban cho
Cấy lên đất tịnh thơm tho bốn mùa
Khen chê được mất hơn thua
Gởi theo tám gió lọc lừa thế gian
Tâm mình từ ấy rỗng rang
Trong lòng có Phật an Khang muôn đời!



Những Thử Thách của Tăng Già trong Thế Kỷ 21

Nguyên tác: **T.T.Bodhi**

Thử Thách Của Thời Đại

Chuyển ngữ: **HT.Thích Trí Chơn**

Giới thiệu tác giả: *T.T.Bodhi* thế danh là *Jefrey Block*, sinh năm 1944 tại thành phố New York trong một gia đình theo Do Thái Giáo. Thượng tọa tốt nghiệp Cử Nhân (B.A) Triết học tại Brooklyn College năm 1966 và Tiến Sĩ Triết (Ph.D) tại Claremont Graduate School năm 1972. Năm 1967: Quy y Tam Bảo, Năm 1972: T.Tọa sang Tích Lan (Sri Lanka) thọ Sa Di, và 1973 thọ Tỳ Kheo (Đại giới) với Hòa thượng Ananda Maitreya, một vị danh tăng học giả Tích Lan lúc bấy giờ. Năm 1977, T.Tọa trở về Hoa Kỳ, sống gần 2 năm tại Tu Viện Phật Giáo Tây Tạng Lamaist của ngài Geshe Wangyal và 3 năm tại ngôi chùa Phật giáo Nam Tông ở Hoa Thịnh Đốn (Washington D.C.). Năm 1982, thượng tọa trở qua Tích Lan, thay thế Hòa Thượng Nyanaponika Mahathera (người Đức) nhận làm chủ biên “Hội Ấn Hành Kinh Sách Phật Giáo” (Buddhist Publication Society) tại Kandy năm 1984 và Chủ Tịch của Hội này năm 1988. Tháng 5 năm 2000, thượng tọa được mời đọc bài thuyết trình chính trong đại lễ Phật Đản (Vesak) tổ chức tại trụ sở Liên Hiệp Quốc ở New York. Năm 2002, Thượng Tọa trở về Mỹ. Từ tháng 7 năm 2002, thượng tọa thường trú và dạy Phật Pháp tại Tu Viện Bồ Đề (Bodhi). Hiện nay, Thượng tọa là chủ tịch Hội Đồng Tăng Già (Sangha Council) của Tu Viện Bồ Đề. Thượng Tọa là dịch giả từ Pali sang Anh ngữ các bộ Kinh sau đây:

1. *Trung Bộ Kinh* (The Middle Length Discourses of The Buddha) - *Majjhima Nikaya*, năm 1995.

2. *Bản dịch mới của Tương Ưng Bộ Kinh* (A New Translation of The Samyutta Nikaya) năm 2000.

Tổng hợp tài liệu: “Wikipedia, the free Encyclopedia” và “The Buddhist Handbook” by John Snelling. (Ghi chú của người dịch)

Tăng già, một đoàn thể gồm các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, là hình ảnh đại diện cho đức Phật trên thế gian này trải qua hơn 25 thế kỷ, đã duy trì sự tiếp nối tồn tại của Phật Pháp trong nhân loại bằng sự truyền trao giới luật và hoàng pháp để bảo đảm sự kế thừa di sản cũng như hiện hữu của Đức Thế Tôn.

Tăng Già Của Đức Phật Sẽ Tiếp Tục Tồn Tại Trong Bao Lâu?

Tam Bảo ngày nay còn có mặt rõ ràng là nhờ vào sự hiện hữu của Chư Tăng, tượng trưng cho Ngôi Báu thứ Ba, là đoàn thể của các hiền nhân cao quý, đã nhận thức được chân lý tối thượng và siêu việt.

Tăng già đã tồn tại hơn 2.500 năm qua. Thời gian đó đã kéo dài hơn sự thống trị của đế quốc La Mã, tất cả những triều đại vua chúa Trung Hoa và đế quốc Anh. Tăng già đã được duy trì mà không cần có sự bảo vệ của sức mạnh vũ khí, quân đội hay ủng hộ của nguồn tài chính nào, mà chỉ tồn tại, nhờ vào sức mạnh của trí tuệ và giới luật.

Tuy nhiên, không có gì bảo đảm cho sự trường tồn của Tăng già, hay Tăng già sẽ tiếp tục có thể đóng góp đầy sinh động và hữu ích cho đời sống con người. Đây là trách nhiệm của chính các thành viên trong Tăng già và tùy thuộc vào mỗi thế hệ mới của chư Tăng Ni. Đó là một công tác hết sức quan trọng vì tương lai của Phật giáo tùy thuộc vào tương lai của Tăng già.

Như chúng ta đã biết, Tăng già tồn tại luôn luôn nhờ vào sự hỗ tương gắn bó với cộng đồng Phật tử tại gia. Sự liên hệ giữa hai đoàn thể này là mối liên hệ của tương quan và cộng tác.



Theo truyền thống Phật giáo, người Phật tử tại gia cúng dường tứ sự cho chư Tăng như y áo, thức ăn, chỗ ở, thuốc men và các vật dụng cần thiết khác trong khi chư Tăng hướng dẫn, dạy dỗ giáo lý cho hàng Phật tử và nêu gương mẫu đạo đức của những người trọn đời phụng sự cho Phật Pháp. Vì sự tiếp nối tồn tại của Tăng già, mối quan hệ này phải được duy trì dưới nhiều hình thức. Nhưng khi xã hội thay đổi, vai trò của hai giới xuất gia và tại gia trong sự tương quan trên dĩ nhiên cũng sẽ có những thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh mới.

Yếu tố căn bản nhất trong mối liên hệ giữa chư Tăng và Phật tử đang có sự chuyển biến, trước hết từ thay đổi trật tự xã hội truyền thống đến hiện đại và sang xã hội kỹ thuật công nghệ. Hiện nay, dấu hiệu đặc biệt của sự thay đổi ấy là từ sự chú tâm sản xuất công nghiệp đến việc thu thập và phổ biến thông tin. Sự chuyển đổi này đang xảy ra tại khắp các nước Tây Phương và hầu hết ở các tầng lớp xã hội tiến bộ trong mọi quốc gia trên thế giới.

Đôi khi, đặc biệt người ta bảo rằng Tăng già đang chuyển từ kỷ nguyên công nghiệp sang thời đại thông tin, từ nền văn minh sản xuất đến nền văn minh trí thức. Sự chuyển đổi sang xã hội “mạnh mẽ thông tin” sẽ làm thay đổi bản chất mối quan hệ gốc rễ giữa Tăng già và cư sĩ. Điều đó sẽ thách thức Tăng già phải đi tìm những giải pháp cụ thể để bảo vệ sự tồn tại của chánh pháp.

Tôi không phải là nhà tiên tri và cũng không thể dự đoán tương lai điều gì sẽ xảy ra, nhưng từ xu thế hiện tại, tôi sẽ cố gắng phát họa những thử thách quan trọng mà Tăng già phải đối đầu qua cách nhìn của riêng mình.

Vai Trò Của Giáo Dục

Trong thời đại thông tin, một tỷ lệ cao dân số tại các nước đòi hỏi trình độ học vấn đại học. Ngày nay dân chúng có khả năng về kiến thức và thông tin nhiều hơn ngày xưa. Sự hiểu biết của họ về những vấn đề thế tục và ngay cả Phật giáo cũng sâu sắc hơn các thế hệ trước.

Do đó, người cư sĩ tại gia mong chờ Phật Pháp cần được nâng cao đến trình độ như những điều họ đã học hỏi ở đại học và họ không đơn giản dễ

dàng chấp nhận lời dạy của chư Tăng Ni cũng như hoàn toàn tin tưởng không một chút nghi ngờ như ngày xưa trong xã hội Phật giáo truyền thống.

Họ được giáo dục trong môi trường của chất vấn và điều tra, cho nên họ sẽ dùng phương pháp đó để nghiên cứu Phật Pháp. Do vậy, chư Tăng Ni phải sẵn sàng để trả lời các câu hỏi. Họ không thể mong chờ sự ngưỡng mộ từ các Phật tử tại gia mà quý vị xuất gia cần tranh thủ sự kính trọng bằng cách giảng giải giáo lý một cách rõ ràng, thuyết phục và hấp dẫn.

Chính các Tăng Ni cần có một trình độ học vấn cao, trước tiên là thông hiểu Tam Tạng kinh điển, sau đó là những môn gián tiếp liên quan đến Phật Pháp như triết lý và tâm lý học hiện đại hay các lãnh vực kiến thức khác. Thực tế là làm thế nào vận dụng sự hiểu biết thế gian để giải thích Phật Pháp, đó là vấn đề rất khó khăn. Công việc này đòi hỏi sự đóng góp tiếp tay của những người có trách nhiệm đối với nền giáo dục Phật giáo.

Vai Trò Của Việc Xuất Bản

Việc xuất bản kinh sách đóng vai trò quan trọng nhằm tạo cơ hội nâng cao trình độ hiểu biết giáo lý cho hàng Phật tử tại gia. Vào khoảng thế kỷ thứ hai trước tây lịch, người ta đã chép tay kinh sách để truyền bá Phật giáo và bắt đầu giữa thế kỷ thứ 20, việc in ấn phát triển và được thương mại hóa, đã góp phần tích cực trong công tác xiển dương rộng rãi chánh pháp của đức Thế Tôn.

Hiện nay, có hàng ngàn tác phẩm Anh ngữ viết về đủ mọi lãnh vực của Phật giáo phổ thông cũng như bác học. Ngoài ra, các kinh sách Phật đã được





viết và dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau. Cho nên bất cứ một sinh viên học Phật nào siêng năng đều có thể thu thập qua sách báo một sự hiểu biết rộng rãi bao la về Phật Pháp.

Chiếc máy vi tính đã thực hiện một cuộc cách mạng trong việc nghiên cứu Phật học. Bất cứ sinh viên nào với một máy vi tính ghi chép có thể lưu giữ toàn cả một thư viện sách Phật bao gồm các bộ Đại Tạng Kinh trong ổ đĩa cứng của mình. Thông qua internet người ta cũng có thể tìm thấy được nguồn tài liệu đồ sộ về Phật giáo và tham dự các nhóm thảo luận về những chủ đề liên quan đến Phật Pháp.

Những cuốn sách viết về Phật giáo hiện nay không còn là đặc quyền sáng tác của chư Tăng. Muốn thấu triệt Kinh Tạng giáo lý Phật đà giờ đây người ta không nhất thiết phải tìm đến chùa hay tu viện để học hỏi như thời xưa trong xã hội Phật giáo truyền thống. Bởi lẽ ngày nay nhiều trường đại học có mở phân khoa Phật học dạy giáo lý cho các sinh viên và có rất nhiều học giả không phải tu sĩ uyên thâm Phật Pháp đang nghiên cứu các đề án chuyên môn về những lãnh vực Phật giáo.

Với chúng ta, câu hỏi đặt ra là chư Tăng phải làm gì để phục vụ chúng sanh. Tôi nghĩ rằng nhiệm vụ của Tăng già là không cần phải ganh đua với các học giả Phật tử trí thức. Chúng ta cố gắng nghiên cứu thấu đáo, thông suốt càng nhiều kinh điển Phật giáo càng tốt, và nếu cần chúng ta có thể học hỏi thêm kiến thức nơi các vị cư sĩ tại gia uyên bác.

Nhưng điều mà đời sống Tăng già tại các tu viện có thể đóng góp là tạo cơ hội ứng dụng đạo Phật vào thực hành, đó là môi trường để kết hợp việc nghiên cứu học tập kinh điển với công việc hành trì lời Phật dạy trong cuộc sống hằng ngày xây dựng trên niềm tin, lòng sùng đạo và tôn kính ngôi Tam Bảo.

Chúng ta cần phối hợp sự hiểu biết sâu xa giáo lý với hành động tu tập, kiến thức Phật học với đức tin và sự thực hành. Chúng ta không thể chỉ quan tâm đến việc nghiên cứu, thông suốt Phật Pháp mà không bao giờ thực hành, hay mù quáng tu tập mà thiếu sự hiểu biết giáo lý.

Vai Trò Của Sự Tu Tập

Giáo pháp của đức Phật chinh phục con người không phải chỉ vì quá thâm thâm vi diệu hay do bởi chứa đựng những lời khuyên răn đạo đức mà đặc biệt là vì nó đã trình bày cả một hệ thống giáo lý hướng dẫn con người tu tập có thể giải thoát luân hồi sinh tử. Sự khác biệt căn bản giữa Phật giáo và các tôn giáo khác, đó là Phật giáo đề cao vai trò của tâm trong vấn đề xây dựng hạnh phúc hoặc gây đau khổ cho con người cùng lúc trình bày một phương pháp tu hành để nhiếp phục, làm chủ cái tâm.

Cho nên, cánh cửa quan trọng hướng dẫn mọi người đến với ngôi nhà Phật Pháp, là tu tập thiền định. Đây là cửa ngõ đặc biệt dành cho những ai sống ngoài truyền thống Phật giáo, nhất là hạng người đang ở Tây Phương. Nhưng thiền cũng là cánh cửa của các Phật tử thuần túy muốn tiếp xúc tìm hiểu Phật giáo từ nền tảng kiến thức khoa học với tâm trạng tò mò và hoài nghi.

Tôi không nghĩ rằng Thiền là câu trả lời duy nhất và trong lãnh vực này, tôi phê bình các giáo sư Tây Phương thường muốn trích dẫn Thiền để nói về Phật giáo mà chối bỏ những học thuyết Phật giáo và niềm tin tôn giáo. Tôi cho rằng cần có sự cân bằng giữa ba lãnh vực: lòng sùng kính mộ đạo, nghiên cứu Phật Pháp, và tu tập thiền định.

Niềm tin mang lại công đức lành, nghiên cứu đưa đến sự hiểu biết chân chính, và thiền định giúp tâm con người sáng suốt và an lạc. Nhiều người hiện nay qua thiền định đã chú tâm tìm hiểu Phật giáo. Một khi có được sự an lạc nhờ thiền định họ sẽ quan tâm đến Phật Pháp và dần dần thấu hiểu được triết lý nhà Phật nhờ học tập kinh điển, phát khởi niềm tin, hâm mộ đạo, và cuối cùng là chọn đời sống xuất gia.

Nhiệm Vụ Của Tăng Già





Bổn phận của chư Tăng là tôn kính và bảo vệ truyền thống cao quý của Phật giáo, sống đời khắc khổ, xa lìa các thú vui trần tục. Bằng cách này, Tăng già luôn đề cao đời sống thanh tịnh, tôn trọng các giá trị Phật giáo truyền thống và chăm sóc, bảo vệ môi trường thiên nhiên.

Trong thế giới ngày nay những cuộc xung đột bằng bạo lực đang xảy ra giữa các sắc tộc và tôn giáo khác nhau. Họ luôn tìm cách giải quyết mọi sự tranh chấp bằng vũ lực. Nhưng đời sống Tăng già được xây dựng trên nền tảng bất bạo động với niềm tin rằng sự nhẫn nhục, đối thoại và thông cảm là điều cần bản thiết yếu giúp con người sống hòa hợp, thân hữu với nhau.

Do vậy, Tăng già cần cổ võ, khuyến khích mọi người trong xã hội nên tìm phương cách giải quyết các vấn đề mâu thuẫn xung đột qua sự hiểu biết với lòng bao dung, tha thứ và tình thương.

Để bảo vệ, duy trì giáo pháp thậm thâm vi diệu của Đức Phật trên thế gian, Tăng già có nhiệm vụ xây dựng một đời sống thanh tịnh cho thế giới. Nhờ đó, Tăng già mới có thể giúp cho con người nhận thức được trí tuệ tuyệt đỉnh và giải thoát siêu việt để xây dựng một đời sống hòa đồng không biên giới.

Tiếng Nói Của Lương Tâm

Đây là một trách nhiệm chính yếu khác mà chư Tăng phải đối đầu trong thế giới ngày nay. Những vấn đề khủng khiếp đang giày xéo đời sống của hàng triệu người và đe dọa gây tai hại cho vô số kẻ khác. Trong đó, vấn đề đáng quan tâm nhất là sự xung đột giữa các sắc tộc và những cuộc chiến tranh tàn phá hủy diệt gây nên cảnh chết chóc thảm khốc cho hàng ngàn người dân vô tội trong đó có nhiều phụ nữ và trẻ em.

Tôi nghĩ đến các chính quyền đang đàn áp, giam cầm, hành hạ và tra tấn những người dân lương thiện mà không có lý do cũng như ngày đêm theo dõi, đe dọa và khủng bố những kẻ tình nghi khiến họ thường xuyên sống trong nỗi sợ hãi âu lo.

Tôi nghĩ về khoảng cách giữa những người giàu và nghèo, giữa các quốc gia phát triển và kém mở mang. Tôi nghĩ đến những cơn bệnh đói khát của hàng triệu người nghèo khổ trên thế giới, một căn bệnh có thể dễ dàng giải quyết với một giá rất rẻ.

Tôi nghĩ về sự suy đồi đạo đức mà hàng triệu phụ nữ trên thế giới đang phải chịu nhục nhã làm nghề mãi dâm vì sự nghèo khó hay phải nuôi gia đình.

Tôi lại nghĩ về hàng trăm tỷ đô la đang tiêu lãng phí hàng năm khắp nơi trên thế giới, để sản xuất các loại vũ khí tàn phá trong khi một nửa dân số trên quả đất đang thiếu thốn mỗi ngày không có miếng ăn. Và cuối cùng tôi nghĩ về các hành động của những người vô trách nhiệm đang hủy diệt môi sinh như không khí, nước uống, đất đai, và thực phẩm. Họ không quan tâm gì đến các thế hệ tương lai. Theo ý tôi, nhiệm vụ của Tăng già cần thực hiện là nên đánh thức nhân loại bằng tiếng nói lương tâm của người Phật tử khắp nơi trên thế giới.

Như thế, các thành viên của Tăng già phải là những con người xuất sắc để có thể gánh vác công việc truyền bá những giá trị đạo đức Phật giáo hầu góp phần giải quyết những vấn đề trọng đại mà nhân loại ngày nay đang phải đương đầu.

Trích *Lanka Daily News* phát hành ngày 19-07-2006 tại Colombo, Sri Lanka (Tích Lan)





Số Táo Quân Hải-Đức



SỐ TÁO QUÂN 2010

Muôn tâu bệ hạ
Tháng chạp hai mươi ba
Thần Táo Flo-ri-da
Ở chùa Hải Đức
Năm Sửu cơ cực
Chuẩn bị gút-bai
Canh Dần tiếp ngay
Bận rộn dài dài
Thần đáp tàu bay
Về châu kéo trẻ

Phi trường khó dễ
Lộ dép khám quần
Khủng bố làm hung
Khổ dân khổ nước!

Thần xin kể trước

Chuyện chùa năm qua
Sinh hoạt đều hòa
Mỗi tuần đông đảo
Bồ tát tại gia
Tụng kinh Phạm Võng
Bồ tát xem trọng
Mỗi tháng hai lần
Chị em xa gần
Tập trung tụng giới
Hợp quần liên đới
Tu học đúng giờ
Chuông mõ hợp rơ
Thay phiên chủ lễ
Trang nghiêm bệ vệ
Kính kệ tuyệt vời
Huynh đệ khắp nơi
Tinh thần phấn khởi

Học hết Pháp Hoa
Bắt qua kinh mới
Kinh Chánh Pháp Hoa
Đến phẩm mười ba
Là “An Lạc Hạnh”
Ngài Trúc Pháp Hộ
Pháp sư mấy ai
Dịch kinh quá hay
Siêu suất đại tài
Lần đầu duyên may
Được học kinh này
Chưa thấy một ai
Giảng kinh này cả
Mình Quang khám phá
Nhiều điều mới lạ
Giải thích sâu xa
Giảng giải thiết tha
Tài ba hội trường
Phật tử tin tưởng
Nghiên cứu cao siêu
Phân tích đủ điều
Nhún nhường không kiêu
Nghe càng dễ chịu

Chính Nga hiền diệu
Bánh chè thật ngon

Dạy trẻ ít nhiều
Chữ Việt bấy nhiêu
Học hoài không hết
Đầu năm vui Tết
Bánh mứt huyền thiên
Hậu, Nga, Mai siêng
Bánh chưng, bánh tét
Loan, Huệ, Cúc, Tiết
Yến, Quà, Tiếng, Nga
Đức, Hiệp, Khâm, Hòa
Xôi, bánh, mứt, chè
Thừa, Phước, Ánh Đoà
Người nào cũng giỏi
Mỗi tuần hồ hởi
Bánh trái ê hề
Ngon hết chỗ chê
Bún, mì, phở, giá
Lê Lý bánh lá
Bột lọc Đỗ Phan
Hồng, Quy, Thảo, Yên
Bánh trái đủ miền
Ngon khéo chính chuyên
Tán dương thành quả!
Chan, Muôn, Sanh, Kiệt
Bảy, Chắt, Thoa, Hòa
Tiên, Út, Phiên, Xuân
Gạo dầu, đường, nếp
Bún, nắm, cải rau
Đóa, Cúc, Ánh, Loan
Cơm nước lo toan
Bếp núc chu toàn
Khắp nơi sạch sẽ
Tụng kinh chủ lễ
Cũng hết chỗ chê
Quít, bưởi, cam, lê
Bác Sang phụ vô
Sấm mua đủ lễ
Vì cháu dâu rể
Bác bạn lu bù
Nhà mới chưa move
Tạm thời vắng mặt

Mỗi năm thông lệ
Dọn dẹp sơn chùa



Chinh, Dung, Việt, Hiệp
Johnny, Cúc, Kiệt
Hậu, Chính, Tân, Hòa
Tommy, Quá, Đoa
Bảng tên ông nước
Đổ đất sau trước
Làm sạch sân chùa
Cất cỏ quét lùa
Kiệt, Trung, Dương, Lý
Bàn thờ lau kỹ
Đã có ông Từ
Lau tượng chùi lư
Hằng tuần sáng láng
Làm hoài không nản
Có bạn trai soạn
Cơm nước đủ đầy
Mỗi tuần ăn ngon
Mà không phải tốn
Đầu năm phát lộc
Hạnh Đức nhờ thầy
Thọ Bát đủ đầy
Tụng kinh thuyết giảng
“Mùa xuân miên viễn”
Xuất hành buổi sáng
Vui thật là vui
Mọi việc êm xuôi
Thời tiết tuyệt vời
Giao Thừa lăm pháo
Cám ơn Tam Bảo
Gởi các thầy về
Phật tử siêng ghê
Tu hành thêm tiến
Ba ngày Tết bận
Cũng cố về chùa
Tu học bốn mùa
Ngày càng tinh tấn

Kể thầy Minh Huân
Giác Phúc lại về
“Khuyến tu” hay ghê
Chùa đông vô kể
Xa xôi mặc kệ
Về giúp đạo tràng
Tu học đàng hoàng

Thiếu niên hợp đoàn
Dâng bông chư tăng
Hoa tươi thượng thặng

Tháng ba tươi thắm
Viên Bồn, Thuần Chánh
Tu viện Diệu Nhân
Về chùa chứng minh
Thọ bát giảng kinh
“Tạm hiểu chính mình”
An ổn tâm linh
Thiền tập phân minh
Giới luật nghiêm chỉnh
Nói gương chân chính
Tu học thắng tur
Mọi người mệt đừ
Phân công quét dọn
Sơn bảng, trồng hoa
Ánh, Đoa, Kiệt, Hậu
Tommy, Tân, Hiệp
Chính, Quá, Lý, Tiên
Ra sức liên miên
Giúp chùa sạch mới
Ngày vui cũng tới
Viên Giác phái đoàn
Từ Đức bay sang
Hải Đức tay mang
Hoa tươi sẵn sàng
Chuẩn bị khang trang
Mừng các thầy tới
Khóa tu phần khởi
Khai mạc đủ đầy
Giới thiệu các thầy
Viện Giác Hòa Thượng
Cũng là Phương Trượng
Ngài trưởng phái đoàn
Đã bốn xuân sang
Đều về Hải Đức
Ngài đã dịch thuật
Năm lăm tác phẩm
Siêng viết dẻo dai
Về chùa hôm nay
Khóa tu gieo duyên
Suốt mấy năm liền

Tùy thời phương tiện
Vào mùa Phật Đản
Đề tài thầy giảng
“Quán Vô Lượng Thọ”
Cuộc sống bất an
Nguyên nhân rõ ràng
Chuẩn bị sẵn sàng
Để vui mà sống

“Dược Sư kinh trọng”
Có thầy Đồng Văn
Bệnh hoạn hết lòng
Trì tụng lâu thông
Chủ trì cẩn trọng
Mọi việc hanh thông!

Tới thầy Giác Trí
Tư tưởng Pháp hoa
Nhập thế ta bà
Nhà lửa mau ra
Tri kiến Phật Đà
Phật tính không xa
Hóa thành tạm qua
Không là cứu cánh

Phiền não nên tránh
“Hạnh phúc tìm đâu”
Phải nhờ đạo mẫu
Dẫn giải thật sâu
“Nương Thuyền Tế Độ”
“Vượt khỏi trần ai”
Đề tài thật hay
Hạnh Đức trình bày
Ghi sâu ký ức

Tiếp thầy Hạnh Thức
Sám hối Phổ Hiền
Thân tâm an lạc
Giúp vui thầy hát
Bản “Hận Đồ Bàn”
“Cát bụi” “lang thang”
Viết báo luận bàn





Tường thuật rõ ràng
Chuyên thiền, chuyên đạo

Kể thầy Thánh Trí
Truyền Bát Quan Trai
Tám giới hôm nay
Cố tâm gìn giữ
“Công năng giới luật
Giáo pháp thâm thâm”
Phật tử lắng lòng
Nghe rồi ứng dụng
Giới cấm không đụng
Phát triển lòng thành
Sát sanh không đành
Nói năng chân thực

Tới thầy Giác Trực
Ở Texas qua
Cảnh giác chúng ta
“Vô thường sanh tử”
Đừng làm điều dữ
Sống nhớ làm lành
Cuộc đời mong manh
Trăm năm quá ngắn

Còn Thầy Hạnh Tuệ
“Phương tiện trong kinh”
“Nhất dạ Hiền Giả”
Cô động chứng minh
Thí dụ tận tình
Rất là dễ hiểu

Giảng kinh Trung Bộ
Minh Huệ ni sư
Tài nghệ có dư
Giọng ngâm trong trẻo
Làm gì cũng khéo
Phật tử noi theo
Thoát kiếp eo sèo
Không kể sang nghèo
Tu đều chứng đạo

Phải cày kiếm gạo
Bận rộn đủ bề
Khóa tu cũng về

Một tuần vui ghê
Nhất ngày măn khóa
Tắm Phật đông quá
Sắp hàng dài dài
Nước thơm tắm Ngải
“Anh linh nhi hạnh”
Cù Đàm giảng Sanh
Nhân loại an lành
Vui mừng Phật Đản

Dâng hoa tán thán
Đã có các em
Tâm thành dâng lên
Tổ lòng kính mến

Thời pháp lại đến
Hoà Thượng giảng kinh
Chế ngự chính mình
Bất an cuộc sống
Cha mẹ phải ráng
Giáo dục con mình
Gia đạo có bình
Nước không loạn lạc
Cầu an khỏi nạn
Rồi đến ngộ trai
Trở lại liền ngay
Cho phân thắc mắc
Câu hỏi được đặt
Thầy giải đáp liền
Văn nghệ giải phiền
Lại hay quá xá
Các cụ già cả
Cũng cố tham gia
Ngâm thơ hát ca
Cổ, tân đầy đủ
Càng thêm phong phú
Đóng góp các thầy
Tu vui thế này
Năm sau làm nữa!

Ghi tên chọn lựa
Bồ Tát tại gia
Thêm người tham gia
Không kể trẻ già
Mười lăm người nữa

Trước sau đếm đủ
Một trăm mười lăm
Mừng một ngày rằm
Ăn chay tụng giới
Cùng nhau liên đới
Giữ đạo nhiệm mầu
Dù có đi đâu
Bồ Đề cũng nhớ
Tâm luôn cởi mở
Hành đạo vì người
Luôn sẵn nụ cười
Không gì ngăn ngại

Quanh đi quẩn lại
Mười tám tháng năm
Khóa tu hằng năm
Phật đản ngày rằm
Có thêm thọ bát
Bà con chỗ khác
Chuẩn bị ngày về
Đặt vé, xe thuê
Tham gia kéo trẻ
Tiền bạc không kể
Ăn uống thả giàn
Sách băng được sang
Biểu cho đầy đủ
Chùa không triệu phú
Nghèo dốc chí tu
Hành đạo công phu
Xả hết oán thù
Dốc lòng cầu đạo

Anh chị Yên Chớ
Trồng cây hàng rào
Bao giờ cây cao
Cho nhiều bóng mát
Sân chùa sạch láng
Chung, Kiệt, Johnny
Lý, Tân, Tommy
Thay phiên cắt cỏ

Vu Lan lại có
Thầy Pháp Tịnh về
Thọ Bát đông ghê
Trai tăng đầy đủ





Giác Phúc, Giác Ngộ
Minh Huân Tampa
Vu Lan hợp hòa
Dâng y hoa quả
Thật vui quá xá!
Phật tử há dạ
Nghe pháp thật hay
Đồ chay ngon thay
Hoan nghênh Hải Đức!

Kể lo đám ma
Ngôn Khâm sui gia
Nguyễn Bé đi xa
Không cần quen lạ
Làm về ghé qua
Cùng thầy Pháp Tịnh
Tụng kinh đưa linh
Đông đảo thịnh tình
Chôn cất vừa xong
Vong về Hải Đức

Trung Thu vừa dứt
Kế đến Hạ Nguyên
Thỉnh ni sư Thiện
Viên Bồn, Thuần Bạch
Ba ngày giảng pháp
Thọ Bát Quan Trai
“Pháp Bảo Đàn kinh”
Ni sư giảng giải
Tu Thiền thoải mái
Thân không buộc ràng
Ý không lang thang
Tâm không dính mắc
Đơn giản ăn mặc
Tiền bạc lợi lạc
Chớ quá nặng lòng
Tụng kinh lâu thông
Sư cô Viên Bồn
Mặc dù bận rộn
Cô vẫn giúp chùa
Công phu sớm trưa
Bác Tư đón đưa
Thu xếp gọn vừa
Phật tử đại thừa

Hoan nghênh tán thán!

Cuối năm tin dữ
Động đất Haiti
Thủ đô nát lý
Hơn trăm ngàn mất
Mỹ luôn đứng nhất
Cứu trợ không ngừng
Nước gạo thuốc thang
Ra tay cứu giúp
Dân chúng suy sụp
Chết chóc thối đầy
Bệnh hoạn lan lây
Đói khát đỏ đầy
Trẻ con ốm gầy
Thương dân khổ nạn
Chùa cũng gửi sang
Của ít lòng vàng
Cầu họ an khang
Sau lần đại nạn
Tuy tiền bạc cạn
Thất nghiệp dài dài
Thấy người nạn tay
Nhịn ăn giúp đỡ

Gió mưa trắc trở
Nóng lạnh bất thường
Bảo tuyết không nung
Bệnh tật tai ương
Nhiều vô số kể

Ca-li mưa đổ
Lụt lội ngập đường
Đất chùi tang thương
Nhà xe cuốn mất
Thiệt hại tổn thất
Cũng tại con người
Ô nhiễm khắp nơi
Phá rừng, đào núi
Cuối cùng sẽ đối
Nước ngập đồng bằng
Lỡ bờ đất băng
Nước lũ cuốn phăng

Đất chìm xuống biển
Lòng dân xao xuyến
Tiền chẳng kiếm ra
Thất nghiệp tăng gia
Cửa nhà sứt giá
Làm nail ế quá
Xỉ nghiệp đời xa
Hỏi Obama
Ngài có tài ba
Sao lại xuất xoa
Lỗ lỗ mất nhà
Bán buôn lui sụt
Thuế tăng vùn vụt
Vật giá leo thang
Dân chúng oán than
Hứa nhiều càng nản!
Lòng dân ta thán
Hy vọng phép mầu
Thế giới bắt đầu
Qua cơn khủng hoảng
Cúm heo bệnh hoạn
Giết hại khá nhiều
Thuốc chích chậm lâu
Càng thêm thiệt hại
Hứa bừa hứa đại
Tiền quỹ tổn hao
Làm không được bao
Nô-beo thắng giải
Kéo quân thêm lại
A-ga-nich-tăn
Hòa bình lãng nhãng
Lãnh tiền vô lý!
Nói ra hết ý

Nhà cửa bỏ trống
Không có người mua
Xe cộ thất thua
Toyota thắng trừ
Tổn mất hai tỷ
Chuyện thật vô lý
Ở xứ cờ hoa
Luật sư quá đà
Bày trò thừa kiện
Hàng xường đẹp tiệm





Dân thiếu việc làm
Tiệm quán hoang tàn
Đua nhau đóng cửa
Nhà băng lần lữa
Bail out mất tiền
Bạc tỷ cho liên
Dân không đồng ý
Khắp nơi chuẩn bị
Phản đối dài dài
Health care sụp đài
Bày ra bộn bạc

Nghèo còn thêm mệt
Thiên tai khắp nơi
Mỹ giúp hụt hơi
Đổi đầu thế giới
Khủng bố nhào tới
Đánh Pakistan
Kế A-phú-Hân
Mỹ cổ ngăn cản
Giúp quân dài hạn
Tiền tồn triệu ngàn
Làm sau ngăn chặn
Vũ khí hạt nhân
Bọn người tham sân
Tấn công bất cần
Tiêu diệt địa cầu
Chỉ trong nháy mắt

Dân chúng thất mắc
Ở tại Việt Nam
Nghèo đói thở than
Gọi người cứu giúp
Quê người dành dùm
Bạc tỷ mỗi năm
Tiếp tế ân cần
Chẳng đến thân nhân
Lại vô túi vệm
Thiên tai bão lụt
Có hoài mỗi năm
Dân đói nhăn răng
Lấy tiền nhét túi
Xe nhà như núi
Hồng hách khinh người
Mặc dân tả tội

Vơ vét khắp nơi
Đem cho đồng chí
Cu-ba cộng phi
Giúp đô hàng tỉ
Thật là hết ý
Gạo thóc đem qua
Ấm lạnh Cu-ba
Thức ngủ một nhà
Toàn quân bịp bợm!
Bao nhiêu cũng tóm
Bán đất cho Tàu
Bản Dốc Nam Quan
Hoàng Sa, Trường Sa
Không còn của ta
Ra khơi đánh cá
Bắt giết đe dọa
Nhà nước lờ qua
Rước giặc vào nhà
Dân có kêu ca
Cho vô tù ở
Được đảng che chở
Đổ quân lính vào
Bauxite nhiễm ô
Trung Cộng tràn vô
Giao lưu văn hóa
Thậm vọng truyền bá
Đô hộ xứ nghèo
Chăm mút nghe theo
Lọt vào đại họa
Cộng còn ba đá
Đàn áp thẳng ga
Những ai kêu ca
Tự do dân chủ
Tăng Thống lãnh đủ
Giám lỏng như tù
Chười bới ba xu
Âm mưu chia chẻ
Lương tâm bán rẻ
Đâm thọc hai đầu
Nói xấu phao du
Bãi trò du thủ
Dã tâm loài thú
Đập phá Đức Bà
Công Giáo không tha
Truyền tin thóa mạ

Bán thân bắt tội
Cũng chẳng cho về
Cha Lý ủ ê
Tám mùa thu rụng
Bất công tổ tụng
Vi phạm Nhân quyền
Chùa chẳng được tu
Bịt mắt hỏa mù
Việc làm cầm thú!
Dân nghèo lam lũ
Cũng chẳng có ăn
Xuất khẩu lao công
Bán thân Đài Loan
Đại-hàn, Thế giới
Tương lai sắp tới
Đô hộ quân Tàu
Bọn cóm mau mau
Đưa con đi Mỹ
Tiền bạc gởi kỹ
Dầu để sau này
Có chuyện chẳng hay
Đồng đi ngoại quốc
Dân ngu thất học
Ô nhiễm môi trường
Cướp bóc bất lương
Giết chết quê hương
Ngàn năm văn hiến!
Trẻ mê bạch phiến
Du đảng đầy phường
Cán bộ du dương
Xài tiền như nước
Mua quan bán tước
Hồng hách kinh người
Hối lộ như rươi
Chẳng còn liêm sỉ
Bán dân làm đi
Cho người khinh khi
Móc túi thật chì
Lòng tham không đáy
Thương dân tê tái
Không có ngày mai
Sống kiếp trâu cày
Trời ơi ngó lại!

Cũng thời Châu Á





Tiến triển không ngừng
 Nhật Bản ở gần
 Phát minh thông thái
 Đứng đầu thế giới
 Nhiều sáng chế mới
 Giáo dục tuyệt vời
 Đạo đức trao dồi
 Bớt đi tù tội
 Hàn Quốc không tệ
 Cũng tiến rất nhanh
 Samsung hạng nhì
 Hitachi đứng như
 Kế đến là Đức
 Siemens vượt bậc
 Số bán thật nhiều
 Những nước thật siêu
 Nghĩ càng thêm tủi!
 Dân lành chấy túi
 Xì tốc tụt nhanh
 Tiền bạc để dành
 Trôi nhanh ra biển
 Nhà băng xiển niễn
 Sạt nghiệp hết tiền
 Tự tử phát điên
 Cuộc sống quá phiền
 Vì không nghe Phật
 Tham sân cướp dật
 Điên đảo gạt lường
 Sống thiếu luân thường
 Chờ ngày quả báo

Làm lão báo cáo
 Lợi dụng người hiền
 Nói xạo kiếm tiền
 Hại người thâm hiểm
 Thiên tai động biến
 Đất sụp liên miên
 Trái đất không yên
 Sống chết liên liền
 Chỉ trong hơi thở

Kỷ Sứ sắp qua
 Nhờ sống thật thà
 Yên ấm cửa nhà

Chùa hội tham gia
 Thầy cô ở xa
 Nghe qua đều thích
 Học nhiều nói ít
 Tu tập vững vàng
 Danh lợi không màng
 Người tu có khác
 Nhờ thọ Bồ-tát
 Chùa thật ấm êm
 Đoàn kết đắp nền
 Ngôi nhà Tam Bảo
 Giới tụng thông thạo
 Pháp Hoa khai đạo
 Gian khổ xông vào
 Hóa thành chẳng sao
 Vì người cứ độ
 Vững tâm kiên cố
 Đả đảo hoan hô
 Nói ra nói vô
 Không làm phần nộ
 Người tu Tịnh Độ
 Sớm được vãng sanh
 Kẻ không cầu danh
 Vinh hoa nên tránh
 Tu cho kiến tánh
 Thánh quả sẵn dành
 Ngày đi biệt rành
 Cõi tạm mong manh
 Sống cho lành mạnh

Thương ngài Tăng Thống
 Không vì sự sống
 Bán rẻ lương tâm
 Ngàn mũi dao đâm
 Vẫn không nao núng
 Tam Bảo linh ứng
 Phò hộ cho ngài
 Tuổi thọ thêm dài
 An vui tự tại
 Hung bạo không ngại
 Lèo lái miệt mài
 Chúc thầy dẻo dai
 Vững ngôi Tăng Thống
 Giáo hội nói rộng

Cứu giúp dân nghèo
 Nhiều thầy vâng theo
 Hoan nghênh ủng hộ!
 Đoàn kết nội bộ
 Đánh đổ âm mưu
 Chia rẽ giáo đoàn
 Để bề thao túng!

Chúc chùa Hải Đức
 Năm nay tổ chức
 Khóa tu thành công
 Người về thật đông
 Thời tiết thuận lòng
 Cùng mừng Khánh-Đàn
 Quanh năm mỹ mãn
 Phật sự thuận duyên
 Phật tử không tiền
 Về tu không ngại
 Cơm chay càng khoái
 Nhờ có tấm lòng
 Đãi nhau thật tâm
 Quý người tâm đạo!

Thành viên Tôn Giáo
 Đại Đức Chư Tôn
 Sức khỏe trường tồn
 Tu tập luyện ôn
 Chóng thành đạo quả

Quý thầy quý cô
 Lớn nhỏ cùng vô
 Mùa tu an lạc
 Thân tâm kiên cố
 Sức khỏe dồi dào
 Đạo hạnh càng cao
 Hết lòng vì đạo!

Chúc ông Hội-trưởng
 Sức khỏe miên trường
 Đạo hạnh an khương
 Kinh thảo ngàn chương
 Làm báo dẫn đường
 Trang web viếng thường
 Luôn đi đúng hướng





Tâm linh tăng trưởng
Sướng vui cùng hưởng
Sách báo CD
Phổ biến cúng dường
Đạo Phật muôn phương
Luôn luôn thịnh vượng
Tu là hướng thượng
Phật tử từ nay
Chí học thật tài
Mê tín bỏ ngoài
Sức khỏe dẻo dai
Luôn gặp duyên may
Thọ Bát dài dài
Pháp Hoa tụng hoài
Không gì trở ngại

Canh Dần trở lại
Thời tiết thuận hoà
Job có thêm ra
Công quả tăng gia
Sống đời buông xả
Tu có kết quả
Hạnh phúc nhà nhà
Đạo mẫu nở hoa
Thế giới an hòa
Hết còn tai họa

Tại gia xuất gia
Cùng tu phá ngã
Không gì của ta
Mọi sự đều qua
Thỏa lòng mát dạ

Giáo phẩm Tăng Ni
Bất khả phân ly

Đạo hạnh thực thi
Bất khả tư nghi
Làm Phật sự gì
Cũng mau thành tựu
Phật giáo Thống Nhất
Từ nay vượt bực
Tăng trưởng nhân tài
Qua hết nạn tai
Không gì trở ngại
Luôn luôn sống mãi
Chánh pháp thực thi
Tăng hết chia ly
Cùng chung một mối

Đạo tâm bất thoái
Cầu nguyện chúng sinh
Tất cả vong linh
Không người nhang khói
Cửu huyền thất tổ
Những người quá cố
Chiến sĩ trận vong
Tị nạn biển Đông
Chết chợ chết đồng
Cầu siêu Tịnh Độ

Phật tử kiên cố
Gia tâm ủng hộ
Phật giáo vững vàng
Tu tập đàng hoàng
Canh Dần khang trang
Vượt qua khổ nạn
Bớt đi bệnh hoạn
Tam Bảo an hòa
Quy chánh bỏ tà
An ổn cửa nhà

Hải Đức tham gia
Phật sự thăng hoa
Khỏi đời xa đọa

Tu có kết quả
Phiền não cho qua
Tại gia xuất gia
Phật ngữ tâm ta
Sống đời thực thà
Yên vui ổn thoả

Muôn tâu Bệ Hạ
Thành thật kể qua
Tình hình nhà ta
Hộ Pháp tăng gia
Giúp chùa yên ổn
Xin cáo về sớm
Chuẩn bị đón Xuân
Đầu năm còn mừng
Chúa sơn lâm ngự
Thần chào Thiên tuế
Cùng với Chánh Thê
Vui vẻ mọi bề
An khang long thể
Thần đi kéo trẻ
Phật sự lê thê
Thần sẽ trở về
Thăm Ngai năm tới
Thần về hạ giới
Gút-bai Ngọc Hoàng
Xin chào tạm biệt!



Đọc Kinh, Truyện, Sách Phật
& Tin Tức Phật-giáo tại:
www.chuahaiduc.org





PHÁP MÔN LẠY PHẬT

Thích Trí Hoàng

Trong truyền thống tu tập Việt Nam, pháp môn Lạy Phật là một pháp môn rất phổ biến được thực tập trong hàng xuất gia cũng như tại gia. Trong các chùa cứ vào những ngày mười bốn và ba mươi âm lịch đều có các buổi lạy Hồng Danh Sám Hối. Bây giờ tại hải ngoại chúng ta cũng vẫn tiếp tục tu tập theo truyền thống đó. Như thế đủ chứng minh tính mẫu nhiệm của pháp môn này. Tuy nhiên, lâu nay chúng ta thực tập thấy có an lạc và lợi ích thiết thực cho thân và tâm, nhưng không hiểu rõ nguyên nhân tại sao. Trong bài này chúng ta sẽ cố gắng tìm hiểu những lý do nào khiến pháp môn này mang đến cho chúng ta những lợi lạc mẫu nhiệm đó.

Sau thời gian dài sống tại Bắc Âu cũng như Đông Bắc Hoa Kỳ là những vùng rất lạnh của thế giới, chúng tôi nghiệm ra tại đây có rất nhiều người mắc phải những chứng bệnh thuộc về phong thấp như đau nhức khớp xương. Nhất là những người lớn tuổi đến từ các nước thuộc khu vực nhiệt đới. Bác sĩ khuyên mọi người nên tập thể dục. Ai cũng thấy lời khuyên đó đúng. Vì sang đây chúng ta ít khi có cơ hội để vận động thân thể cho máu huyết lưu thông. Chúng ta ngồi quá nhiều, vừa bước ra khỏi nhà đã leo lên xe, đến sở làm phải ngồi suốt buổi. Ngày này sang ngày nọ cứ như thế. Thêm vào đó, qua sự ăn uống cơ thể chúng ta tiêu thụ quá nhiều độc tố. Từ đó đủ các chứng bệnh về tim cũng như ung thư phát sinh. Tuy thế việc tập thể dục vẫn là vấn đề nan giải. Với những người trẻ tuổi ít gặp khó khăn hơn. Còn đối với những người lớn tuổi, đây quả thật là một khó khăn lớn. Vì văn hoá khác biệt, các cụ ta thấy ngại ngùng trong việc đi bơi lội, đi đến nhà tập thể dục để luyện tập thân thể. Đó là chưa kể vấn đề di chuyển cũng như ngôn ngữ, vì phần lớn các cụ không biết lái xe và tiếng tăm không thông. Còn việc đi bộ cũng không dễ dàng thực hiện được, vì vào mùa ẩm còn đi lại chút đỉnh, chứ những ngày lạnh chẳng dám hé cửa, đừng nói chuyện ra ngoài đường. Nếu đi không khéo, trượt tuyết té thì khổ thân. Nói tóm lại là đành chịu chết. Các vị than phiền và không biết phải giải quyết vấn đề như thế nào. Chúng tôi chỉ khuyên các cụ hãy cố gắng thực tập pháp môn Lạy Phật mỗi ngày, sáng cũng như tối.

Các cụ theo đó thực tập. Vài tuần lễ sau đã có người đến chùa cảm ơn, nhờ thực tập pháp môn Lạy Phật

đã khỏi bệnh. Có vị cho chúng tôi hay sau mấy tuần lạy Phật, bây giờ đã hết luôn chứng đau lưng. Chứng bệnh mà vị đó đã bị từ nhiều năm nay, uống thuốc gì cũng không khỏi. Các vị khác cho hay bây giờ ngủ ngon giấc không mộng mị, các chứng tê nhức cũng đã hết. Còn những người trung niên cũng cho biết họ đã bán các dụng cụ tập thể dục, vì cứ mỗi sáng sau khi lạy hai mươi phút mồ hôi toát ra như tắm, như thế thì hơn thể dục nhiều.

Trong Các Truyền Thống Phật Giáo

Pháp môn Lạy Phật không phải chỉ có các Phật tử thuộc truyền thống Tịnh Độ thực hành, nhưng phương pháp này cũng được các truyền thống khác tu tập.

Với Phật Giáo Tây Tạng vấn đề lạy Phật là một phương pháp tu căn bản. Trong truyền thống này, khi bắt đầu những kỳ nhập thất dài hạn, thông thường kéo dài ba năm ba tháng ba ngày, các vị Lạt-ma lạy một trăm ngàn lạy. Mỗi ngày từ sáng đến tối chỉ thực hành lạy Phật. Trung bình mỗi ngày lạy được ba ngàn lạy, và cứ lạy liên tục như thế trong ba tháng mười ngày thì đủ một trăm ngàn.

Có người thắc mắc không hiểu lạy như thế có lợi ích gì? Vấn đề này chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ trong phần sau. Đại khái chúng ta có thể hiểu đây là giai đoạn chuẩn bị cho thời gian "hạ thủ công phu" để nỗ lực tinh tấn trên con đường khai triển tuệ giác. Sự chuẩn bị này được chú trọng trên cả hai phương diện thân và tâm.

Sau giai đoạn lễ lạy đó, tâm hồn hành giả thư thái, thân thể tráng kiện. Khi đó vị hành giả cảm thấy như mình được tái sinh từ thể xác đến tinh thần. Cần hội đủ những điều kiện cần thiết đó thì công cuộc khổ tu của những tháng năm đến mới thành tựu viên mãn. Chúng ta cũng nên biết rằng, Tây Tạng là một nước ở trên núi Hy Mã Lạp Sơn, một dãy núi cao nhất thế giới, tuyết phủ quanh năm. Trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt như thế, nếu không có một thân thể cường tráng một ý chí mãnh liệt thì khó có thể tiếp tục công việc tu tập.

Do đó sự hành trì lễ lạy là một phương pháp tốt để đạt những mục tiêu ban đầu. ngoài ra các Phật tử Tây Tạng cũng thực hành phương pháp "nhất bộ nhất bái" (nghĩa là: đi một bước lạy một lạy) trong các cuộc hành hương



chiêm bái các thánh tích như: Cung Potala nơi Đức Đạt Lai Lạt Ma ngự, các tu viện nổi tiếng nơi có bảo tháp các vị tổ sư...

Quang cảnh rất cảm động chung quanh Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật Thành Đạo, là hàng trăm vị Lạt-ma cùng các Phật tử Âu Mỹ thực hành pháp môn lễ lạy. Họ cứ lạy từ sáng đến chiều và từ ngày này sang ngày nọ. Cách lạy của người Tây Tạng cũng khác hơn chúng ta là họ lạy nằm dài hết cả người xuống đất. Tầm ván dùng để lạy trở nên bóng loáng và chỗ hai bàn tay chống xuống để đẩy dài người ra bị lõm sâu xuống. Điều đó chứng tỏ họ đã lạy không biết bao nhiêu ngàn vạn lạy rồi.

Qua những khảo sát đó, chúng ta hiểu được: Tại sao dân Tây Tạng có thể sống khỏe mạnh trên đỉnh núi tuyết, nơi lạnh lẽo và thiếu dưỡng khí? Làm thế nào để có được tín tâm vững chãi nơi Tam Bảo? Làm sao để thành đạt kết quả tu tập? Những thành tựu đó có thể nói phần lớn nhờ bởi công phu lễ bái. Chính việc Lạy Phật đã giúp cho dân Tây Tạng sống khỏe mạnh từ thể chất đến tinh thần, có tín tâm kiên cố nơi Tam Bảo, và thành tựu sự nghiệp tu chứng. Ngày nay dân tộc nhỏ bé yếu kém đó đã mang Phật Pháp truyền bá khắp nơi.

Tại Trung Quốc, các Tông Phái Phật Giáo từ Tịnh Độ, Thiền, Thiên Thai, đến Luật Tông, Mật Tông v.v.. đều chú trọng vào việc Lạy Phật như một hành trì căn bản. Trung Quốc có những cuốn kinh dành riêng cho việc lễ lạy như:

Kinh Hồng Danh: 108 lạy, kinh sám hối căn bản.

Kinh Ngũ Bách Danh: 500 lạy, gồm tên của 500 vị Phật hay 500 danh hiệu của một vị Phật hay Bồ Tát.

Kinh Thiên Phật: 1.000 lạy, danh hiệu của một ngàn vị Phật.

Kinh Ngũ Thiên Phật: 5.000 lạy, danh hiệu của năm ngàn vị Phật.

Kinh Vạn Phật: 10.000 lạy, danh hiệu của mười ngàn vị Phật.

Thủy Sám: sách sám hối, vừa tụng vừa lạy, do ngài Ngộ Đạt soạn.

Lương Hoàng Sám: bộ sách sám hối, do hoàng thượng Chí Công đời vua Lương Võ Đế soạn để sám hối cho hoàng hậu Hy Thị.

Qua các kinh đó chúng ta thấy Phật Giáo Trung Quốc đã hành trì pháp môn Lạy Phật nghiêm túc như thế nào.

Ngày xưa các chùa đều được xây dựng nơi núi cao rừng sâu, tránh cảnh thị thành náo nhiệt để các hành giả chuyên chú quán chiếu nội tâm. Các ngôi chùa như Thiếu Lâm Tự được xây dựng trên núi Thiếu Thất. Để có đủ sức khoẻ chống lại sơn lâm chướng khí thú dữ, các thiền sinh phải luyện tập võ thuật và khí công kèm với sự tu tập phát huy tuệ giác. Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma là người đã khai sáng Thiền Tông tại Trung Quốc, cũng là tổ sư sáng lập võ thuật tại đây. Các tổ sư đã ý thức rõ ràng sự quan hệ giữa thân và tâm. Sự thành tựu tuệ giác phải song hành với sự tráng kiện của thân thể. Khí công và nội lực là những yếu tố quan trọng trong việc phát triển tâm linh. Không thể nào có được ý chí dũng mãnh trong một thân thể bệnh hoạn. Từ đó các tổ đã kết hợp hai truyền thống tu luyện của Ấn Độ và Trung Quốc, truyền thống yoga cũng như các phương pháp luyện công luyện khí của võ thuật được kết hợp nhuần nhuyễn để chế tác pháp môn Lạy Phật. Như thế chúng ta thấy Lạy Phật là kết quả tiêu biểu cho những kinh nghiệm tu tập thoát thai từ sự dung hợp sâu sắc tinh hoa của các nền đạo học Đông phương. Một vị thánh tăng trong thời đại chúng ta là ngài Hư Vân (1840 -1959), ngài đã hành trì "tam bộ nhất bái" (ba bước một lạy) từ Phổ Đà Sơn về Ngũ Đài Sơn, khoảng đường dài bằng từ New York về Seattle. Trong cuốn Tự Truyện ngài đã kể lại những kinh nghiệm tu chứng của ngài trong thời gian lễ bái đó. Ngài có được những khả năng phi thường như nhìn xuyên qua vách, nghe được tiếng từ xa, biết việc vị lai ... Lúc bị chính quyền cộng sản tra khảo đã man, người cai ngục tưởng ngài chết rồi. Nhưng sáng hôm sau thấy ngài ngồi dậy như trước đó chẳng có chuyện gì xảy ra. Ngài thọ 120 tuổi.

Ngày nay tại Tổ Đình Văn Môn tại Quảng Đông Trung Quốc, mỗi sáng chư tăng sau thời công phu bắt đầu lạy ba trăm lạy.

Phật Giáo Việt Nam cũng như Nhật Bản và Đại Hàn chịu ảnh hưởng sâu đậm Phật Giáo Trung Quốc. Do đó trong phương pháp hành trì rất chú trọng về lễ lạy. Phật tử Việt Nam đến ngày nay vẫn duy trì mạnh mẽ phương pháp tu tập đó. Vào những ngày mười bốn và ba mươi âm lịch, chúng ta có những thời Hồng Danh Sám Hối. Chúng ta cũng lạy Ngũ Bách Danh, Thiên Phật, Vạn Phật... Ngoài ra, có người cũng phát nguyện lạy từng chữ trong các bộ kinh lớn như Pháp Hoa, Bát Nhã, Niết Bàn, Hoa Nghiêm...

Trước năm 1975, lúc chúng tôi tu tập tại Chùa Già Lam, Gia Định, mỗi sáng sau thời công phu, hòa thượng Trí Thủ xướng hồng danh chư Phật chư Tổ để mọi người lễ lạy. Giọng ôn sang





sáng vang dội khắp chùa. Thịnh thoảng ôn nhập thất. Trong suốt thời gian đó ôn tri niệm và lễ bái hồng danh Đức Phật A Di Đà. Những năm cuối đời ôn vẫn kiên trì tu tập pháp môn đó. Qua cuộn băng cassette thu tại Chùa Già Lam vào khoảng năm 1982, chúng tôi vẫn còn nghe giọng xướng trầm hùng của ôn và Đại Chúng.

Tác phẩm nổi tiếng về sự hành trì pháp môn Lạy Phật này là cuốn Khóa Hư Lục của vua Trần Thái Tông soạn. Nhà vua soạn bộ sách sám hối này cũng trong tâm trạng thành khẩn như ngài Ngô Đạt sám hối nghiệp chướng nhiều đời, như vua Lương Võ Đế sám hối quả báo của hoàng hậu.

Như chúng ta biết vua Trần Thái Tông là vị vua đầu tiên của triều Trần. Dưới áp lực của thái sư Trần Thủ Độ, cũng là chú của vua, bắt vua phải làm những việc loạn luân, thất nhân tâm như ruồng bỏ vợ, lấy chị dâu đang mang thai, cùng chứng kiến những cảnh tàn sát tôn thất nhà Lý. Không chịu nổi những cảnh tàn ác đó, nhà vua bỏ kinh thành vào núi để xin xuất gia.

Phù Vân quốc sư đã khuyên nhà vua hãy trở về gánh lấy trọng trách để tìm cách chuyển đổi chính sách bạo tàn thành chính sách khoan hòa nhân đạo, cũng như theo đuổi con đường tu tại gia. Nhà vua đã trở về. Sách Khóa Hư Lục đã được soạn ra trong hoàn cảnh đó. Trong đó nhà vua đã soạn những bài văn thống thiết để ngày đêm sáu thời lễ bái sám hối cho nghiệp chướng tiêu trừ, cho quốc thái dân an. Với ảnh hưởng đạo đức của vua Thái Tông, triều Trần đã trở thành một triều đại quân chủ Phật Giáo hùng mạnh trong lịch sử với những chiến thắng Mông Cổ oanh liệt. Mông Cổ là đoàn quân bách chiến bách thắng, xây dựng một đế quốc trải dài từ Âu sang Á, chưa bao giờ bị thua trận.

Sự Lợi ích

Phương pháp Lạy Phật là kết tinh của những kinh nghiệm tu tập sâu sắc từ những truyền thống đạo học Đông phương. Do đó những lợi ích mang lại từ sự hành trì pháp môn này vô cùng lớn lao. Sự lợi ích đó đạt được cả trên hai phương diện thân xác cũng như tinh thần.

Về Thân: phương pháp Lạy Phật mang lại những hiệu quả sau:

1. Trước hết, động tác lạy Phật là một phương pháp thể dục tốt. Với những cử động nhẹ nhàng, nhưng tất cả các bắp thịt trên toàn thân đều được vận động tối đa. Khác với lúc tập thể dục, vì thông thường khi thể dục chúng ta không vận động tất cả các bắp thịt đồng đều cùng một lúc. Ví dụ: khi đi bộ, chúng ta vận động nhiều bắp thịt ở chân. Chỉ có bơi lội chúng ta mới cử động toàn thân. Trong lúc lạy Phật, tất cả các bắp thịt trên cơ thể đều hoạt động làm khí huyết toàn thân lưu chuyển giúp chúng ta chữa trị các chứng thấp khớp, cũng như phòng ngừa các chứng bệnh hiểm nghèo khác..

2. Các huyết đạo quan trọng trên cơ thể được tác động. Từ huyết mạch trên đỉnh đầu xuống đến huyết mạch dọc theo xương sống và các huyết ở tay chân. Chúng ta cảm thấy có một luồng khí nóng chạy đều khắp cơ thể và mồ hôi theo các lỗ chân lông tuôn ra. Theo y học Đông phương, một khi các huyết đạo trên cơ thể được tác động, khí huyết sẽ lưu chuyển và bệnh tật sẽ tiêu trừ.

3. Sau khi Lạy Phật xong, hãy ngồi xuống chừng mười lăm phút, chúng ta sẽ có cảm giác an lạc thư thái ngay vì các huyết đạo được tác động. Sự an lạc này rất sâu sắc, một kinh nghiệm rất đặc biệt mà chúng ta chỉ đạt được trong lúc thiền định. Sự an lạc này mang lại cho chúng ta niềm hoan lạc suốt ngày. Từ đó những phiền não, những ưu tư, những đau buồn... cũng nhanh chóng tan biến.

4. Các trọng huyết này tương ứng với các luân xa trong truyền thống yoga Ấn Độ. Các luân xa này nằm dọc theo xương sống từ đỉnh đầu xuống đến bàn tọa gồm bảy luân xa. Một khi được tác động, các luân xa này giúp chúng ta khai triển được những năng lực tiềm tàng trong mỗi người, tạo điều kiện thuận tiện cho việc phát triển tâm linh.

Về Tâm: phương pháp Lạy Phật là phương pháp điều tâm để thanh tịnh ba nghiệp: thân, khẩu và ý (tư tưởng, ngôn ngữ và hành động). Phương pháp này giúp ta:

1. Tiêu trừ nghiệp chướng: Trong sự sám hối, thành tâm đánh lễ mười phương chư Phật bằng cả thân tâm của mình. Quán chiếu sâu xa nguồn gốc tội lỗi, cùng bản tánh của tội lỗi. Quán tưởng hào quang chư Phật mười phương hiện hiện trước mắt, cũng như Phật tánh trong tự tâm tỏa rạng. Nhờ Phật lực hộ trì cùng nỗ lực tự tâm để thanh tịnh ba nghiệp. Với sự sám hối đó các ác nghiệp và chướng duyên đều được chuyển hóa.





2. Thiên căn tăng trưởng: trong khi lễ lạy, hồi hướng cho kẻ thân người thù đều được lợi lạc, đều được thành tựu sự nghiệp giác ngộ giải thoát. Như thế Bồ Đề Tâm (thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh) được nuôi dưỡng, lòng từ bi được phát triển. Sự lễ bái hàng ngày đem lại cho chúng ta nguồn an lạc vô biên. Sự an lạc này giúp cho phiền não tiêu tan, sự trầm tĩnh trở lại trong tâm hồn và lòng thương cũng phát sinh đối với người ghét.

3. Đức khiêm cung phát sinh: trong khi hạ mình xuống sát đất để lạy Phật, để thấy những thành đạt của mình chỉ là những giọt nước trong đại dương bao la. Bác Hoài phát biểu trong buổi thảo luận Phật Pháp, để chuyển hóa tâm kiêu mạn của mình, mỗi ngày bác Lạy Phật đề hồi hướng công đức về thiên, về địa, về sư trưởng, về ông bà cha mẹ... để cảm nhận trùng trùng ân nghĩa. Để thấy sự thành tựu của mình hôm nay là công ơn tác thành của nhiều người. Để từ đó tâm khiêm nhường phát sinh. Trong Kinh Đức Phật thường dạy, tâm khiêm nhường là cửa ngõ của trí tuệ và là con đường đưa đến giải thoát.

Sự Hành Trì

Trong truyền thống Việt Nam, chúng ta có lạy Hồng Danh, Ngũ Bách Danh, Thiên Phật, Vạn Phật ... Tùy theo hoàn cảnh và khả năng để áp dụng cách lễ lạy cho thích hợp. Điều quan trọng là sự hành trì đều đặn. Nếu chưa quen chúng ta có thể bắt đầu bằng ba mươi lạy, rồi sau đó tăng dần cho đến một trăm lễ tám lạy (để trừ một trăm lễ tám phiền não). Nếu có băng Hồng Danh thì mở băng và theo lời xướng danh hiệu Phật trong băng để lạy. Chúng ta có thể lạy mỗi ngày một hay hai lần.

Cách đơn giản nhất, chúng ta lạy theo hơi thở. Cứ hít vào chúng ta đứng lên và thở ra chúng ta lạy xuống. Cứ lạy chậm rãi. Mỗi lạy chúng ta niệm một danh hiệu Phật và đếm một, cứ như thế cho đến đủ số. Hoặc chúng ta có thể theo dõi đồng hồ và lạy đủ thời gian ấn định thì ngưng. Hoặc mười lăm phút, hai mươi phút hay nửa giờ. Đó là những phương cách đề nghị để chúng ta tùy nghi thực hành.

Sự lễ lạy có thể thực hiện bất kỳ chỗ nào. Miễn là chúng ta có được khoảng không gian bằng chừng chiếc chiếu là đủ để lạy rồi. Tốt nhất là trước bàn Phật, nếu không thì ở chỗ nào cũng được, miễn tâm thành là được.

Ngay cả trong phòng ngủ, mỗi sáng lúc thức dậy hay mỗi tối khi đi ngủ chúng ta có thể thực tập.

Khi lạy hai tay chắp ngang trán, đưa xuống ngực rồi lạy xuống sát đất. Điều này biểu tượng cho "thân tâm cung kính lễ" (đem thân đoạn nghiêm và tâm thành kính lễ lạy). Lúc lạy xuống hai tay, hai chân và trán phải chạm đất (ngũ thể đầu địa: năm phần của thân thể đều chạm đất). Chúng ta nên đứng thẳng người rồi lạy xuống, sau đó đứng thẳng lên. Như thế các bắp thịt khắp châu thân được vận động tốt hơn (trừ khi yếu chân, có thể quỳ lạy).

Trong khi lạy cố gắng kết hợp cả ba phương diện: thân đứng nghiêm chỉnh cử động nhịp nhàng hoà hợp, hơi thở đều đặn niệm danh hiệu Phật hay Bồ Tát, tâm quán tưởng đến Phật, Bồ Tát hay cảnh giới của chư Phật và Bồ Tát. Ví dụ: có thể quán tưởng đến Đức Phật A Di Đà đang ở trước mắt, hay cảnh Tịnh Độ chung quanh ta.

Kết Luận

Tóm lại, phương pháp lạy Phật là một phương pháp rất đơn giản, nhưng mang lại những lợi ích rất lớn. Ai tập cũng được, bất kỳ nơi đâu và không cần phải sắm dụng cụ gì cả. Đây là kết tinh của những kinh nghiệm tu luyện quý báu của chư tổ, đã kết hợp các phương pháp tu tập của Thiên gia và vũ thuật gia để chế tác thành. Sự thực hành pháp môn này mang lại lợi ích rõ rệt cho cả thân lẫn tâm. Thân thể cường tráng chữa trị và phòng ngừa các chứng bệnh hiểm nghèo như bệnh tim, áp huyết cao, ung thư... Tinh thần an lạc thư thái. Sống an vui hạnh phúc trong hiện tại. Tạo điều kiện thuận tiện khai triển khả năng tâm linh vô biên để tiến tới giải thoát hoàn toàn. Đây là một pháp môn mẫu nhiệm, những niềm hoan lạc sâu sắc chúng ta kinh nghiệm được trong lúc hành trì là những bước tiến vững chắc trên bước đường tu tập. Qua những thành tựu đó giúp chúng ta tăng trưởng tín tâm đối với những pháp môn chư tổ truyền lại.





La Hán Quả (Luo Han Guo) Vị Ngọt Cho Người Tiểu Đường

DS Trần Việt Hưng



Để thay thế cho đường mía (Cane sugar) không thích hợp cho người bị bệnh tiểu đường, một số chất tạo vị ngọt tổng hợp (như aspartame, saccharine, sucralose trong Splenda ..) hay trích từ cây cỏ (Stevia, Cam thảo..) đã được sử dụng và chất ngọt từ La hán quả có lẽ được ít người chú ý đến..

* Tên khoa học và các tên khác:

La hán quả là quả của cây *Siraitia grosvenorii*, tên thực vật cũ là *Momordica grosvenorii* hay *Thladiantha grosvenorii*, thuộc họ thực vật Bầu bí (Cucurbitaceae). Các tên khác: Arhat fruit; Monk's fruit, longevity fruit, magic fruit, momordica fruit (tên này dễ gây nhầm với mướp đắng). Tên La hán quả được giải thích là do những truyền thuyết từ Trung Hoa: từ thời Nhà Đường, Quê lâm là một

Trung tâm của Phật giáo, có rất nhiều ngôi chùa. Các tu sĩ Phật giáo được cho là đã dùng quả của cây làm thực phẩm thường ngày nên đã giúp cơ thể dẻo dai, chống bệnh và trường thọ cùng luyện tập võ nghệ để phòng thân. Tên La hán quả cũng còn liên hệ đến những môn võ nghệ nổi tiếng như 'Thập bát La hán quyền', 'Thập bát La hán trận' của Chùa Thiếu Lâm..

Theo kinh điển Phật giáo thì trong Pháp trụ ký (Fachu-chi), Đại sư Khánh Hữu (Nan Đề Mật Đà La) đã ghi chép danh tánh, nơi cư trú và sứ mệnh của 16 Vị La hán, các Vị này đã đạt được Tam minh, Lục thông và Bát giải, vâng theo giáo chỉ của Đức Phật, kéo dài thọ mạng, trụ tại thế gian để hộ trì chánh pháp. Thiền sư Quán Hữu (832-912) đã vẽ ra hình ảnh của 16 Vị này (các hình ảnh này ngày nay vẫn còn nơi vách của Thiên Phật động tại Đôn Hoàng (Cam túc, Trung Hoa). Từ con số 16 ban đầu, có thêm thay đổi để thành 18 vị. Sự thay đổi này được giải thích là có thể do nhầm lẫn khi dịch kinh, nên thêm Vị Khánh Hữu và lập lại Vị Tân Đầu Lô... Tại Tây Tạng, 2 vị được thêm vào là Đạt Ma Đa la và Bồ đại Hòa thượng. Thi hào Tô Đông Pha (1036-1101) đã làm 18 bài thơ, mỗi bài ca tụng 1 Vị và sau đó Họa sĩ Trương Huyền đã dựa vào các bài thơ này để tạc tượng 18 Vị La hán nhưng thay hai vị 17 và 18 bằng Tôn giả Ca Diếp và Quân Đề Bát Thán..

BS Nguyễn Lê Đức, một nhà nghiên cứu Phật học uyên thâm tại Jacksonville, Florida cho biết: Chùa Đông đại Tự (Todaji) ở Nhật là ngôi chùa hoàn toàn bằng gỗ lớn nhất thế giới hiện còn tượng gỗ của Ngài Tân Đầu Lô già (Pindolo) ở ngoài chùa mà khách thập phương đến lễ bái và tin rằng khi sờ vào chỗ nào trên thân thể Ngài thì bệnh đó trên mình sẽ hết (đau đầu sờ đó). Tân Đầu Lô là vị La hán duy nhất còn sống trên thế gian, vì Ngài bị Phật bắt ở lại để độ cho mọi người sau khi thi thố thần thông (làm phép) mà Đức Phật đã cấm.

Ngài Nagasena (Vị La hán số 12) được các Bác sĩ Tai-Mũi-Họng (ENT) Mỹ xem là Thánh Tổ.

Nhiều Phật tử còn đeo xâu chuỗi La hán 18 hạt, mỗi hạt khắc 1 vị La hán, tin rằng sẽ trừ được mọi tai nạn, bệnh tật...

Đặc tính thực vật:

Chi thực vật *Siraitia* còn có thêm 4 loài khác:





Siraitia siamensis phân bố tại Thái lan.

S. sikkimensis và *S. silomradjea* tại Ấn độ

S. taiwaniana tại Đài loan

Cây la hán thuộc loại dây leo, lưỡng niên, rụng lá có thể dài từ 3-5m, mọc phủ lên các cây khác bằng tua cuốn. Lá hẹp, hình trái tim, đầu nhọn dài 10- 20 cm rộng 3.5-12cm. Hoa mọc thành chùm 2-3 hoa, hay cô độc, cuống hoa 3- 5 cm . Cánh hoa mỏng, màu vàng nhạt Quả hình cầu, đường kính 5-7cm, màu xanh lục sẽ chuyển sang nâu khi khô, thịt mỏng, có vị ngọt và mùi thơm trong chứa nhiều hạt nhỏ, dài chừng 15- 18 mm , ngang 10-12mm.

Cây mọc hoang và được trồng tại vùng Tây-Nam Trung Hoa, phần lớn tại Quảng đông, Quảng tây, Quý châu, Hồ nam... đa số thành phẩm thương mại là từ vùng cao nguyên Quý lâm.

Các tài liệu ghi chép từ 1813 cho thấy cây đã được trồng tại Tỉnh Quảng tây. Hiện nay tại vùng cao nguyên Quý lâm có những đồn điền trồng la hán rộng trên 16 km vuông, cung cấp mỗi năm trên 10 ngàn quả. Thành phố Long giang (Longjiang) được xem là 'Nhà của quả la hán' và đa số các Hãng được phẩm sản xuất các thành phẩm từ la hán chọn thành phố này làm nơi đặt trụ sở

(Tại Việt Nam, có một loài tương cận: *Momordica tonkinensis* hay *Thladiantha tonkinensis* = Cây khổ áo mọc tại Bắc Việt, quả chưa được nghiên cứu nhiều)

Thành phần hóa học:

-Quả chứa :

Các đường hữu cơ như fructose, glucose..

Các terpene glycosides gọi chung là mogrosides trong đó một số chất đã xác định được công thức như Siomenoside I, Neo mogroside, Mogroside từ 1 đến 6 (Mogroside 5 chiếm từ 0.81 đến 1.29 %), Iso-mogroside-5, Oxo-mogroside- 5

Các 28-Norcucurbitacins như Siraitic acid A,B,C,D và E

Hợp chất protein Monogrosvin có hoạt tính gây ngưng hoạt động của các ribosome.(Life Science Số 68-2001)

Chất ngọt từ quả La hán: Mogrosides

Quả La hán được thu hoạch lúc còn xanh, và chuyển sang màu đen sau khi được phơi khô. Vị ngọt của quả là do một nhóm glycosides loại terpen, gọi chung là mogrosides, chiếm khoảng 1 % phần thịt của quả, tính theo trọng lượng. Cả quả khô lẫn quả tươi đều được dùng để chiết, và cho một chất bột có thể chứa ít nhất là 80 % mogrosides. Các mogrosides đã được phân biệt và định danh từ 1 đến 5, chất chính là mogroside-5 (trước đây được gọi là esgoside). Một số hợp chất tương tự trong quả La hán được gọi là siamenoside, neomogroside. .

Hỗn hợp mogrosides trong quả La hán cho vị ngọt cao hơn đường mía khoảng 300 lần (tính theo trọng

lượng), như thế bột chiết 80 % sẽ ngọt hơn đường mía gấp 250 lần. Trong khi đó mogrosides nguyên chất có thể ngọt gấp 400 lần đường mía. Iso-mogroside- 5 ngọt hơn đường khoảng 500 lần.

Năm 1995, Công ty Procter and Gamble đã cầu chứng một bằng sáng chế để chế tạo một chất ngọt từ quả La hán. Theo các mô tả trong Bằng sáng chế thì quả La hán, tự bản chất, tuy ngọt nhưng còn có kèm thêm khá nhiều vị khác nên không thể dùng trực tiếp làm chất tạo vị ngọt, và Công ty P&G đã phát minh ra một phương pháp chế biến để loại các vị không cần thiết. Mặt khác quả La hán rất ít khi được sử dụng dưới dạng quả tươi do các khó khăn trong việc tồn trữ, đồng thời vị của quả tươi cũng không hấp dẫn lắm, khi lên men còn tạo thêm các vị lạ và chất pectin trong quả lại chuyển sang dạng nhớt. Do đó quả thường phải phơi khô và đây là dạng được bán tại các tiệm thuốc bắc. Quả La hán được sấy khô trên chảo, giữ được quả lâu hơn và loại được một số hợp chất bốc hơi, nhưng lại tạo ra các vị đắng và chát. Các vị này giới hạn việc dùng quả trực tiếp và bột trích từ quả, nếu muốn dùng trong trà hay trong cháo thường phải kèm theo với đường mía hay mật ong. Trong phương thức chế biến của P&G, quả La hán được thu hái trước khi chín hẳn và được tồn trữ đến giai đoạn 'chín vừa đủ', sau đó loại bỏ hạt và vỏ, rồi nghiền nát để lấy nước cốt hay khối nhão và dùng các dung môi để loại các tạp chất và những mùi vị không cần đến...Hiện nay trên thị trường có bán một số sản phẩm tạo vị ngọt từ mogrosides..

Mogroside-5 tinh chế đã chính thức được phép dùng tại Nhật để làm chất tạo vị ngọt.

Các glycosides loại cucurbitane từ quả la hán đã được đánh giá về độ ngọt bằng cách dùng các thử nghiệm điện-tâm lý và phản ứng nhận định, thử trên bộ gerbil. Bộ được huấn luyện để biết tránh ăn chất ngọt từ đường mía và kết quả ghi nhận là Mogroside-5 có tác dụng kích thích các thụ thể vị giác gây các phản ứng thuận lợi của bộ, chấp nhận vị ngọt của mogrosides (Journal of Natural Products Số 53-1990)

Các hoạt tính dược lực của glycosides trong quả La hán:

Ngoài vai trò dùng làm chất tạo vị ngọt, các glycosides trích từ quả La hán còn có một số dược tính khác như :

Làm hạ đường trong máu: Thử nghiệm trên chuột, chất trích thô từ quả và các glycosides loại triterpene của quả có khả năng ức chế sự gia tăng độ glucose trong máu





sau khi ăn, tác dụng xảy ra rất nhanh: chỉ cần cho chuột dùng các chất này 3 phút trước khi cho chuột ăn maltose. Hiệu ứng được giải thích là do ức chế men maltase (Journal of Agricultural and Food Chemistry Số 53-2005). Trong một thử nghiệm khác, mogrosides được so sánh với một thuốc đặc chế XiaoKeWan= Tiêu khát hoàn, thường dùng để trị tiểu đường tại Trung hoa. Kết quả ghi nhận, mogrosides có khả năng giúp hạ tiểu đường, hạ lipid nơi chuột bị gây bệnh bằng alloxan (Nutrition Research Số 28-2008).

Hoạt tính chống oxy-hóa: Chất trích từ quả La hán và các glycosides như mogroside-4, mogroside-5, 11-oxo-mogroside-5, siamenoside. . . ức chế được các tiến trình gây oxy-hóa loại do đồng làm trong gian, loại oxy hóa lipo-protein có phân tử lượng thấp. . các phản ứng chống oxy-hóa này tùy thuộc lượng sử dụng. 11-oxo-mogroside được xem là có hoạt tính mạnh nhất. Cũng trong thử nghiệm 'in vivo' này, các khả năng thu nhặt các gốc tự do của trích tinh quả và mogrosides được ghi nhận là yếu hơn Vitamin E (International Journal of Food Science and Nutrition Số 58-2007)

Khả năng chống ung thư: Các thử nghiệm trên thú vật ghi nhận các glycosides loại cucurbitane trích từ quả La hán có thể có một số hoạt tính ngừa ung thư.

Dịch chiết bằng alcol từ quả có hoạt tính ức chế sự khởi hoạt của siêu vi Epstein-Barr, mạnh hơn hoạt tính của beta-carotene (Cancer Letter Số 198-2003). Khi cho chuột bị gây ung thư da, dùng mogroside-5 hay 11-oxo-mogroside- 5, trong 10-15 ngày liên tục, các tiến trình ung thư chậm lại, số bướu papilloma cũng giảm hạ (so với chuột đối chứng). Khi thử trên chuột bị gây ung thư bằng peroxynitrite, các đáp ứng cũng xảy ra tương tự (Pure Applied Chemistry Số 74-2002)

Hoạt tính chống dị ứng, kháng histamine: Khi cho chuột dùng chất trích từ quả liều duy nhất 300 mg/kg, chuột bị gây dị ứng không còn phản ứng ngứa gãi da, liều 1000mg/kg làm mất phản ứng gãi mũi. . Các liều dùng mỗi ngày 300 mg và 1000 mg lập lại sau 2 đến 4 tuần cho thấy các hiệu ứng chống histamin được tích lũy dần dần. (Biology and Pharmacy Bulletin Số 28-2005)

Các phương thức sử dụng và thành phẩm từ quả La hán:

Dược học cổ truyền Trung Hoa không ghi chép gì về vị thuốc la hán, có lẽ do ở sự kiện kém phổ biến của quả, chỉ tập trung tại vài địa phương giới hạn ở phía

Đông-Nam Trung Hoa. La hán quả chỉ trở thành phổ biến vào đầu thế kỷ 20.

Những tài liệu đầu tiên về La hán quả bằng Anh ngữ được công bố vào năm 1938, ghi nhận là quả La hán được dùng làm một thành phần trong các loại nước 'mát' giúp trị các triệu chứng 'nóng-nhiệt' trong người, và nấu hầm trong các món cháo với thịt heo nạc để trị các chứng nhiệt và ho. .

La hán quả được đưa vào Hoa Kỳ từ đầu thế kỷ 20. Bộ Canh nông Hoa Kỳ ghi nhận sự có mặt của quả La hán vào năm 1917 và các nghiên cứu về chất ngọt từ quả la hán chỉ được bắt đầu từ 1975 từ các bài viết của C.H Lee và của Tsunematsu Takemoto. .

Trong tập sách 'Fruits as Medicine', trang 104 các tác giả Dai Yin-fang và Liu cheng-jun đã ghi lại các phương thức sử dụng trong dân gian như sau:

Trị 'cảm nóng' và khát: lấy 1 quả la hán, bỏ đôi, quậy đều trong nước sôi. Uống thay trà.

Sung cổ họng cấp tính hay kinh niên, mất tiếng: lấy nửa quả và 3-5 hạt lười ươi (sterculia). Nấu vừa đủ với nước, và nuốt từ từ.

Ho kinh niên: Nấu chín quả với nước vừa đủ, uống mỗi ngày 2 lần.

Táo bón nơi người cao niên: Dùng 2 quả, lấy phần thịt và hạt, nấu chín từ từ và uống trước khi đi ngủ.

Tiểu đường và dùng thay cho đường: uống nước nấu quả hay thêm vào thức ăn khi cần đến đường.

Trên thị trường 'thuốc Bắc' có nhiều thành phẩm chế tạo từ quả La hán như:

Luo Han Guo Chong Ji, trích tinh từ quả, cô đặc thành khối, thường dùng làm thuốc ho, khan tiếng.

Lư hán quả dùng chung với Bạch quả trị ho.

Lư hán quả chung với Cúc hoa trị 'nóng nhiệt', nhức đầu. . .

Tài liệu sử dụng :

The Review of Natural Products 5th Ed (Facts & Comparisons)

Momordica grosvenori (Journal of the Arnold Arboretum)

Luo Han Guo (Subhuti Dharmananda)

Fruits as Medicine (Dai Yin-fang & Liu Cheng-jun)

Nguyệt san Liên Hoa Số 310 Tháng 10 năm 2003.





Life is beautiful and it is not measured by the number of breaths we take, but by the moments that take our breaths away....

Cuộc đời thật đẹp chẳng phải vì những hơi thở mình hít vào, mà vì những lúc khiến mình phải nín thở...

NHÂN NÀO QUẢ NẤY

Tôn Thất Bàng

WHAT GOES AROUND COMES AROUND

One day a man saw an old lady, stranded on the side of the road, but even in the dim light of day, he could see she needed help. So he pulled up in front of her Mercedes and got out. His Pontiac was still sputtering when he approached her. Even with the smile on his face, she was worried. No one had stopped to help for the last hour or so. Was he going to hurt her? He didn't look safe; he looked poor and hungry. He could see that she was frightened, standing out there in the cold. He knew how she felt. It was that chill which only fear can put in you.

He said, 'I'm here to help you, ma'am. Why don't you wait in the car where it's warm? By the way, my name is Bryan Anderson.'

Well, all she had was a flat tire, but for an old lady, that was bad enough. Bryan crawled under the car looking for a place to put the jack, skinning his knuckles a time or two. Soon he was able to change the tire. But he had to get dirty and his hands hurt. As he was tightening up the lug nuts, she rolled down the window and began to talk to him. She told him that she was from St. Louis and was only just passing through. She couldn't thank him enough for coming to her aid.

Bryan just smiled as he closed her trunk. The lady asked how much she owed him. Any amount would have been all right with her. She already imagined all the awful things that could have happened had he not stopped. Bryan never thought twice about being paid.

Một hôm một người đàn ông trông thấy một bà lão với chiếc xe bị 'pan' đậu bên đường. Tuy trời đã sẩm tối anh vẫn có thể thấy bà đang cần giúp đỡ. Vì thế anh lái xe tấp vào lề đậu phía trước chiếc xe Mercedes của bà rồi bước xuống xe. Chiếc xe Pontiac củ ki của anh vẫn nổ máy khi anh tiến đến trước mặt bà. Dù anh tươi cười nhưng bà lão vẫn tỏ vẻ lo ngại. Trước đó khoảng một tiếng đồng hồ không một ai dừng xe lại để giúp bà. Người đàn ông này liệu có thể hãm hại bà không? Trông ông không an toàn cho bà vì ông nhìn có vẻ nghèo và đói.

Người đàn ông đã có thể nhận ra nỗi sợ hãi của bà cụ đang đứng bên ngoài chiếc xe giữa trời lạnh. Anh biết cảm giác lo sợ của bà như thế nào rồi. Cái run đó, nỗi lo sợ trong lòng đó mới là lý do tự nó thành hình trong ta.

Anh nói: "Tôi đến đây là để giúp bà thôi. Bà nên vào trong xe ngồi chờ cho ấm áp? Luôn tiện, tôi tự giới thiệu tôi tên là Bryan Anderson."

Thật ra thì xe của bà chỉ có mỗi vấn đề là một bánh bị xẹp thôi nhưng đối với một bà già thì nó cũng đủ gây phiền não rồi. Bryan bò xuống phía dưới gầm xe tìm một chỗ để con đội vào và lại bị trầy da chỗ khớp xương bàn tay một hai lần gì đó.

Chẳng bao lâu anh đã thay được bánh xe. Nhưng anh bị dơ bẩn và hai bàn tay bị đau xót.

Trong khi anh đang siết chặt ốc bánh xe, bà cụ xuống cửa kiếng và bắt đầu nói chuyện với anh. Bà cho anh biết bà từ St. Louis đến và chỉ mới đi được một đoạn đường. Bà không thể cảm ơn đầy đủ về việc anh đến giúp đỡ cho bà. Bryan chỉ mỉm cười





This was not a job to him. This was helping someone in need, and God knows there were plenty, who had given him a hand in the past. He had lived his whole life that way, and it never occurred to him to act any other way.

He told her that if she really wanted to pay him back, the next time she saw someone who needed help, she could give that person the assistance they needed, and Bryan added, 'And think of me...'

He waited until she started her car and drove off. It had been a cold and depressing day, but he felt good as he headed for home, disappearing into the twilight.

A few miles down the road the lady saw a small cafe. She went in to grab a bite to eat, and take the chill off before she made the last leg of her trip home. It was a dingy looking restaurant. Outside were two old gas pumps. The whole scene was unfamiliar to her. The waitress came over and brought a clean towel to wipe her wet hair. She had a sweet smile, one that even being on her feet for the whole day couldn't erase. The lady noticed the waitress was nearly eight months pregnant, but she never let the strain and aches change her attitude. The old lady wondered how someone who had so little could be so giving to a stranger. Then she remembered Bryan.

After the lady finished her meal, she paid with a hundred dollar bill. The waitress quickly went to get change for her hundred dollar bill, but the old lady had slipped right out the door. She was gone by the time the waitress came back. The waitress wondered where the lady could be. Then she noticed something written on the napkin.

There were tears in her eyes when she read what the lady wrote: 'You don't owe me anything. I have been there too. Somebody once helped me out, the way I'm helping you. If you really want to pay me back, here is what you do: Do not let this chain of love end with you.'

Under the napkin were four more \$100 bills.

trong lúc anh đóng nắp thùng xe của bà lại. Bà cụ hỏi bà phải trả cho anh bao nhiêu tiền. Bryan chưa hề nghĩ đến hai lần là sẽ được trả tiền, đây không phải là nghề của anh. Anh chỉ là giúp người đang cần được giúp đỡ và Chúa, Phật biết đã có rất nhiều người trong quá khứ ra tay giúp anh. Anh đã sống cả đời mình như thế đó, và chưa bao giờ anh nghĩ sẽ làm chuyện ngược lại.

Anh nói với bà cụ nếu bà thật sự muốn trả ơn cho anh thì lần khác khi bà biết ai cần được giúp đỡ thì bà có thể cho người ấy sự giúp đỡ của bà, và Bryan nói thêm: "Và hãy nghĩ đến tôi..."

Anh chờ cho bà cụ nổ máy và lái xe đi thì anh mới bắt đầu đi về. Hôm ấy là một ngày âm ỉ và lạnh lẽo nhưng anh lại cảm thấy thoải mái khi lái xe về nhà và biến mất trong hoàng hôn.

Chạy được vài dặm trên con lộ bà cụ trông thấy một tiệm ăn nhỏ. Bà ghé lại để tìm cái gì để ăn và để đỡ lạnh phần nào trước khi bà đi đoạn đường chót để về nhà. Đó là một nhà hàng ăn trông có vẻ không được thanh lịch. Bên ngoài là hai bơm xăng cũ kỹ. Cảnh vật rất xa lạ với bà. Chị hầu bàn bước qua chỗ bà ngồi mang theo một khăn sạch để bà lau tóc ướt. Chị mỉm cười vui vẻ với bà dù phải đứng suốt ngày để tiếp khách. Bà cụ để ý thấy chị hầu bàn này đang mang thai khoảng tám tháng gì đó nhưng dưới cái nhìn của bà, bà thấy chị không bao giờ lộ sự căng thẳng hay đau nhức mà làm chị thay đổi thái độ.

Bà cụ thắc mắc không hiểu tại sao khi cho một người dù có ít lại cho một người lạ mặt rất nhiều. Rồi bà lại chợt nhớ đến anh chàng tên Bryan hồi nãy.

Sau khi bà ăn xong, bà trả bằng tờ giấy bạc một trăm đô-la. Chị hầu bàn mau mắn đi lấy tiền để thối lại tờ bạc một trăm của bà cụ nhưng bà cụ đã cố ý nhanh chân bước ra khỏi cửa rồi. Lúc chị hầu bàn quay trở lại thì bà cụ đã đi mất. Chị hầu bàn thắc mắc không biết bà cụ kia có thể đi đâu. Khi để ý trên bàn chị thấy có dòng chữ viết lên chiếc khăn giấy lau miệng. Nước mắt vòng quanh khi chị đọc dòng chữ mà bà cụ viết: "Cô sẽ không nợ tôi gì cả. Tôi cũng đã ở vào tình cảnh thiếu thốn giống như cô. Có ai đó đã một lần giúp tôi giống như bây giờ tôi đang giúp cô. Nếu cô thực sự nghĩ rằng muốn trả ơn lại cho tôi thì đây là





Well, there were tables to clear, sugar bowls to fill, and people to serve, but the waitress made it through another day. That night when she got home from work and climbed into bed, she was thinking about the money and what the lady had written. How could the lady have known how much she and her husband needed it? With the baby due next month, it was going to be hard....

She knew how worried her husband was, and as he lay sleeping next to her, she gave him a soft kiss and whispered soft and low, 'Everything' s going to be all right. I love you, Bryan Anderson.'

There is an old saying 'What goes around comes around.' Today I sent you this story and I'm asking you to pass it on. Let this light shine. Don't delete it, don't return it. Simply, pass this on to a friend. Good friends are like stars....You don't always see them, but you know they are always there.

This is I call paying forward,
lc

điều cô nên làm: Đừng để cho chuỗi tình thương này kết thúc ở nơi cô.”

Bên dưới tấm khăn giấy lau miệng bà cụ còn lót tặng thêm bốn tờ giấy bạc 100 đô-la.

Thật ra, có những bàn ăn cần lau dọn, những hủ đường cần đồ đầy, và những khách hàng để phục vụ nhưng chị hầu bàn đã hoàn tất việc ấy để sửa soạn cho qua ngày mai. Tối hôm đó khi chị đi làm về và leo lên giường nằm thì chị vẫn còn nghĩ về số tiền và những gì bà cụ đã viết cho. Làm thế nào bà cụ đã biết chị và chồng của chị cần số tiền ấy? Với sự sanh nở đứa bé vào tháng tới, điều ấy sẽ là khó khăn....

Chị biết chồng chị lo lắng đến mức nào, và trong lúc anh ta nằm ngủ cạnh chị, chị cho anh một cái hôn nhẹ và thì thầm bên tai anh, 'Mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả. Em thương anh, Bryan Anderson, ạ.'

Có một cổ ngữ “NHÂN NÀO QUẢ NẤY” Hôm nay tôi gửi bạn câu chuyện này, và tôi yêu cầu bạn chuyển tiếp nó. Hãy để cho ngọn đèn này chiếu sáng. Đừng xóa nó, đừng gửi nó trở lại. Chỉ việc chuyển câu chuyện này đến một người bạn. Những người bạn tốt, giống như những vì sao....Bạn không luôn luôn trông thấy họ, bạn biết họ luôn luôn có mặt ở đó.

(Viết dịch ngày 11 tháng 9 năm 2009: TTB)

--

Chieu V Le

5 Savo Avenue , Lancaster PA 17601

www.chieule.com





Ngôi Chùa Trong Tâm Tưởng

Nguyễn Văn Sâm

Thứ Năm, 28 tháng 1, 2010

Nguyễn Văn Sâm sanh tại Sài Gòn, 1940. Từng dạy ở trường Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho, Pétrus Ký, Đại Học Văn Khoa (Sài Gòn) và các trường Đại Học Vạn Hạnh, Cao Đài, Hoà Hảo, Cần Thơ. Sang Mỹ từ năm 1979, vẫn sống bằng nghề dạy học. Viết cho Văn, Văn Học và các tạp chí Việt ngữ của người Việt. Trước 1975 chuyên viết về biên khảo văn học. Ở Mỹ, Nguyễn Văn Sâm viết truyện ngắn vì những thôi thúc phải nói lên sự suy nghĩ của mình về quê hương và thân phận người Việt, ngay trên quê hương, hay lạc loài tha hương. Gần đây, trở về gia tài cổ của dân tộc bằng cách phiên âm các tuồng hát bội, truyện thơ viết bằng chữ Nôm chưa từng được phiên âm mà nguyên bản hiện còn đang nằm trong các thư viện lớn ở Âu Châu. Thành viên Ban Biên Tập Tự Điển Chữ Nôm Trích Dẫn. Giáo sư Viện Việt Học, California, Hoa Kỳ. Cư ngụ tại Texas, Hoa Kỳ.

Tôi có người bác ruột, bác Ba, tu ở cái cốc trong khuôn viên nhà vốn là một khu vườn dừa rộng rãi. Hằng ngày tôi được đánh thức dậy bằng tiếng mõ lốc cốc, tiếng kệ kinh ê a của sư bác khi trời mới vừa hừng sáng. Má tôi nói sư bác trước dạy học cũng nổi tiếng trong vùng, bỗng nhiên từ nhiệm về đây dựng cốc tu hành, chắc có tâm sự gì đó. Má còn nói kệ kinh công phu sáng của sư ít nhứt cũng đánh thức người chung quanh dậy đúng giờ, đó là chưa kể gương kiên nhẫn của sư là một bài học quý giá nên theo. Buổi chiều, trời mới chạng vạng là sư đã có thời kinh tối, chăm chỉ, không ngày nào mệt mỏi. Cái cốc của sư bác là nơi tôi thăm viếng khi thiếu lũ bạn cùng lứa để rong chơi ngoài đồng hay tắm sông, bẻ mía, lật dừa, tát đĩa, mò

cá...Lần nào sư bác cũng cho trái cây cam quýt, chuối, đu đủ chín rục có những dấu tích dòi màu do chưng hơi lâu trên bàn Phật. Nhiều khi qua cốc lúc sư đương thời kinh, tôi tự nhiên ngồi ở một mép chiếu để lắng nghe cái âm thanh huyền bí có sức ru ngủ mình với tất cả sự thích thú và lòng kiên nhẫn đợi chờ được sư bác vò đầu nói vài ba câu chuyện đời rồi cho ê hê bánh trái.

Lần nào cũng vậy trong khi chờ đợi, tôi tò mò nhìn mấy tấm tứ thời treo trên vách lá vẽ hình ông Phật ngồi nhắm mắt tham thiền hay ngắm nghía hình quỷ dữ mặt xanh nanh vàng, đầu u nắn năm bảy cục đang lấy chĩa ba đâm người hay kéo lưỡi cắt họng thiên hạ. Lúc rảnh rang sư bác thường cắt nghĩa về những bức tứ bình đó và thường nhấn mạnh bây giờ là đời mạt pháp quỷ sứ ma vương tràn đầy ngoài đường, đức Phật Bồ Tát cũng xuống thể độ nhơn nhưng ít thành công hơn thời Thượng Nguyên vì con người bây giờ làm điều xấu quá nhiều.

Tôi thắc mắc là sao ngoài đường không bao giờ thấy quỷ sứ, ma vương gì hết. Sư bác cười, vò đầu tôi hỏi: “Con có bao giờ thấy thằng ăn trộm, thằng đâm thuê giết mướn không? Nó trộm đồ mà người ta đồ biết bao nhiêu công khó mới có, nó nhận tiền người này để chém giết người kia nhưng mặt mày nó ngoài đời cũng bình thường như chúng ta mà thôi. Đó là quỷ sứ nhập thân hay là ma vương hiện hình đó con. Thợ vẽ vẽ mặt mày ma vương có nanh vuốt là để cho dễ thấy dễ biết mà thôi, chớ thật sự quỷ sứ ma vương không khác gì người thường hết đâu con. Vậy nó mới sống chung lộn với người đời, mới hại người ta được.”

“Còn Phật thì sao sư bác? Phật có hào quang trên đầu. Phật chỉ ngồi tham thiền thôi phải không sư bác?”





“Đó là Phật ngày xưa lâu lắm rồi. Thời mạt pháp này Phật xuống thế gian ở mọi nơi, lúc nào chung quanh ta cũng có Phật, cũng có Bồ Tát giúp ta tranh đấu chống ma vương. Chỉ tại lòng ta không đủ tín thành để chấp nhận đó là Bồ Tát mà thôi.”

“Sư bác nói khó quá con không hiểu.”

“Này nhe! Phật không xuống thế bằng một nhân thân, mà xuống thế thành muôn vạn người vô hình hay hữu hình ở kể bên mỗi người chúng ta. Phật trợ duyên từng người để biến người đó thành Bồ Tát trong một thời khoảng ngắn. Nếu người nào thành Bồ Tát nhiều lần, thành Bồ Tát lâu dài thì sau này khi chết sẽ được siêu độ. Nhưng bên cạnh người đó cũng có quỷ sứ, ma vương hiện diện. Nó xúi giục làm bậy như trộm cắp, láo xược, ngoại tình, gian dối, ức hiếp để dành giữ ruộng vườn nhà cửa của kẻ cô thế nếu người nào nghe theo chúng thì biến thành ma vương một thời gian. Biến thành ma vương nhiều lần thì khi chết sẽ bị đọa địa ngục đời đời chịu khổ hình dưới âm ty không thể đầu thai.”

Tôi vùng ôm mặt khóc lớn, nức nở:

“Vậy con sẽ bị đọa địa ngục. Sư bác cứu con với. Con ăn cắp hết ba trái xoài của bà nội vú trong khạp gạo rồi đổ thừa cho thằng em con. Lần trước nãi chuối sứ cũng vậy. Con cũng lên cạy ống heo của đứa em gái nữa, mỗi ngày cạy lấy một chút, con cũng bẻ trộm mía của hàng xóm, con cũng ăn hiếp thằng Tùng nhà xóm trên vì nó nhỏ hơn con.”

Sư bác tôi từ tốn giải thích:

“Những lúc làm điều xấu như vậy con đã biến thành ma vương thời gian đó. Nếu con biết mình làm xấu mà chừa đi, mà ăn năn làm lành trở lại thì ma vương không thể dụ dỗ con để làm nô lệ cho nó nữa. Lâu ngày nó chán bỏ đi kiếm người khác để dụ dỗ hơn. Làm điều tốt thì con đã hóa thân thành Bồ Tát lúc đó. Bồ Tát hay ma vương là những trạng thái ngắn hạn trong lòng mỗi con người, không phải là trạng thái hằng cửu. Lúc làm Bồ Tát thì người ta sung sướng thơ thới lòng, mặt mày sáng sủa rạng rỡ như có hào quang tỏa ra. Lúc làm ma vương thì lòng nóng như bị thiêu đốt, khó chịu, mặt mày đăm chiêu buồn lo. Đó là lửa dục thiêu đốt lòng, đó là những u nản mọc ngược vào trong tâm não, đâm vào phía bên trong của người con.”

Tôi lý sự trả treo:

“Vậy thì con người đồng thời là Bồ Tát và ma vương?”

“Đúng vậy! Khi hành động vì người khác, mình là Bồ Tát, khi hành động có hại cho người khác để lợi cho mình, ta là ma vương. Nói là nói đơn giản như vậy, chứ hành còn hạnh nữa. Hành vì Bồ Tát nhưng tâm hạnh ma vương thì cũng là ma vương thôi. Mà thôi! Con buồn ngủ rồi, ta sẽ nói chuyện hành và hạnh trong dịp khác.”

Tôi buồn ngủ thiết tình, mấy từ ngữ khó nuốt trôi như hóa thân, trạng thái ngắn hạn, trạng thái hằng cửu, lửa dục hào quang mà không thấy được, u nản mọc vào bên trong tâm não nhảy múa loạn xạ trong trí tôi. Tôi cũng ngán ngẩm khi nghe đến các khái niệm hành và hạnh. Chúng không hấp dẫn bằng nải chuối thâm kim, mấy trái quít và hai chén chè trên bàn Phật trước mặt đang cười cười mời gọi.

Sư bác tôi nhìn thấy ánh mắt ước muốn của cháu mình, nói trong nụ cười hiền từ:

“Con đương bị ma vương dụ dỗ đó. Bây giờ còn nhỏ thì chẳng sao đâu, ma vương chỉ dụ được những việc xấu nhỏ, nhưng đừng để ma vương có dịp lớn lên trong tâm hồn mình. Quan trọng là phải chống lại những cám dỗ của ma vương.”

Sư bác tôi đứng dậy nhón chum hạ đĩa trái cây xuống, hào phóng đưa cho đứa cháu trần tục của mình thiết nhiều quả của Phật.

Chỉ đợi có vậy, tôi kéo bánh vạt áo trước ra đựng, hai tay ôm chặt, chạy u ra tuốt mé ruộng ngoài rìa vườn nhà nơi thường có mấy thằng bạn trang lứa tụ tập trũng giỡn, phá phách.

“Xuống xe qua bác bà con cô bác ơi!” Người lơ xe vừa nhảy xuống, xe vẫn còn trờ bánh tới nhẹ nhẹ, đã ca bài ca xưa cũ. “Chỉ có ông bà già là được ngồi lại trên xe, còn ai thanh niên thì xuống đi bộ qua bác nhe! Tới trước kia mà nhận giấy qua bác.”

Mọi người lục tục xuống xe, người lếch thếch đi tìm chỗ tiểu tiện, kẻ xăm xăm vô quán kiếm chút gì đó dần bụng, giáo Bửu theo đám đông bước về phía trước, chỗ xét giấy, nơi đây thằng lơ xe đã đợi sẵn chìa cho khách của xe mình tám giấy trả tiền qua bác. Giáo Bửu nhìn đoàn xe nhà binh rồi lắc đầu ngao ngán: “Điều này hai ba giờ đồng hồ nữa biết xe mình nhúc nhích được chưa. Xe nhà





binh ưu tiên mà đi hành quân dài sọc như thế này tới bao giờ xe dân sự mới được qua.”

Anh bước vô đám đông để nghe điệu ca vọng cổ mùi tận mạng do một nghệ nhân lỡ thời đương xuống giọng xề. Nghệ nhân cắt hết hai tay tới cùi chỏ, chỉ còn lại lưng lửng hai cánh trước. Anh ta mang trước ngực một cái lon sữa bò là chỗ đựng tiền do khách bộ hành mùi lòng thương hại bỏ thí cho. Cái micro được cột vô một cánh tay cắt, khi nghệ nhân cất giọng ca thì giờ lên, người cột đã canh vừa đủ tầm cho âm thanh có thể bắt được.

Giáo Bửu hờ hững nghe, cũng bâng quơ ngó người đàn bà già trước tuổi đi sau nghệ nhân, ôm cây đàn. Bỗng anh như nhảy nhồm lên hỏi lớn:

“Phải mấy đó không Phan?”

“Phải! Bửu còn nhìn tôi sao? Tưởng già bộ quên tôi rồi!”

Giáo Bửu ứa nước mắt, hai tay choàng qua ôm bạn:

“Hơn chục năm rồi mình không gặp nhau. Cuối năm học đó mình không bao giờ gặp lại bạn nữa.”

Người chung quanh tò mò nhìn sự tương phùng của hai người bạn. Người đàn bà của Phan lãnh đạm ngó bạn của chồng.

Giáo Bửu xăng xái mời hai người ghé vào quán gần đó.

Bên ly trà đá người nghệ nhân kể lại đời mình với một giọng thiết bình thường nhưng Giáo Bửu nghe như kim đâm vô tim từng cái từng cái đau điếng hồn:

“Tôi mất căn bản về Toán và Sinh ngữ, anh chỉ giùm thì biết chút chút vậy thôi. Khi anh quá bận thì tôi đành chịu. Cuối năm đó thi lên lớp rớt, phải về quê làm ruộng với ông già. Anh cũng biết vùng xôi đậu mà, ban ngày bên quốc gia, ban đêm họ về, tuyên truyền, bắt lính. Họ bắt mình theo vô bụng. Thời chiến tranh mà! Vướng vô vòng thì không chuyện này cũng chuyện khác. Trong một trận chống càn, tôi bị pháo trúng...tàn phế nên được tàn cư ra chợ đã năm sáu năm nay. Còn sống là may. Có người vợ chịu thương chịu khó theo mình cũng là một cái may nữa. Gặp anh, anh không sợ mất thể diện mà nhìn bạn, tôi sung sướng vô hồi. Mấy năm nay tôi sống trong bi thiết chán chường lúc nào cũng muốn rũ sạch bụi trần để ra đi. Đời mình còn gì nữa đâu để ham hố nữu kéo. Chưa làm được vì còn một mụn con thơ và người đàn bà tri kỷ.” Giọng Phan nhỏ dần như tiếng thở dài hiu hắt.

Giáo Bửu nghẹn ngào ray rứt trong tâm, thấy dường như mình có lỗi.

Tôi đi trả nợ cho nửa quê hương thất trận hơn mười năm mới trở về, ngỡ ngác giữa dòng đời bon chen xào xáo nhưng hiếm hơi chân tình với người chung quanh gần gũi. Cha tôi đã mất, sư bác cũng đã siêu linh tịnh độ hơn bảy tám năm nay rồi. Những buổi chiều buồn, tôi lang thang vô cái cốc hoang phế đóng kín cửa, phủ lớp bụi trần từ ấy để tìm chút dư vị tuổi thơ. Một lần tôi tò mò mở một gói giấy dầu đặt ở cuối góc trang thờ Phật, ngoài có đề mấy chữ nắn nót: Kinh Phật A Di Đà. Tôi mở ra, ngoài hai gói kinh còn có một gói tiền toàn giấy nhỏ một trăm, hai trăm, năm trăm, một ngàn, hai ngàn .. và một bức thơ gửi cho tôi.

Phong Điền, ngày tháng năm vô vọng.

Tuấn con,

Tiền này sư bác chắt một kỳ khu hơn hai chục năm mới có được. Đổi đi đổi lại thì ra thế này, đủ để mua mười lượng vàng hay cất một kiếng chùa nho nhỏ cho Phật tử có nơi đến chiêm bái đáng Từ Phụ. Đủ tiền thì sư bác thỏa mãn ước vọng xây chùa đồng thời thất vọng về chính mình, té ra bao nhiêu năm nay mình lặn lội cực nhọc, mình dè xén khiêm tốn vì một số tiền, mình cười với tín hữu này, vâng dạ với tín hữu kia vì số tiền đó.

Ngôi chùa phác họa trong tâm tưởng hướng dẫn cái hành Bồ Tát, còn cái hạnh Bồ Tát của sư bác nằm ở đâu? Cất chùa lớn rồi thì sư bác phải dính vô chuyện duy trì chùa, bảo vệ chùa, sư bác sẽ sinh hoạt chùa chớ còn đâu tâm trí để tu hành kệ kinh, sư bác sẽ làm chuyên chùa sự chứ đâu phải làm chuyện Phật sự. Cái hạnh Bồ Tát suốt đời sư bác nhắm về coi như mỗi lúc càng chạy ra xa.

Khám phá ra điều này, sư bác thấy bao nhiêu năm nay tưởng rằng mình làm đúng hóa ra sai. Sư bác tạ lỗi với chư Phật bằng cách tuyệt thực từ từ cho đến ngày được về châu Phật tổ. Số tiền này con có toàn quyền sử dụng theo ý muốn, có ích cho con hay cho người khác đều được.

Nhưng con nên nhớ cái hạnh đáng quý gấp mấy lần cái hành.

Cầu nguyện ơn trên gia hộ cho con.

Thích Giác Nguyện.





Chỗ ký tên thể danh lâu ngày mực nhòe nhoẹt không đọc được, cố gắng lắm mới nhìn ra là Nguyễn Văn Bửu.

Số tiền đó má tôi chép miệng than rằng với thời giá, mua chưa đầy ba chỉ vàng, một cái chùa bình thường nho nhỏ ở vùng quê lúc này cũng phải tốn gấp trăm lần số đó. Ngồi nhìn gói tiền lâu ngày ẩm mốc, bốc mùi tanh tanh từ những bàn tay dính đầy dầu mỡ, cát đất, cá thịt của chúng sanh nghèo khổ khi cúng dường cho sư, tôi quyết định đem đốt bỏ để giải thoát hương linh sư khỏi vướng víu với nó nữa. Nơi chốn thiêng liêng kia chắc sư không còn thắc mắc về hành hạnh, theo tôi hai khái niệm này hòa quyện lẫn nhau không có lẫn ranh phân biệt, càng biện biệt ta càng bị bủa vây không lối thoát.

Xếp bằng chỗ ngày xưa sư bác đặt bỏ đoàn ngời gỗ mõ tụng kinh, tôi đốt từ tờ những tấm giấy bạc thiết như người ta đốt giấy tiền vàng mã. Ngọn lửa xanh lân tân từ tốn ngùn cháy, liếm từ chút từ chút, mấy cái hình trên giấy bạc bỗng chốc trở nên méo mó dị dạng. Tôi chợt mơ hồ thấy nụ cười hiền từ của sư bác quanh quần đầu đây.

“Mong sư bác siêu thăng, hành và hạnh Bồ Tát chẳng qua là những điều dạy đạo lý giúp người đời sống từ bi vị tha, sư bác đã hành thiện, đã sống xứng đáng là một con người khi cố gắng thực hành một ước vọng không vì mình. Sư bác đáng được về cõi tịnh hằng miên viễn như một Bồ Tát.”

Nguyễn Văn Sâm
Victorville, CA 12/09



Đời Như Giác Mộng

*Một thoáng đời người tựa bóng câu
Mà qua biết mấy cuộc cơ câu
Chưa tròn mơ ước thời xuân thắm
Đã vội tàn phai giấc mộng đầu
Sinh tử đôi bờ đâu mấy chốc
Nhân sinh một kiếp chẳng là bao
Trở về bờ giác quên phiền não
Tĩnh giác chiêm bao thoát nổi sầu*

Nguyễn thị Ánh Nga

Xuân tha hương

Nắng xuân rực đóa hoa vàng
Tuổi em một chút mơ màng bên song
Em thơ má thắm xuân hồng
Riêng ta bỗng thấy trong lòng nhớ quê
Ở đây nào biết xuân về
Nhắc chi Tết đến tái tê cõi lòng
Đêm về mơ thấy giòng sông
Sao không ngăn được đôi dòng lệ rơi
Nắng xuân quê mẹ xa vời
Tàn phai hương cũ mù khơi đường về

Nguyễn thị Ánh Nga

Xuân Đến

Pháo nổ ngoài sân ngập xác hồng
Trẻ con mừng rỡ chạy long nhong
Mai vàng từng cánh khoe hương sắc
Đào đỏ dăm cánh nở nụ bông
Nao nức lòng người bao ước nguyện
Xôn xao tác dạ những chờ mong
Người người đón Tết mừng Xuân mới
Một tuổi trôi qua bỗng chạnh lòng

Nguyễn Thị Ánh Nga



Thơ
Nguyễn Ánh Nga

Hoa Xuân

Gió nhẹ mơn man mây khóm hồng
Bàn tay tạo hoá quá kỳ công
Mai vàng ngoài ngõ vừa khoe nụ
Huệ trắng trong vườn độ nở bông
Đàn bướm tung tăng mừng nắng mới
Bầy chim ríu rít tiền tàn đông
Tưng bừng cảnh vật khơi nguồn sống
Phơi phới tình xuân dưới gió đông

Nguyễn Thị Ánh Nga

Chỉ Phù Vân

Ngẫm lại cuộc đời bổng thương thân
Lao đao trọn kiếp chôn hồng trần
Thế sự đua chen bao khổ lụy
Kiếp người xoay chuyển mấy vòng luân
Đêm sâu thao thức mơ là nguyệt
Ngày vắng vương buồn mộng thể nhân
Vương bận làm chi toàn cõi mộng
Tử sinh gang tấc thoáng phù vân

Nguyễn Thị Ánh Nga

Buồn Vào Thu

Giăng giăng trời xám tận chân mây
Cây lá lao xao ngọn ứa gầy
Hiu hắt mưa buồn hoa xơ xác
Âm u gió thoảng lá thu bay
Hạ bỗng trôi qua lòng vương vấn
Thu ủ sương đêm cảnh đẹp thay
Giấc ngủ chập chờn trưa nắng tắt
Long lanh một giọt lệ thương ai

Nguyễn Thị Ánh Nga

Trương Chi Mỹ Nương

*Tiếng tiêu văng vẳng phía bên sông
Thôn thức tìm ai giấc mộng hồng
In bóng thuyền nan trên sóng nước
Soi hình cô gái dưới trăng trong
Tương tư nàng gửi niềm thương nhớ
Bạc mệnh chàng ôm nỗi hận lòng
Ấn hiện bóng hình trong đáy cốc
Tâm tư sâu tui lệ đôi dòng*

Nguyễn Thị Ánh Nga

Chùa Cổ

Núi cao thăm thẳm giữa rừng cây
Một mái chùa xưa ẩn chốn này
Tuyết phủ trên cành sao lấp lánh
Sương rơi dưới lá giọt đọng đầy
Chuông chiều thức tỉnh người còn mộng
Mở sớm khơi lòng kẻ ngủ say
Những cánh chim bay trong nắng sớm
Cõi hồng trần nhẹ tựa áng mây

Nguyễn Thị Ánh Nga

Thức Tỉnh

Ngoảnh lại thấy mình ngập gió sương
Tử sinh muôn thuở chuyện đời thường
Muộn phiền xả hết tâm không buộc
Thành bại quên rồi tính chẳng vương
Đã biết si mê là vậy nghiệp
Thì nên thức tỉnh đề lên đường
Lợi danh phú quý mùi danh lợi
Tàn kiếp phù sinh tro cốt xương

Nguyễn Thị Ánh Nga



Sắc Đẹp & Khôn Ngoan

TT. Lokanatha

TT Thích Giải Thông dịch theo bản tiếng Anh The light of truth

Chủ nhật vừa qua tôi hết sức vui mừng vì đã thuyết bài Pháp đầu tiên tại Singapore. Đương nhiên khi nhìn thấy số thỉnh chúng nhiệt tình mộ đạo như vậy và khi trông thấy giảng đường chật kín, có số người còn đứng tràn ra ngoài, tôi vô cùng phấn khởi, sau đó tôi bắt đầu tìm hiểu nguyên nhân nào đưa đến một số thỉnh chúng tham dự đông đảo nồng nhiệt như vậy.

Tôi tự nghĩ có lẽ một số đến để xem một nhân vật kỳ lạ nào chẳng, giống như chúng ta đến sở thú để xem một con quái vật Bởi vì rõ không sai, tôi hẳn là một đối tượng hơi khác thường vì ngày xưa tôi vốn là một tín đồ Thiên chúa giáo La Mã. Nước Ý có gần 60 triệu dân và tôi lại là một Phật tử duy nhất trong số đó. Tôi còn nhớ rõ, có lần có một vị Giáo sĩ đến thăm tôi và nói: bạn là người Phật tử duy nhất trong số 60 triệu dân Ý, điều này chứng tỏ rằng tôn giáo của bạn không chân chính. Tôi ngạc nhiên hết sức với câu nói này! Chỉ vì tôi là Phật tử duy nhất trong số 60 triệu dân Ý mà ông ta nói Đạo Phật tôi không chân chính. Đó chẳng qua là logic biện chứng, lý luận kiểu này thì nếu Phật Giáo chân chính thì những người dân Ý đều trở thành Phật tử hết.

Lúc tôi đi xuất gia, mẹ tôi không biết tôi đi đâu, bởi vì tôi không bao giờ nói với bà rằng tôi trở thành một Phật tử. Tôi rời nước Pháp và qua Ấn Độ suốt năm không hề viết cho mẹ một lá thư! Tại sao tôi đi xuất gia quy Phật mà lại không xin phép? Bởi vì Thái tử Tất Đạt Đa sau này thành Phật, Ngài cũng rời bỏ cha mẹ đi tu mà không xin phép. Chúng ta lệ loi một mình trong biển trầm luân và mỗi người cũng hộ trì đạo lộ của chính mình, không cần tìm cầu sự giúp đỡ của người khác. Phật Giáo dạy lòng tự tin và độc hành. Chúng ta phải kiên trì dũng cảm bước đi

trên đường Đạo. Tôi có điều hối tiếc duy nhất là cha mẹ tôi đã qua đời mà không phải là Phật tử.

Nếu cha mẹ tôi qua đời là những người con Phật thì tôi rất hài lòng và sung sướng biết bao. Tôi tiếc rằng họ qua đời mà không tiếp nhận được của tôi một cơ hội bỏ thí Pháp—món quà cao quý nhất trong tất cả món quà. Đó là món quà Chân lý, vì vậy tôi quyết định trở thành Sứ Giả Như Lai với ý hướng truyền Phật Pháp đến mọi người trên thế giới.

Mẹ tôi qua đời cách đây 22 năm và nếu bà tái sinh thì bà phải là 22 hay 21 tuổi. Cha tôi nếu tái sinh tuổi khoảng 16 tuổi, đủ để hiểu Phật Pháp, bởi vậy khi tôi thuyết giảng có lẽ cha mẹ tôi đã tái sinh có thể nghe lời tôi giảng và trở thành Phật tử và nhờ vậy có thể chuyển hóa được cha mẹ ngay từ hôm nay hay ở tương lai lâu xa.

Chúng ta không nên vui hưởng chân lý cho riêng mình mà nên tạo cho cha mẹ cơ hội chia sẻ được món quà Chân lý cao siêu, vì nó là món quà tối thắng trong tất cả các món quà.

Theo luật Phật thì chúng ta không được phép xuất gia nếu trước tiên không được sự đồng ý của cha mẹ, nhưng Thái Tử Tất Đạt Đa từ bỏ gia đình mà không xin phép. Ngài đã chỉ đường cho tôi, Ngài cho phép tôi. Tuy nhiên cũng cần nhớ rằng cha mẹ tôi chỉ cho tôi đời sống vật chất thôi, nhưng chúng ta nương nhờ Phật, người đã ban cho chúng ta đời sống tinh thần. Bởi vì người cha tinh thần là người cha cao thượng hơn tất cả. Sách Pháp của Ngài—quyển Kinh Pháp Cú đã hoàn toàn đưa đến sự thay đổi cuộc đời của tôi. Đức Phật đã tịch diệt cách đây 2500 năm. Giáo Pháp của Ngài đã thấm nhuần trong tôi. Đó là một sự cố ngẫu nhiên thanh tịnh. Nếu tôi không đọc





quyền Kinh Pháp Cú đó, có thể tôi không mong gì trở thành đệ tử của Phật được. Vì vậy khi Đức Phật hứa khả, tôi đã hân hoan vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai.

Nếu tôi không được duyên phước thì giờ đây tôi đã bị kéo lôi vào cảnh đời bi thảm khổ đau. Vậy mà tự nhiên dù không xin phép cha mẹ tôi đã tự kéo mình ra khỏi trần gian đầy máu lửa. Mỗi người chúng ta đều phải tự cứu mình. Không ai có thể cứu được nghiệp báo của người khác. Vì thế điều khôn ngoan là nên tự cứu lấy mình. Có kinh nghiệm thực học, thực tu mới thực hiện được lý tưởng này. Không ai tự trị hoãn con đường giải thoát của mình để hy sinh cho người khác. Vì con đường tối diệu nhất để cứu khổ nhân gian là phải toàn hảo bản thân. Chừng nào ta chưa viên mãn tu tập thì không thể làm được điều thiện nào cho cõi đời. Một y sĩ trước nhất phải tự biết cứu chữa mình đã!

Lần trước tôi chưa giảng xong một điểm trung yếu trong giáo Pháp như vậy: Một hôm Đức Phật đặt vài hạt cát trên đầu móng tay của Ngài và nói: *“Này các Sa Môn! Cát trên móng tay ta và cát trên địa cầu bao la này, cát nào nhiều hơn?”* Các vị Sa môn trả lời: *“Bạch Đức Thế Tôn số cát trên móng tay của Ngài không đáng gì so với số cát trên địa cầu bao la này!”*. Đức Phật liền dạy: *“Cũng vậy, này các Sa Môn, số chúng sanh đã qua đời và tái sanh vào cảnh giới người, cảnh giới trời đều không đáng gì so với số chúng sanh đã chết đi từ đời này và được tái sanh vào cảnh giới súc sanh hay ngạ quỷ”*.

Như quý vị đã biết, trong Đạo Phật không có địa ngục, không có sự trừng phạt đời đời. Trong Đạo Phật luôn luôn có cơ hội và người ta không bao giờ đánh mất cơ duyên đó. Bởi vì trần gian này luôn luôn có sự công bằng và sự công bằng thì không bao giờ thua cuộc. Cho nên khi nghe rằng chúng sanh bất diệt, vì lòng từ bi cứu khổ họ có thể tái sinh trong cảnh giới ngạ quỷ, tôi quyết tâm trở thành Sứ Giả Như Lai. Điều này đã đến với tôi do sự tình cờ, tôi trở thành người con của Phật, tôi nghĩ tại sao mọi người lại không chia sẻ điều may mắn mà quý vị đang thọ hưởng vào thời điểm này. Đó là điều vị kỷ, chỉ lo cho phận mình an hưởng chân lý tối hậu của chư Phật, không san sẻ cho số đông người khác chưa từng được duyên may như vậy. Cũng vì lẽ đó mà nay chúng tôi mới vân du sang Mỹ để chuyển hóa đạo lý Phật Pháp cho toàn thể giới sớm giác ngộ.

Đức Phật đã khai thị tứ Diệu Đế còn gọi là Tứ Thánh Đế là bốn trụ cột của Đạo Phật. Giống như cái bàn cần có bốn chân. Nhờ vậy Phật Giáo đứng vững trên bốn chân lý cao quý đó. Chúng ta có 45 tập trong toàn bộ Kinh Phật. Phần thứ nhất đề cập về Giới Luật, phần thứ hai gồm các bài giảng và phần thứ ba thuộc Tâm lý học. Bốn Thánh Đế là tinh hoa của Phật Giáo và riêng 45 tập này

chỉ là những luận giải về Tứ Thánh Đế. Vì vậy nếu quý vị hiểu rõ Bốn Thánh Đế tức là quý vị đã hiểu toàn bộ Phật Giáo. Tôi đã giải thích Pháp Tứ thánh Đế trong bài giảng đầu tiên, nay tôi sẽ tiếp tục thử nêu lên câu hỏi: Chánh kiến là gì?

Chánh kiến là hiểu biết Bốn Thánh Đế. Chánh kiến là hiểu biết ba đặc tính của vũ trụ là vô thường, khổ và vô ngã. Vô ngã nghĩa là không có linh hồn. Trong Phật Giáo không có linh hồn. Cái để thay thế linh hồn ta gọi là ý thức (tâm thức). Tâm không bao giờ giống nhau trong hai niệm tưởng liên tục. Trên thực tế các nhà tâm lý hiện đại đã tiến đến điểm chính xác mà Đức Phật đã đạt được cách đây 2500 năm. Kiến giải cho thấy rằng không hề có cái Ngã nào bất diệt hay cái TA trường cửu, hay linh hồn bất biến, mà chỉ có ý thức hằng biến, không bao giờ giống nhau trong hai niệm tưởng liên tục.

Vì các nhà tâm lý học hiện đại đã thừa nhận rằng không có một linh hồn bất diệt lại càng dễ hơn cho tôi khi qua đến các bang để thuyết giảng về Đạo Phật, bởi vì đất canh tác đã chuẩn bị sẵn sàng. Họ đã nhất trí rằng không có linh hồn thường hằng. Vì thế họ sẽ hiểu được triết lý Vô Ngã của Đức Phật. Tất cả các pháp đều vô thường (biến đổi). Tất cả các pháp đều đưa đến đau khổ. Tất cả các trạng thái ý thức (tâm linh) đều vô ngã (không có thực thể). Chánh kiến là hiểu biết nguồn gốc và sự hủy diệt của vạn pháp, tiến trình như sau:

- 1) Vô minh là nhân của Hành.
- 2) Hành là nhân của Thức.
- 3) Thức là nhân của Danh Sắc.
- 4) Danh sắc là nhân của Lục xứ.
- 5) Lục xứ là nhân của Xúc.
- 6) Xúc là nhân của Thọ.
- 7) Thọ là nhân của Ái.
- 8) Ái là nhân của Thủ.
- 9) Thủ là nhân của Hữu.
- 10) Hữu là nhân của Sanh.
- 11) Sanh là nhân của Lão.
- 12) Lão là nhân của bệnh, sầu, bi, khổ, ưu não.

Vô minh là nhân của sinh và khổ, vô minh là nguồn gốc của vạn pháp. Diệt trừ vô minh là tiêu trừ vạn pháp, diệt trừ vô minh đưa đến chấm dứt sinh và khổ.

Vô minh là kẻ tạo ra trần gian này. Mara hay Ma vương là kẻ sáng tạo thế gian. Mara có nghĩa là kẻ cám dỗ.





Mara không phải là ma quỷ như Phật Giáo thường nói đến mà Mara là Trời khát ái. Vì đó là trời. Loại trời nào? Đó là Trời khoái lạc, sáu giác quan. Thế giới là động chứ không phải tịnh. Đây là bài học hóa lý và toán. Thế giới không bao giờ giống nhau trong hai niệm tưởng liên tục.

Mỗi người đang tạo ra thế giới cho riêng mình hàng triệu lần trong mỗi khoảnh khắc phút giây. Tất cả đang bùng cháy, tất cả đang bốc lửa. Cái gì đang cháy? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Chúng đang bùng cháy với ngọn lửa tham, sân, si, sinh tử và phiền não. Do vậy toàn thế giới này đang bốc cao ngọn lửa si mê. Tại sao? Vì sáu giác quan đang bùng cháy. Nếu ta có khả năng dập tắt được ngọn lửa của sáu giác quan hay làm cho chúng được thanh tịnh bằng cách tu tập điều phục bản ngã, không đổ thêm dầu mới vào ngọn lửa, tự nhiên nó sẽ tắt lịm. Vậy thì ta phải làm gì? Ta phải tưới nước (cam lồ) vào lửa, nó sẽ bị dập tắt. Bây giờ bạn sẽ tận hưởng niềm an lạc vô biên gọi là Niết Bàn tối thượng.

Có người nói rằng thế giới mà chúng ta đang ở hôm nay đã được tạo nên trong 6 ngày. Phật tử chúng ta cảm nhận rằng đời là đau khổ—Dukkha—nó không dành cho 6 ngày để tạo nên thế giới này. Chúng ta đang tạo ra thế giới trong từng mỗi phút giây. Như tôi đã từng nói trước đây, thế giới đang biến đổi. Và vì nó đang biến đổi nên ta nói nó đang được tạo nên và đang bị hủy diệt trong từng mỗi phút giây. Vì biến đổi có nghĩa là sinh diệt liên tục, chết rồi tái sinh như ngọn lửa. Chừng nào chất liệu tham ái còn hiện hữu thì ngọn lửa vẫn tiếp tục bùng cháy. Hãy nhớ rằng, thế giới chỉ là một tiến trình, một tiến trình đang hình thành, đang trở nên. Và tiến trình đó cứ tiếp tục cho đến khi nào nguyên nhân của nó còn đủ duyên hiện hữu. Khi nhân đã bị dập tắt thì thế giới không hình thành. Dập tắt trần gian (đau khổ) này quả là thiện pháp và tạo ra trần gian (khô lụ) này là bất thiện pháp. Bởi vì một khi chúng ta tận diệt được sự đau khổ của hiện hữu thì chúng ta mới hưởng được sự an lạc Niết Bàn tối thượng.

Chúng ta càng thích thỏa mãn con mắt, chúng ta lại càng muốn nhìn nữa cho mãn nguyện. Chúng ta càng muốn thỏa mãn lỗ tai, chúng ta càng muốn nghe thêm nữa, càng thích thỏa mãn cái lỗ mũi, càng muốn ngửi hoài. Không bao giờ mãn nguyện. Chúng ta không bao giờ hài lòng khi thấy, nghe, ngửi... Khi ta vui hưởng nhiều chừng

nào tốt chừng nấy thì sự hưởng thụ ấy lại càng trở nên một xiềng xích khổ đau.

Nếu bạn bắt đầu thọ thực, món ăn ngon nhất trên trần gian này, nhưng một khi no bụng rồi mà buộc ăn thêm lại là một thứ khổ đau nữa. Thái Tử Tất Đạt Đa sống êm ấm trong hoàng cung, Ngài tận hưởng những lạc thú trong 29 năm đầu. Sau thời gian hưởng thụ đầy đủ các khoái lạc trong kiếp người, cuộc sống càng vui sướng càng làm cho Thái Tử chán nản và trầm tư về thân phận chúng sanh. Và vì vậy Thái Tử đã xuất gia, tìm thấy một nguồn khoái lạc khác của Niết Bàn tối hậu. Bởi vì đó là niềm an lạc hạnh phúc cao thượng nhất. Có điều là ta không bao giờ tạo ra được Niết Bàn. Những gì ta phải tìm là tận diệt tiến trình biến đổi bằng sự tu tập trui rèn trí tuệ, dập tắt tham ái. Trí tuệ loại trừ sự sinh và cống hiến Niết Bàn tối diệu.

Ta thường nêu câu hỏi: mục đích của cuộc đời là gì? Là thanh tịnh bản ngã, làm trong sạch tâm thức. Cuộc đời coi như thất bại nếu tâm thức không được tịnh hóa. Cuộc đời được gọi là thành công nếu tham ái được tận diệt. Họ nói: này các bạn thanh niên, điều gì đưa đến lợi lạc cho con người nếu người đó chiếm được toàn thế giới mà lại đánh mất phẩm chất của mình? Thành công hay thất bại, vinh quang hay ô nhục được đánh giá bằng sự được hay mất nhân cách của mình. Bởi vì đạo hạnh của con người khiến cho người đó có tất cả ngoài ra không có cách nào khác hơn được.

Người ta vẫn cho rằng người thành công trong đời là người tạo ra được một triệu đô la, nhưng trong Phật Giáo thì không phải vậy. Nền vì đó tạo được một triệu đô la mà đánh mất phẩm chất đạo hạnh của mình thì vì đó là người loạn trí nhất trên đời. Mặt khác, nếu một người không đạt được một triệu đô la mà đạt được phẩm chất đạo hạnh, vì đó mới được đánh giá là người đắc thắng trong đời. Thắng không phải là sự đo lường bằng của cải đã tích lũy mà là sự kết tập vun bồi đạo hạnh, nhân cách con người. Cho nên đừng bận tâm về tiền tài mà nên quan tâm về đạo hạnh. Chính nó là nguồn tâm thức an lạc trợ duyên cho giác linh trong lúc lâm chung tử biệt.

Bởi vậy trước khi muốn làm điều gì ta phải tự vấn mình: điều mà ta sắp thực hiện đây sẽ làm tăng hay giảm phẩm chất đạo hạnh? Nếu câu đáp là có tác hại, làm suy giảm, thì ta nên tránh. Nếu câu trả lời là làm tăng trưởng nhân cách

đạo hạnh thì ta cứ dũng cảm tiến hành. Bạn không có gì phải lo sợ về những hành





động làm tăng trưởng phẩm chất đạo hạnh của mình, mà chỉ sợ làm suy giảm phẩm hạnh cao quý vốn có của ta. Bởi vì như tôi đã nói khi trước, thành công hay thất bại chỉ được đánh giá bằng toàn bộ phẩm chất đạo hạnh của con người. Mục đích cuộc sống con người không có gì ngoài sự thăng hoa, phát huy nhân cách, đạo hạnh của mình. Đừng nghĩ rằng mục đích của đời người là sống thỏa mãn sáu giác quan, mà chủ yếu là thành tựu tài sản tinh thần có nghĩa là sự phát huy phẩm hạnh cao cả nhất cho đến khi nó tràn dâng khắp nơi.

Đức Thế Tôn đã là tấm gương mẫu mực về đạo hạnh siêu thế, phẩm hạnh vô song của Ngài đã tràn dâng tỏa khắp mọi nơi làm tịnh hóa thế giới 25 thế kỷ qua và vẫn tiếp tục tịnh hóa thế giới trong nhiều thế kỷ tiếp theo để đi đến đỉnh cao rạng rỡ nhất và hào quang chân lý soi sáng khắp nhân gian; con người được một cơ duyên hy hữu nỗ lực toàn hảo đời mình.

Đức Thế Tôn quả là một bậc y sĩ vĩ đại nhất trần gian này, bởi vì Ngài đã khai thị sinh lộ (con đường), cứu nguy ba chứng bệnh nan giải của chúng sanh là Tham (Lodha), Sân(Dosa), và Si(Moha). Ngài cho ba loại thuốc:

- 1) Bồ thí: diệt trừ tham.
- 2) Giới hạnh: diệt trừ sân.
- 3) Thiên định: diệt trừ si (vô minh).

Con đường đưa đến sự giàu có là gì? Diệt trừ lòng tham bằng cách bố thí. Hãy cho! Cho là nhận. Không cho là không nhận. Hành động và phản ứng đều bằng nhau và đối diện. Người sinh ra bị nghèo khổ là vì kiếp trước họ quá keo kiệt. Người sinh ra được giàu sang là vì trong kiếp trước họ vốn rộng lượng, ưa bố thí. Thế nên chớ có ganh tị với người giàu sang, bề thế sự nghiệp; khi vị đó đang lái một chiếc xe hơi lộng lẫy đắt giá. Hãy bố thí, vì khi làm như vậy bạn cũng sẽ trở thành giàu có trong tương lai. Mua một vé số sẽ không dễ gì làm cho bạn trở nên giàu có. Bồ thí là con đường chắc chắn phú quý mai sau. Con người thông thường có tinh thần cờ bạc, tất cả đều thích tạo một cơ may bất ngờ. Họ tin rằng họ có thể trở nên giàu sang qua một đêm giã dị bằng cách mua một vé số 1 hay 2 đô la, nhưng rồi họ chỉ gặp toàn sự bực mình vì không bao giờ trúng số cả. Vì vậy ta không thể nào trở nên giàu có chỉ nhờ mua một vé số, nhưng đảm bảo nhất vẫn là vé số do Đức Phật ban cho, nghĩa là bồ thí sẽ được đáp ơn. Cho là nhận. Nên nhớ rằng bồ thí giống như trồng một hạt giống trên đất, nếu bạn gieo hạt giống tốt trên đất lành cây sẽ lên tươi tốt và trái quả sum xuê. Nếu hạt giống tốt gặp đất lại không tốt, quả trái sẽ ít hơn. Vì vậy nếu bạn bố thí cho người nào không xứng đáng nhận vật bồ thí đó dĩ nhiên bạn không thể kỳ vọng một mùa gặt huy hoàng.

Nhưng nếu bạn thành tâm cúng dường Đức Phật, Chư Bồ Tát Thánh Tăng, bạn chắc chắn sẽ nhận được phần thưởng cao quý nhất. Thế nên bồ thí khéo thì đương nhiên sẽ gieo trồng được những hạt giống siêu xuất trên mảnh đất phì nhiêu thuận duyên nhất để thu hoạch vụ mùa công đức cao thượng. Đức Phật là người bồ thí trí tuệ, ban cho tri kiến, là người bồ thí thật sự nhằm diệt trừ tham ái. Bởi vì dù bạn bồ thí cho ai đi nữa, dù bạn gieo một hạt giống trên đất cát đá, ít nhất hành động bồ thí này chính là sự xả bỏ và nhờ bồ thí, bạn cho như vậy bạn mới tiêu trừ được tham ái. Hãy nhớ rằng chiến tranh đặt biệt đều bắt nguồn từ lòng tham. Chính lòng tham vô tận này không thể nào dập tắt được. Càng thu hoạch ta càng muốn thu hoạch thêm. Càng kiếm được tiền ta càng muốn kiếm tiền thêm. Càng tước đoạt của ai ta càng muốn tước đoạt thêm. Ta không bao giờ thỏa mãn. Khi một người chinh phục toàn thế giới, sau đó ông ta lại muốn chinh phục mặt trăng, sau cùng lại muốn chiến thắng cả mặt trời. Chẳng bao giờ thỏa mãn lòng tham muốn ngự trị, nhưng có một điều mãn nguyện là hình thành được chứng nghiệm đối nghịch—là sự từ bỏ.

Khi ta từ bỏ các vật vô thường dễ tan vỡ trên trần gian này, ta sẽ được món quà Niết Bàn thường trụ bất diệt. Khi từ bỏ sự vật dễ hư hoại (pháp vô thường) trên trần thế này ta sẽ được món quà Niết Bàn bất diệt. Nếu tham ái được khắc phục, ta sẽ hưởng được tâm thức an lạc như Đức Phật đã chứng đạt. Khi còn ở hoàng cung, Ngài không thể dập tắt được ngọn lửa tham ái của chính mình, Ngài cũng không thể diệt trừ được những khao khát lạc thú. Chính khi Ngài cương quyết viễn ly, đoạn tuyệt mọi cảm dỗ, Ngài mới chấm dứt được tất cả mê vọng.

Trong Kinh phân biệt vật cúng dường có đoạn ghi: *“Ở đây này Anan phước quả đạt được do đem của thí cho một con vật gấp 100 lần công đức; đem cho một thường dân không có đạo hạnh được 1000 lần công đức; đem cúng dường một Thánh Tăng đang tu tập thánh Đạo thì được vô lượng công đức không thể nghĩ bàn. Huống gì những cấp bậc tu tập cao hơn thì công đức không thể có lời nào diễn tả nổi. Huống gì là Thánh giả đã tìm ra chân lý như Đức Phật—bậc Giác Ngộ tối thượng lại càng không thể kể hết công đức của người thí chủ cúng dường đó.”*

Điều này ý muốn nói nếu bạn đem một ly nước bồ thí cho một con chó, bạn sẽ nhận lại 100 ly nước về sau. Nếu bạn đem một ly nước bồ thí cho một người dân thường, bạn sẽ nhận 1000 ly nước về sau. Nếu bạn đem một ly nước cúng dường cho một vị Thánh hay vị Alahán thì phần hồi hướng sẽ vô tận. Thế nên đây là một bảo hiểm về mặt tinh thần cao thượng nhất, bởi vì bồ thí hay cúng dường một ly nước mà bạn có thể nhận lại rất nhiều ly nước. Vì lẽ đó ta nên đầu tư vào





cuộc xô số tinh thần hơn là cuộc xô số thông thường không mấy hy vọng.

Làm thế nào để trở nên đẹp đẽ? Phương cách gì để có được sắc đẹp? Hãy diệt trừ sân hận bằng tình thương. Thực hành 5 học giới là đầy đủ tình thương.

1) Không sát hại và tàn bạo sinh vật (tránh ác) mà phóng sanh cứu mạng (làm lành).

2) Không lấy của không cho (tránh ác) mà cứu khổ (làm lành).

3) Không được có những thèm khát nhục dục hay tà dâm (tránh ác) mà khuyên giữ đạo lý thủy chung (làm lành).

4) Không nói láo, nói chuyện tầm phào, chia rẽ, ác khẩu (tránh ác) mà nói đúng thực tế, nói đoàn kết, ôn hòa, nhã nhặn, có văn hóa (làm lành).

5) Không uống rượu và các chất say tương đương kể cả ma túy, cờ bạc, đàng điếm (tránh ác) mà thận trọng giữ gìn thân thể trang kiện, tâm trí minh mẫn để khỏi mê mờ vì phạm các giới khác (làm lành).

Khi còn là một tín hữu của Thiên Chúa Giáo La Mã, tôi được dạy 10 điều răn và hiện nay khi tìm kiếm trong 10 điều răn tôi vẫn không thấy có điều răn nào dạy: “các con không nên uống rượu”.

Vì vậy tôi hết sức vui mừng được trở thành một Phật tử mà chỉ thọ trì có 5 giới thay vì 10 điều răn. Xét ra 5 giới còn hoàn hảo và cô đọng hơn 10 điều răn: Trong Phật Giáo không có điều răn nào; bởi vì không có ai ra lệnh cho chúng ta cả. Đức Phật chỉ khuyên bảo chúng ta thọ trì 5 học giới chứ không có lệnh nào hay khuyến cáo nào. Chúng ta hoàn toàn tự do. Chúng ta được đối xử như những triết gia chứ không phải con nít.

Giống như những triết gia, chúng ta hiểu biết điều gì đúng, điều gì sai. Một khi bạn được chỉ cho thấy con đường chân chính của mình, nếu bạn có kinh nghiệm, bạn

sẽ giữ gìn chánh đạo mà không sợ bị cưỡng ép bằng bất cứ một đe dọa hình phạt nào. Vì vậy vốn có khuynh hướng khoa học và triết học, tôi đương nhiên trở thành người con Phật; bởi vì tôi không muốn bị xử lý như một đứa trẻ nít mà là một người lớn. Trong Phật Giáo chúng ta đứng vững trên đôi chân của chính mình, chúng ta thực hành lòng tự tin. Đức Phật là bậc Đạo Sư chỉ đường, còn chúng ta là những hành giả đi trên con đường đó.

Con đường nào đưa đến sắc đẹp? Hãy mở rộng lòng yêu thương, lòng yêu thương ban cho sắc đẹp. Lòng yêu thương là mỹ phẩm đắt giá nhất. Sự sân hận đưa đến xấu xí. Xấu xí là cơn giận dữ kinh niên. Một thử nghiệm thực tế để chứng minh điều này. Hãy chọn một người đẹp trai, đánh bất ngờ đằng sau lưng anh ta một cú đấm thật mạnh. Hãy xem lập tức gương mặt anh ta trở nên giận dữ và xấu xí làm sao. Cùng lúc đó bạn thấy sự giận dữ làm anh ta xấu xí. Con giận làm thô kệch dị tướng con người.

Bạn thấy đó, lập tức giận dữ biến sắc đẹp thành xấu xí qua thử nghiệm này—có điều hơi nguy hiểm, bởi vì nếu bạn cố thử nghiệm đối với anh ta, thì anh ấy cũng có thể làm một cuộc thử nghiệm như vậy với chính bạn. Vì thế, thay vì tạo một thử nghiệm thực tế, bạn có thể áp dụng lời của tôi là thử nghiệm vào chính bản thân mình. Chúng ta hãy tràn ngập lòng yêu thương nếu bạn muốn được sắc đẹp, bởi vì lòng yêu thương là mỹ phẩm tuyệt hảo nhất.

Sau chiến tranh, hầu hết chúng ta đều bị suy liệt mọi mặt. Do sự kiện đó mà người ta tiêu phí quá nhiều, thay vì sử dụng tiền của để xây dựng trường đại học và những viện nghiên cứu trọng yếu, họ lại thích sử dụng đồng tiền để mua vũ khí. Thế nên những gì chúng ta phải làm là phải cố gắng thực hiện cuộc thử nghiệm đối diện. Nghĩa là cố vũ lòng yêu thương, bởi vì nếu ta sinh ra bị xấu xí, cho dù gương mặt ta có khó nhìn thế nào đi nữa, nếu ta rèn luyện lòng yêu thương vô lượng thì lòng đại từ bi này sẽ ban cho ta vẻ duyên dáng thâm kín phát lộ bên ngoài và tỏa ra toàn bộ chân tướng với vẻ duyên dáng nơi khuôn mặt. Chúng ta có thể gặp một người đẹp trai nhất, vậy mà nhiều khi ta không bị lôi cuốn, bởi vì vẻ đẹp của anh ta có thể bị méo mó, thô kệch do lòng tự phụ kiêu căng về vẻ đẹp của mình. Ta có thể thấy một người xấu xí mà tràn đầy lòng yêu thương vô tận, bạn thấy anh ta thật hấp dẫn làm sao, và lôi cuốn được mọi người.

Chúng ta có thể chọn những tấm gương sống động trong lịch sử. Nếu bạn nhìn về lịch sử Hy Lạp, hiền giả Socrate là người thông thái nhất Hy Lạp nhưng không minh triết nhất thế giới như Đức Phật dù cả hai cùng thời đại. Thật là kinh khủng làm sao trước Thiên Chúa giáo 600 năm, chúng ta lại có những bộ óc siêu phàm như Đức Phật ở Ấn Độ, Khổng Tử, Lão Tử ở Trung Quốc, Socrates, Platon và những vị khác ở Hy Lạp. Dù sao trí tuệ của Phật





là trí tuệ tâm linh còn trí tuệ của Socrates có khuynh hướng vật chất. Tuy nhiên trí tuệ của Socrates tỏa ra lòng thương vô hạn nên nhờ vậy đã thu hút được nhiều người.

Hiện nay bạn cứ nhìn vào tấm gương của thánh Gandhi tại Ấn Độ, tuy Ngài không đủ duyên để sinh ra có khuôn mặt đẹp như bạn biết rõ đó, nhưng với tinh thần Ahimsa bất bạo động của Ngài và bằng Giáo Pháp của Đức Phật, Ngài đã đạt được vẻ duyên dáng kỳ lạ, vẻ đẹp đã làm cho Ngài lôi cuốn được dân Ấn Độ và những người khác trên thế giới.

Vì lẽ đó chúng ta chớ nên tin vào những mỹ phẩm hóa trang, chúng chỉ tạo nên những sắc đẹp giả dối, không phải là vẻ đẹp chân thật. Chúng ta chỉ có thể trau dồi sắc đẹp bằng mỹ phẩm do chính Đức Phật ban tặng. Mỹ phẩm này vô giá nhưng đưa đến sắc đẹp chân thật mà người ta gọi là vẻ duyên dáng ở phương đông nhưng cũng gọi là vẻ quyến rũ ở phương tây.

Con đường đưa đến tuệ giác thì sao? Tu thiền định sẽ đoạn diệt vô minh. Cố gắng hiểu biết ba đặc tính của vạn pháp. Không có cái ngã nào biệt lập. Đoạn diệt lòng vị kỷ sẽ trở nên vô ngã. Người ta sinh ra bị ngu dốt là do kiếp trước họ không bao giờ quan tâm đến tri kiến. Họ luôn luôn kết thân với bạn bè thiếu trí tuệ, kể cả ngay lúc bắt chợt gặp một vị Thánh Tăng họ cũng không bao giờ băn khoăn đặt câu hỏi để nhờ quý Ngài khai thị các nghi vấn của mình.

Còn người sinh ra được khôn ngoan là nhờ kiếp trước họ luôn luôn tìm cầu tri kiến bằng cách tham học với các bậc Thánh Tăng. Cái gì đúng, cái gì sai, điều gì làm lỗi, điều gì vô tội, điều gì nên tu tập và điều gì không nên; hành động nào đưa đến hạnh phúc an lạc; hành động nào đưa đến bất hạnh và đau khổ. Hãy tìm, bạn sẽ thấy rằng bằng cách kiên trì tìm cầu tri kiến bạn sẽ đạt được tuệ giác.

Khi tham, sân, si đã đoạn diệt thì pháp hạnh bồ thí, tri giới, thiền định đưa đến kết quả vô tham, vô sân, vô si gọi là Niết Bàn tối thượng. Khi ta đến diện kiến một nhà Sư, ta không phải đến để nhìn mặt vị đó mà phải nhìn thấy được tâm thức của vị đó. Như cách nhìn tâm người không phải chỉ giữ im lặng để chiêm ngưỡng mà phải hỏi Đạo, vấn Pháp để tìm ra nguyên nhân của những sự việc nan giải và cần cầu Pháp học để có thể đoạn diệt điều ác.

Phải nhớ rằng Chân lý là tài sản cao quý nhất. Một người có thể giàu sang, nhiều tiền bạc nhưng nếu vị đó kém trí tuệ thì vẫn là kẻ bần cùng thua kém; ngược lại một người có thể nghèo kém tiền của nhưng lại là hàng trí giả, vị đó vẫn là bậc giàu sang được trọng nể.

Trong vài phút qua mà quý vị có thể học được làm thế nào để trở nên giàu có—bằng sự rộng lòng bố thí; trở nên sắc đẹp bằng tâm lòng chan hòa yêu thương và trở nên khôn khéo bằng sự tinh tấn tìm cầu Chân lý. Vì vậy tôi cứ tưởng tượng rằng sau khi học được cách trở nên giàu có, sắc đẹp và khôn khéo trong một thời gian ngắn, bạn sẽ hưởng được tiền của xứng đáng đó. Dù sao bạn cũng cần nhớ rằng điều đó không đủ để gọi là biết cách làm giàu, làm đẹp, làm cho khôn ngoan hơn người nếu bạn không có toa thuốc và lại không uống theo toa đó. Đương nhiên thuốc sẽ không có giá trị gì nếu bạn chỉ cầm thuốc và ngắm nghía mãi thay vì uống liền.

Trong Phật Giáo món ăn mà ta phải dùng là thực phẩm tâm linh và tinh thần, bởi vì toàn thể giới đang đau khổ vì thiếu thực phẩm tinh thần, đó là nguyên nhân của chiến tranh. Chúng ta phải thường dùng món ăn tinh thần hàng ngày. Thử nghĩ nếu chúng ta chỉ mất một bữa ăn thường thôi thì chắc chắn chúng ta sẽ la hét quạu quọ đủ thứ, còn khi mất một bữa ăn tinh thần thì chúng ta lại hoàn toàn hải lòng.

Một hôm khi đang thuyết giảng trong một trường học, một số nam sinh chợt nhớ có trận đấu bóng đá đang diễn ra. Chúng liền rời khỏi buổi giảng đang nửa chừng để tham dự trận đấu. Sau khi chúng đi khỏi tôi mới nói với số thỉnh giả còn lại rằng trận đấu của chúng ta là trận đấu tâm linh và chúng ta phải học cách nào để đá tung quả bóng Vô Minh để tận hưởng niềm an vui toàn thắng Niết Bàn. Chúng ta dùng thức ăn vật chất trong sạch thì tại sao ta lại không dùng món ăn tinh thần tinh khiết. Nếu bạn ngó lơ với hiệu sách và hỏi sách nào bán giá cao nhất, ông ta sẽ trả lời rằng loại sách càng bản thủ thì giá bán càng cao nhất. Nói cách khác, người ta thích món ăn loại văn chương ghê tởm chớ không thích loại đúng đắn. Vì vậy chúng ta nên dùng món ăn tinh khiết cho tâm thức. Món đó là “Kinh sách Phật”. Nếu bạn ham đọc sách Phật, tâm ý bạn sẽ được thuần hóa, minh triết. Nếu bạn đọc loại văn chương ứ nhiễm thì tâm thức bạn sẽ trở nên hôi tanh như đồng rác. Nhân nói chuyện về thức ăn khiến tôi nhớ đến

mẩu chuyện như sau: xưa có hai vợ chồng và đứa con cùng vượt qua sa mạc, khi tắt cả đèn nửa đường sa mạc





thì bổng lương thực khô cạn, và trong lúc tuyệt vọng không biết giải quyết cách nào, người chồng liền đề nghị với vợ: “Này hiền thê ! Trong tình thế nguy nan này, một người chết thì tốt hơn cả ba đều chết: Thế nên đây là cơ hội duy nhất chúng ta ăn thịt đứa con của chúng ta, có vậy chúng ta mới sống và vượt qua nửa đường sa mạc còn lại. Nếu không làm vậy thì cả ba đều chết”. Và rồi với nước mắt đầm đìa thương tiếc, họ giết và ăn thịt đứa con. Không phải họ ăn thịt con để được to mập hay dễ nhìn hoặc để trở thành một võ sĩ hay nhà đô vật, mà chỉ vì muốn vượt qua sa mạc, duy trì mạng sống chứ không mong gì hơn.

Tương tự Đức Phật đã dạy: này các Sa Môn, trong mỗi đĩa thức ăn ta dùng đều có cái chết. Tất cả đều là xương thịt của con cái mà chúng ta đành nuốt chửng để vượt qua biển khổ luân hồi mong tới được bờ bên kia giải thoát. Thế nên chúng ta chỉ ăn để sống chứ không phải sống ăn.

Không phải ăn vì lòng tham dục mà chỉ ăn để có sức khỏe vững bước trên đường Chánh đạo. Tại La Mã có số người ăn nhậu từ sáng đến tối, họ luôn luôn có mặt trong các quán rượu và ăn uống bội thực đến nỗi phải ói mửa tại phòng tắm và rồi sau đó phải hồi hã trở lại bàn nhậu và khởi sự trở lại một lần nữa. Thật bi thương khổ lụy.

Đó là nguyên nhân đưa đất nước đến chỗ suy sụp. Thế nên nếu bạn không muốn đất nước mình đi xuống, bạn nên có ý thức ăn để sống chứ không phải sống để ăn, bởi vì thức ăn giống như món y dược có công năng làm tĩnh lặng chứng bệnh đói khát của chúng sanh.

Nhân đây tôi muốn nói qua về món ăn tinh thần đầu tư chất xám. Quý vị hãy dừng mảnh cổ gắng thiết lập một trường Bồ Đề ở Singapore. Chúng ta nên cố vũ thực hiện cho được một cơ sở giáo dục Phật học (trường Bồ đề). Bởi vì nếu chúng ta gởi con em vào trường ngoại đạo là mở đường cho họ có dịp bắt cóc tâm thức các con em chúng ta. Họ rất muốn nắm giữ tâm hồn trẻ thơ nhỏ dại và dễ uốn nắn. Tôi dám chắc rằng nếu như người ta cố ăn trộm thân xác con em mình thì quý vị sẽ đau khổ rất nhiều, nhưng nếu họ ăn trộm tâm linh con em mình thì quý vị lại điềm nhiên, chớ không hề nhận ra đó là một đại họa của gia đình, cho họ hàng, xóm làng, đất nước, quê hương.

Nếu quý vị yêu thương con em và tín ngưỡng của mình thì quý vị phải làm sao thấy được con em của mình thông suốt nền giáo dục Phật học, có vậy tôn giáo của quý vị mới phát triển, con em của mình mới có một tương lai Phật học sáng chói, bởi vì trẻ em sẽ tránh sát hại súc vật và từ bỏ uống rượu.

Ở Tây phương người ta nói bắn giết thú vật là một hình thức thể thao và những ai giết giỏi nhiều con vật được gọi là nhà thể thao quán quân. Vì vậy quý vị nên cho con em mình theo học ở các trường Phật học. Ở Penang (Mã Lai) có nhiều trường Phật học nổi tiếng. Tôi vô cùng phấn khởi khi đề cập đến các học sinh ở trường đó. Vì thế hãy nhớ rằng chân lý chỉ thấm nhuần khi nào nó phát triển. Khi nó ngừng không phát triển, nó sẽ ứ đọng và suy tàn. Tín ngưỡng sẽ bế tắc và diệt vong nếu nó không phát huy. Phương pháp làm cho nó trưởng thành và sống mãi là thấy các con em của quý vị mãi mãi là Phật tử thuần thành. Tôi sắp sang hoàng Pháp bên Mỹ để nâng cao số Phật tử trên khắp thế giới, đáp lại với số nhà truyền giáo nước ngoài đã đến đây. Tôi còn nhớ ngày xưa Java là một nước Phật Giáo. Quý vị có thể đọc nhiều sách trong đó có đề cập nhiều ngôi chùa kỳ diệu lừng danh thế giới. Đừng cho phép tín ngưỡng của quý vị bị suy tàn do đặt tâm hồn mềm yếu non trẻ của con em quý vị trong tay những người không phải là Phật tử. Họ giống như những nhà điêu khắc dùng đất sét uốn nắn theo mẫu hình của họ. Khi nào thấy rằng các con em của chúng ta được huấn luyện theo đường lối của Phật Giáo nghiêm túc thì Đạo Phật của chúng ta mới hy vọng phát huy rộng khắp thế giới. Trong những năm Phật lịch 2500 trở đi, Phật Giáo như một cái dù che kín vũ trụ thoát khỏi ngọn lửa đau khổ. Khổ đau và khoái lạc chỉ là một; chúng không tách rời nhau, chính Phật Giáo đã khai thị con đường giải thoát như vậy.

TT Thích Giải Thông-Phỏng dịch theo bản tiếng Anh The light of truth của Giảng sư LOKANATHA Do The Singapore Maha Bodhi School xuất bản





Mời tất cả đọc bài diễn văn của ông Steven Jobs đọc trong buổi lễ ra trường của đại học Stanford. Ông là người sáng lập ra hãng Apple rất nổi tiếng ở Silicon Valley. Rất nhiều người biết đến ông, nhất là trong ngành IT. Steven Jobs theo Phật Giáo, và có thời gian tu tập tại Ấn Độ, và là một người ăn chay trường.

Đây là bài diễn văn của ông:



Apple - (Steven Jobs)

Tôi rất vinh dự được có mặt tại lễ phát bằng tốt nghiệp của các bạn ngày hôm nay tại một trường đại học danh giá bậc nhất thế giới. Tôi chưa bao giờ có bằng tốt nghiệp đại học.

Nói một cách trung thực nhất thì thực ra, tôi chưa bao giờ học đại học. Ngày hôm nay, tôi muốn kể cho các bạn nghe ba câu chuyện đã từng xảy ra trong cuộc đời tôi. Chỉ như vậy thôi, không có gì to lớn, chỉ đơn giản là ba câu chuyện.

Câu chuyện thứ nhất là về việc kết nối những dấu chấm

(Connecting the dots – nối những dấu chấm từ hàng vạn cái chấm hỗn độn - để thấy con đường mình sẽ phải đi)

Tôi đã bỏ học chỉ sau sáu tháng theo học trường cao đẳng Reed, tôi lưu lại đó tạm thời trong vòng 18 tháng nữa trước khi tôi chính thức rời trường Reed.

Tại sao tôi lại bỏ học?

Tôi đã bắt đầu điều đó khi tôi mới được sinh ra. Mẹ ruột của tôi là một nữ sinh viên

trẻ, độc thân và bà đã quyết định cho tôi đi làm con nuôi. Bà thực sự muốn tôi được làm con nuôi của những người đã tốt nghiệp đại học. Vì thế, tất cả mọi chuyện đã được sắp đặt để tôi trở thành con nuôi của một cặp vợ chồng luật sư. Tuy nhiên, tất cả chuyện đó đã bị thay đổi ở phút cuối cùng khi tôi vừa cất tiếng khóc chào đời, họ đã đổi ý và muốn nhận một đứa bé gái làm con nuôi chứ không phải tôi.

Chính vì thế, bố mẹ nuôi của tôi hiện giờ đã nhận được một cú điện thoại vào lúc nửa đêm hỏi có muốn nhận tôi, một đứa bé trai được sinh ra không mong đợi, làm con nuôi hay không. Bố mẹ tôi đã trả lời rằng tất nhiên rồi. Tuy nhiên, sau đó, mẹ ruột của tôi biết được mẹ nuôi tương lai của tôi chưa tốt nghiệp đại học và bố nuôi của tôi chưa tốt nghiệp trung học, bà đã từ chối ký vào giấy tờ giao nhận con nuôi. Một vài tháng sau bà mới đồng ý khi bố mẹ nuôi của tôi hứa sẽ cho tôi đi học đại học.

17 năm sau, tôi cũng vào đại học, nhưng tôi đã rất ngây thơ khi chọn một trường đại học danh giá ngang hàng với Stanford. Tất cả tiền tiết kiệm của bố mẹ tôi đã phải dành để đóng học phí cho tôi. Sau sáu tháng, tôi chẳng thấy được ích lợi gì của việc học đại học. Tôi chẳng có một câu trả lời nào về việc tôi sẽ làm gì với cuộc đời của mình và cũng chẳng tin rằng trường đại học có thể giúp tôi trả lời câu hỏi đó. Tôi đã tiêu tất cả tiền tiết kiệm của bố mẹ tôi dành dụm phòng khi về hưu vào trường đại học. Vì vậy tôi đã quyết định bỏ học và tin tưởng rằng rồi mọi chuyện cũng sẽ tốt đẹp thôi. Tại thời điểm đó, mọi việc dường như có vẻ rất khó khăn nhưng khi nhìn lại, tôi lại thấy rằng đó là một quyết định đúng đắn nhất của tôi. Giây phút mà tôi bỏ học, tôi đã từ bỏ những môn học mà tôi không hề thích, thay vào đó, tôi bắt đầu tìm hiểu những môn học khác có vẻ như thú vị hơn rất nhiều.

Mọi chuyện không diễn ra nhẹ nhàng một chút nào. Tôi không có phòng trọ vì thế, tôi phải ngủ nhờ dưới sàn nhà trong phòng trọ của các bạn tôi. Tôi kiếm tiền mua đồ ăn bằng \$5, tiền công trả lại các chai Coca-cola và mỗi





tuần tôi đi bộ 7 dặm qua phía bên kia thành phố để có được một bữa ăn ngon ở trại Hare Krishna. Tôi rất thích những món ăn ở đó. Sau này, tôi mới biết được rằng những gì mà tôi đã phải trải qua khi cố gắng theo đuổi niềm đam mê của mình là vô giá. Tôi sẽ lấy một ví dụ cho các bạn:

Có lẽ ở thời điểm đó, trường Reed là trường duy nhất của cả nước giới thiệu nghệ thuật viết chữ đẹp. Ở tất cả các khu học xá, tất cả các poster, tiêu đề của tất cả các tranh vẽ đều được viết tay rất đẹp. Vì tôi đã thôi học và không phải tham gia vào những khóa học bắt buộc thông thường nên tôi đã quyết định tham gia khóa học nghệ thuật viết chữ đẹp. Tôi học cách viết các chữ có nét ở chân, những biến đổi về khoảng cách giữa các nét chữ, học cách trình bày một bản in lớn sao cho đẹp. Tôi nhận thấy rằng đây là một môn học mang tính nghệ thuật, lịch sử và đẹp một cách tinh vi mà khoa học không thể làm được.

Những thứ đó dường như chẳng có ý nghĩa thực tế gì cho cuộc sống của tôi. Tuy nhiên, 10 năm sau này, khi chúng tôi đang thiết kế thế hệ đầu tiên của máy tính Macintosh, tất cả những điều đó dường như lại trở lại với tôi và chúng tôi đã thiết kế để cài đặt tất cả những mẫu chữ đó vào máy tính, Macintosh là máy tính đầu tiên có những mẫu chữ nghệ thuật rất đẹp. Nếu như tôi không tham gia vào khóa học đó ở trường thì Mac sẽ chẳng bao giờ có nhiều phong chữ như vậy. Kể từ khi Windows copy những mẫu chữ đó của Mac thì không có một máy tính cá nhân nào không có những phong chữ đó. Nếu tôi không bỏ học và không tham gia vào khóa học viết chữ đẹp thì tất cả các máy tính cá nhân bây giờ có thể chẳng có được chúng. Tất nhiên là khi tôi đang ở trường đại học thì tôi không thể kết nối những điểm mốc đó khi nó còn đang ở tương lai phía trước. Nhưng 10 năm sau thì những điều đó rất, rất rõ ràng.

Một lần nữa tôi muốn nói với các bạn rằng, chúng ta không thể biết những điểm mốc có nối kết với nhau trong tương lai không, các bạn chỉ có thể biết những điều đó khi nhìn lại mà thôi. Vì thế, các bạn hãy tin tưởng rằng, theo một cách nào đó, những điểm mốc sẽ nối kết với nhau trong tương lai của bạn. Các bạn cũng cần phải tin vào một số thứ khác như: sự quyết tâm, vận mệnh, cuộc sống, nhân quả hoặc bất cứ cái gì. Phương pháp đó chưa bao giờ làm tôi thất vọng và nó đã tạo ra những thay đổi trong cuộc sống của tôi.

Câu chuyện thứ hai của tôi là về tình yêu và sự mất mát.

Tôi đã rất may mắn khi tôi đã muốn bắt đầu làm việc từ rất sớm. Woz và tôi đã bắt đầu những trang đầu tiên cho lịch sử của Apple trong gara của bố mẹ tôi khi tôi mới 20 tuổi. Chúng tôi đã làm việc rất chăm chỉ để sau 10 năm, từ chỗ chỉ có 2 người, trong cái gara bé nhỏ, Apple đã phát triển thành một công ty trị giá 2 tỷ đô la Mỹ với hơn 4000 nhân viên. Một năm trước đây, chúng tôi vừa mới bỏ đi sáng tạo đầu tiên của mình, máy tính Macintosh và tôi vừa mới bước sang tuổi 30. Sau đó, tôi bị sa thải. Làm sao mà bạn lại có thể bị sa thải bởi một công ty mà bạn đã sáng lập ra nó ? Oh, khi mà Apple đã phát triển lớn hơn, tôi đã thuê một người mà tôi đánh giá là có khả năng cùng tôi lãnh đạo công ty.

Khoảng một năm gì đó, tình hình có vẻ rất khả quan. Nhưng sau đó, quan điểm của chúng tôi về tương lai bắt đầu khác nhau, thậm chí chúng tôi còn trở nên bất hòa. Khi có mối bất hòa đó xảy ra giữa chúng tôi, hội đồng quản trị đã đứng về phía anh ta, và tôi, ở tuổi 30, đã bị sa thải một cách rất rõ ràng. Những điều mà tôi theo đuổi trong suốt cuộc đời đã biến mất, chúng đã bị phá hủy.

Trong một vài tháng, tôi đã thực sự chẳng biết phải làm cái gì. Tôi cảm giác rằng mình đã làm cho những thế hệ đi trước tôi thất vọng và rằng tôi đã đánh rơi lá cờ khi nó đã được chuyển đến tay tôi. Tôi đã gặp David Packard và Bob Noyce, cố gắng xin lỗi cho việc cư xử không hay của mình. Tôi đã thua một cách rõ ràng và thậm chí, tôi đã có ý định bỏ cuộc. Nhưng có một cái gì đó bắt đầu chậm chậm sáng lên trong tôi. Tôi vẫn rất yêu quý những gì tôi đã tạo ra. Sự việc xảy ra ở Apple có thay đổi tình yêu đó một chút nhưng trong tôi, tình yêu ấy vẫn còn. Chính vì thế, tôi đã quyết định bắt đầu lại.

Ngay lúc đó tôi không nhận thấy, nhưng sau này, tôi mới biết rằng việc tôi bị Apple sa thải hóa ra lại là một việc tốt đẹp nhất trong cuộc đời tôi. Gánh nặng của sự thành công đã được thay thế bằng ánh sáng của sự bắt đầu mới tuy không có điều gì chắc chắn. Tôi đã để cho mình tự do bước vào một quãng đời đầy những sáng tạo của cuộc đời mình.

Trong khoảng 5 năm sau đó, tôi đã bắt đầu xây dựng công ty NeXT và một công ty khác tên là Pixar. Tôi gặp và đã yêu một người phụ nữ tuyệt vời, chính là vợ tôi sau này. Pixar đã sáng tạo ra phim truyện hoạt hình máy tính đầu tiên trên thế giới, câu chuyện đồ chơi. Hiện tại, nó đã trở thành xưởng phim hoạt hình thành công nhất trên thế giới.





Một sự kiện thay đổi đáng ghi nhớ đã xảy ra khi Apple mua NeXT, tôi trở lại Apple, những kỹ thuật mà NeXT đã phát triển trở thành nguồn sinh khí cho thời kỳ phục hồi của Apple.

Tôi và Laurene cũng có một gia đình hạnh phúc.

Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng tất cả những điều đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra nếu tôi không bị Apple sa thải. Đó là một viên thuốc đắng nhưng tôi chắc bệnh nhân sẽ rất cần đến nó.

Đôi khi cuộc sống dường như muốn cố tình đánh ngã bạn. Nhưng hãy đừng mất lòng tin. Tôi biết chắc chắn rằng, điều duy nhất đã giúp tôi tiếp tục bước đi chính là tình yêu của tôi dành cho những gì tôi đã làm. Các bạn phải tìm ra được cái các bạn yêu quý. Điều đó luôn đúng cho công việc và cho cả những người thân yêu của bạn. Công việc sẽ chiếm phần lớn cuộc đời bạn và cách duy nhất để thành công một cách thực sự là hãy làm những việc mà bạn tin rằng đó là những việc tuyệt vời. Và cách để tạo ra những công việc tuyệt vời là bạn hãy yêu việc mình làm. Nếu như các bạn chưa tìm thấy nó, hãy tiếp tục tìm kiếm. Đừng bỏ cuộc bởi vì bằng trái tim bạn, bạn sẽ biết khi bạn tìm thấy nó. Và cũng sẽ giống như bất kỳ một mối quan hệ nào, nó sẽ trở nên tốt dần lên khi năm tháng qua đi. Vì vậy hãy cố gắng tìm kiếm cho đến khi nào bạn tìm ra được tình yêu của mình, đừng từ bỏ.

Câu chuyện thứ ba của tôi là về cái chết.

Khi tôi 17 tuổi, tôi đã đọc được một câu châm ngôn như sau: Nếu bạn sống mỗi ngày đều như ngày cuối cùng của cuộc đời mình, một ngày nào đó bạn sẽ hoàn toàn tin tưởng rằng bạn đã đúng. Câu châm ngôn đó đã để lại ấn tượng rất sâu trong tôi và kể từ đó, trong suốt 33 năm qua, tôi luôn nhìn vào gương mỗi buổi sáng và tự hỏi mình: nếu ngày hôm nay là ngày cuối cùng của cuộc đời tôi, tôi sẽ muốn làm gì và tôi chuẩn bị làm gì hôm nay? Và nếu trong nhiều ngày, câu trả lời vẫn là “không” thì tôi biết, tôi cần phải thay đổi điều gì đó.

Suy nghĩ rằng mình sắp chết chính là điều quan trọng đã động viên tôi tạo ra cơ hội lớn cho cuộc đời mình. Bởi vì tất cả mọi điều từ sự kỳ vọng của mọi người vào bạn, tất cả mọi niềm tự hào cho đến nỗi sợ phải đối mặt với sự xấu hổ hay thất bại, tất cả sẽ biến mất khi bạn phải đối mặt với cái chết. Khi đó, chỉ còn lại điều gì thực sự quan trọng. Ý nghĩ rằng chúng ta đang đối mặt với cái chết, khi chúng ta sắp chẳng còn gì nữa, là cách tốt nhất mà tôi

biết để tránh khỏi việc chúng ta cảm thấy sợ hãi khi sắp đánh mất đi thứ gì đó.

Chẳng có lý do gì để bạn không lắng nghe sự mách bảo của trái tim mình.

Khoảng một năm trước đây tôi đã bị chẩn đoán là bị ung thư. Tôi đã chụp cắt lớp lúc 7:30 sáng và trên phim hiện rõ ràng một khối u trong tuyến tụy. Thậm chí tôi chẳng biết tuyến tụy là cái gì. Các bác sỹ nói với tôi rằng đây là một dạng của ung thư và bệnh này không chữa được, rằng tôi nên chuẩn bị tinh thần mình sẽ chỉ sống được từ 3 đến 6 tháng nữa thôi. Bác sỹ của tôi khuyên tôi về nhà và sắp xếp lại các công việc của mình, đó là cách họ nói khi khuyên bệnh nhân chuẩn bị cho cái chết. Điều đó có nghĩa là hãy về và sử dụng mấy tháng còn lại để nói với các con bạn những gì mà bạn dự định sẽ nói với chúng trong khoảng mười năm tới. Điều đó cũng có nghĩa là hãy cố gắng kín đáo để gia đình bạn có thể chấp nhận điều này một cách dễ dàng hơn. Điều đó có nghĩa là bạn hãy nói lời vĩnh biệt.

Tất cả mọi ngày tôi đều sống với sự chẩn đoán đó. Sau đó, vào một buổi tối, tôi tiến hành kiểm tra sinh thiết, họ đốt một cái ống qua cổ họng tôi, luồn sâu xuống dạ dày, sâu xuống ruột, ấn một cái kim vào tuyến tụy của tôi để lấy mẫu một số tế bào của khối u. Khi đó, tôi rất bình thản, nhưng vợ tôi, người có mặt lúc đó đã kể với tôi rằng khi các bác sỹ phân tích những tế bào đó dưới kính hiển vi, họ đã reo lên khi phát hiện ra rằng đây là một trường hợp ung thư tuyến tụy hiếm hoi có thể chữa được bằng cách phẫu thuật. Tôi đã được phẫu thuật và bây giờ tôi đã khỏe lại.

Đó là cảm giác mà tôi đã có khi phải đối mặt với cái chết và tôi cũng hy vọng tôi sẽ còn cái cảm giác đó một vài thập kỷ nữa. Khi đã từng trải qua điều đó, tôi có thể nói với các bạn một cách chắc chắn hơn là chỉ đơn thuần nhắc đến cái chết như là một điều hữu ích nhưng chỉ hoàn toàn là một nội dung mang tính trí tuệ mà thôi.

Không ai muốn chết. Thậm chí những người muốn được lên thiên đàng cũng không muốn chết chỉ vì muốn được lên đó. Và cái chết là cái đích mà tất cả chúng ta đều phải đến, không ai trong chúng ta thoát khỏi nó. Và đó là cách mà nó phải diễn ra bởi lẽ cái chết chính là sáng tạo tuyệt vời nhất của cuộc sống. Đó chính là tác nhân thay đổi cuộc sống. Nó loại đi những người già để mở đường cho những người trẻ. Ngay lúc này, các bạn đang là những





người trẻ tuổi, nhưng sẽ không lâu nữa, khi các bạn tốt nghiệp, rồi trở nên già đi, và sẽ bị loại bỏ.

Tôi xin lỗi vì có vẻ như tôi hơi xúc động nhưng điều đó là sự thật.

Thời gian của các bạn là có hạn, vì thế đừng lãng phí để sống cho một cuộc đời ai đó. Đừng nhốt mình trong những tín điều nào đó, sống như vậy là sông bằng suy nghĩ của những người khác. Đừng để quan điểm của những người khác làm mờ nhạt đi quan điểm của chính bản thân bạn.

Điều quan trọng nhất là bạn hãy dũng cảm đi theo sự mách bảo của trái tim và trực giác của mình. Bằng cách nào đó, chúng biết rõ bạn thực sự muốn trở thành cái gì. Những điều khác chỉ là thứ yếu.

Khi tôi còn trẻ, có một cuốn sách kỳ lạ được xuất bản với cái tên Cẩm nang toàn thế giới (the Whole Earth Catalog), cuốn sách này giống như kinh thánh của thế hệ chúng tôi. Người sáng tạo ra cuốn sách này là Steward Brand, một nghiên cứu sinh ở Menlo Park, cách đây không xa. Anh ta đã tạo ra nó bằng cảm giác đầy tính thi sỹ của mình. Thời điểm đó là vào cuối thập kỷ 60, trước khi có máy tính cá nhân và máy tính xách tay. Tất cả cuốn sách được đánh bằng máy chữ, cắt bằng kéo và bằng máy ảnh. Nó giống như trang Google trên giấy vậy, 35 năm trước khi có trang Google. Nó thực sự mang tính duy tâm, được tạo ra từ những công cụ tinh xảo và những ý tưởng vĩ đại.

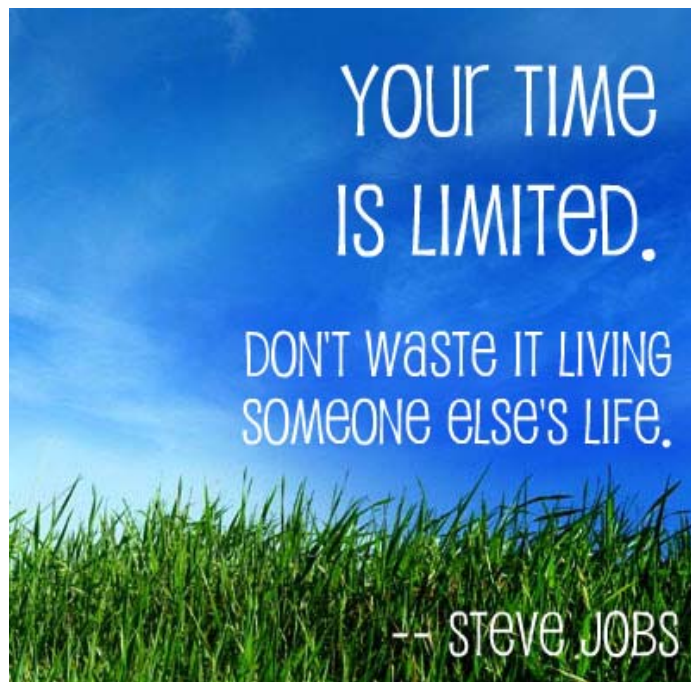
Steward và các đồng sự của ông đã xuất bản một số tập của Cẩm nang toàn thế giới và sau đó, họ xuất bản tập cuối cùng. Thời gian đó vào khoảng giữa những năm 70 và tôi chỉ bằng tuổi các bạn bây giờ. Ở trang bìa sau của cuốn sách có in ảnh một con đường vùng nông thôn trong ánh bình minh, điều mà bạn có thể tìm thấy sự an bình nếu bạn là người ưa mạo hiểm. Bên dưới tấm ảnh có dòng chữ: “Hãy luôn khao khát. Hãy cứ dại khờ” Đó là lời tạm biệt của họ khi kết thúc cuốn sách. “Hãy luôn khao khát. Hãy cứ dại khờ” (Stay Hungry, Stay Foolish). Và tôi luôn cầu chúc điều đó cho chính mình. Ngày hôm nay, các bạn đã tốt nghiệp và chuẩn bị bước vào con đường mới, tôi cầu chúc điều đó cho các bạn.

Hãy luôn khao khát. Hãy cứ dại khờ.

Cảm ơn các bạn rất nhiều.

S.J.

(June 12, 2005, Stanford)



Steve says:

Death is very likely the single best invention of life. It's life's change agent. It clears out the old, to make room for the new.

Right now the new is you. But you won't always be. Someday, you'll be the old.

Your time is limited, so don't waste it living someone else's life.

Don't be trapped by dogma — which is living with the results of other people's thinking.

Don't let the noise of others' opinions drown out your own inner voice.

And most important, have the courage to follow your heart and intuition. They somehow already know what you truly want to become. Everything else is secondary.





Phật Giáo Truyền Thống Tây Tạng

Buddhism in the Tibetan Tradition.
*Nguyên tác của Geshe Kelsang Gyatso,
Bản Việt ngữ của Thích nữ Trí Hải.*

GIỚI THIỆU

Một sự trình bày rõ ràng và trung thực về Phật giáo Tây Tạng, quyển sách này trình bày căn bản của Phật pháp theo một đường lối mà mọi người đều có thể hiểu được khi đọc và dễ dàng tu tập trong cuộc sống hàng ngày. Được soạn thảo riêng cho những người mới tìm hiểu vấn đề này lần đầu tiên, quyển sách này cũng còn cung cấp những kiến thức quý báu cho những đệ tử đã thông hiểu Phật giáo Tây Tạng.

Tác giả trình bày Phật pháp với một tấm lòng từ bi và thận trọng, giảng dạy cách thức đào luyện sự thực chứng nội tâm để bảo vệ chúng sinh khỏi đau khổ. Ngài cũng vạch ra con đường để phát huy tâm từ và tạo được sự yên ổn cho chính họ và những người khác. Ngài cũng bàn đến những vấn đề như sự tái sinh, nghiệp và quả, tánh không, giải thoát và giác ngộ.

Mặc dù mỗi con người đều có những mục đích và cách sống khác nhau, song chúng ta đều quan tâm về cách thức làm thế nào tránh những khổ đau và tìm đến hạnh phúc cho riêng mình. Thực hành những điều như nhẫn, bi và tâm, thực chứng về tánh không để đào luyện tâm vị tha của sự giác ngộ sẽ giúp chúng ta đạt được điều này. Khi đọc quyển sách này, hãy suy tưởng về ý nghĩa của nó và đem tất cả vào thực hành, chúng ta sẽ đạt được sự thông suốt về con đường tâm linh thâm thúy này.

LỜI NÓI ĐẦU

Thường thường những người có ý thích nghiên cứu về Phật giáo Tây Tạng thường bị trở ngại vì họ không thể nào tìm được một quyển sách mà họ có thể thông hiểu được dễ dàng. Điều này càng đúng hơn nữa cho những ai đã đề cả đời để kiếm sống, sự áp lực và căng thẳng đã làm cho họ không có thì giờ cho chuyện gì khác. Cùng lúc đó, cách sống hiện tại của chúng ta đã không giúp gì được để giải quyết những khó khăn của chúng ta, và thực sự, chỉ có một cách đúng nhất để sống cuộc sống ít ít căng thẳng dường như là phát triển khả năng về tinh thần và tín ngưỡng.

Vì vậy tôi sung sướng được biết Geshe Kelsang Gyatso có ý định trình bày cái căn bản giáo lý Phật trong một cách mà mọi người có thể thu thập được và thực hành trong cuộc sống hàng ngày của họ. Tôi rất cảm ơn dịch giả và nhà xuất bản cho sự đóng góp của họ.

H.H.The Dalai Lama.

CHƯƠNG 1

PHÁP LÀ GÌ?

Tất cả chúng ta đều có được một thân người, điều ấy còn có giá trị hơn cả cây đèn thần của Aladin - nếu chúng ta biết sử dụng nó. Nếu không biết sử dụng thân người của mình, thì sự việc mang một thân người không có giá trị lớn lao gì cho lắm. Không biết sử dụng thân người của mình thì cũng giống như người có tài sản lớn, nhưng thay vì dùng nó để giúp người thì lại hại người.

Thật vô cùng quan trọng để sử dụng đúng tiềm năng thân xác. Lý do tại sao mà điều này quan trọng là bởi vì thân người thật hiếm có và đầy ý nghĩa. Dù trên thế giới có bao nhiêu người đi nữa, mỗi người cũng chỉ có được một cái thân mà thôi. Như mọi người đều biết, một người không thể duy trì hai thân xác. Mặc dù một người nam hay nữ có thể sắm nhiều nhà, nhiều xe, nhưng họ chỉ có thể giữ được một cái thân xác mà thôi. Lại nữa, khi chiếc xe hơi hay sở hữu khác của ta bị hỏng, chúng ta có thể thay cái khác; thế nhưng, khi thân xác chúng ta hư hoại thì không





thể nào mua hay mượn một thân khác được. Vì thể thân người này là tài sản hiếm hoi nhất của chúng ta.

Thân xác chúng ta không chỉ hiếm hoi mà còn đầy ý nghĩa. Điều này có nghĩa rằng chúng ta có thể đạt đến hạnh phúc tối thượng nhờ sự dụng thân người của ta một cách thích đáng. Chỉ có pháp mới là phương sách để đạt hạnh phúc tối thượng đó.

Nói chung, pháp là những lời dạy của đức Phật, nhưng nghĩa thật của pháp là những thực chứng nội tâm trực tiếp che chở cho hữu tình (chúng sinh) thoát khỏi những đau khổ (the inner realizations which directly protect living being from their sufferings). Nếu không quán xét bản chất của pháp, thì ta sẽ không thể hiểu được những lợi ích, khả năng và vai trò của pháp, và cũng không thể xét xem chúng ta có cần pháp hay không.

Danh từ "Pháp" tiếng Phạn là "Dharma" nghĩa đen là "cái gì gìn giữ". Chính là pháp đã giữ gìn chúng sinh tránh khỏi những khổ đau, lo sợ và hiểm nguy. Tuy thế, nếu chúng ta muốn thoát khỏi những vấn đề và đau khổ của chính mình, thì ta cần phải thi thố một nỗ lực lớn lao để đạt đến sự chứng ngộ pháp. Cũng như một phương thuốc dù rất công hiệu, mà người bệnh không chịu uống thì bệnh cũng không thể lành.

Pháp ví như thuốc, Phật như bác sĩ, và đoàn thể những người thực hành pháp ví như những người điều dưỡng. Như người bệnh cần lương y, thuốc đúng bệnh và người điều dưỡng tốt, cũng vậy, chúng ta cần nương tựa Phật như bác sĩ, nương tựa pháp như thuốc, nương tựa tăng đoàn như những người điều dưỡng, nếu chúng ta muốn thoát khỏi những khổ đau.

Pháp bảo vệ ta một cách trực tiếp như thế nào? Nếu ta đạt được vài kinh nghiệm tâm linh, thì những kinh nghiệm này chắc chắn sẽ giải quyết vài vấn đề nội tâm của ta. Ví dụ nếu ta thực chứng và có kinh nghiệm về sự nhẫn nhục, thì điều này sẽ giải quyết cho ta mọi vấn đề do giận dữ gây nên. Cũng vậy, nếu chúng ta thành tựu được sự thực chứng về lòng bi mẫn thì điều này sẽ giải quyết mọi rắc rối phát sinh do thói ganh tỵ. Và cuối cùng, nếu ta đạt thực chứng về tánh không (realization of emptiness) - bản chất tối hậu của mọi hiện tượng (the ultimate nature of all phenomena) - thì sự thực chứng này sẽ giải quyết tất cả mọi vấn đề của chúng ta và trừ khử mọi đau khổ. Tóm lại, những thực chứng về pháp tận diệt mọi vấn đề nội tâm của ta và đưa ta đến sự bình an tạm thời và vĩnh cửu.

Ngoài những đức tính nói trên, pháp còn có đặc tính là làm nơi nương tựa vững chắc cho chúng ta. Một số người nghĩ rằng

của cải, tài sản, thân quyến, bạn bè có thể giải quyết những vấn đề của mình và giúp mình được an tâm. Như thế là họ lấy những thứ này làm chỗ quy y để đỡ khổ đau. Dĩ nhiên, đôi khi tài sản, thân quyến hay bạn bè có thể giải quyết một số vấn đề và đem lại cho ta một vài hạnh phúc. Nhưng có nhiều vấn đề họ không thể giải quyết mà đôi khi còn tạo thêm rắc rối và đau khổ cho ta. Ta không thể dựa vào tài sản, thân quyến, bạn bè để giúp đỡ mình trong mọi tình huống. Bởi thế đây không phải là chỗ nương tựa chắc chắn cho ta. Ngoài pháp ra, ta không thể tìm thấy được một chỗ nương tựa nào thực sự.

Theo truyền thống, trước khi thuyết pháp, những vị Lạt ma nói lời dẫn nhập. Mục đích của việc này là để thiết lập một cách khởi tâm chính đáng về phía vị thầy cũng như về phía đệ tử. Phù hợp với truyền thống này, ở đây sẽ giải thích một câu thơ mà bậc thầy đã làm để khuyên một ông vua, bạn của ngài. Câu thơ ấy như sau:

"Thân thể hiện tại của bạn chỉ như vật mượn của người khác"

Điều này có nghĩa rằng nguồn gốc xác thân ta thuộc về những người khác. Cái thân ta phát triển từ sự giao hợp giữa tinh chất của cha và trứng của mẹ. Thần thức nhập vào sự giao hợp ấy rồi từ từ thân ta phát triển.

Khi chết chúng ta không thể nào mang thân xác chúng ta qua đời sống mới. Chúng ta không thể ngăn cản sự tàn tạ và tan rã của thân xác sau khi chết. Do đó mà nói rằng tâm giống như người khách ở trong cái nhà trọ - là thân xác. Chúng ta rất nên ghi nhớ và quán tưởng điều quan trọng này, chính vì chúng ta thường chấp chặt thân xác của mình (strong clinging to our body). Câu thơ này rất thích hợp cho chúng ta ngày nay cũng như khi nó được thốt lên cho vị vua ngày trước.

Khi chết thần thức lìa thân xác như một du khách rời bỏ nhà trọ để đi đến nơi khác. Một số người có trình độ tu chứng cao có thể di chuyển thần thức qua thân xác khác theo ý muốn, y hệt như người ta dọn đến nhà mới. Chúng ta nên luôn quán tưởng điều không thể tránh là ta phải rời bỏ thân xác vào lúc chết, và ý thức rằng mình chỉ như một du khách trên đời này, không phải vĩnh viễn dính liền với thân xác hiện hữu.

Ý tưởng cho rằng chúng ta sẽ ở nơi này mãi mãi đưa đến nhiều vấn đề rắc rối. Khi ấy bản ngã cố gắng tự che chở bằng cách vây quanh mình đủ thứ phụ tùng trên đời, như những sở hữu và thành công về mặt thế gian. Chúng ta quên rằng vào lúc chết, ta cần phải để lại đằng sau tất cả những thứ ấy. Chúng ta không hy vọng được lợi ích nhiều nơi pháp nếu chỉ thụ động ngồi nghe hay đọc, như thể là đang xem truyền hình. Ta có thể





được vài lợi ích nhờ nghiên cứu pháp trên bình diện tri thức, nhưng muốn được lợi toàn vẹn, thì ta phải sống với pháp bằng tất cả con người mình và thực chứng pháp bằng kinh nghiệm bản thân.

"Mặc dù thân của bạn chỉ như một nhà khách, nếu thực hành pháp, bạn sẽ được nhiều kết quả".

Điều này có nghĩa rằng nên sử dụng thân xác ta, mà ta chỉ có được trong một thời gian ngắn, để thực hành pháp. Ta không nên lãng phí thân người như dụng cụ quý báu này, vì nó có thể giúp ta đạt tới giác ngộ. Nếu sử dụng sai, thì thân xác này có thể phạm đủ thứ ác nghiệp thay vì giúp chúng ta đi trên con đường tu tâm. Nhưng nhờ thực hành pháp mà chúng ta có thể thành tựu trọn vẹn tiềm năng của thân người.

Nhờ thực hành pháp ta có thể thành tựu ba ý nghĩa (hay mục đích). Ý nghĩa cao nhất là đạt đến toàn giác (to reach full Enlightenment), thành Phật ngay trong đời này. Loại ý nghĩa trung bình là sự đạt giải thoát cho riêng mình khỏi những sợ hãi và khổ đau trong vòng sanh tử. Mục đích thấp nhất là cố gắng để được tâm an ổn, để tự giải quyết những vấn đề nội tâm mình và để khỏi sinh vào các đọa xứ. Như thế, bậc thầy đã khuyên nhà vua bạn mình thực hành pháp, nhắm đến một trong ba phạm vi hay ba tầng mức ý nghĩa này.

Loại người chúng ta có được cơ may thực hành pháp là nhờ thân người quý báu của chúng ta. Khi biết điều này và thấy được lợi lạc rộng rãi mà chúng ta có thể đạt được, thì chúng ta nên cố gắng học hiểu và thực hành Phật pháp. Những chương sau đây sẽ đưa ra vài giải thích về cách thức làm sao để thực hiện việc này.

CHƯƠNG 2

THIỆN TÂM

Khi bậc thầy vĩ đại của Phật giáo là Atisha sống ở Tây Tạng, có nhiều người đến thăm ngài. Mỗi khi gặp bất cứ người nào, Atisha cũng hỏi câu này:

- Bạn có lòng tốt không?
- Thông thường mỗi khi gặp ai ta hỏi:
- Mạnh khỏe không?

Nhưng Atisha đã đặt một câu hỏi sâu sắc hơn. Ngài công nhận rằng bất cứ người nào có tâm tốt là một người tốt. Mỗi lần Atisha khuyên dạy người nào, ngài nói:

- Hãy cố đào luyện thiện tâm.

Tùy thuộc vào bản chất của tâm chúng ta mà chúng ta làm những hành vi tốt hay xấu. Một tâm xấu (hay tâm tiêu cực) sẽ dẫn chúng ta

phạm vào những hành vi tiêu cực, cũng vậy một tâm tốt hay thiện tâm sẽ dẫn chúng ta làm những hoạt động tích cực. Hậu quả của những ác hành là những vấn đề rắc rối; trong khi hậu quả của thiện hành sẽ là hạnh phúc. Do năng lực của thiện tâm mà chúng ta sẽ có được những hạnh phúc tạm thời. Hạnh phúc tuyệt đối của sự giác ngộ cũng được thành tựu nhờ năng lực của thiện tâm.

Ngay cả hạnh phúc trong quan hệ gia đình chúng ta cũng tùy thuộc vào tâm lành. Tình thương, lòng trắc ẩn trong gia đình được căn cứ trên những tấm lòng tốt của mỗi người trong gia đình. Ví dụ như đối với một cặp vợ chồng, thì việc có được một tương quan tốt đẹp là nhờ họ có tâm tốt. Nếu cả người vợ lẫn người chồng đều có tâm xấu thì hậu quả sẽ là đau khổ. Như vậy, muốn có được hạnh phúc - từ hạnh phúc nhỏ nhất tạm thời cho đến hạnh phúc tuyệt đối của Phật quả - chúng ta đều cần phải cố gắng đào luyện thiện tâm.

Chúng ta phải cẩn thận tra tằm làm thế nào để phát sinh tâm tốt. Đầu tiên chúng ta phải biết phân biệt giữa tâm trạng tốt và tâm trạng xấu. Rồi chúng ta nên cố gắng trừ khử những tâm trạng xấu và tăng trưởng những tâm trạng tốt. Bất cứ một tâm nào làm giao động sự bình an nội tâm của chúng ta thì đều gọi là tâm xấu. Những tư tưởng xấu như oán hận, ganh tỵ, giận dữ, thèm khát, muốn hại người, có tà kiến, thái độ xấu, phân biệt sai lầm, không có đức tin, những tư tưởng đó khuấy động tâm ta và gây cho ta nhiều vấn đề. Những tư tưởng này phá hoại hạnh phúc của chúng ta và gây đau khổ cho chúng ta.

Thật dễ dàng để thấy được như thế nào một tâm ác khiến cho người ta phải đau khổ. Ví dụ, một con người có thể có tâm rất tích cực nhưng bỗng nhiên họ nổi giận. Tâm đang an ổn mà giận dữ nổi lên thì người đó không còn hạnh phúc hay bình an nữa. Một người đang giận như vậy, dù có được phục vụ bao nhiêu món ăn ngon lành, họ cũng không thể thưởng thức được. Quả thế, tâm giận dữ cướp đoạt hạnh phúc và sự an lạc của con người. Mọi kẻ hay giận dữ, thù ghét đều kinh quá nỗi bất hạnh. Hậu quả của sự giận dữ là nhiều vấn đề phát sinh. Những hành vi xấu như gây gỗ, đánh nhau, giết hại lẫn nhau đều do sự giận dữ gây nên. Chính vì những hành vi tiêu cực này mà ta nếm trải nhiều đau khổ.

Tâm ganh tỵ, thèm khát cũng tạo ra nhiều vấn đề. Càng ganh tỵ chúng ta càng không hạnh phúc và không thể nào tìm thấy sự bình an. Cũng vậy, càng bám víu chúng ta càng có nhiều vấn đề khó khăn. Hiện tại phần lớn những vấn đề chúng ta tạo ra đều do sự chấp thủ. Thí dụ như một người ăn trộm có thể bị tù chung thân vì sự chấp thủ của người ấy. Đầu tiên là y tham luyện những sở hữu của người khác, rồi do động cơ tham luyện thúc đẩy mà người ấy trộm cướp và có thể giết người để có được tài sản đó. Hậu quả sự tham luyện của y là tù ngục và đau khổ khó chịu nổi. Về những mối quan hệ trong gia đình cũng





thể, sự tham ái nồng nàn có thể đưa đến những vấn đề như tính độc tài quá độ.

Vị đạo sư Vasubandhu cho nhiều thí dụ cho thấy sự chấp thủ tạo ra sự đau khổ như thế nào. Thí dụ đầu tiên của ngài là các con ruồi có sự ham muốn mạnh mẽ về các mùi hôi thối. Như thế, khi chúng đậu lên các thức ăn, con người giết chúng chết. Các con thiêu thân bị các ánh sáng đẹp quyến rũ. Khi chúng thấy ánh sáng, chúng cho là nơi lạc thú. Con thiêu thân nổi lên sự chấp thủ mạnh mẽ và lòng tham muốn nằm trong ánh sáng quyến rũ của ngọn đèn sáp. Chúng cố gắng bay vào trong ánh sáng và cuối cùng phải bị chết.

Một thí dụ khác về sự tai hại của ham muốn mạnh mẽ là sự quyến rũ của con cá đối với miếng mồi. Người chài thường đặt mồi ở đầu lưỡi câu. Khi cá trông thấy hoặc ngửi thấy thức ăn, chúng cắn vào lưỡi câu. Kết quả là chúng chết. Một vài thú rừng thì bám lấy âm thanh êm dịu. Những thợ săn thường chơi khẩu cầm hoặc thổi ống tiêu làm cho những con thú vật tiến đến gần họ. Khi ấy thợ săn sẽ giết những con thú này.

Theo luận sư Vasubandhu, một vài hữu tình chết vì tham đắm hoặc sắc, hoặc thanh, hoặc hương, hoặc vị, hoặc xúc. Nhưng con người lại có sự bám víu mãnh liệt đối với cả năm đối tượng giác quan. Như những ví dụ trên đã chứng minh, tâm chấp thủ chính là nguồn gốc của nhiều vấn đề. Mặc dù chúng ta đều có tâm tiêu cực như chấp thủ (bám víu), song với tư cách con người chúng ta có cái cơ hội quý báu để thực hành những phương pháp ngăn những tâm xấu sinh khởi và để đề phòng hậu quả đau khổ phát sinh từ đây.

Như vậy, điều gì tạo nên một tâm tốt? Tâm tốt bao hàm ý hướng có lợi cho người khác như là lòng bi mẫn, lòng từ, bố thí, giới, sự bao dung, nhẫn nhục và tinh thần ham muốn thực hành Phật pháp. Tâm mơ ước đạt đến định, tâm mong muốn thực chứng tánh không, tâm mong muốn từ bỏ sinh tử luân hồi, tâm mơ ước giác ngộ giải thoát vì lợi lạc cho hữu tình, tất cả những tâm đó đều là tâm tốt. Những tư tưởng này được xếp vào loại tư tưởng tốt lành bởi vì chúng đem lại hạnh phúc cho chính mình và cho người khác. Những tâm tốt này có năng lực giải quyết hoặc giảm bớt những rắc rối của chúng ta.

Càng đào luyện tâm tốt bao nhiêu thì ta càng ít có tư tưởng xấu bấy nhiêu. Do đó những rắc rối của chúng ta giảm thiểu. Càng tăng trưởng tâm tốt ta càng có hạnh phúc lớn lao. Có những lúc ta cần xem lại đời sống của những thiện giả đắc đạo trong quá khứ để thêm niềm cảm hứng. Những thiện giả này đã phát triển hạnh phúc nhờ năng lực của thiện tâm. Bằng cách đào luyện tâm mình, những thiện giả đã đạt đến những trình độ rất cao trên đường tu tập. Khi gặp nghịch cảnh họ

liền chuyển hóa nghịch cảnh thành đường lối tu tâm. Không giống như người đời gặp khó khăn thì đau khổ, những thiện giả ngày xưa đã sống từ an vui đi đến an vui. Thiền sư Phật giáo vĩ đại Shantideva nói:

"Tôi chưa bao giờ nản chí, bởi vì tôi đang đi trên con đường tiến đến giác ngộ, con đường này đem lại hết an vui này đến an vui khác".

Nếu cố gắng phát triển tâm tốt thì tự nhiên ta sẽ thấy bình an tâm hồn. Không đào luyện tâm tốt thì không bao giờ ta có bình an thật sự. Nếu tâm ta không an, thì dù thế giới có hòa bình cũng không đem lại bình an cho ta được. Như vậy bổn phận của chúng ta là phải tìm sự bình an cho nội tâm mình.

Hạnh phúc trong sáng và sự phát triển an lạc nội tâm không thể đạt được bằng cách tập trung vào sở hữu vật chất. Muốn có được những phần thưởng vật chất, chúng ta phải thi thố một nỗ lực lớn. Trong khi nỗ lực như thế chúng ta cảm thấy nhiều đau khổ hơn là hạnh phúc. Và sau khi đạt được mục đích vật chất, chúng ta lại thấy rằng chúng không thể nào thỏa mãn những nhu cầu nội tâm của ta. Bởi vậy chúng ta cần tu tâm hay thực hành pháp.

Nhất là trong thời kỳ mạt pháp, khi có nhiều chiến tranh, nhiều nguy hiểm, thì chúng ta lại cần phải dành rất nhiều năng lượng để thực hành Phật pháp. Nhưng dù ở trong thời đại suy đồi, chúng ta vẫn còn may mắn vì có được cơ hội thực hành pháp để làm cho tâm ta an lạc.

I.- CHUYỂN HÓA TÂM TIÊU CỰC

Lúc đầu, rất khó mà biến một tâm tiêu cực (xấu) thành tích cực (tốt). Ví dụ, một người đang giận dữ thì không thể bỗng dưng biến tâm giận dữ thành tâm yêu thương được. Bất cứ một tâm tiêu cực nào, khi đã phát sinh thì không thể tức thì được chuyển hóa thành một tâm lành mạnh. Cũng như thật khó mà nhuộm vàng một tấm vải len màu đen nếu không tẩy màu đen trước đó, cũng vậy, ta phải diệt trừ hay chế ngự một tâm xấu trước khi tâm tích cực có thể khởi lên. Như vậy, nếu những tâm tiêu cực khởi lên, thì trước hết ta phải cố chế ngự chúng. Rồi ta nên chuyển những tư tưởng mình thành những tư tưởng tích cực hay lợi ích.

Có hai phương pháp để chuyển những tư tưởng tiêu cực thành ra những tư tưởng tích cực. Phương pháp thứ nhất là chế ngự những tư tưởng phân biệt tiêu cực. Phương pháp thứ hai là cố gắng phát triển một tâm tốt thật sự. Khởi đầu, chúng ta nên vận dụng nỗ lực lớn để từ bỏ những tư tưởng xấu. Nếu ta thực hành pháp, thì diệt trừ những ý tưởng phân biệt tiêu cực - bao hàm giận dữ, thù ghét - không khó lắm. Những ý tưởng này có thể dễ dàng bị trừ diệt tạm thời, nhưng rất khó để nhổ tận gốc, hoàn toàn loại trừ những ý niệm





phân biệt tiêu cực. Khi chưa có được thực chứng trực giác về tánh không, thì ta không thể nào trừ diệt tận gốc những ý tưởng xấu. Nhưng có nhiều cách để tạm thời chế ngự những ý tưởng phân biệt tiêu cực.

Mặc dù không ai muốn sống trong một tâm trạng bất hạnh, thế nhưng những trạng thái tâm đau khổ thác loạn vẫn thường sinh khởi. Đôi khi tâm bất hạnh phát sinh do chấp thủ, giận dữ, ganh tỵ, hà tiện hay tham lam. Tính hà tiện chẳng hạn, đưa đến nhiều vấn đề làm chúng ta đau khổ. Như có người bỏ ra thật nhiều tiền để mua thực phẩm đắt giá, rồi về sau lại tiếc tiền, thế là phát sinh ra một tâm trạng đau khổ. Nếu không có thói hà tiện thì tâm trạng đau khổ đã không khởi lên.

Đôi khi, một người có thể đâm ra hoảng hốt do nghĩ đến những tái sinh trong tương lai. Vì lo đời sau mình sẽ gặp khó khăn nghèo nàn, người ta cảm thấy khổ sở. Do bám víu vào cuộc sống hiện tại, cho rằng nó rất quan trọng quý báu, nỗi khổ tâm phát sinh. Khi một người cứ nghĩ về bản thân mình, về sự an nguy của riêng mình và về những bận tâm vị kỷ trong hiện tại, thì nỗi bất hạnh nội tâm của họ không bao giờ chấm dứt.

Cần phải đạt đến sự thực chứng tánh không mới trừ diệt được hoàn toàn mọi ý tưởng phân biệt tiêu cực trong ta, nhưng muốn giảm bớt vấn đề hay tạm thời giải quyết chúng, thì có nhiều phương pháp. Trước hết cần hiểu rằng một tâm bất hạnh không tự nhiên phát sinh, mà tùy thuộc vào những nguyên nhân. Mỗi ý tưởng tiêu cực có một loạt nguyên nhân khác nhau. Những ý tưởng phân biệt tiêu cực có hai loại nguyên nhân đồng thời sinh khởi, một là đối tượng của ý tưởng ấy; hai là những luồng khí lực (prana) bất tịnh nổi lên trong ta. Khí lực tuần chảy qua cơ thể chúng ta trong những huyết đạo, và sự vận hành của tâm ta tùy thuộc vào những luồng khí lực ấy. Khí lực đóng vai trò quan trọng đối với ký ức và những tư tưởng phân biệt trong ta.

Phần lớn những kinh điển Mật tông cho rằng sở dĩ chúng ta có những tư tưởng xấu xa là do khí lực uế trược. Mặc dù hiện giờ chúng ta đang phát triển nhiều ý xấu, song chúng không trường cửu. Những khái niệm tiêu cực như giận dữ chỉ là tạm thời, do khí lực bất tịnh phát sinh, và do gặp một đối tượng ở ngoài làm ta tức giận. Những vọng tưởng ấy không tan vào trong tâm gốc của ta, cái tâm vi tế tiếp nối từ đời này qua đời khác.

Nếu trong ta không có khí bất tịnh, thì sự tiếp xúc một đối tượng ở ngoài không thể làm cho giận dữ phát sinh. Chư Phật chẳng hạn, không bao giờ nổi giận. Các ngài cũng va chạm ngoại duyên, song bên trong không có khí bất tịnh. Khi đức Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) một người có tâm rất xấu, thường cố hại

ngài. Nhưng ngài không có khí bất tịnh nên không bao giờ nổi giận đối với Đề Bà Đạt Đa.

Ngược lại, nếu ta không gặp phải đối tượng gây tức giận - mặc dù trong tâm ta vẫn có những luồng khí bất tịnh - thì giận dữ cũng sẽ không sinh khởi. Từ đây ta có thể thấy rằng có hai phương pháp dùng để khắc phục phục tâm giận dữ. Một phương pháp là cố gắng ngăn chặn không để cho những luồng khí bất tịnh nổi lên; phương pháp kia là cố quên đối tượng làm ta giận dữ.

Hai phương pháp ấy cũng rất ích lợi trong việc chế ngự những tư tưởng tiêu cực khác. Muốn ngăn ngừa tâm chấp thủ, ta nên cố chặn đứng luồng khí bất tịnh đừng cho nổi lên, rồi cố quên đối tượng mà ta chấp thủ. Nếu ta muốn chinh phục sự chấp thủ của bản ngã, thì ta nên thiền định về cách ngăn chặn sự phát triển khí bất tịnh rồi thiền định để quên đối tượng của sự chấp thủ bản ngã nơi ta. Như thế ta có hai phép thiền: trước hết là ngăn khí bất tịnh nổi lên; và sau đó là quên đối tượng xấu của tư tưởng xấu.

Hai phép này chỉ giải quyết tạm thời những vấn đề của chúng ta, chứ không giải quyết vĩnh viễn dứt khoát. Sau khi hoàn tất hai phép thiền ấy, những ý tưởng xấu vẫn còn có thể khởi lên trong ta trở lại. Khi ấy ta nên lặp lại hai phép thiền này.

Mật chú (Secret Mantra) hay Mật điển (Tantra) chứa đựng nhiều phương pháp giúp chúng ta ngăn luồng khí bất tịnh nổi lên. Phần lớn những luồng khí bất tịnh của ta chảy qua huyết đạo bên trái hay bên phải. Thân thể ta có nhiều huyết đạo, trong đó có ba huyết đạo chính là: huyết đạo trung ương, huyết đạo phải và huyết đạo trái. Quan trọng nhất là huyết đạo trung ương. Hiện tại những luồng khí lực không thể chảy qua huyết đạo trung ương của ta, mà lại chảy qua những huyết đạo phải và trái. Nhưng chính những luồng khí lực chảy trong các huyết đạo phải và trái này lại là những khí lực bất tịnh có thể khiến cho vọng tưởng và những khái niệm tiêu cực phát triển. Vì thế ta nên thực tập pháp thiền như sau đây để ngăn khí bất tịnh khởi chảy trong những huyết đạo phải và trái khiến cho những tư tưởng xấu sinh khởi.

1. Thiền để thanh lọc khí ô nhiễm.

Qua sự tập luyện chín hơi thở hay chín vòng để thanh lọc (nine-breath or nine-round purification practice), chúng ta nên cố tổng xuất những luồng khí ô nhiễm của chúng ta. Những khí lực ô nhiễm trở lực cho sự phát triển vọng tưởng thì thường chảy trong huyết đạo bên phải. Bởi thế ta cần làm bế tắc huyết đạo bên phải. Trước hết, hãy đặt đầu ngón cái trái ở dưới gốc ngón tay đeo nhẫn bên trái, rồi làm thành một nắm tay bằng cách khép bốn ngón lại chồng lên ngón cái. Ta hãy dùng nắm tay trái này để đè lên bên cạnh sườn





phải, làm cho nắm tay nằm ngang cùi chỏ phải, thẳng hàng với nách.

Kế tiếp, ta cũng nắm bàn tay phải lại như thế, nhưng chừa ngón trỏ duỗi ra. Với bàn tay này đưa qua lỗ mũi bên trái, ta dùng phía móng (bề lưng) của ngón trỏ phải để ép cho bít lỗ mũi trái. Rồi từ từ hít vào bằng lỗ mũi phải, quán tưởng năng lực gia trì của chư Phật và Bồ tát đang tuôn vào trong ta qua lỗ mũi phải dưới dạng ánh sáng trắng rực rỡ. Ta nên cảm giác như đây là phúc lành của chư Phật, Bồ Tát rót vào tâm ta. Hơi thở vào của chúng ta phải thật sâu, trọn vẹn và ta nên giữ nó lại càng lâu càng tốt.

Khi thở ra, ta dời ngón tay trỏ phải qua lỗ mũi bên phải của ta, bít nó lại bằng bề mặt của ngón trỏ phải. Đoạn ta nên từ từ thở ra cho hết không khí qua lỗ mũi trái, làm ba hơi liên tiếp bằng nhau qua lỗ mũi trái. Khi thở ra, ta hãy quán tưởng tất cả khí bất tịnh, nhất là những luồng khí bên trái cơ thể ta, đang được tổng ra dưới hình dạng một luồng khói đen.

Với ngón trỏ phải của chúng ta vẫn đang bít lỗ mũi phải, bây giờ ta nên hít vào bằng lỗ mũi trái, thực chậm và sâu, vừa quán tưởng tất cả năng lực gia trì của chư Phật, Bồ tát đang ùa vào trong ta dưới dạng ánh sáng trắng rực rỡ. Ta cũng nên tưởng như ân phước của chư Phật, Bồ tát đang gia trì cho tâm ta. Ta nên duy trì cảm giác ấy, giữ hơi thở vào của mình càng lâu càng tốt, cho tới khi nào ta cảm thấy khó chịu.

Muốn thở ra, ta hãy di chuyển ngón trỏ phải của ta qua lỗ mũi trái như trước. Từ lỗ mũi phải của chúng ta, ta thở ra ba hơi liên tiếp bằng nhau để tổng xuất tất cả khí bất tịnh dưới dạng khói đen. Như vậy ta lọc được khí bất tịnh nhất là những khí từ phía phải của cơ thể.

Ba vòng thở cuối cùng được thở ra bằng cả hai lỗ mũi đồng thời. Bây giờ hai bàn tay ta có thể đặt trong tư thế ngồi thiền - nghĩa là hai bàn tay ngửa ra, tay phải đặt trên tay trái, hai đầu ngón cái chạm nhau. Những bàn tay được đặt trong tư thế ấy sát vào thân mình, nằm ngay dưới rốn.

Ta hít vào từ từ bằng cả hai lỗ mũi, quán tưởng ánh sáng trắng như trên, rồi thở ra trong ba hơi liên tiếp bằng nhau, trong lúc thở ra ta quán tưởng ân phước của chư Phật, Bồ tát đang rót vào tâm ta, làm cho tâm ấy rất an tịnh. Khi thở ra, ta nên nghĩ rằng từ những huyết đạo bên phải, bên trái và những huyết đạo phụ thuộc, những khí bất tịnh đang đi ra. Khi hơi thở ra thứ chín cuối cùng đã hoàn tất, ta nên quán tưởng rằng tất cả những luồng khí trong thân thể ta



bây giờ đã được thanh lọc. Thân thể ta có cảm giác rất dễ dãi và thoải mái.

Sau khi hoàn tất chín vòng thở thanh lọc khí ô nhiễm (có thể làm nhiều lần liên tiếp), ta có thể khởi sự thực tập đề tài thiền quán của mình trong thời gian tĩnh tọa ấy. Chẳng hạn, nếu ta thích thiền quán về hơi thở, thì hãy dồn sự tập trung tư tưởng vào cảm giác tế nhị bên trong hai lỗ mũi. Khi ta hít thở bình thường, có một cảm giác vi tế ở bên trong lỗ mũi ta. Ta nên để tâm chuyên chú vào cảm giác ấy, xem như một cảm giác tổng quát bên trong lỗ mũi mà không cần phải định vị trí của nó tại một điểm nào.

Phép thiền quán chín hơi thở nói trên rất có ích trong việc ngăn ngừa những tư tưởng xấu bằng cách thanh lọc khí ô nhiễm. Thực tập pháp này hàng ngày sẽ đem lại cho ta nhiều lợi lạc. Lúc đầu vì chưa quen thuộc, có thể sự tập luyện của ta không đạt kết quả nhanh chóng. Nhưng khi đã quen thuộc pháp quán này, thì nó trở nên rất hữu ích để chế ngự những tư tưởng tiêu cực. Pháp thiền này còn giúp ta chế ngự sự lo lắng và những loại tâm trạng bất hạnh khác.

Toàn thể sự tập luyện này có thể đem lại nhiều lợi lạc, song kết quả còn tùy thuộc cách ta thực hành pháp ấy. Cũng như có kẻ được người ta cho một chiếc xe hơi, nhưng lại không biết lái, thì chiếc xe ấy cũng thành vô dụng dù nó đang còn tốt. Pháp thiền này cũng vậy, nó rất ích lợi nhưng nếu ta không thực tập đúng cách và cẩn trọng thì nó không giúp gì được cho ta. Nếu ta thực tập pháp quán tưởng chín hơi thở này mỗi ngày, nó sẽ giúp tâm ta được an tịnh. Khi ấy chúng ta sẽ có cơ hội để mà phát triển những tâm tích cực như tâm từ, tâm bi và tâm bố đê. Nếu không thanh lọc thì rất khó phát triển những tâm tốt khi mà trong ta vẫn còn ứ đọng những ý niệm tiêu cực.

2. Quên đối tượng của tư tưởng xấu.

Phép thiền quán thứ hai để chế ngự những tâm tiêu cực là thiền định để quên đối tượng của những ý tưởng tiêu cực trong ta. Nói chung, bất cứ thiền pháp tốt lành nào mà ta tập cũng giúp ta quên được đối tượng của tư tưởng xấu. Chẳng hạn, nếu người nào có lòng tham luyện mãnh liệt đối với của cải, thì quán tưởng và thiền định về hình tượng Phật sẽ giúp người ấy quên đối tượng của sự tham luyện. Nhờ tập trung ráo riết vào hình tượng Phật mà đối tượng của tham luyện tự nhiên bị quên mất. Cũng thế, nếu ta nặng về giận dữ, thì sự quán tưởng Phật sẽ giúp ta quên đối tượng làm mình tức giận. Nếu pháp thiền quán này thành công, thì sự nóng giận của ta sẽ được lắng dịu.

Tâm ta không thể tập trung vào hai đối tượng khác nhau trong cùng một lúc. Ta không thể vừa tập trung vào đối tượng làm ta tức giận, lại vừa tập trung vào đề mục thiền tốt lành của ta. Nếu ta tập trung mạnh mẽ vào thứ này thì tự nhiên ta quên ngay thứ kia. Bởi thế nếu ta thực



tập rất tốt về thiền quán, thì bất cứ đối tượng nào của tư tưởng tiêu cực sẽ bị quên đi. Pháp thiền quán nói trên đây cũng sẽ giúp ta quên được đối tượng của sự si mê trong ta. Khi ta quên đối tượng, thì những tư tưởng tiêu cực như giận dữ sẽ giảm bớt. Tâm ta sẽ trở nên an tịnh. Như vậy, ta có thể vận dụng bất cứ phép thiền định tích cực nào về Phật, về lòng từ, về tánh không v.v... để quên đi đối tượng của những tư tưởng tiêu cực.

Nhờ năng lực của hai phép thiền định này - thanh lọc luồng nội khí và quên đối tượng của vọng tưởng - mà ta có thể diệt trừ mọi tư tưởng tiêu cực trong ta. Sau khi trừ khử chúng, ta nên cố đào luyện tâm tốt. Thế là cũng như ta đã tẩy màu đen của tấm vải len và bây giờ có thể dễ dàng nhuộm vàng nó. Khi ta đã trừ diệt được những ý niệm tiêu cực trong ta, thì rất dễ dàng để đạt đến những thực chứng như tâm đại bi và tâm bồ đề.

II.- BA KHÍA CẠNH CHÍNH CỦA CON ĐƯỜNG TU TẬP

Trong giáo lý Phật, có ba con đường chính yếu để tu: Từ bỏ, bỏ đề tâm hay tâm cao thượng mong đạt giác ngộ để lợi lạc nhiều người khác và chánh kiến về tánh Không. Nếu không dựa vào ba phương diện này của con đường giác ngộ, thì không thể nào đạt đến quả Phật. Trong phạm vi ba phương diện này, trước hết ta hãy cố đạt đến sự từ bỏ. Từ bỏ ở đây không có nghĩa là từ bỏ gia đình, bạn bè v.v..., mà là mong thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử - cái chu kỳ sinh, chết và tái sinh mà ta không kiểm soát được ấy.

Nếu ta xét nỗi sợ hãi, khổ đau và nguy hiểm mà ta đã nếm qua từ trước đến nay, và xét đến nỗi sợ hãi, khổ đau, nguy hiểm mà chắc chắn ta sẽ nếm trải trong tương lai, thì ta sẽ thấy rằng không có một nơi nào trong vòng sinh tử luân hồi mà những vấn đề ấy không có mặt. Chẳng hạn, đâu có ai muốn già, thế nhưng tuổi già vẫn tự nhiên đến. Bệnh, chết và những nỗi khổ khác cũng cứ phát sinh một cách tự nhiên, chúng ta không có cách chọn lựa nào ngoài ra là phải đối mặt với chúng. Nếu ta phát triển lòng mong mỏi tự nhiên và liên tục muốn thoát khỏi sinh tử luân hồi, thì đó gọi là sự từ bỏ.

Loài người có một cơ hội lớn để đạt đến tâm từ bỏ. Từ bỏ là một tâm tốt lành mà chỉ riêng con người mới có được. Không một thú vật nào có thể khởi lên mong muốn thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

Từ trước đến nay chúng ta đã trông thấy, đã trải qua những sợ hãi, khổ đau trong vòng sinh tử, nhưng ta chưa phát tâm mong cầu thoát ly khỏi chúng. Đây là vì ta chưa gặp được những bậc thầy có thể hướng dẫn ta đến Niết bàn hay giải thoát. Nếu không có cơ hội nào để thoát ly khỏi khổ sinh tử, thì đào luyện tâm từ bỏ hay ước mong giải thoát thật là một việc làm vô lối. Nhưng kỳ thực là có khả năng giải thoát khỏi sinh tử và có nhiều phương pháp để làm việc ấy.

Nhiều người cảm thấy vòng sinh tử luân chuyển như một thiên đường và hoạch định ở lại lâu dài trong đó. Nhiều người bám chặt vào sinh tử đối tượng tập trung chính yếu của họ là sinh tử. Nhưng những người thực hành pháp thuần túy thì thấy sinh tử như một lao ngục và phát tâm mạnh mẽ muốn thoát ly sinh tử. Họ đào luyện tư tưởng quý báu về sự từ bỏ (dục thoát trí).

Tâm từ bỏ có thể khó mà phát sinh ngay. Trước hết ta phải thấy rõ những lỗi lầm của sinh tử đã. Lý do giáo lý của Phật ưu tiên giảng giải về Khổ đế (prevalence of suffering) ấy là để giúp cho chúng ta thực chứng sự từ bỏ. Nếu không, thì không cần quán Khổ làm gì.

Nếu ta có trí tuệ lớn, thì dường như ta không cần phải xem sách mới hiểu về khổ, hay bắt toại ý. Chúng ta thực nghiệm khổ đau bằng chính bản thân mình, và ta lại còn chứng kiến những người khác đang bị đau khổ. Ta biết rằng tương lai sẽ đem lại nhiều kinh nghiệm đau khổ cho chính mình và cho người khác. Milarepa, thiền giả vĩ đại của Tây Tạng nói:

"Tôi không cần phải đọc những dòng chữ đen này. Tôi thấy mọi hiện tượng đều là những giảng dạy về pháp. Mọi tướng đều dạy cho tôi về những lỗi lầm của sinh tử. Mọi tướng đều dạy cho tôi ý thức về cái chết và chánh kiến sâu xa về tánh không"

Nếu ta thông minh như Milarepa, thì bất cứ kinh nghiệm nào cũng dạy ta về pháp.

Điều này có thể khó hiểu đối với chúng ta. Ta cần suy nghĩ, thiền quán và cải thiện tâm tư. Nếu làm điều này, ta có nhiều triển vọng đạt đến những thực chứng trong sự tu tập. Khi ấy ta sẽ thấy đời của mình có nhiều ý nghĩa, được tái sinh làm người thật quý báu. Nếu không thực hành pháp, thì một ngày kia khi đối mặt với cái chết của mình, ta sẽ thấy đời mình thật vô nghĩa, vì ta đã lãng phí mất tiềm năng của thân người. Cái duy nhất ta có thể mang theo qua đời sau là những thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp mà ta đã tích lũy. Chúng ta không thể mang theo





thân quyến, bạn bè, của cải. Bởi thế, thật quan trọng để thực hành pháp một cách liên tục. Nhờ nương tựa vào pháp mà ta có thể đạt đến những thực chứng tâm linh sẽ giúp chúng ta trong những đời sau.

Sự tu tập của chúng ta cần một nỗ lực tăng tiến mỗi ngày, mỗi năm. Với một số người, sự thực chứng có thể phát triển nhanh như quét diêm. Những người khác có thể nhận thấy khó mà đạt đến thực chứng. Nhưng nếu có thực hành, ta sẽ thấy pháp càng ngày càng trở nên rõ ràng và liên hệ đến đời sống. Mới đầu ta có thể cảm thấy hoang mang trong Phật pháp, bởi vì những giáo lý rất sâu sắc. Có thể rằng ta thấy pháp thật khác hẳn lẽ lối suy tư quen thuộc của ta, lần đầu tiên mới nghe pháp, có thể ta cảm thấy lạ lẫm. Nhưng nhờ quán tưởng, thiền định và tư duy về pháp, mà ta có thể cảm thấy tâm ta và pháp đã hòa lẫn với nhau, rằng tâm ta đã thấm nhuần pháp.

Người nào cảm thấy giữa tâm mình với pháp còn có một khoảng cách rất lớn, thì thật khó đạt đến thực chứng. Khi chúng ta cảm thấy tâm ta và pháp đang hòa lẫn nhau, đang gặp gỡ thì có nhiều hy vọng đạt đến chứng ngộ tâm linh. Nhiều người có thể trải qua nhiều năm nghe giảng giáo lý nhưng không đạt đến thực chứng, bởi vì chưa có sự hòa hợp thực thụ giữa tâm họ và pháp.

Hiện tượng có một khe hở lớn giữa tâm ta và pháp. Điều mà chúng ta cần phải làm là đưa tâm ta và pháp càng ngày càng xích lại gần nhau. Sau một thời gian chúng ta sẽ cảm thấy tâm mình hòa nhập vào pháp. Rồi chúng ta có thể tư duy sâu xa hơn về pháp và đạt đến chứng ngộ.

CHƯƠNG 3

VÔ THƯỜNG

Có hai thứ vô thường. Vô thường thô và vô thường vi tế (gross impermanence and subtle impermanence). Mặc dù vô thường thô nói chung rất dễ nhận, song chúng ta ít khi ý thức đến những đổi thay rõ rệt đang liên tục xảy ra xung quanh mình. Một ví dụ cụ thể về vô thường thô là cái kiêu chúng ta thay đổi suốt đời mình. Khi mới sanh ra đời, ta bé nhỏ yếu đuối. Ta không thể ăn đồ ăn thô cứng và hoàn toàn lệ thuộc vào cha mẹ. Ít tháng sau khi ra đời, ta bắt đầu thay đổi một cách đáng kể về hình dạng, và có được tài nghệ mới. Sau một vài năm, ta biết đi, nói có mạch lạc, và ăn đồ cứng. Tuổi thơ trở thành tuổi trẻ, tuổi

trẻ thành trung niên, trung niên thành lão niên, và lão niên cuối cùng đưa đến cái diễn hình sống động nhất của vô thường - sự chết.

Nói chung, ai cũng hiểu được thứ vô thường này, bởi vậy không cần phải lý luận thêm nữa để chứng minh sự có mặt của nó. Vì lý do ấy mà thứ vô thường này gọi là vô thường thô.

Vô thường thô thấm nhuần tất cả, không những loài hữu tình mà cả vật vô tri giác. Chẳng hạn khi một cái nhà mới vừa xây xong, ta bảo nó còn mới. Sau nhiều tháng nó cũ đi một chút, và sau nhiều năm nó càng cũ hơn, cho đến khi cuối cùng nó sụp đổ. Một cái hoa lúc đầu tươi đẹp, nhưng chỉ sau vài ngày nó bắt đầu mất vẻ tươi mát, những cánh hoa bắt đầu rơi rụng, và cuối cùng tàn úa, rữa nát. Ngay cả cấu trúc của thế giới trong đó ta sống cũng đã từng có lúc còn mới. Từ lúc khởi thủy cho đến nay, nó đã trải qua nhiều triệu triệu năm, nhưng cuối cùng nó cũng sẽ bị phá hủy hoàn toàn.

Những đổi thay như thế đều là ví dụ về vô thường thô. Hệ thống của thế giới chúng ta và mọi chúng sanh, mọi vật thể trong đó đều thuộc bản chất vô thường. Ta không thể tìm thấy một người nào không bao giờ già chết, hay một vật gì mãi mãi tồn tại mà không cuối cùng phải diệt vong.

Mặc dù tất cả chúng ta đều có thể dễ dàng hiểu vô thường thô, chúng ta vẫn ít khi quan sát ý nghĩa của nó, hay những hiệu quả của nó đối với chúng ta. Nếu ta quan sát một cách nghiêm túc những hiệu quả của vô thường thô, thì chắc chắn điều này sẽ mang lại những đổi thay trong đường lối suy nghĩ của chúng ta. Ta sẽ phát sinh một cảm giác khác đối với vô thường thô, và cách nó hoạt động trong đời mình.

Chúng ta thường xem những vật quanh mình cũng như chính mình là trường cửu. Tuy nhiên đó là một cái thấy sai lầm. Nhờ quán vô thường mà ta có thể đạt được những thực chứng nội tâm và phát sinh một cảm thức đặc biệt về vô thường. Ta nên cố mà đào luyện cái cảm thức đặc biệt ấy.

Thiền quán vô thường làm cho tâm ta và pháp hòa lẫn nhau. Nếu không quán vô thường và phát sinh tuệ giác về vô thường, thì tâm ta và pháp sẽ không bao giờ lại gần nhau. Ta có thể hiểu vô thường trên bình diện trí thức, nhưng nếu không thiền quán về vô thường thì cho dù ta có tiếp nhận thêm giáo lý khác, tâm và pháp của ta vẫn không





sẵn sàng hòa hợp. Nếu xét kỹ, ta sẽ thấy rằng vô thường là phương pháp tốt nhất để chuyển hóa tâm ta thành pháp thuần túy.

Đối với nhiều người, thật khó mà phát triển một tâm thích thú đối với pháp và lòng ước muốn thực hành pháp. Một trong những lý do chính là vì ta tưởng như mình sẽ ở mãi trên trái đất này. Vì có kiến chấp này về sự trường cửu của mình, chúng ta chỉ ưa thủ đắc những thứ làm tăng thêm tiện nghi và an ổn cho mình trên đời. Cảm giác trường cửu này càng mạnh thì càng ít có sự quan tâm đến chuyện hội nhập đời sống của chúng ta vào với pháp. Chính vì lý do này mà nói rằng mỗi khi muốn thực hành pháp, thì bước đầu tiên là phải ý thức đến vô thường.

Như vậy quán vô thường là điều cốt yếu để thực hành pháp. Điển hình mãnh liệt nhất của vô thường là cái chết, bởi thể thật ích lợi nếu ta quan sát nó. Lúc đầu ta có thể khó mà đối mặt với ý nghĩ rằng cuối cùng, ta phải chết. Nhưng nếu ta không để ý đến cái chết thì rất dễ rơi vào ảnh hưởng của cái tư tưởng lừa dối tâm ta, khiến cho ta có cảm giác rằng mình trường cửu, sống hoài không chết.

Mặc dù có nhiều ví dụ điển hình về vô thường thô (hay rõ rệt) mà ta có thể quan sát, song thiền quán về một cái chết là một nhân tố rất hữu hiệu khiến ta chuyên tâm thực hành diệu pháp. Bước đầu tiên của đức Thế Tôn để đạt đến giác ngộ là tư duy về vô thường. Chính nhờ năng lực của sự liễu trí (understanding) về vô thường mà đức Phật đã phát tâm mạnh mẽ tu hành diệu pháp (pure dharma), và nhờ thực hành diệu pháp, cuối cùng ngài đã đạt giác ngộ. Lần đầu tiên giảng dạy, chuyển bánh xe pháp, đức Phật đã giảng dạy lý vô thường. Ngài dạy rằng vô thường là đề mục tư duy tốt nhất cho kẻ mới học đạo (the best meditation for beginners).

Phần lớn những trở ngại của chúng ta phát sinh đều do sự suy nghĩ rằng mọi sự - kể cả chính ta - là trường cửu. Nếu nhận chân được mọi sự kể cả chính mình đều thuộc bản chất vô thường, thì ta sẽ bớt được nhiều vấn đề. Như vậy, nhờ quán vô thường chẳng những ta giải quyết được những vấn đề tạm bợ, mà nó còn giúp cho sự tu tập của ta trở thành rất trong sáng. Thiền quán về sự chết và vô thường là phương pháp tốt nhất để đánh tan sự lười biếng. Nó cũng giúp cho chúng ta mau chóng đạt giác ngộ.

Có thể có người nghĩ rằng vô thường là một phép quán sơ đẳng chỉ thích hợp cho những người sơ cơ (beginners), nhưng kỳ thực không phải thế. Ngay cả những

vị đã tu chứng cao vẫn phải quán vô thường. Những hành giả Mật tông thường giữ những xương người như xương đùi, và những vật dụng làm bằng xương người, như chén tách bằng sọ người, để tự nhắc nhở về vô thường. Nếu một hành giả Mật tông mà không nhớ đến vô thường, thì sự hành trì Mật tông của họ chỉ có lợi ích cho đời này mà thôi. Hành trì pháp mà chỉ vì lợi ích cho đời này thì không phải là sự tu tập thuần túy. Như vậy, tư duy thiền quán về vô thường là việc quan trọng đối với tất cả mọi trình độ tu tập pháp.

Nếu ta biết cách quán vô thường (how to meditate on impermanence) thì có nhiều lợi ích đặc biệt. Việc này để làm phát triển một cảm giác nội tâm về vô thường hơn là đối với những đề mục thiền quán khác, bởi vì có rất nhiều điển hình về tính vô thường để cho ta có thể tư duy về chúng. Bởi thế, quán vô thường là một pháp thiền có nhiều năng lực hơn các kỹ thuật khác.

I.- THIỀN QUÁN VỀ CÁI CHẾT VÀ VÔ THƯỜNG

Thiền quán về cái chết có ba căn nguyên (roots), chín lý do (reasons) và ba quyết định (determinations). Nếu chúng ta biết được những thứ này, thì việc thiền quán về cái chết và sự vô thường của ta sẽ rất đắc lực. Ba căn nguyên là:

1. Chết là chắc chắn.
2. Thời gian của cái chết là bất định.
3. Vào lúc chết, chỉ có pháp mới có thể giúp ta.

Chín lý do được Je Tsong Khapa giải thích là phương pháp để thu nhập kinh nghiệm về pháp thiền quán vô thường. Mặc dù mọi người đều biết chết là điều chắc chắn, song chỉ một số ít người có được kinh nghiệm của phép thiền quán về cái chết và sự vô thường. Nhờ thiền định về ba căn nguyên và chín lý do, chúng ta có thể nhận được kinh nghiệm ấy.

1.- Chết là điều chắc chắn:

- Lý do đầu tiên trong ba lý do tại sao chết là điều chắc chắn là bởi vì tiến trình của sự chết không thể nào bị ngăn chặn lại được bởi bất cứ một phương pháp nào. Khi chưa đạt Niết bàn hay giác ngộ thì dù có nỗ lực đến đâu ta cũng không thể nào vượt qua được sự chết. Ta không thể





hồi lộ thần chết, chiến đấu với cái chết, hay trốn thoát nó. Ngay cả đến một vị lương y tài giỏi như Phật cũng không thể ngăn được sự chết của chúng ta. Bởi vì chúng ta đã sanh trong vòng sống chết thì chắc chắn là ta phải chết. Từ đó ta có thể kết luận rằng một điều chắc chắn là tôi, chính tôi, phải chết.

Nếu qua pháp thiền quán này, ta phát triển được một cảm giác mới mẻ, tích cực thì ta nên cố mà tập trung vào cảm giác ấy. Thiền có nghĩa là tập trung tâm vào một đối tượng lành thiện không quên lãng nó. Chẳng hạn, nếu ta phát sinh được một ước muốn mạnh mẽ tìm ra vài ý nghĩa cho cuộc đời mình bằng cách thực hành pháp, thì thế là sự tu quán vô thường của ta ngày càng ít có những vấn đề nội tâm, thế cũng có nghĩa thiền quán nơi ta đã thành công.

- Lý do thứ hai của việc tại sao cái chết là chắc chắn, là bởi vì tuổi thọ của chúng ta giảm dần theo từng giây phút trôi qua, không thể kéo dài. Từng giây phút, thời gian ta còn sống trên đời này càng ngắn lại. Dù chúng ta đang làm gì - đang làm việc, đang nghỉ ngơi, đang ngủ - sự sống của chúng ta cũng đang giảm dần. Ngay cả trong lúc đọc chương này, cuộc sống của chúng ta cũng đang trôi qua. Đời sống như một cây nến đang cháy. Khi mới nhìn ta không thấy cây nến ngắn bớt nhưng thật sự nó đang ngắn dần. Đức Phật đã so sánh đời sống của chúng ta như làm chớp, tia chớp lóe lên rồi nhanh chóng tắt đi. Cũng thế cuộc đời chúng ta trôi qua rất nhanh, chẳng mấy chốc đã chấm dứt.

Khi nghĩ đến như thế, ta nên đi đến kết luận:

"Chắc chắn chúng ta sẽ chết bởi vì thọ mạng chúng ta mỗi phút một ngắn dần. Không có một khoảng thời gian nào trong đó sự sống của tôi không giảm bớt. Việc này cũng như tôi đang lăn một hòn đá xuống từ trên đỉnh núi cao. Hòn đá sẽ không bao giờ dừng lại trên cuộc hành trình mà cứ tiếp tục lăn cho tới khi chạm vào chân núi".

Vị thầy vĩ đại của Phật giáo là Shantideva nói rằng đời sống chúng ta đang trôi qua trong từng giây phút và không cách nào để làm tăng tuổi thọ. Mọi thứ khác thì bị tiêu mòn đều có thể thay, nhưng không cách nào thay thế đời sống một khi nó đã hao mòn. Ngay cả khi chúng ta đủ may mắn để sống đến tám mươi năm, thì với mỗi khoảnh khắc trong tám mươi năm, thọ mạng cũng đã từ từ giảm

không thể kéo dài hơn. Cuộc đời này đang tiến dần đến chấm dứt.

Trong kinh đã nói, ngay lúc vừa sanh ra là ta đang tiến dần đến cái chết. Chúng ta đang liên tục càng lúc càng đến gần, cho đến khi gặp tử thần. Quan sát những lý do này, chúng ta nên nhận thức rằng:

"Điều chắc chắn là tôi sẽ chết".

Khi xét đến sự giảm dần liên tục của đời sống và sự chắc chắn của cái chết, ta phải cố gắng nhận lãnh những điều có ý nghĩa từ sự sống, trước khi cái chết đến.

- Lý do thứ ba là, cái chết chắc chắn sẽ đến dù cho ta chưa có thì giờ tu tập. Dù có dành một ít thời gian để tu hay không ta vẫn chết như thường. Chúng ta nên tìm xem chúng ta đã dành bao nhiêu thời giờ để thực hành diệu pháp. Những hành động thế tục đã chiếm phần lớn thời giờ của chúng ta. Từ sáng cho đến chiều chúng ta luôn luôn bận rộn, chuẩn bị những bữa ăn, tìm những trò chơi giải trí... Chúng ta có thực hành pháp khi chúng ta có thời gian rảnh không? Thường thì rất ít khi. Sau đó đời ta chấm dứt và ta phải đối mặt với cái chết cho dù ta chưa thực hành pháp nhiều lắm. Dù chúng ta chưa thu nhận được điều gì có ý nghĩa từ cuộc đời này, cái chết vẫn xảy đến. Để rút kinh nghiệm từ lý do thứ ba này, ta phải quán sát nó theo kinh nghiệm của riêng ta. Chúng ta hãy nghĩ xem ta sẽ cảm thấy thế nào nếu cứ sống như vậy cho đến khi cái chết gần kề.

Bằng cách này chúng ta có thể cố sử dụng phương pháp này để rút những kinh nghiệm thiền quán. Tất cả những lý do này đều là phương tiện để có được kinh nghiệm về quán vô thường. Từ ba lý do này, chúng ta nên cố rút ra kinh nghiệm rằng cái chết là điều chắc chắn.

Đối với mỗi một trong ba căn nguyên trên đây có một quyết định tương ứng mà ta nên làm. Sau khi thiền quán rằng cái chết là chắc chắn, chúng ta nên quyết định:

"Tôi sẽ thực hành Phật pháp".

Quyết định này là kết quả của thiền quán, nếu chúng ta thật sự quyết định như vậy, thì điều ấy chứng tỏ ta đã rút ra được kinh nghiệm từ pháp thiền này.

2.- Thời điểm của sự chết bất định.

- Lý do đầu tiên trong ba lý do cho căn nguyên này là thọ mạng của mỗi chúng sinh trên trái đất này không có định trước. Nghĩa là không có cách nào để biết





chúng ta sống bao lâu. Không có sự khác nhau giữa già và trẻ, người trẻ có thể chết trước người già. Một vài chúng sinh chết trong bào thai, một vài người chết sau khi sanh ra và nhiều người sống đến già. Nói về chết chóc thì không có trật tự nhất định về già trẻ.

Cũng thế, không có sự khác nhau giữa người khỏe mạnh và người đau ốm. Có nhiều người đau ốm lại sống lâu trong khi những người khỏe mạnh lại chết vì tai nạn hoặc chết bất ngờ trước cả người bị bệnh. Nhiều người bị tù túng trong bệnh viện mà lại sống lâu hơn người đang tiếp tục cuộc sống bình thường. Vì thế chúng ta nên nghĩ thời gian chết là bất trắc bởi vì nó không phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe của chúng ta. Cũng vậy, không chắc chắn là già chết trước trẻ.

- Lý do thứ hai tại sao thời gian chết bất định là vì có nhiều điều kiện đưa đến cái chết mà rất ít điều kiện nâng đỡ sự sống. Đời sống tùy thuộc vào những điều kiện chắc chắn như nước, thức ăn, không khí để thở ra và mức nhiệt độ đặc biệt cho sự sống. Nếu chúng ta thiếu những điều kiện này hay gặp những điều kiện bất lợi như quá lạnh, thì cái chết sẽ theo sau. Như vậy, thời gian chết không chắc chắn vì có nhiều điều kiện bất lợi trong cuộc sống, mà chúng ta không thể chắc chắn rằng mình không bao giờ gặp những điều kiện như thế.

- Lý do thứ ba tại sao cái chết bất định, là vì thân thể của chúng ta rất mong manh. Không cần phải có vũ khí ghê gớm mới giết được nó. Vì thân thể của chúng ta rất mong manh nên có nhiều cách để gặp cái chết. Rắn cắn, một lượng thuốc độc rất nhỏ, thức ăn nước uống bị nhiễm độc có thể dễ dàng đem đến cái chết. Vì thế chúng ta nên suy nghĩ:

"Chính vì thân xác tôi quá mong manh, nên lúc nào nguyên nhân gây chết chóc cũng có thể xảy ra. Thời gian chết của tôi hoàn toàn bất định".

Tóm lại, chúng ta không biết được điều gì sẽ đến trước - ngày mai hay đời sau. Có thể đời sau của chúng ta sẽ đến trước cả bữa ăn kế tiếp của chúng ta. Chúng ta nên suy nghĩ sâu xa về nguyên nhân đưa đến cái chết. Chúng ta có thể thấy rằng nhiều người đi ra ngoài với niềm hạnh phúc tràn trề vào buổi sáng nhưng không bao giờ trở về lại nhà.

Chúng ta không thể đoán trước được điều gì sẽ xảy đến trong tương lai. Mặc dù ta có thể nhớ lại những gì đã xảy ra trong quá khứ, chúng ta không biết ngày mai ngày một đang dành cho ta những gì. Tương lai của chúng

ta hoàn toàn bất định, và chúng ta không bao giờ có thể loại trừ khả năng chết chóc.

Trong ba căn nguyên nói trên, thì sự suy nghĩ thời gian chết bất định là căn nguyên có hiệu lực nhất. Nếu chúng ta cứ nghĩ: *"Hôm nay mình sẽ không chết"*, ý tưởng ấy sẽ đánh lừa chúng ta. Chắc chắn một ngày nào đó chúng ta sẽ phải chết.

Ví dụ, nếu chúng ta biết rằng kẻ thù sẽ đến giết chúng ta nội trong tháng này, nhưng không chắc ngày nào hắn đến thì chúng ta sẽ rất thận trọng. Tuy nhiên, nếu ngày nào chúng ta cũng nghĩ, hôm nay không phải là ngày mà nó đến, thì chúng ta sẽ bị một cú bất ngờ khi hắn đến và sẽ bị đánh gục. Nhưng nếu ngày nào chúng ta cũng nghĩ rằng hôm nay hắn sẽ đến, thì chúng ta sẽ sẵn sàng đề đối phó với kẻ thù. Cũng vậy, nếu chúng ta biết rằng cái chết sẽ đến bất cứ lúc nào trong suốt cuộc đời mình, thì khi nó đến thật sự, chúng ta cũng đã chuẩn bị chu đáo rồi.

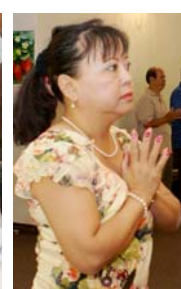
Qua sự quán sát ba lý do tại sao thời gian cái chết của chúng ta là bất định, chúng ta nên lập nguyện mạnh mẽ là sẽ rút tía được một vài ý nghĩa hay kinh nghiệm tâm linh trong lúc chúng ta còn có cơ hội. Chúng ta sẽ phải chết với hai bàn tay trắng nếu chúng ta sống mà không đạt được kinh nghiệm nào về pháp. Chúng ta nên kết luận:

"Vi sự thật là tôi có thể chết bất kỳ lúc nào, tôi sẽ thực hành pháp ngay bây giờ".

3.- Vào lúc chết chỉ có pháp mới có thể giúp chúng ta

- Lý do đầu tiên tại sao chỉ có pháp mới có thể giúp chúng ta vào lúc chết, vì lúc đó tài sản của chúng ta trở nên vô dụng. Không có gì mà ta sở hữu có thể giúp ta, dù suốt đời ta có yêu quý và đánh giá cao những sở hữu ấy đến mức nào. Nếu chúng ta nghĩ về tất cả những sở hữu khác như tiền, nhà cửa, xe hơi... chúng ta có thể nhận thấy rằng không có cái gì trong đó cản ngăn được cái chết một khi nó đến. Vào lúc chết, cầu cứu sự giúp đỡ của tài sản thì thật vô ích. Chúng ta phải để lại mọi thứ ở đằng sau, khi ta từ giả cõi đời.

- Lý do thứ hai chỉ có pháp mới có thể giúp ta khi chết, là vì bằng hữu, thân quyến không thể nào giúp ta lúc ấy. Cho dù bạn bè thân quyến của chúng ta, vợ hay chồng có thân thiết cách mấy, những người này cũng chẳng giúp gì được cho ta khi ta chết. Vào lúc chết, chúng ta phải một mình ra đi khỏi cuộc đời này.





- Lý do thứ ba là ngay cả cái thân ta sinh ra từ thai mẹ cũng không giúp gì cho ta được vào lúc chết. Suốt cuộc đời, chúng ta đã bảo vệ, yêu quý cái thân xác của chúng ta. Nhưng thân này không thể nào ngăn được cái chết, và khi chết ta sẽ phải bỏ lại thân xác đằng sau.

Như vậy vào lúc chết, sở hữu, bạn bè và chính cái thân xác ta đều không giúp gì được. Vậy điều gì có thể giúp ta vào lúc chết? Chỉ có pháp mới có thể giúp được. Nhờ năng lực của thiền quán và thực hành pháp mà chúng ta đạt được vài thực chứng tâm linh, điều này sẽ giúp chúng ta. Nếu chúng ta đạt được vài kinh nghiệm về pháp và rút được vài ý nghĩa từ cuộc đời mình, thì điều này sẽ giúp chúng ta vào lúc chết và trong những đời sống tương lai của chúng ta.

Khi suy nghĩ sâu xa về ba lý do tại sao chỉ có pháp mới có thể giúp chúng ta vào lúc chết, chúng ta nên lập một lời nguyện. Chúng ta nên quyết định thực hành pháp một cách thuần túy và nghĩ rằng:

"Trong suốt quãng đời ngắn ngủi này, tôi chỉ thực hành pháp mà thôi".

Như đã được giải thích, thiền quán về cái chết, về vô thường có ba căn nguyên, chín lý do và ba quyết định. Lập ba lời nguyện này một cách trọn vẹn chính là kết quả của thiền quán và là dấu hiệu chứng tỏ chúng ta đã rút được kinh nghiệm. Chúng ta nên thiền quán về vô thường cho đến khi đã lập ba lời nguyện đó một cách trọn vẹn. Chúng ta nên tư duy về giáo lý vô thường hàng ngày và luôn luôn tự nhắc nhở mình cái chết là điều không thể tránh. Dù y học hiện đại có năng lực đến đâu, bác sĩ có tài ba cách mấy, cũng không có phương cách nào để chữa trị được cái già và sự chết.

Sau đây là tóm tắt ba căn nguyên, chín lý do, ba lời nguyện:

1. Căn nguyên một:- Chết là điều chắc chắn.

- Ba lý do:

o Tiến trình chết không thể tránh khỏi.

o Thọ mạng giảm dần với từng sát na trôi qua và không thể kéo dài.

o Cái chết chắc chắn sẽ đến cho dù chúng ta không có thời gian để thực hành pháp.

- Lời nguyện 1:- *Phải thực hành pháp.*

2. Căn nguyên hai:- Thời gian chết bất định.

- Ba lý do:

o Thọ mạng bất định.

o Có nhiều điều kiện đưa đến cái chết và ít điều kiện nâng đỡ sự sống.

o Thân thể mong manh.

- Lời nguyện 2:- *Thực hành pháp ngay bây giờ.*

3. Căn nguyên ba:- Vào lúc chết chỉ có pháp mới có thể giúp ta.

- Ba lý do:

o Tài sản và sở hữu không thể giúp chúng ta.

o Thân bằng, quyến thuộc không thể giúp gì cho chúng ta.

o Thân thể ta cũng không thể giúp gì được.

- Lời nguyện 3:- *Chỉ thực hành pháp mà thôi.*

II.- VÔ THƯỜNG VI TẾ

Tất cả những ví dụ về vô thường thô như là cái chết, đều phát sinh từ vô thường vi tế. Biết được điều này thật là quan trọng. Vô thường vi tế khó hiểu hơn vô thường thô rất nhiều; tuy nhiên, nếu chúng ta suy nghĩ một cách sâu sắc và chính xác về vô thường vi tế, chúng ta có thể bắt đầu hiểu nó. Vô thường vi tế ám chỉ sự thay đổi vi tế đang liên tục xảy ra trong các pháp hữu vi.

Nếu chúng ta quan sát một cái đồng hồ, chúng ta có thể dễ dàng thấy kim giây chuyển động và thay đổi rất nhanh. Tuy vậy chúng ta không ý thức rằng thân thể chúng ta, nhà cửa... cũng đang thay đổi trong từng giây phút. Nhưng kỳ thực vạn vật biến chuyển trong từng sát na trôi qua.

Nhờ quán sát một cách cẩn thận và chính xác chúng ta có thể nhận thấy rằng thân xác và sở hữu có những thay đổi vi tế đang diễn ra bên trong chúng. Điều này gọi là vô thường vi tế.

CHƯƠNG 4

SỰ TÁI SANH

Một người nam hay nữ, nếu là Phật tử chân chánh, sẽ tin vào sự tái sinh. Nhờ nghe và học hỏi giáo lý Phật, thực hành Pháp, nhiều người có thể hiểu được tái sinh bằng chính kinh nghiệm bản thân của họ. Tuy nhiên, những người khác kể cả những trường phái triết học ngoại đạo thì không chấp nhận sự hiện hữu của tái sinh.

Có một trường phái triết học tên là Charvakas không tin vào sự tái sinh. Khi được hỏi tại sao không có tái sinh, thì trường phái này không có câu trả lời hoàn hảo và chính xác. Họ nói rằng sự tái sinh không hiện hữu, vì bất kỳ hiện tượng nào hiện hữu cũng phải được thấy rõ. Họ không tin vào tái sinh vì họ không thể thấy bằng chính mắt của họ. Trường phái này chỉ tin vào những đối tượng hiện rõ, không tin những gì bị che kín hay hoàn toàn ẩn khuất.

Ngoài trường phái nói trên, có nhiều người phủ nhận sự tái sinh, lý do chính là vì họ chưa từng tận mắt thấy sự tái sinh một cách trực tiếp. Nhưng điều này thật sai lầm: điều thực quan trọng là biết được có đời





trước và đời sau. Nếu chúng ta không cần biết đến đời trước đời sau gì cả, thì ta sẽ ôm giữ những tà kiến như phủ nhận tái sinh. Theo đạo Phật, ai tin rằng không có tái sinh là người đó ôm giữ một cái thấy sai lạc (tà kiến). Một lối nhìn cong queo như thế phát sinh do không biết có hiện hữu đời quá khứ và vị lai.

Ngày nay, phần lớn người ta tin vào những gì đang ẩn khuất như nguyên tử, hay những hành tin rất xa mà họ không thể nhìn thấy. Nhờ lý luận chặt chẽ và những bằng chứng khoa học khác, họ có thể biết được những vật ấy hiện hữu. Cũng vậy, chúng ta có thể biết về tái sinh cho dù chúng ta không thể nhìn thấy nó.

Có hai phương pháp để hiểu sự tái sinh. Cách thứ nhất giúp cho ta tin vào đời trước hay một đời trong quá khứ. Phương pháp thứ hai khiến ta tin vào đời sau hay một đời sống trong tương lai. Sự giải thích ở đây sẽ tập trung vào phương pháp thứ nhất. Nếu chúng ta biết rằng có một đời trước, thì thật dễ dàng để hiểu sẽ có một đời sau. Có tất cả năm kỹ thuật để hiểu rằng chúng ta đã có một đời sống về trước. Kỹ thuật thứ nhất, nhờ bản năng và dấu vết tâm linh chúng ta có thể biết rằng đã có một đời trước. Kỹ thuật thứ hai bao hàm sự hiểu biết dòng tâm tương tục...

Kỹ thuật thứ ba sử dụng năng lực của mộng tưởng để chứng minh đã có một đời trước. Kỹ thuật thứ tư là nhờ năng lực của những ví dụ về tái sinh. Kỹ thuật thứ năm là nhờ năng lực của thâm quyền kinh điển, chúng ta có thể biết được chúng ta đã trải qua một đời trước.

Nếu chúng ta thiên quán về năm kỹ thuật này một cách liên tục, thì thật là không có gì khó để hiểu việc đã có một đời trước. Nếu ta có thái độ phân biệt thích đáng, thì nói chung rất dễ dàng để hiểu có đời trước và đời sau. Nhưng nếu ta có thái độ hay động lực tà vạy, thì ngay cả Phật hay Chúa cũng không thể làm cho chúng ta tin vào sự tái sinh. Ngay dù có một đức Phật còn tại thế giảng giải về tái sinh thì cũng khó mà hiểu được. Nhưng nếu với thái độ và động lực đúng đắn, chúng ta suy nghĩ sâu xa về năm kỹ thuật này, thì sẽ khá dễ dàng để hiểu sự tái sinh.

Tuy nhiên sự phân biệt sai lầm có thể xen vào sự hiểu biết của chúng ta. Ví dụ nếu một người đang nghiện thuốc phiện, mà có người bạn khuyên dừng dùng thuốc phiện nữa, thì anh ta sẽ không thích lời khuyên này. Người ấy có nhận thức sai lạc. Nếu người nào có thái độ sai lầm hay cong queo như vậy thì rất khó hiểu về tái sinh.

I.- DẤU ẤN TÂM LINH

Mặc dù tất cả chúng ta đều là người, nhưng có sự khác nhau về dấu ấn tâm linh (mental imprints) và khuynh hướng (tendencies) giữa những con người. Một số người có dấu ấn tâm linh lành thiện trong khi những người khác có dấu ấn tâm linh không tốt. Dấu ấn tâm linh và khuynh hướng của mỗi người không giống nhau.

Chẳng hạn, hai đứa trẻ con trong một gia đình có thể có khuynh hướng tinh thần hoàn toàn khác nhau. Đứa thứ nhất có thể có khuynh hướng xấu mạnh như chỉ muốn hại người, dễ dàng nổi giận và không thích làm việc thiện. Nhưng có thể đứa thứ hai thì lại tốt bụng, mong muốn giúp đỡ người khác và thích làm những việc lành có thiện ý.

Cái gì là nguyên do khiến cha mẹ sinh ra những đứa con có tâm tính hoàn toàn khác nhau như vậy? Xét cho sâu thì những khuynh hướng tâm linh này là do những kinh nghiệm thuộc về đời trước. Đứa trẻ có tâm tốt là vì nó đã tích lũy những dấu ấn hay thói quen tốt, còn đứa trẻ kia đã tích lũy những dấu ấn tiêu cực do những ý nghĩ và hành động xấu trong quá khứ.

Người lớn cũng vậy, có tâm lý và ấn tượng tâm linh khác nhau. Có người ghét tôn giáo xem như thuốc độc, trong khi người khác khi nghe về tôn giáo và giáo lý lại xem như là liều thuốc bổ. Nguyên nhân gì khiến họ có những cách suy nghĩ khác nhau như thế? Một người bản năng vốn không thích tôn giáo thì đã không thích tôn giáo từ những đời trước. Còn người có bản năng yêu thích tôn giáo là vì đã có những ấn tượng tốt về tôn giáo từ những đời trước đây.

Một ví dụ khác, nhiều người có thể học một ngôn ngữ khác rất nhanh và dễ dàng, trong khi người khác học ngoại ngữ hết sức khó khăn. Sự khác nhau này chứng tỏ ấn tượng tâm linh từ đời trước. Ta cũng có thể quan sát dấu ấn tâm linh và những khuynh hướng trong số những Phật tử. Một số người dù nỗ lực gặt gao vẫn rất khó khăn trong việc đạt đến những thực chứng tâm linh. Nhưng có những Phật tử khác lại đạt chứng ngộ tâm linh rất dễ dàng, không cần cố gắng gì nhiều. Vì thế có thể nói sự chứng ngộ tâm linh không chỉ là kết quả của những nỗ lực trong đời này mà còn là kết quả những nỗ lực và khuynh hướng từ đời trước.

Nếu suy nghĩ về khuynh hướng và dấu ấn tâm linh của chính mình, thì ta có thể hiểu rằng đã có những đời trước.

Ta khó mà tìm ra những điển hình rõ rệt về đời trước, nhưng cũng như làn khói cuộn cuộn bay lên sau một ngọn núi cho chúng ta biết ở đó có lửa. Cũng vậy, kết quả những dấu ấn tâm linh đời trước nơi chúng ta cho chúng ta thấy rằng đã có những đời trước.

II.- DÒNG TÂM THỨC TƯƠNG TỤC





Tất cả những vật bên ngoài (ngoại pháp) có hai nguyên nhân (causes). Ví dụ một cái bình bằng đất sét có cả hai nguyên nhân chính và nguyên nhân phụ. Nguyên nhân chính là đất sét làm nên chiếc bình. Nhưng cùng với nguyên nhân chính ấy còn có nguyên nhân phụ như thợ gốm, việc làm của thợ gốm, đôi bàn tay và những dụng cụ cần thiết. Vậy tất cả vật bên ngoài đều cần hai nguyên nhân này: Nguyên nhân đầu tiên (hay nhân) (substantial cause), được chuyển thành bản chất của sản phẩm, và nguyên nhân phụ (hay duyên) (contributing cause), yếu tố giúp chuyển đổi nguyên nhân chính thành ra sản phẩm.

Tương tự như thế, tất cả những nội pháp (internal things) như tâm thức (mind) cũng có hai nguyên nhân: chính và phụ. Nguyên nhân chính của tâm là dòng tâm thức tương tục từ đời trước (previous continuum of mind), nguyên nhân phụ là xúc tiếp đối tượng (meeting objects), nghĩa là do sự tiếp xúc của giác quan và đối tượng mà tâm thức phát sinh. Muốn phát triển bất kỳ một hình thái nào của tâm thì hai nhân này - dòng tâm thức tương tục đời trước và sự tiếp xúc một đối tượng - phải có hiện diện đầy đủ.

Nhân chính của tâm hôm nay là tâm ngày hôm qua, tâm hôm nay phát sinh từ tâm hôm qua. Nếu chúng ta xem xét một hài nhi, tâm của em bé ấy phát sinh từ cái tâm khi nằm trong bào thai mẹ. Thần thức của đứa bé đi vào thai mẹ lần đầu khi có sự giao hợp giữa tinh cha và trứng mẹ. Nhưng tâm của đứa bé ấy cũng xuất phát từ cái tâm trước đây trong đời sống quá khứ của nó. Bằng phương pháp theo dấu trở ngược về dòng tương tục của tâm thức, chúng ta có thể biết rằng đã có một đời sống quá khứ.

III.- NHỮNG MỘNG TƯỚNG

Nhờ năng lực của mộng tưởng (dream appearances), chúng ta có thể hiểu có một đời trước. Nói chung, có ba loại mộng tưởng. Loại thứ nhất là mộng tưởng về những sự cố đã xảy ra từ trước trong đời này. Loại mộng tưởng thứ hai ám chỉ những sự cố ta sẽ gặp về sau trong đời này. Loại mộng tưởng thứ ba liên quan đến những đời khác, nghĩa là những kiếp tái sinh trong quá khứ và trong tương lai.

Những mộng tưởng về thời gian đầu đời này tức là những giấc mơ mà chúng ta có về những sự việc trong quá khứ, ví dụ mơ về thời thơ ấu, chúng ta có thể mơ về những kỳ nghỉ đã qua, những ngôi nhà cũ, những người bạn cũ, quyền thuộc hay cha mẹ đã khuất. Bấy giờ chúng ta có thể thấy lại những điều này trong những giấc mơ khoảng đầu đời của chúng ta.

Đôi khi mộng tưởng còn cho thấy một vài việc sẽ xảy ra về sau trong đời này. Chúng ta có thể mơ thấy cha mẹ cho quà, và ngày hôm sau quả thực cha

mẹ đã gửi tiền cho ta. Đôi khi những giấc mộng của chúng ta rất đúng với sự thật. Chúng ta có thể mơ về một nơi ta chưa bao giờ viếng thăm, và rồi nhiều năm sau quả thực chúng ta viếng thăm nơi đó. Những giấc mơ có thể đoán trước những sự việc sẽ xảy ra về sau trong đời này.

Ngoài hai loại mộng tưởng này (nghĩa là mơ về thời thơ ấu và về thời gian sau trong đời này), bất kỳ loại mộng tưởng nào khác cũng ám chỉ một hành động hoặc trong đời quá khứ hoặc trong đời vị lai. Đôi khi ta mộng thấy một việc không thể xảy ra trong đời này. Ví dụ nhiều người phạm nằm mơ thấy mình có thể bay trên trời. Nếu một người thường mơ thấy mình bay, điều này chứng tỏ trong kiếp trước họ đã thiên định đạt đến "an chỉ" (concentration) hay "tịnh trú" (tranquil) hoặc kiếp trước họ đã từng làm một loài chim sinh biết bay.

Một giấc mộng luôn luôn cho thấy đời sống quá khứ hay vị lai nếu không có liên hệ gì đến hiện tại. Nhờ xem xét những mộng tưởng mà chúng ta dễ dàng hiểu về đời sống quá khứ, vị lai. Có vài điều chúng ta thấy trong mộng dường như vô lý đối với đời này, nhưng nó có thể xảy ra ở vị lai hay đã xảy ra trong quá khứ. Nếu không có những nguyên do (nhân) và điều kiện (duyên) thì những mộng tưởng như thế không sinh khởi.

IV.- NĂNG LỰC CỦA NHỮNG VÍ DỤ

Nhiều người ngoài đạo Phật cho rằng tái sinh là chuyện không thể xảy ra vì không có ví dụ cụ thể về tái sinh. Họ có thể chưa gặp những người nhớ được đời trước của mình, trong khi quả thực có những người như vậy. Chúng ta không thể kết luận rằng một việc gì đó là không có chỉ vì một số người chưa từng thấy việc ấy. Nhưng thực sự là có nhiều trường hợp về những người nhớ được những tiền kiếp. Ở đây xin trình bày hai ví dụ:

Ở miền Nam Ấn Độ, có một bé trai sinh ra trong một gia đình thương gia. Những lời đầu tiên của nó là:

- Thầy của con đâu?

Mẹ nó rất ngạc nhiên hỏi:

- Ai là thầy của con?

Đứa bé trả lời, thầy nó là bậc đạo sư Thế Thân.

Ngày hôm sau, cậu bé bảo nó muốn đi thăm thầy hiện ở Magadha, một thành phố khác ở Ấn Độ.

Cha mẹ cậu bé hỏi thăm những thương gia về bậc thầy trong đạo Phật mà con trai họ đã nói. Những thương gia cho họ biết có một bậc thầy tu chứng rất cao tên là Thế





Thân (Vasubandhu) ở Magadha. Sau khi nhận được tin này, cha mẹ liền đưa cậu con đến Magadha để diện kiến ngài Thế Thân.

Khi đến Magadha, họ hỏi ngài Thế Thân về bản chất mối quan hệ giữa ngài với con trai của họ. Ngài Thế Thân cho họ biết rằng, khi ngài còn ở trong một hang động trên núi để tụng đọc kinh điển, có một chú chim bồ câu ở trong hang. Con chim bồ câu thường nghe ngài tụng kinh hàng ngày. Sau đó chim bồ câu chết, và nhờ năng lực nghe kinh Phật, những ác nghiệp của nó được thanh lọc và nó được tái sinh làm con trai của ông bà ấy.

Khi lớn lên, cậu bé học mọi điều thầy dạy rất dễ dàng. Từ đời quá khứ cậu đã có nhân duyên lớn với ngài Thế Thân. Cậu trở thành một hành giả tu chứng rất cao tên là Stirmati. Đây là câu chuyện có thật cho chúng ta thấy có một đời trước.

Có một ví dụ khác gần đây hơn về sự tái sinh xảy ra trong thế hệ này. Khi còn bé, tôi có một vị thầy rất thông tuệ tên là Kachen Pella, sống ở phía Tây nước Tây Tạng. Kachen Pella có rất nhiều đệ tử. Khi biết mình gần chết, ngài phân chia sách cho các đệ tử của ngài.

Không lâu trước lúc ngài chết, có một phụ nữ ở cách thành phố một ngàn dặm đi đến chỗ vị thầy đang ở. Vị thầy già nói chuyện với người phụ nữ mà ngài chưa bao giờ gặp trước đây, mời bà ta cùng uống trà. Trước khi người đàn bà từ giả, vị thầy tặng cho bà chiếc khăn quàng cổ màu trắng và nói:

- Tôi sẽ đến thăm nhà bà, (*) lúc đó xin hãy đối xử tử tế với tôi.

Bà hỏi ngài có biết nhà bà không, ngài trả lời:

- Tôi sẽ biết nhà bà.

Người đàn bà tưởng vị thầy già muốn làm một chuyến hành hương nên bà nói xin mời ngài đến nhà, con sẽ đón tiếp tử tế. Rồi bà ra đi, và mười ngày sau vị thầy chết đúng vào ngày giờ mà ngài đã tiên đoán. Những người có niềm tin nơi thầy thì tin tưởng rằng ngày biết được cái chết là nhờ thần thông, còn những người không tin thì cho rằng ngài đoán được là nhờ biết xem thiên văn tử vi.

Sau khi vị thầy chết không lâu, người đàn bà đã đến thăm ngài khi trước, sinh được một hài nhi. Khi con bà mới biết nói, nó đã nói về đời trước của nó, về ngôi tu viện, và tên những đệ tử của mình. Khi biết vị thầy già đã chết, bà thầm nghĩ rằng, con trai bà có thể là vị thầy già, người đã nói là sẽ đến nhà bà. Mặc dù bà không tiết lộ cho ai biết điều gì, nhưng cuối cùng tin tức đứa bé nói về đời trước của nó đã lan đến tu viện và đệ tử của vị thầy già. Một phái đoàn tăng sĩ đến thăm cậu bé và cũng để xem đứa bé có phải là tái sinh của thầy mình không. Khi họ đến, cậu bé gọi

tên tục của hai vị tu sĩ và chọn đúng tràng hạt đời trước của mình trong sáu xâu tràng hạt giống nhau. Những vị tu sĩ này tin chắc đây chính là tái sinh của thầy họ.

Những vị tăng sĩ yêu cầu người mẹ cho họ được đưa cậu bé về tu viện để chăm sóc cậu bé cho chu đáo. Người mẹ bảo rằng bà không còn nghi ngờ gì nữa về việc đứa bé ấy chính là tái sinh của vị thầy, nhưng vì bà chỉ có một mụn con trai duy nhất nên bà không thể nào cho nó theo các thầy về tu viện được.

Hai năm sau cậu bé bị bệnh nặng gần chết. Mẹ cậu hỏi ý kiến vị Lạt ma ở địa phương về bệnh tình cậu bé. Vị Lạt ma khuyên bà nên để cho cậu bé đến tu viện, nếu không nó sẽ chết. Vì không muốn con trai mình phải chết nên bà đành gởi nó đến tu viện.

Cậu bé trở thành một vị thầy tu và được đặt tên là Kachen Pella trùng tên với vị thầy ngày xưa. Tôi là một trong những đệ tử của ngài và còn nhiều đệ tử khác nữa hiện đang sống ở Ấn Độ, họ có thể xác minh đây là câu chuyện có thật. Thân tái sinh của vị thầy này bây giờ độ ba mươi tuổi và đang sống ở Tây Tạng.

Không phải người Tây Tạng tin lời tất cả những đứa bé tuyên bố chúng nhớ được tiền kiếp. Họ tra xét những tuyên bố này một cách cẩn thận trước khi có quyết định có thật hay không. Họ lập một ban giám khảo để trắc nghiệm người nào nhớ lại đời trước có đúng thật không. Những người đã chứng ngộ nhớ được đời trước của mình là những điển hình chân thật về việc có đời trước và đời sau.

Hơn nữa có nhiều người ở Tây phương cũng như Đông phương có thể nhớ lại đời trước của họ. Nhiều đứa bé có thể nhớ vài chi tiết về một đời quá khứ như là tên của cha mẹ. Những điều này cũng là những bằng chứng thực sự về cuộc sống quá khứ. Nếu chúng ta xem xét các bằng chứng trên đây thật kỹ lưỡng, thì thật không có gì có thể nghi ngờ về việc tái sinh đã xảy ra.

GHI CHÚ:

(*) Phong tục người Tây Tạng thường tặng một khăn quàng trắng như là một biểu hiệu của sự may mắn.

V.- CHÂN KINH

Dựa vào chân kinh để chứng minh sự tái sinh tùy thuộc vào đức tin của họ đối với kinh, tức là những lời giảng của Phật. Đối với những người không phải là Phật tử, sự xác nhận của đức Phật về sự tái sinh có thể không đủ để đánh tan sự nghi ngờ. Nhưng một người Phật tử đã có lòng tin tuyệt đối vào đức Phật sẽ hết





lòng tin tưởng vào những gì mà đức Phật đã nói về sự tái sinh.

Có nhiều kinh sách trong đó đức Phật đã giải thích rằng có sự tái sinh. Trong một quyển kinh, đức Phật đã nói:

"Trong một cuộc đời của kiếp trước, ta đã bị hành hạ bởi vua nước Kalinga. Nhà vua đã chặt xương sườn của ta, nhưng ngay lúc ấy ta không có ngã chấp, không tham ái, và không nổi giận".

Như vậy chúng ta có thể thấy rằng đức Phật đã là một hữu tình tu chứng cao ở đời trước. Trong quyển kinh này thực rõ ràng chỉ dạy bởi lời đức Phật xác nhận rằng đã có đời trước.

Có một tiểu sử nói về 108 đời trước của đức Phật. Tiểu sử này dựa trên chân kinh của đức Phật. Nếu chúng ta có lòng tin, chúng ta có thể biết được từ chân kinh rằng có sự tái sinh. Nếu chúng ta không có lòng tin ngưỡng, thì chúng ta có thể dùng sự hợp lý để lý luận mà chúng tỏ rằng có sự tái sinh. Nếu chúng xử dụng năm kỹ thuật đã giải thích trên đây thì không có gì khó khăn cho lắm để mà hiểu được sự tái sinh. Một khi chúng ta đã biết rằng có đời trước, thì lý đương nhiên là sẽ có đời sau.

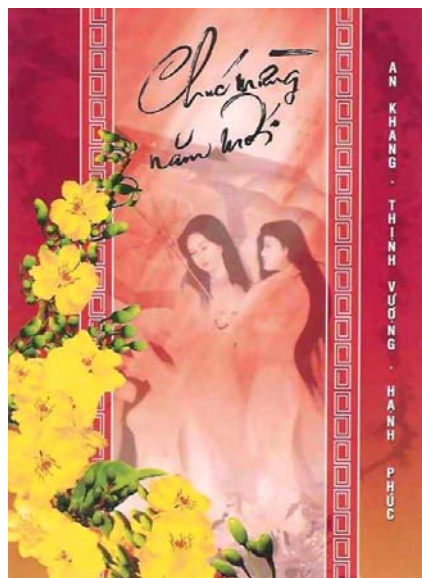
Cuối cùng thân xác chúng ta sẽ tàn tạ và chết, nhưng tâm ta không bao giờ chết. Sau khi chết, thân xác ta có thể bị thiêu cháy, nhưng tâm ta thì không. Thân và tâm hoàn toàn khác nhau. Vào lúc chết, hay có khi ngay cả trước lúc chết, tâm đã rời khỏi xác.

Những thiền giả tu chứng cao có thể làm cho thần thức của họ lìa khỏi xác và đi vào thân xác khác. Con trai của Marpa, một vị Bồ tát - tức là một hữu tình đang tìm sự toàn giác để làm lợi lạc cho mọi người - là người có khả năng làm pháp chuyển di tâm thức ấy. Sau khi thân thể của ông bị tổn thương trầm trọng trong một tai nạn cưỡi ngựa, con trai của Marpa quyết định đi tìm một thân xác mới để chuyển di tâm thức của mình vào đó. Muốn đạt mục đích này, ông cần một xác chết toàn vẹn. Ông không thể tìm ra ngay một xác người, nhưng tìm được cái xác của một con chim bồ câu. Con trai Marpa chuyển thức mình vào xác chim bồ câu và con bồ câu sống lại. Với thân chim, con trai Marpa không thể làm điều gì nhiều để giúp người, vì thế ông tiếp tục đi tìm một thân người để thỏa mãn được ước mong làm lợi lạc hữu tình.

Nhờ năng lực thấu thị (clairvoyance) của cha ông, cuối cùng con trai Marpa đã tìm được ở Ấn Độ thân xác chết của một thiền giả Du già đã thực chứng. Thần thức của con trai Marpa lìa khỏi xác chim bồ câu và nhập vào xác của thiền giả. Với thân người này, con trai Marpa đã sống nhiều năm ở Ấn Độ, giảng dạy Phật pháp. Nhiều người từ Tây Tạng cũng đến thọ giáo với ông.

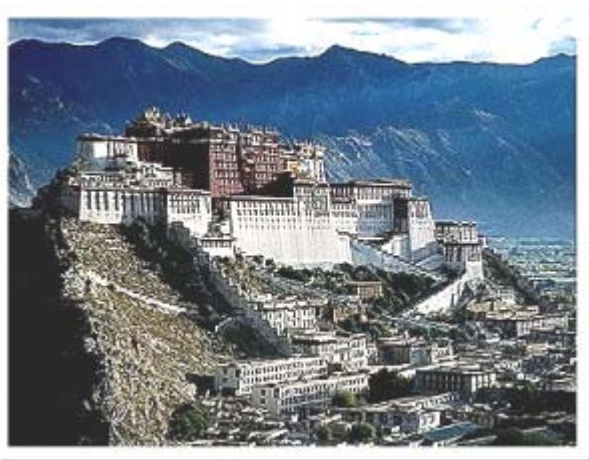
Theo Phật giáo Tây Tạng, có nhiều kỹ thuật để làm cho tâm thức nhập vào một thân xác khác. Sự thực hành này thịnh hành trong một thời gian. Nếu tâm có thể rời khỏi thân trước khi chết theo cách ấy, thì dĩ nhiên vào lúc chết tâm cũng rời khỏi thân xác chứ không chết. Còn có một cái gì khác nữa sau đời này. Nhờ nghiên cứu năm kỹ thuật này mà chúng ta có thể biết được có một đời sống nữa tiếp nối đời sau này.

Nói chung, người theo đạo Phật xem những đời sau còn quan trọng hơn đời này. Nghĩa là dù có gặp nhiều khổ đau và nghịch cảnh trong đời này, chúng ta cũng không nên nản chí. Thay vì thế, ta nên nhận thức rằng bây giờ chúng ta đang có cơ hội để thực hành pháp, để cải thiện tâm ta bằng cách diệt trừ ác nghiệp và thực hành giới hạnh. Như vậy, ta có thể tạo những điều kiện để có những tái sinh thù thắng (higher rebirths), để tu tập pháp trong những đời sau và để cuối cùng đạt đến giác ngộ hoàn toàn.





Nhìn Tây Tạng, thấy Việt Nam



Điện Potala, Tây Tạng

Lê Minh Khôi

Rời Thành Đô trên chiếc phi cơ cánh quạt loại nhỏ chứa khoảng sáu chục người, sau hơn một giờ bay chúng tôi đã thấy nhấp nhô những đỉnh núi phủ đầy tuyết trắng của xứ Tây Tạng. Bỏ lại sau lưng căn nhà tranh di tích của Đỗ Phủ, bỏ lại mảnh đất dựng nghiệp của Lưu Bị thời Tam Quốc, bỏ lại miếu thờ Khổng Minh, Quan Công, Trương Phi cùng những thành lũy bằng đất xây dựng từ thời Tần-Hán nằm gần quận lỵ Đôn Hoàng, khi chiếc máy bay chuẩn bị hạ cánh xuống phi trường Lhasa thì kim đồng hồ chỉ 1 giờ 22 phút, giờ địa phương, buổi chiều.

Mỗi người được phát cho một túi nhỏ đựng dưỡng khí và được dặn dò phải cẩn thận kéo bị choáng váng hay té ngã vì áp suất thay đổi. Trong số hơn 60 hành khách thì gần ba chục là du khách Âu Mỹ, 5 hay 6 người mặc binh phục, hơn hai chục là thường dân nói tiếng Hoa, và vốn vẹn chỉ có 4 người Việt. Lúc rời Washing-

ton DC nhóm anh em chúng tôi có tới 12 người, nhưng lúc đi Tây Tạng chỉ còn lại vợ chồng anh chị Trần Dương và vợ chồng tôi. Trong lúc chuẩn bị rời máy bay, tôi bỗng chợt nhớ tới bài địa lý thuở còn nhỏ: Nước Tây Tạng rộng bằng hai nước Pháp, có dãy núi Hymalaya (Hy Mã Lạp Sơn) là dãy núi cao nhất thế giới, có ngọn Everest quanh năm tuyết phủ. Tuổi ấu thơ của tôi lại được kích thích khi nghe kể chuyện những nhà tu trên đất Tây Tạng ngồi xếp bằng tròn, bay vù vù từ đỉnh núi này qua đỉnh núi khác, hoặc những chuyện rừng rợn về thiên táng, xác người chết được đem lên đỉnh núi xẻ thịt ra từng mảnh quảng cho chim ăn theo triết lý: vật nuôi người, người nuôi vật, trái ngược với phong tục của chúng ta là địa táng, đào huyệt chôn dưới đất, hay hỏa táng là đem thiêu xác, lấy cốt về thờ. Lớn lên, đọc sách, đọc báo, đọc được những bức thư của nhà cách mạng Phan Bội Châu gửi cho nhà cách mạng Phan Chu Trinh, trên đầu thư cứ một điều Hy Mã Tôn Ông nhĩ giám, hai điều Hy Mã Tôn Ông nhĩ giám, thì lòng lại càng nao nức muốn biết Tây Tạng và Hy Mã Lạp Sơn lắm. Tưởng rằng “nhưng chỉ là giấc mơ thôi”, không ngờ có ngày tâm thành ý đạt.

Độ cao của nước Việt Nam ta trung bình so với mặt biển là khoảng 19 m (63 feet), nhưng độ cao của Tây Tạng so với mặt biển là 3,658 m (12,000 feet) và đỉnh cao của ngọn Everest so với mặt biển tới 8,848 m (29,000 feet). Cho nên, trừ dân địa phương, còn du khách khi đã có ý định mò lên thăm cái xứ sở nằm cao tít trên nóc nhà thế giới này thì đều đã dự liệu về chuyện áp suất không khí thay đổi. Tinh thần chuẩn bị kỹ càng như thế nhưng lúc máy bay đáp xuống phi trường, cánh cửa mở ra, chân mới chạm đất thì gió thổi mạnh đến nỗi không thể tự chủ nổi, chỉ bước được mấy bước thì cái mũ lưỡi trai đem từ D.C. đã bị gió thổi văng xuống và cuốn đi như một chiếc lá. Một tay che đầu, một tay kéo





cái túi hành lý nhỏ, chạy lọt được vào tới phòng chờ đợi thì cỗ hống khô cứng lại như đã ba ngày không được một hớp nước.

Nhân viên hãng du lịch ra đón bốn người chúng tôi là một phụ nữ có tên Mã Dung. Cái tên này làm tôi chợt nhớ đến mấy cái tên Mã Đằng, Mã Đại và Mã Siêu trong bộ Tam Quốc Chí. Nghĩ vậy thôi, chứ cô Mã Dung không mang một nét đặc thù nào của Hán tộc. Thân hình dong dỏng cao, khoảng hơn thước rưỡi, tóc dài chấm lưng vai, da rám nâu, nói tiếng Anh đủ để chúng tôi hiểu được. Sau một vài câu trao đổi ngắn gọn, cô đưa chúng tôi lại chỗ lấy hành lý và ra ngay chiếc xe Van hiệu Toyota chờ sẵn. Trái với cô Mã Dung, người lái xe rõ ràng là một chú người Hoa chính hiệu, hai mắt ti hí, má phệ, tóc ngắn, nước da màu vàng tái, tương phản hẳn màu nước da của những người Tây Tạng mà chúng tôi từng gặp trong chùa Tây Tạng Labrang Monastery trên đất Sa Hẹ. Ra khỏi phi trường, xe chạy vòng vèo, một bên vách núi, một bên bờ sông, nước trong xanh ngắt. Độ chừng mười cây số xe dừng lại tại một khúc quẹo và người tài xế ra hiệu cho chúng tôi xuống để chụp hình. Đó là một cái hang thô sơ thờ hình Đức Phật ngồi thiền, miệng hang treo vô số tấm phướn và cờ đuôi nheo cùng những miếng vải to cỡ ba bốn bàn tay, màu sắc, xanh, trắng, đỏ, vàng, trông rất sặc sỡ. Chụp hình xong, chúng tôi lên xe về thẳng khách sạn Holiday Inn trên đường Beijing Lu.

Ở đâu quen đấy. Sau một buổi chiều và một đêm dài nghỉ ngơi chúng tôi đã làm quen được với thời tiết. Sáng hôm sau chúng tôi ra ngồi nhâm nhi cà phê trong phòng khách để chờ xe đến đón. Phía bên kia đường là một dinh thự lớn, bảng hiệu nền đỏ chữ vàng viết bằng chữ Hán, hai người lính gác, súng gắn lườm lè, quân phục màu xanh phân ngựa, thứ quân phục của lính Trung Cộng mà chúng tôi từng gặp ở Bắc Kinh và Tây An. Tại tiền đình, trên đỉnh cao của cột cờ là lá cờ Trung Cộng, một ngôi sao lớn bốn ngôi sao nhỏ phát phơ trước gió. Ngôi sao lớn tượng trưng cho Đại Hán, bốn ngôi sao nhỏ tượng trưng cho bốn sắc dân chư hầu Mãn, Mông, Hồi, Tạng.

Mặt trời lúc này đã lên cao. Những tia nắng ban mai đã rọi xuyên qua khung kính cửa sổ của phòng khách

đet thành những sợi nắng đan chéo trên tường nhưng không khí vẫn còn se se lạnh lạnh. Xe cộ qua lại thưa thớt, lâu lắm mới thấy một chiếc xe tự chế, là chiếc xe có một bánh bằng gỗ do một người đẩy hay kéo, chậm chạp đẩy qua. Theo lịch trình, đúng 9 giờ cô Mã Dung cùng người tài xế mới có mặt đưa chúng tôi tới đền Jokhang là ngôi đền được Hoàng hậu Wengcheng, vợ thứ của vua Songtsen Gampo, xây cất vào năm 647, và sau đó tới đền Lublinka. Hai ngôi đền thờ này khá lớn nhưng chỉ có một tầng, tường xây bao bọc chung quanh, vô tróc loang lổ, thiếu người săn sóc, cũng hết như quang cảnh sở thú ở Trùng Khánh, cây cỏ thì xơ xác, con người thì nhếch nhác. Thỉnh thoảng một nhóm dân Tây Tạng ngồi nhặt cỏ nhìn chúng tôi đi qua với ánh mắt vô cảm lạnh lùng rồi sau đó họ lại ngồi chồm hổm tiếp tục dọn cỏ hay đứng lên uể oải cầm chổi quét những chiếc lá rụng. Không khí ở đây ảm đạm buồn tênh chứ chẳng thấy gì gợi cảm.



Đền Jokhang

Đến bữa ăn trưa chúng tôi được đưa vào nhà hàng quốc doanh nằm cùng dãy nhà với siêu thị do nhà nước quản lý. Tổ chức du lịch của Trung Quốc rất chặt chẽ. Chuyên chở đưa đón thì có China Travel Services, viết tắt là CTS, và chúng tôi gọi đùa là Communist Total Shit. Bữa ăn thì bị lừa vào nhà hàng quốc doanh. Mua sắm thì vào các thương xá Friendship của nhà nước luôn luôn được xây cất kế ngay nhà hàng ăn, hoặc xe bus chờ



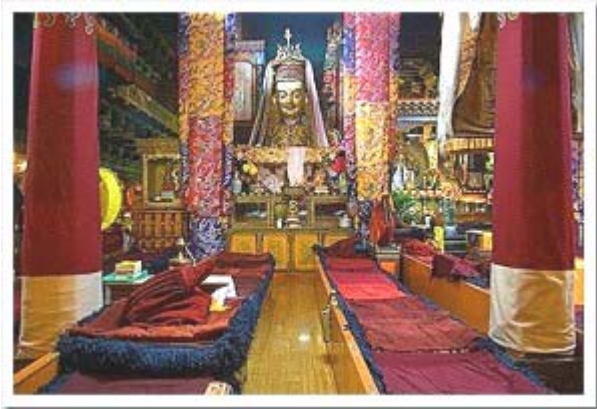


thẳng vào các công ty sản xuất. Tiếng gọi là công ty nhưng thực chất là công ty quốc doanh, nhân viên phục vụ đều là người của chế độ mặc thường phục. Hầu hết đồng tiền của du khách đều lọt vào túi của nhà nước chứ rất khó mà rớt đến tay người dân. Sau bữa cơm trưa, chúng tôi được đưa đi chơi bằng qua sông Lhasa bằng thuyền Yak-Skin. Thuyền này làm bằng da con Yak, một loại bò đen to lớn, lông rất dài và rất dày để chống lạnh. Còn sống và khỏe mạnh thì con Yak được dùng để kéo cày và lấy sữa. Lúc chết thì thịt dùng làm thực phẩm, mỡ dùng làm dầu nền thấp, da dùng làm trống hoặc ghép lại làm thuyền. Con bò Yak mật thiết tới đời sống người dân Tây Tạng nên bò Yak là biểu tượng của xứ Tây Tạng. Con đường Beijing Lu kéo dài từ Bakhor tới Drepung Monastery chia thủ phủ Lhasa ra làm đôi, đoạn dẫn vào khu thương mại trung tâm thành phố cũng có tượng Yak. Đi xem trình diễn văn hóa dân tộc cũng có vũ điệu múa với bò Yak. Ở Lhasa thuyền Yak không đậu dưới sông mà được dựng ở các bến, mỗi bến có cả chục chiếc thuyền làm bằng da con Yak xếp thành dãy dài chờ du khách. Mỗi thuyền chở được sáu hay tám người và có thể chở thêm cả xe đạp hoặc xe gắn máy. Nước sông Lhasa rất trong nhưng do tuyết tan từ các đỉnh núi chung quanh đổ xuống nên thờ tay xuống thấy lạnh buốt. Khi có du khách, một người Tây Tạng đưa lưng ra cõng một chiếc thuyền bằng da con Yak đến bến cho khách xuống và dùng sào chống con đò qua sông như hình ảnh người chèo đò Trương Chi trong truyện cổ Việt Nam.

Hôm sau chúng tôi được đưa đến thăm cung điện Potala là nơi ngày trước các vị Phật sống Tây Tạng ngự trị. Cung điện này cao ba tầng quét vôi nửa trắng, nửa nâu xây trên triền núi gồm nhiều dãy nhà nối tiếp nhau. Nửa trắng phía dưới là nhà khách, nhà ăn, nhà chứa vật cữu, phần trên màu nâu được phân chia thành các phòng thờ phượng. Phía trước, ở dưới thấp làm một sân rộng phía trước chừng hơn hai mẫu tây để tín đồ tụ hội, từng toán du khách đổ xuống từ những chiếc xe bus hòa nhập với những người dân địa phương chạy theo bán nhang đèn và các tu sĩ khoác áo choàng màu huyết dụ hay màu vàng nghệ làm không khí ở đây thêm nhộn nhịp. Từ trên cao, tôi nhìn khắp bốn phía để mong thấy những tín đồ đi hành hương, cứ bước một bước lại nằm dài thẳng

cẳng xuống đất, duỗi hai tay về phía trước, miệng đọc kinh, sau đó lại đứng dậy bước thêm một bước khác, rồi lại nằm dài người xuống đất, như những con sâu đo. Chúng tôi đến cung điện Potala không nhằm vào ngày lễ nên ngoài du khách ra chỉ thấy những người dân Tây Tạng dẫn vợ con đến cúng vái. Người chồng nét mặt khắc khổ, quần áo nhiều mảnh, có khi khoác áo nhà binh sờn rách, người vợ mặc váy, cổ đeo nhiều chiếc vòng bằng đồng, đầu quấn khăn tua sặc sỡ, chân bước, tay cầm chiếc “vòng luân hồi” vừa đi vừa quay, miệng lầm bầm đọc kinh một cách thành kính.

Con đường đi lên điện Potala là những phiến đá lát bậc thang, không dốc lắm nhưng rất hẹp khiến người lên người xuống phải chen chúc len lách. Càng lên cao càng ngộp thở. Hơi người, hơi khói, và nhất là hơi bốc ra từ những ngọn nến và những bình dầu đốt bằng mỡ Yak khiến không khí thật ngộp ngạt. Qua tầng một, tầng hai, là lên đến khu chánh điện, được chia làm nhiều gian nhỏ, cờ quạt, lọng phướn treo kín mít. Tại mỗi phòng đều có bàn thờ Phật hoặc bàn thờ linh vị các Đạt Lai Lạt Ma đã hóa kiếp. Mỗi phòng đều có một nhà sư lo việc đèn dầu và ngay gần cửa ra vào của mỗi phòng là một thùng kiếng để thập phương bỏ tiền dâng cúng. Một lần vừa lấy máy ảnh định chụp một tấm hình thì vị sư già khăng khiu ngồi gần chánh điện xua tay ra hiệu chỉ thẳng vào một người to béo mặc thường phục ngồi ở góc cửa ra vào. Người đó mới thực sự quyền hành còn vị sư già chỉ là cây cảnh.



Những thảm cầu nguyện (prayer rugs) trong điện Potala





Rời tu viện Potala chúng tôi được đưa đi xem một khu sản xuất thủ công nghệ gồm nhà đan lát, nhà dệt thảm, nhà chạm khắc đồ gỗ. Mỗi nhà đều có khu sản xuất và khu bán hàng. Tại những khu sản xuất, nhân công là người Tạng, nét mặt khắc khổ chịu đựng, ngồi từng dãy im thin thít, quần sợi, kéo chỉ. Ở khu dệt thảm đa số thợ là trẻ nhỏ, thấy du khách đến chúng lăm lét ra hiệu cho du khách lại gần rồi hai mắt đảo đảo, đưa tay xin tiền. Không biết là chúng sợ bị bắt, bị trừng phạt, hay sợ bị thu lại số tiền xin được. Đến khu bán hàng thì chỉ thấy người Hoa, liú lo nói tiếng Hoa, nét mặt sung mãn. Buổi chiều chúng tôi được đưa đi mua sắm ở khu thương mại nằm phía đông thành phố, trong lòng bốn con đường chính có tên Wengduixinca, Dongzisu Road, Hebalinlu và Zinzudong Lu. Ở mấy dãy phố này không có nhà cao tầng. Bảng hiệu hoặc viết bằng Anh Ngữ hoặc bằng chữ Hán. Bước vào đây không khác gì bước vào các khu phố Tàu ở Philadelphia hay phố Tàu ở Los Angeles. Có lẽ người dân Tây Tạng đã “tự nguyện xin đi các vùng kinh tế mới”, hết như người Sài Gòn tự nguyện dâng nhà dâng cửa cho Đảng cho Bác để đi lao động vinh quang tại các vùng đèo heo hút gió khi họ còn gầy Bù Đẳng, Bù Đốp, Bù Gia Mập. Bữa ăn cuối cùng tại Lhasa chúng tôi được đưa vào nhà hàng uống sữa Yak, ăn cháo lòng Yak, có tiếp viên và nhạc công mặc xiêm y Tây Tạng, nhưng viên quản lý lại cũng là người Tàu. Khi sắp ra về cô Mã Dung choàng lên cổ chúng tôi mỗi người một khăn vải mỏng màu trắng, biểu lộ tình hữu nghị và sự hiếu khách của người Tạng.

Ở Tây Tạng bốn ngày, đi đâu cũng chỉ thấy người Hoa làm chủ. Trước đây Tây Tạng là một quốc gia độc lập cho đến năm 1959 thì bị Trung Cộng sát nhập. Trước năm 1950 dân số Tây Tạng gần một triệu nhưng năm 2000, theo thống kê, dân số lên đến hơn 2 triệu. Một triệu người thêm sau này chắc chắn có đến 80% là người Hoa vì dân Tây Tạng rất ít sinh đẻ. Giờ đây có lẽ dân số trên đất Tạng đã cao hơn nhiều, nhưng người Tây Tạng đích thực đã trở thành nô lệ của người Trung Hoa Hán Tộc. Lữ Tạng Gian trở thành cai nô còn người dân Tây Tạng thì làm thợ trong các xưởng máy hoặc làm nông nô tại các nông trường. Đức Đạt Lai Lạt

Ma đã nhân danh Tây Tạng vận động khắp thế giới xin cho Tây Tạng là một xứ tự trị Tibet Autonomy Region (TAR) cũng không được. Trung Cộng đã dựng lên một Ban Thiền Lạt Ma làm bù nhìn. Trước đây đến Tây Tạng phải bằng máy bay. Năm 2000, du khách từ Thành Đô tới Tây Tạng cũng phải đi bằng máy bay. Năm 2004 Trung Cộng xây dựng một thiết lộ nối liền Trung Quốc đến Tây Tạng. Có con đường này thì lên Tây Tạng sẽ dễ dàng và người Hán sẽ lên Tây Tạng thoải mái. Con đường này làm tôi liên tưởng đến con đường Trường Sơn được Hà Nội cho làm xuyên suốt từ biên giới Trung Cộng vào Nam.

Ôi! Dân Tạng chỉ có hơn một triệu nên phải chịu cảnh mất nước đã đành, còn dân Việt chúng ta có hơn tám chục triệu cũng đành chịu trở thành dân mất nước? Chẳng lẽ ngay trong cuộc đời trước mắt, chúng ta đứng yên để thấy những đảng viên cộng sản trở thành cai nô, người dân Việt Nam trở thành nông nô, tổ quốc Việt Nam là một ngôi sao nhỏ nằm chung với bốn ngôi sao nhỏ khác. Lá cờ Trung Cộng sẽ là lá cờ có một ngôi sao nhỏ lớn tượng trưng cho Đại Hán và năm ngôi sao nhỏ tượng trưng cho năm sắc dân bị mất nước là Mãn, Mông, Hồi, Tạng, Việt?

Lê Minh Khôi

Nguồn : Tạp chí Da Màu

**Đọc Kinh, Truyện, Sách Phật
& Tin Tức Phật-giáo tại:**
www.chuahaiduc.org





Saddharmapuṇḍarīka-sūtra (Kinh Pháp Hoa chữ Phạn)

Thích Kiên Định

(Chương 4 trong quyển *Lược Sử Văn Học Sanskrit & Hán Tạng Phật Giáo* của Thích Kiên Định, Học Viện Phật Giáo Việt Nam Tại Huế, 2008)

a. Khái lược về Nguồn gốc và sự Phiên dịch:

Kinh văn thuộc hệ Saṅskrit quan trọng nhất và được xem như tác phẩm văn chương có giá trị nhất của Phật giáo là Saddharmapuṇḍarīka sūtra. Niên đại xuất hiện của nó chừng khoảng thế kỷ thứ I sau CN, tức thời kỳ Phật giáo Đại thừa đã phát triển mạnh tại các nước ở Châu Á. Tuy nhiên, trong thời gian này Kinh văn Pháp Hoa vẫn chưa hoàn toàn đầy đủ, mà chừng khoảng bốn hoặc năm thế kỷ sau đó nó phải được bổ sung thêm vào. Phổ biến nhất là bản kinh của ngài Kumārajīva (Cưu-ma-la-thập); vì nó đã được bổ sung thêm một chương và những kệ tụng trong những phẩm khác liên quan đến Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) và Avalokiteśvara (Quán-thế-âm) cũng như một nửa Phẩm Auṣadhasya-rāja Bodhisattva (Dược Vương Bồ-tát) khi so với sự khiếm khuyết từ bản dịch ban đầu của ngài.

Saddharmapuṇḍarīka-sūtra, theo Maurice Winter-nitz, được phiên dịch đầu tiên sang tiếng Trung Hoa vào năm 223; vì nó cũng đã được ngài Nāgārjuna trích dẫn, tiếc rằng bản dịch này cũng đã bị thất lạc. Bản hiện còn do Dharmarakṣa (Trúc Pháp Hộ) dịch sang tiếng Trung Hoa vào năm 286, với nhan đề là Chánh Pháp Hoa Kinh, 27 chương, 10 quyển, đời Tây Tấn, ĐC 9_263. Có một bản dịch khác gọi là Tát Đàm Phân Đà Lợi Kinh, 1 quyển, ĐC 9_265, nhưng không rõ dịch giả, đã đề cập đến những Phẩm “Devadatta” (Đề-bà-đạt-đa) và “Hiện Bảo Tháp”, mà nó được hoàn tất trong khoảng thời gian của ngài Dharmarakṣa (Trúc Pháp Hộ). Vẫn biết, bản dịch của ngài Dharmarakṣa gồm 27 chương là tương đối hoàn chỉnh, song ở vào một niên đại sớm hơn, nhiều mảng của những chương này dường như đã được lưu hành có tính độc lập. Chẳng hạn, Phẩm Upāyakauśalya (Phương Tiện) đã xuất hiện trước thế kỷ thứ 2 sau CN; vì những sự mô tả sinh động về hình tượng của đức Phật được đề cập trong

chương này, niên đại của nó có lẽ không sớm hơn hạ bán thế kỷ thứ I sau CN.

Lại nữa, bản tương đối hoàn chỉnh do ngài Kumārajīva dịch vào năm 405 hoặc 406, được gọi là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, 7 quyển, đời Diêu Tần, ĐC 9_262. Tuy nhiên, bản dịch này không có những Phẩm đề cập đến “Devadatta” và những bài kệ của Phẩm Avalokiteśvara cũng như một nửa của Phẩm Auṣadhasya-rāja Bodhisattva (Dược Vương Bồ-tát). May thay, ngài Pháp Hiền đã phát hiện được một mảng Saṅskrit liên quan đến Phẩm Devadatta ở Turfan vào năm 490, sau đó nó được dịch ra Hoa ngữ. Thế nhưng trên thực tế, bản này ngài Pháp Vân không sử dụng trong lời bình của Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký, 8 quyển, đời Lương, Pháp Vân soạn, ĐC 33_1715, và Pháp Hoa Nghĩa Sớ, Shōtoku Taishi (574-622), 4 quyển, ĐC 56_2187. Điều này cho thấy Phẩm Devadatta chỉ được thêm vào trong Kinh Pháp Hoa sau thời của họ. Ngài Trí Khải (538_597) bình luận về Phẩm Devadatta trong Pháp Hoa Văn Cú (hay Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú), 20 quyển, đời Tùy, ĐC 34_1718, 114c) của mình, mà trước đây nó không có trong bản dịch của ngài Kumārajīva.

Năm 601, những phần khiếm khuyết trong bản dịch của Kumārajīva (Cưu-ma-la-thập) đã được Jñānagupta (Xà-na-quật-đa_523-600) cùng với những dịch giả khác bổ sung và thêm vào sau này thành một bản hoàn hảo với nhan đề là Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Jñānagupta và Kumāragupta dịch, 7 quyển, đời Tùy, ĐC 9_264. Do đó, có sự khác nhau giữa bản dịch của Kumārajīva với Dharmarakṣa (Trúc Pháp Hộ) và Kumāragupta (Khô-mã-lạp-cấp-đa); còn mảng Kinh được tìm thấy ở Đông Thổ Nhĩ Kỳ (Eastern Turketan) cũng có phần hơi khác với bản dịch của Nepalese (người Nepal).



Ngoài ra, còn nhiều bản dịch thuật, trước tác, biên soạn và chú giải khác, như: Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa, 20 quyển, đời Tùy, Trí Đầu thuyết, ĐC 33_1716 và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú, 20 quyển, đời Tùy, Trí Đầu thuyết, ĐC 34_1718. Pháp Hoa Huyền Nghĩa Thích Sám, 20 quyển, đời Đường, Trạm Nhiên thuật, ĐC 33_1717. Pháp



Hoa Huyền Luận, 10 quyển, đời Tuỳ, Cát Tạng soạn, ĐC 34_1720; Pháp Hoa Nghĩa Sớ, 12 quyển, đời Tuỳ, Cát Tạng soạn, ĐC 34_1721; và Pháp Hoa Du Ý, 1 quyển, đời Tuỳ, Cát Tạng tạo, ĐC 34_1722. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán, 20 quyển, đời Đường, Khuy Cơ soạn, ĐC 34_1723. Pháp Hoa Huyền Tán Nghĩa Quyết, 1 quyển, đời Đường, Tuệ Chiêu soạn, ĐC 34_1724. Và Pháp Hoa Tông Yếu, 1 quyển, Tân La, Nguyên Hiếu soạn, ĐC 34_1725.

Một bản dịch của Tây Tạng hoàn toàn về Saddharma-puṇḍarīka sūtra hiện còn, và bản thảo Saṅskrit của nó đã được tìm thấy trong những vùng khác nhau của Châu Á. Đặc biệt quan trọng là bản thảo Saṅskrit ở Nepal, Gilgit ở Bắc Ấn, cũng như ở Kashgar và Khādalik ở Trung Á. Từ khi bản thảo Saṅskrit của Nepal được H. Kern và B. Nanjio cho xuất bản, kế tiếp đó, những bản khác về kinh này cũng lần lượt được xuất bản. Những bản dịch Anh Ngữ và Nhật Bản cũng đã xuất hiện.

b. Khái lược về Nội dung:

Toàn bộ Saddharmapuṇḍarīka-sūtra này được viết bằng văn hệ Saṅskrit và Prākṛit theo thể văn xuôi và kệ tụng, song nó vẫn tiêu biểu cho một sự phát triển cao về lãnh vực văn chương của Phật giáo Đại thừa. Nó vốn hàm súc những tư tưởng độc đáo, nghĩa lý thâm áo lại mâu nhiệm mà đã được kết tinh bằng những chất liệu từ bi và trí tuệ của đức Như Lai suốt 45 năm thuyết pháp; đó là từ lúc Giáo đoàn Phật giáo được hình thành cho đến khi Ngài nhập Niết-bàn. Dĩ nhiên, trong suốt thời sinh tiền của Như Lai, nếu cứ vào sự dòng tư tưởng chuyển biến và phát triển, hệ thống và logic, thì có vẻ đường đột; vì suốt quãng thời gian chừng năm thế kỷ sau khi đức Thế Tôn diệt độ, rất nhiều kinh điển Đại thừa khác xuất hiện với những giai tầng tư tưởng khác nhau.

Đối với Saddharmapuṇḍarīka-sūtra (Kinh Pháp Hoa), bất luận tầng lớp nào trong xã hội, một khi đã tiếp cận và kiên nhẫn trì tụng, nó cũng đều ban cho họ những món quà vô giá, những thức ăn đầy nhựa sống cho tinh thần, có lẽ vì thế mà nó được phổ biến khắp nơi trên thế giới, không luận là những nước có truyền thống Phật giáo Hīnayāna (Tiểu thừa) hay Mahāyāna (Đại thừa). Nó làm sống lại những tâm hồn đau khổ và sầu muộn, tưới mát lại

những dòng chảy tâm linh khô héo đã ngủ vùi từ bấy lâu nay trong thế giới huyễn ảo và giả tạm, và đánh thức lại nguồn tâm hay Phật tánh mà con người hừng hờ quên lãng, đó là “khai, thị, ngộ, nhập Phật chi trí kiến”. Những phương tiện vô cùng thiện xảo, như: “khai tích, hiển bản”, “khai quyền, hiển thật”, “khai cận, hiển viễn” và “khai tam, hiển nhất” đã nhấn mạnh một cách triệt để rằng chỉ có một Phật thừa duy nhất mà hoàn toàn không có thừa thứ hai hay thứ ba nào khác, cốt để nêu bật lên tư tưởng thù thắng: “nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, với mục đích giúp cho chúng sanh thể nhập Phật tánh thanh tịnh nhằm xiển dương tính thần “tuỳ duyên bất biến”, “bất biến tuỳ duyên” trong thế giới hiện sinh này.

Đặc biệt, giáo lý Ekayāna (Nhất thừa) của Kinh Pháp Hoa này đã hình thành một hệ thống giáo lý uyên bác và bình đẳng, thâm áo và uyển chuyển, với một mục đích duy nhất là phá tan mọi quan niệm cố chấp cứng nhắc về quả vị chứng ngộ của hàng Nhị thừa (Śrāvakayāna_Thanh-văn, Pratyekabuddhayāna_Bích-chi-phật) còn hạn cuộc trong Tứ Thánh quả cũng như hàng Bodhisattvayāna (Bồ-tát thừa).

Những đoạn văn xuôi ngắn bằng Saṅskrit và những kệ tụng bằng Saṅskrit pha trộn của bản kinh này, theo Nariman, không thể xuất hiện cùng thời; vì những đoạn văn xuôi cũng như những kệ tụng của văn kinh này thường được nói về một sự biên soạn kỹ xảo có vận luật. Hơn nữa, nguồn gốc của văn kinh chỉ là những đoạn văn ngắn gọn được giải thích bằng phương thức giới thiệu và nối liền giữa những văn kệ. Thế nhưng, những đoạn văn xuôi ngắn gọn này lại được mở rộng như là phương ngữ của những văn kệ và dần dần trở nên thuần túy hoàn toàn.

Ngoài những thể loại văn xuôi ở đầu của mỗi phẩm và phần lớn được kết thúc bằng thể loại kệ tụng ở cuối phẩm, nó còn chỉ cho thấy một kỷ nguyên thịnh hành cao độ về nghệ thuật thiết kế và kiến lập những bảo tháp uy nghiêm và vĩ đại của Phật giáo thời bấy giờ. Những Thánh tích của đức Phật được tôn trí bên trong của vô số tu viện Phật giáo với những quy mô lớn và đặc thù, với những tôn tượng đức Phật bằng đá quý, những hình tượng của đức Phật được chạm khắc lên những loại gỗ quý và kim loại đặc biệt cũng như những tranh tượng được chạm khắc trên tường vô cùng sống động.





Saddharmapuṇḍarīka sūtra với 28 Phẩm của nó có lẽ được chia ra thành hai phần chính. Cả 14 Phẩm đầu của Kinh đề cập đến những phương tiện thiện xảo, còn được gọi là “Tích Môn”; còn 14 Phẩm sau xiển dương triết đề giáo lý nền tảng, cũng được gọi là “Bản Môn”. Vậy Tích Môn và Bản Môn là hình ảnh thu nhỏ của toàn bộ 28 Phẩm của Kinh Pháp Hoa.

Phẩm Tựa giới thiệu tổng quan toàn bộ kinh này. Nó mô tả cảnh đức Phật trú tại thành Vương-xá, trong núi Kỳ-xà-quật cùng với 2.000 Tỷ-kheo, 2.000 vị Hữu học và Vô học, 6.000 Tỷ-kheo-ni cùng với quyến thuộc, 80.000 Bồ-tát, Thích-đề-hoàn-nhơn cùng với 20.000 Thiên tử quyến thuộc, Thiên Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà... và có cả vua A-xà-thế cùng với vô số quần thần đều đến tập hội. Mỗi vị trong số chúng ấy đến lễ nơi chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Lúc giữa tứ chúng vây quanh cung kính cúng dường tán thán, đức Thế Tôn vì chư Bồ-tát thuyết kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa, thuyết xong, Ngài ngồi kiết già an nhiên, nhập vào vô lượng nghĩa xứ tam-muội, thân tâm bất động. Bấy giờ chư Thiên, rải hoa trời cúng dường, tán thán, lục chủng chấn động. Hết thấy hội chúng đều rất hoan hỷ, thấy diễm lành chưa từng có, bèn chấp tay nhất tâm chiêm ngưỡng đức Phật. Lúc ấy đức Thế Tôn phóng ánh sáng từ tướng chân mây trắng, chiếu soi tới 8.000 cõi về phương đông, trên thâu tận trời Hữu Đảnh, dưới tới tận ngục A-tỳ. Trong ánh sáng đó hiện đủ cảnh giới khác nhau. Đại diện chúng đương cơ, ngài Di-lặc, tiêu biểu cho lòng từ, hỡi ngài Văn-thù tiêu biểu cho trí tuệ vì nhân duyên gì diễm lành ấy xuất hiện; người sau đáp rằng đó là vì đức Thế Tôn muốn thuyết kinh Đại thừa vô lượng nghĩa và muốn khiến cho đại chúng được nghe pháp cao sâu và rất khó tin của thế gian. Ngài tuy cơ thuyết pháp, như: nói pháp Tứ đế cho người cầu Thanh-văn; pháp Thập nhị nhân duyên, Duyên-giác; Lục độ Ba-la-mật, Bồ-tát. Với một mục đích duy nhất là mong muốn cho tất cả họ phát tâm cầu đạo và chứng đắc được quả Vô thượng Bồ-đề, thành nhất thiết chủng trí.

Kể đó ngài Văn-thù kể lại chuyện xảy ra trong quá khứ: cũng có đức Phật phóng quang, thuyết kinh đại thừa vô lượng nghĩa cho vô số Bồ-tát, mà trong số ấy có Bồ-tát Diệu Quang cùng 800 vị đệ tử nghe Phật thuyết pháp trải qua 60 tiểu kiếp mà vẫn an toạ một chỗ, thân tâm an lạc,

không biết mệt mỏi; đặc biệt có Bồ-tát Đức Tạng được Phật thọ ký sau này sẽ thành Phật hiệu là Dīpaṅkara (Nhiên Đăng). Trái lại, cũng có Bồ-tát tên là Cầu Danh, tham trước lợi dưỡng, tuy có đọc tụng kinh điển nhưng không nhớ nghĩa lý; sau nhờ hành thiện nghiệp, tu tập đầy đủ lục độ Ba-la-mật, thấy được chư Phật, hết lòng cung kính cúng dường chư Phật; nhờ tích tập vô lượng công đức, cho nên sẽ được thành Phật hiệu Maitreya (Di-lặc), rộng độ và cứu giúp vô số chúng sanh.

Phẩm Phương Tiện thứ 2 là phần Chánh Tông. Nó nhấn mạnh đến sự vận dụng phương tiện thiện xảo để khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Nó mô tả lại đức Phật từ tam-muội khởi, rồi bảo tôn giả Xá-lợi-phất rằng ‘trí tuệ của chư Phật sâu xa vô lượng, rất khó giải khó nhập đến nỗi tất cả hàng Thanh-văn và Bích-chi-Phật không thể hiểu thấu. Vì từ khi thành Phật cho đến nay, Ngài đã dùng vô số nhân duyên, vô số thí dụ, rộng diễn giáo hoá, dùng vô số phương tiện để dắt dẫn chúng sanh, khiến họ lìa khổ được an lạc. Hơn nữa, Như Lai khi vận dụng phương tiện, đều đã thấy biết rõ các pháp như thật và đầy đủ Ba-la-mật rồi; tri kiến sâu xa rộng lớn của Như Lai đầy đủ Thập lực, Tứ vô sở úy, thiền-định giải thoát tam-muội vô lượng vô ngại, thâm nhập không bờ mé, thành tựu tất cả pháp xưa nay chưa từng có. Như Lai có khả năng phân biệt các pháp khéo léo, thuyết các pháp bằng những ngôn từ nhu nhuyễn khiến tâm của chúng sanh vui thích’.

Khi Xá-lợi-phất thay mặt hội chúng thỉnh Phật giải nghi, Ngài dạy:

“Này Xá-lợi-phất, vô số ngôn từ bí yếu, vô lượng vô biên pháp xưa nay chưa từng có, chư Phật thấy đều thành tựu. Thôi! Xá-lợi-phất, không nên nói nữa. Vì sao? Vì Phật đã thành tựu pháp đệ nhất rất khó giải, xưa nay chưa từng có. Duy chỉ có Phật cùng với Phật mới có đủ khả năng thâm thấu cùng tột thật tướng của các pháp. Đó là: như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mặt cứu cánh bình đẳng”.

Điều này cho thấy “chư pháp thật tướng” chính là nội dung cốt lõi của phần Tích môn trong kinh Pháp hoa.





Pháp mà Phật chứng đắc rất sâu xa khó giải, ý hướng ngôn thuyết rất khó biết, đến nỗi tất cả Thanh-văn và Bích-chi-Phật không thể hiểu thấu... Xá-lợi-phất thay mặt hội chúng ba lần câu thỉnh đức Phật giải bày. Đức Phật cũng ba lần dạy rằng “Thôi thôi Xá-lợi-phất, chớ nên nói nữa! Dầu có nói chẳng nữa thì tất cả thế gian chư Thiên và loài người càng thêm nghi ngờ kinh sợ”. Khi nghe nói lời như thế, trong hội chúng có 5.000 Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di, v.v... rồi chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi lui ra. Khi quán xét thấy hội chúng thanh tịnh, Ngài bảo: “Xá-lợi-phất, những kẻ tăng thượng mạn như thế, lui ra cũng tốt!”. Rồi căn dặn Xá-lợi-phất khéo lắng lòng nghe kỹ rằng vì giáo pháp cao sâu vi diệu, cho nên chư Phật Như Lai lúc đúng thời mới nói; cũng như hoa Udumbara (Ưu-đàm-bát) đúng thời mới xuất hiện mà thôi.

Ngài lại căn nhắc và khuyên tứ chúng muốn phát tâm cầu đạo vô thượng Bồ-đề phải hết lòng giữ tín tâm cho kiên cố mới có thể hiểu nổi giáo nghĩa thâm áo vi diệu của chư Phật. Ngài dạy:

“Ta dùng vô số phương tiện, vô số nhân duyên thí dụ ngôn từ để diễn thuyết các pháp. Pháp ấy chẳng phải từ lương phân biệt mà có thể hiểu được, mà chỉ có chư Phật cùng với Phật mới có khả năng thâm thấu. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn, chỉ vì một nhân duyên lớn, cho nên xuất hiện ở đời... Đó là vì muốn chỉ bày tri kiến Phật cho chúng sanh, cho nên xuất hiện ở đời; muốn khiến cho chúng sanh ngộ được tri kiến Phật, cho nên xuất hiện ở đời; muốn khiến cho chúng sanh thể nhập vào tri kiến Phật, cho nên xuất hiện ở đời. Xá-lợi-phất, đó là chư Phật chỉ vì một nhân duyên lớn, cho nên xuất hiện ở đời”.

Xa hơn nữa, đức Phật bảo Sāriputra (Xá-lợi-phất) rằng chư Như Lai luôn giáo hoá Bồ-tát: chỉ dùng tri kiến Phật để chỉ bày cho chúng sanh chứng ngộ. Như Lai chỉ dùng Eka-buddha-yāna (nhất Phật thừa) mà vì chúng sanh thuyết pháp, chứ không có thừa thứ hai hoặc thừa thứ ba nào khác cả; vì hết thấy pháp của chư Phật trong mười phương cũng như vậy. Ngài lại dạy Xá-lợi-phất rằng mười phương chư Phật trong quá khứ hiện tại và vị lai đã đang và sẽ dùng vô lượng vô số phương tiện, vô số nhân duyên, thí dụ, ngôn từ mà vì chúng sanh diễn thuyết các pháp; pháp ấy chính là nhất Phật thừa. Các chúng sanh theo chư

Phật nghe pháp, rốt ráo đều đắc được Nhất thể chúng trí. Ngài bảo:

“Ta nay cũng như vậy, biết các chúng sanh có tâm tham đắm vọng sâu xa, nuông chiều theo bản tánh của mình, cho nên phải dùng vô số nhân duyên thí dụ ngôn từ, phương tiện lực mà vì họ thuyết pháp. Xá-lợi-phất, như hội chúng này đều đắc được nhất Phật thừa, nhất thiết chúng trí. Xá-lợi-phất, mười phương trong thế giới hai thừa mà còn không có huống gì là có ba! Xá-lợi-phất, chư Phật xuất hiện ở đời ác năm trước, đó là: kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước và mạng trước. Như vậy, Xá-lợi-phất, thời kiếp trước loạn lạc, chúng sanh cấu nhiễm nặng nề; vì xan tham tật đố tạo nên những căn bất thiện. Chư Phật nơi nhất Phật thừa dùng phương tiện lực nói có ba. Xá-lợi-phất, nếu đệ tử của Ta, tự xưng là A-la-hán hay Bích-chi-phật mà không nghe không biết việc chư Phật Như Lai chỉ giáo hoá Bồ-tát, thì những người ấy chẳng phải là đệ tử của Phật, chẳng phải là A-la-hán, chẳng phải là Bích-chi-phật. Lại nữa, nay Xá-lợi-phất, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tự xưng đã đắc A-la-hán rồi, là thân cuối cùng, rốt ráo vào Niết-bàn, mà không cần cầu quả vô thượng Bồ-đề, nên biết những hạng này đều là những kẻ tăng thượng mạn”.

Đây nhấn mạnh đến “nhất Phật thừa” là cái đích duy nhất của phương tiện, chứ không có thừa thứ hai hoặc thừa thứ ba nào khác.

Phẩm Thí Dụ 3 kể lại việc đức Phật thuyết kinh Đại thừa vô lượng nghĩa và nhắc lại bốn nguyên hành đạo mà Xá-lợi-phất và hội chúng đã được nghe trước đó nhưng vì họ quên mất, nay nhớ lại và tự biết rõ họ là đệ tử của Phật. Đây là đức Phật giáo hoá cho hàng Trung căn. Kể đó Phật thọ ký cho Xá-lợi-phất sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai. Đối với hạng căn cơ thấp, Ngài lại đưa ra ví dụ “ngôi nhà lửa” để chỉ bày cho họ.

Chuyện kể về một Đại Trưởng giả vô cùng giàu có ở một nước nọ, tuổi đã già, tiền tài của cải nhiều vô lượng, đất đai, nhà cửa, ruộng vườn, tôi tớ, lại đông con. Nhà tuy rộng lớn nhưng chỉ có một cửa ra vào rất hẹp, trong đó có nhiều người cùng sống chung. Song nó đã quá cũ, tường vách lung lay, cột kèo ruỗng mục, mái và những đòn tay nghiêng vẹo. Ngày nọ, đột nhiên nó bốc lửa, cháy lan tứ bề; thấy vậy Trưởng giả vội nghĩ, ta có thể ra khỏi nhà này





an toàn, nhưng còn những đứa trẻ thì đang hăng say đùa giỡn chẳng hay biết gì lửa đang cháy. Thế rồi, ông gọi chúng hãy nhanh chóng ra khỏi nhà lửa, nhưng vì quá ham chơi, cho nên chúng không nghe. Thoảng suy nghĩ tìm phương kế, ông liền bảo chúng rằng ngoài ngã tư đường, có ba loại xe trang hoàng những đồ quý giá rất đẹp và hiếm thấy, như là: xe dê, xe nai và xe trâu. Nghe thế chúng chạy ủa ra khỏi ngôi nhà ấy và hỏi cha của chúng xe dê đâu; sau một lát phân bua với chúng, ông ta cho chúng một chiếc xe trâu trắng. Đây gọi là dụ “tam xa, hoả trạch”. Tam xa chỉ cho Tam thừa: Srāvaka (Thanh-văn), Pratyekabuddha (Duyên-giác hoặc Bích-chi-phật) và Bodhisattva (Bồ-tát); còn hoả trạch chỉ cho ba cõi bất an; và trâu trắng chỉ cho Đại thừa thuần tuý. Dụ về ngôi nhà lửa nhằm gọi lên đức tin cho hàng trung căn.

Phẩm Tín Giải thứ 4 dụ về “trường giả và người cùng tử” để nhân cách hoá đức tin. Nó nói về sự thất lạc giữa cha và con, ngụ ý trở sự lãng quên tâm Đại thừa trong khoảng thời gian từ đức Phật Đại Thông Trí Thắng trở về trước.

Phẩm Dược Thảo Dụ thứ 5 nhấn mạnh đến pháp bình đẳng vô phân biệt, tức là pháp nhất tướng nhất vị bình đẳng mà đức Thế Tôn vận dụng để giáo hoá, có công năng đem lại lợi ích và an lạc cho tất cả chúng sanh; ví như trận mưa lớn không phân biệt, mọi thảo mộc đều được thấm nhuần.

Trong Phẩm Thọ Ký thứ 6, đức Phật thọ ký cho bốn vị Thanh-văn, đó là: ngài Đại Ca-diếp thành Phật hiệu là Quang Minh Như Lai; Tu-bồ-đề, Danh Tướng Như Lai; Ca-chiên-diên, Kim Quang Như Lai; và Mục-kiền-liên, Chiên-đàn Hương Như Lai. Điều đáng lưu ý rằng thông thường đức Phật chỉ thọ ký cho hàng Bồ-tát, nhưng ở Kinh này bốn vị Thanh-văn cũng đã được thọ ký; đây là điểm đặc thù của kinh Pháp Hoa.

Phẩm Hoá Thành Dụ thứ 7 kể lại sự xuất hiện của đức Phật Đại Thông Trí Thắng trong quá khứ mà Ngài đã diệt độ cách đây vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp nhưng tri kiến của Ngài hoàn toàn không khác với tri kiến của chư Phật đương thời; rồi mô tả lại thời hiện tại sự thành đạo của đức Đại Thông Trí Thắng, Ngài dạy rằng

“Ta dùng năng lực tri kiến của Như Lai để quán xem năng lực tri kiến lâu xa của đức Phật kia thì cũng (giống) như ngày nay”. Đức Phật ấy lúc chưa xuất gia có 16 vương tử. 16 vị này khi nghe vua cha xuất gia và thành đạo Vô thượng Bồ-đề, tất cả họ cũng như Thích-đề-hoàn-nhơn cùng với trăm ngàn đại thần và trăm ngàn vạn ức Phạm thiên đều đến chỗ Phật Đại Thông Trí Thắng đánh lễ cúng dường và thỉnh Phật thuyết pháp. Sau khi quán căn cơ của họ, Ngài đã giảng rộng nghĩa về pháp Tứ đế và Thập nhị Nhân duyên theo Tam chuyển thập nhị hành pháp luân. Nhưng khi 16 vị này xin xuất gia làm Sa-di, đức Phật ấy sau khi xét thấy căn tánh của họ thông lợi, lại tinh tấn tu hành, nghiêm trì tịnh giới, bèn thuyết Kinh Pháp hoa và giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ niệm, xong Ngài vào thất nhập định.

Còn 16 vị này, sau khi được nghe giảng, đã thọ trì và lãnh hội được nghĩa lý cao sâu và nhận biết rõ được bản hoài của chư Phật. Khi biết đức Phật đã nhập định, họ thăng toà giảng kinh này trải qua 84.000 kiếp, độ vô số chúng sanh và giúp họ phát tâm cầu đạo Vô thượng. Xuất định sau 84.000 kiếp, đức Phật ấy đã tán thán 16 vị Sa-di Bồ-tát trước hội chúng và khuyến họ cúng dường cũng như nói rõ về sự chứng quả Vô thượng Bồ-đề của 16 vị ấy tính đến nay đã lâu xa. Mỗi một của 16 vị này đều thành Phật, vị đầu tiên thành Phật hiệu là A-sơ cho đến vị thứ 16, Thích-ca Mâu-ni hiện trị vì cõi Ta-bà này. Đức Phật lại dạy:

“Khi chư Phật còn là Sa-di, mỗi người đều giáo hoá vô lượng trăm ngàn vạn ức hằng hà sa chúng sanh. (Họ) theo Ta nghe pháp, sẽ được quả Vô thượng Bồ-đề, nhưng chúng sanh này đến nay vẫn còn ở trong hàng Thanh-văn. Ta thường giáo hoá họ chứng Vô thượng Bồ-đề. Những người này phải hành đúng theo chánh pháp, dần dần mới có thể nhập vào đạo. Vì sao? Vì trí tuệ của Như Lai khó tin khó hiểu, mà bấy giờ vô lượng hằng hà sa chúng sanh được giáo hoá. Các ông, những Tỳ-kheo, sau khi Ta diệt độ, trong đời vị lai là những đệ tử Thanh-văn...; lại có đệ tử không được nghe kinh này, không biết không hiểu Bồ-tát hạnh, tự mãn với công đức đã đạt được, sinh ý tưởng diệt độ, sẽ nhập Niết-bàn. Ta hành Phật sự ở nước khác, có tên khác, có người tuy sanh ý tưởng diệt độ, nhập vào Niết-bàn mà ở cõi kia, cầu trí tuệ Phật, được





nghe kinh này, thời chỉ dụng Phật thừa mà được diệt độ, chứ không có thừa nào khác; trừ các đức Như Lai phương tiện thuyết pháp. Nay các Tỳ-kheo, nếu Như Lai tự biết đến thời nhập Niết-bàn, liền triệu tập chúng Bồ-tát và Thanh-văn vì họ thuyết Kinh này. Thế gian không hề có hai thừa mà được diệt độ, chỉ có nhất Phật thừa mới được diệt độ mà thôi”.

Sau cùng, Ngài minh họa bằng “Hoá Thành Dụ”. Có bậc Đạo sư thông tuệ, biết chỗ có kho báu; chúng sanh muốn đến chỗ lấy châu báu phải đi qua con đường hiểm. Giữa đường gặp nhiều chướng ngại và nguy hiểm họ bèn thối tâm trở lui; thấy họ đáng thương, vị Đạo sư ấy biến hoá ra một cái thành để cho họ tạm an nghỉ và khích lệ họ đừng thối tâm. Sau khi thấy họ được an ổn, liền diệt hoá thành ấy. Đạo sư dụ cho đức Phật; châu báu, quả Phật; hoá thành, phương tiện dắt dẫn Tam thừa; mục đích là để dắt họ vào trí tuệ Phật. Nói chung, Tam thừa là phương tiện, chỉ có nhất Phật thừa là chơn thật mà thôi.

Cũng như Phẩm Hoá Thành Dụ thứ 7, cả Phẩm thứ 8 và 9 đều nói về việc đức Phật thọ ký cho hàng hạ căn.

Phẩm Ngũ Bách Đề Từ Thọ Ký thứ 8 nói về Phú-lâu-na là bậc thuyết pháp đệ nhất. Ông theo Phật được nghe về trí tuệ, phương tiện, tuý nghi thuyết pháp, việc thọ ký, những nhân duyên đời trước và lực thần thông đại tự tại của chư Phật, thấy đều là những điều chưa từng có trước đây. Vị ấy đã tán thán đức Phật là bậc tôn quý lạ thường, hiếm có; vì chúng sanh mà Ngài đã dùng vô số phương tiện để chỉ bày tri kiến và tuý cơ thuyết pháp giúp họ được an lạc và phát tâm cần cầu Vô thượng Bồ-đề, cho nên công đức ấy không gì sánh nổi. Kế tiếp là việc đức Phật tán thán Phú-lâu-na là vị thuyết pháp đệ nhất trong hàng đệ tử của Ngài. Ông thông suốt các pháp ‘không’ như chư Phật đã thuyết và đặc tứ vô ngại trí, đủ pháp thần thông, thường tu phạm hạnh, và được Phật thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Pháp Minh Như Lai.

Tiếp theo là việc thọ ký cho 1.200 vị A-la-hán; và cuối cùng là 500 A-la-hán được Phật thọ ký và họ đã bày tỏ lòng tôn kính đối với Phật bằng cách kể lại chuyện bạn bè thân quen đã tặng viên ngọc quý trong chèo áo, nhưng vị ấy không biết. Sau thời gian cách biệt, gặp lại anh ta ở

một nước khác mà vẫn thấy còn trong tình cảnh nghèo khổ, bèn nhắc lại viên ngọc quý mà mình đã tặng cho anh ta. Lấy ngọc đem bán và anh ta trở thành người giàu có. Dụ này ngụ ý họ đã tự trách chính họ vì tự mãn với quả vị A-la-hán và ý tưởng diệt độ, nay mới biết chính họ thực sự là những Bồ-tát được thọ ký và chứng đắc Vô thượng Bồ-đề. Rồi họ sanh tâm hoan hỷ mà trước đây chưa từng có.

Phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký thứ 9 mô tả chuyện Phật thọ ký cho A-nan và La-hầu-la được thành Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai và Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai cũng như 2.000 vị Hữu học và Vô học được thọ ký cùng danh hiệu Bảo Tướng Như Lai.

Phẩm Pháp Sư thứ 10 nhấn mạnh đến công năng màu nhiệm của Kinh và khuyến hoá phổ truyền trong nhân gian để chúng sanh có được lợi ích, an lạc và phát tâm cầu Vô thượng Bồ-đề. Nó kể lại chuyện Bồ-tát Dược Vương nói về 80.000 đại sĩ, trong đó có người cầu Thanh-văn, có người cầu Bích-chi-phật, cũng có người cầu Bồ-tát đạo hoặc Phật đạo. Nhân việc này, đức Phật bảo những người như thế hãy khi được nghe một câu kinh hay một bài kệ, hoặc chỉ một niệm tuý hỷ, thì Ngài đều thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Đức Phật bảo Dược Vương:

“Nếu có người thọ trì, đọc tụng, giải thích, viết chép Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho đến một kệ; đối với quyển kinh này cung kính như thấy Phật, cúng dường những thứ hương, hoa, anh lạc..., cho đến chấp tay cung kính, Dược Vương nên biết, những người đó đã từng cúng dường 10 vạn ức Phật, nơi các cảnh giới Phật, thành tựu đại nguyện; vì thương xót chúng sanh, cho nên sanh ở cõi này”.

Ở một đoạn khác, Ngài dạy:

“Này Dược Vương, nếu có người thiện nam, thiện nữ nào, sau khi Như Lai diệt độ, muốn vì tứ chúng thuyết kinh Pháp Hoa, phải nên nói thế nào? Người thiện nam, thiện nữ đó phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi toà Như Lai, như thế mới nên vì tứ chúng rộng thuyết kinh ấy. Thất Như Lai ấy là tâm đại từ bi trong hết thảy chúng sanh. Áo Như Lai là tâm nhu hoà nhẫn nhục. Toà Như Lai, tất cả pháp không. Trong sự an trú như thế, về sau dụng





tâm không biếng nhác mà vì các Bồ-tát và tứ chúng rộng thuyết Kinh Pháp Hoa này”.

Phẩm Hiện Bảo Tháp thứ 11 mô tả về tháp Đa Bảo từ đất vọt lên để tán thán đức Thích-ca và chứng minh cho lời đức Phật Thích-ca thuyết pháp từ trước đến nay là chơn thật cũng như lời tán dương của Phật Đa Bảo đối với đức Thích-ca. Trong tháp ấy cả đức Đa Bảo và đức Phật Thích-ca cùng ngồi chung một toà; còn đại chúng nương vào sức thần của Như Lai đều được dự hội trên hư không. Những ai thấy bảo tháp ấy đều sanh lòng hoan hỷ, phát tâm cầu đạo vô thượng và cho đó là điều hy hữu. Đức Thích-ca tập hợp những vị đại sĩ lại và khuyến khích họ rộng lưu truyền kinh này cũng như sau khi Phật diệt độ và nói rõ về việc phó chúc. Đặc biệt là sự tán thán việc hoằng truyền kinh Pháp Hoa và nhấn mạnh rằng nơi đâu có người trì tụng kinh này, đức Đa Bảo đều hiện bảo tháp nơi đó. Nó ngụ ý chỉ cho Phật tánh (tức ngụ ý chỉ Bảo Tháp) khi gặp kinh này thì hiển lộ.

Phẩm Đề-bà-đạt-đa thứ 12 nói đến việc đức Phật Thích-ca thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa dù ông là một người phá hoại Phật pháp, tạo nhiều trọng tội: xuất Phật thân huyết, phá hoại hiệp Tăng sẽ được thành Phật hiệu Thiên Vương Như Lai và “Long Nữ của Diêm hải Long vương mới 8 tuổi, trí tuệ lợi căn, khéo biết các hành nghiệp của chúng sanh, đặc đại Đà-la-ni. Chư Phật thuyết bí tạng rất sâu xa thấy đều có khả năng thọ trì, thâm nhập thiền-định, liễu đạt các pháp, nơi khoảnh khắc sát-na, phát tâm Bồ-đề, đặc bất thối chuyển, biện tài vô ngại...” Điều này cho thấy rằng ngay cả những hạng Nhất-xiển-đề và kẻ độc ác nhất như Devadatta cũng được đức Phật thọ ký; vì Phật tánh đã có sẵn trong loài hữu tình, mà chuyện Long Nữ thành Phật đã là một trong những minh họa vô cùng độc đáo.

Phẩm Khuyến Trì thứ 13 nhấn mạnh đến lời giáo huấn khẩn thiết của đức Thế Tôn, cho nên lúc ban đầu trong hội chúng có vô số Bồ-tát và A-la-hán cũng như những Tỳ-kheo-ni, như: Kiều-đàm-di, Da-du-đà-la đều phát tâm hoằng truyền kinh Pháp Hoa này ở những cõi khác. Sau đó cũng có “tám vạn ức na-do-tha Bồ-tát, chứng bất thối chuyển, đặc Đà-la-ni, đối trước đức Phật, phát nguyện hành trì và hoằng truyền kinh này trong đời mạt pháp, không tiếc thân mạng, khiến cho chúng sanh viết chép, thọ trì, đọc tụng, giảng giải, diễn thuyết ý nghĩa của kinh này, nhằm nhớ nghĩ chơn chánh, như pháp tu hành...”

Phẩm An Lạc Hạnh thứ 14 kể lại do sự thỉnh cầu của Bồ

-tát Văn-thù đức Phật đã thuyết về 4 pháp an lạc hạnh. Bốn pháp này là: thân an lạc hạnh, khẩu an lạc hạnh, ý an lạc hạnh và nguyện an lạc hạnh. Đối với thân an lạc hạnh gồm có hành xử và thân cận xử. Hành xử là nhấn mạnh đến sự nhiếp tâm chánh niệm, nghiêm trì tịnh giới, đối ngoại cảnh tâm không phan duyên, nơi nội tâm luôn tự soi xét. Thân cận xử ở đây ngụ ý chỉ thật tướng của các pháp. Như đức Phật dạy:

“Bồ-tát quán chiếu tất cả các pháp đều là không, như thật tướng, không có điên đảo, không động, không thối, không chuyển, như hư không vốn không có tánh, hết thầy đường ngôn ngữ đoạn tận, không sanh, không xuất, không khởi, không tên, không tướng, vốn không thật có, vô lượng vô biên, vô ngại, vô chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ nơi điên đảo mà sanh, nói thường vui thích quán chiếu pháp tướng như vậy”.

Phẩm Tùng Địa Đồng Xuất thứ 15 là sự phụng mệnh, nhận lãnh yêu chỉ, bảo trì và phát đại nguyện diễn giảng và phổ biến rộng kinh Pháp Hoa trong đời ác ngũ trước để những người khác khi được nghe hoặc hành trì biến tụng sao chép hay giảng giải kinh này tránh khỏi những tai ách và đạt được sự an lạc cũng như có thể đạt được những công năng thù thắng và đặc biệt là được thần lực vi diệu mâu nhiệm của chư Bồ-tát từ đại địa xuất hiện thường hỗ trợ và gia trì cho người lưu hành kinh này.

Kế tiếp là Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16 tán thán sự thọ mạng vô lượng của đức Như Lai; vì để cùng cổ đức tin cho tứ chúng, đức Phật Thích-ca dạy: “Ta thật sự đã thành Phật, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp lâu xa về trước” mà điều này Bồ-tát Di-lặc đã bảo rằng không thể nào dùng toán số thí dụ để so sánh mà có thể biết được. Cũng ý tương tự này, ở một đoạn khác như vậy:

“Ta khi còn nhỏ xuất gia đã chứng đắc quả vô thượng Bồ-tát, song Ta thật sự thành Phật đã lâu xa ngàn ấy, chỉ là vì dùng phương tiện để giáo hoá chúng sanh, khiến họ nhập vào Phật đạo, nói lời như vậy, các thiện nam tử, Như Lai diễn giảng kinh điển đều vì độ thoát chúng sanh, hoặc nói về thân mình, hoặc nói về thân khác, hoặc thị hiện thân mình, hoặc thị hiện thân khác, hoặc chỉ





bày việc mình, hoặc chỉ bày việc người. Những lời nói như vậy đều thật sự không hề hư dối. Vì sao? Vì Như Lai thật sự thấy tướng của tam giới, không có sanh tử hoặc thoái hoặc tiến, cũng không phải tại thể cũng không phải diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải khác, cũng không như tam giới thấy tam giới, những việc như thế, Như Lai thấy rõ không có sai lầm; vì các chúng sanh có nhiều thứ tánh, nhiều thứ dục, nhiều thứ hành, nhiều thứ nhớ tưởng phân biệt, muốn khiến cho họ sanh các thiện căn”.

Giống như thầy thuốc giỏi, tùy bệnh cho thuốc; bệnh không thuyên giảm là do không uống thuốc, hoặc dùng thuốc không đúng như lời dạy của lương y. Vậy lỗi không do nơi thuốc mà do nơi người bệnh. Cũng như người cha đương là một thầy thuốc giỏi, biết những đứa con của mình đang mắc bệnh, dỗ dành và khuyên răn chúng uống thuốc để trừ bệnh, nhưng có lẽ vì thuốc quá đắng hoặc vì biếng nhác không nghe lời cha dạy; do đó, người cha bèn tìm cách đi nơi xa, rồi để thuốc lại và căn dặn chúng nhớ uống cho khỏi bệnh. Lúc người cha vắng nhà, chúng quên lời cha dặn uống nhầm thuốc độc, ngã lăn trên đất rên xiết quằn quại; người cha về thấy vậy liền lấy thuốc cho chúng uống, uống xong bệnh lành. Người cha đang là vị lương y dụ cho đức Phật; còn những người con ấy chính là chúng sanh; và thuốc hay chính là giáo pháp của Ngài vậy. Phẩm này cho thấy việc thành Phật của đức Như Lai đã từ vô lượng kiếp về trước nhờ thành tựu vô lượng công đức nhằm khuyến hoá chư Bồ-tát tinh tấn tu tập không sanh tâm mệt mỏi đối với việc phụng sự chúng sanh một cách tùy hỷ mới có thể đạt được những công đức thù thắng như thế.

Phẩm phân biệt công đức thứ 17, tức là phần chánh tông, đã kể lại chuyện đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

“Nếu có người nào nghe được sự thọ mạng lâu dài của chư Phật như thế, cho đến có khả năng sanh một niệm tin hiểu, thì sẽ đạt được công đức vô hạn lượng. Nếu có người thiện nam thiện nữ nào vì cầu Vô thượng Bồ-đề, nơi 80.000 ức na-do-tha kiếp, hành năm Ba-la-mật, trừ bát-nhã Ba-la-mật, thì công đức trước kia so với công đức này không bằng một của trăm phần cả trăm ngàn vạn phần, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể biết được”.

Ở một đoạn khác, Ngài dạy:

“Nếu như có người được nghe nói về sự thọ mạng lâu dài mà hiểu được ý hướng của việc nói về sự thọ mạng lâu dài ấy, thì người này đạt được công đức vô hạn, có khả năng phát sinh được trí tuệ vô



thượng của Như Lai, huống gì được rộng nghe kinh này; hoặc giáo hoá người nghe, hoặc tự mình thọ trì, hoặc giáo hoá người thọ trì, hoặc tự mình viết, hoặc giáo hoá người viết; hoặc dùng hoa hương, anh lạc, tràng phan bảo cái... mà hiến cúng quyền kinh ấy, thì công đức người này vô lượng vô biên, có khả năng phát sinh nhất thiết chủng trí”.

Phẩm này nhấn mạnh đến công đức thù thắng có thể đạt được, tùy theo cấp độ tu tập để cho những vị Bồ-tát mở rộng trí giác nhằm phân biệt công đức vô lượng ấy.

Phẩm Tùy Hỷ Công Đức thứ 18 kể lại chuyện đức Phật dạy Bồ-tát Di-lặc rằng sau khi Như Lai diệt độ, nếu có ai trong tứ chúng và những người có trí dù lớn hay nhỏ, khi được nghe Kinh này xong tùy hỷ, rồi đến nơi khác nói lại pháp ấy cho cha mẹ, họ hàng, thiện hữu tri thức, những người này nghe xong tùy hỷ, rồi họ nói lại pháp ấy cho người khác nữa, người khác nghe xong cũng tùy hỷ, tương tự như thế, cho đến người thứ 50 được nghe kinh này rồi tùy hỷ, thì công đức tùy hỷ của người thứ 50 còn hơn cả công đức của người cầu phước mà vị này đã đem những thứ vui thú để cúng dường cho vô số vô lượng chúng sanh trong tứ sinh lục đạo cho đến những người này chứng được quả A-la-hán.

Phẩm Pháp Sư Công Đức thứ 19 ca ngợi công đức của người hoằng truyền kinh này. Như đức Phật dạy:

“Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào thọ trì kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc tụng, hoặc giải thích, hoặc viết chép, thì người ấy sẽ được 800 công đức của mắt, 1200 công đức của tai, 800 công đức của mũi, 1200 công đức của lưỡi, 800 công đức của thân và 1200 công đức của ý. Chính nhờ công đức trang nghiêm, mà sáu căn đều được thanh tịnh”.

Kế tiếp là Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát thứ 20. Nó đề cao đức tánh khiêm cung luôn tôn trọng và quý kính người khác, một trong những hạnh Bồ-tát mà rất hiếm người làm nổi. Được mệnh danh là Thường Bất Khinh là vì “có một Tỳ-kheo, hễ khi nào thấy Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di thấy đều lễ bái tán thán, thưa rằng “Tôi kính trọng quý ngài, chứ không dám khinh mạn. Vì sao? Vì quý ngài đều hành Bồ-tát đạo, sẽ được thành Phật”.





Phẩm Như Lai Thần Lực thứ 21 tán thán công hạnh và tinh thần vô ngã của Bồ-tát xuyên qua sự hỗ trợ và năng lực thần diệu của Như Lai.

Phẩm Chúc Luy thứ 22 nói về sự giao phó việc hoằng truyền kinh này cho các vị Bồ-tát. Khi đức Phật Thích-ca dùng tay phải xoa đánh những vị Bồ-tát rồi dạy:

“Ta trải qua vô lượng trăm ngàn A-tăng-kỳ kiếp, tu tập khó khăn lắm mới có thể chứng được pháp vô thượng Bồ-đề này. Nay Ta đem giao phó cho các ông, các ông phải nên hết lòng lưu truyền rộng rãi khiến cho hết thảy chúng sanh đều được lợi ích”.

Sau ba lần xoa đánh những vị Bồ-tát như vậy, rồi Ngài lại dạy:

“Ta trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, tu tập khó khăn lắm mới có thể chứng được pháp vô thượng Bồ-đề này. Nay Ta đem giao phó cho các ông, các ông phải nên thọ trì đọc tụng diễn giải rộng rãi pháp này, khiến cho hết thảy chúng sanh đều được nghe biết. Vì sao? Vì Như Lai có lòng từ bi lớn, không tiếc lẫn cũng không sợ hãi, hay ban cho chúng sanh trí tuệ của Phật, trí tuệ của Như Lai, trí tuệ tự nhiên. Như Lai là bậc Đại thí chủ của hết thảy chúng sanh, các ông cũng nên tùy thuận học theo pháp của Như Lai, chớ nên sanh lòng tiếc lẫn. Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào tin tưởng trí tuệ của Như Lai, thì các ông phải nên vì người ấy mà diễn thuyết pháp kinh Pháp Hoa này khiến được nghe biết, khiến cho người tin trí tuệ của Như Lai có thể chứng đắc trí tuệ của Như Lai. Nếu có chúng sanh nào không tin tưởng thọ trì, các ông phải vận dụng trong giáo pháp sâu xa khác của Như Lai để chỉ bày giáo hoá, khiến họ được lợi ích hoan hỷ. Các ông nếu làm được như thế, tức là đã báo đáp được ân đức của chư Phật”.

Sau cùng, những vị Bồ-tát được đức Phật xoa đánh thọ ký đã phát nguyện làm đúng theo hoài bảo và lời huấn thị của Như Lai.

Phẩm Dược Vương Bồ-tát thứ 23 kể lại chuyện của Tú Vương Hoa Bồ-tát hỏi đức Phật Thích-ca vì nhân duyên gì mà Bồ-tát Dược Vương du hành trong cõi ta-bà; do đó, đức Phật mới bảo rằng Bồ-tát ấy có được cả trăm ngàn vạn ức na-do-tha khổ hạnh khó hành. Rồi ngài kể lại sự tích xưa kia của Bồ-

tát ấy có tên là Hỷ Kiến Bồ-tát ở trong thời Phật Tịnh Minh Đức, đức Phật này đã thuyết kinh Pháp Hoa cho vị ấy và những vị Bồ-tát khác. Hỷ Kiến Bồ-tát tinh tấn tu



hành, xả thân bố thí, nguyện cầu quả Phật... Khi đức Phật diệt độ, vị Bồ-tát ấy không những đã tạo 84.000 bảo bình và dựng 84.000 bảo tháp, mà còn đốt cả hai cánh tay cúng dường cho đức Phật Tịnh Minh Đức ấy. Do tâm thành của Bồ-tát Hỷ Kiến đốt cả hai tay cúng dường, đã khiến mười phương thế giới chấn động, chư Thiên cũng đã mưa hoa cúng dường Bồ-tát Hỷ Kiến ấy.

Đoạn cuối của Phẩm này tán thán việc cúng dường kinh Pháp Hoa và nêu lên 10 giá trị cao thượng của kinh này, như sau:

1) Trong các dòng sông, biển lớn nhất; cũng vậy, trong các kinh, Kinh Pháp Hoa này là sâu và lớn nhất.

2) Trong các ngọn núi, núi Tu-di cao nhất; cũng vậy, trong các kinh, Kinh này cao hơn hết.

3) Trong các vì sao, mặt trăng là sáng nhất; cũng vậy, trong các kinh, Kinh này chói sáng nhất.

4) Như mặt trời có công năng trừ mọi tối tăm; Kinh này cũng vậy có công năng phá trừ hết thảy tối tăm, bất thiện.

5) Trong các vị Tiểu Vương, Chuyển luân Thánh vương là lớn nhất; cũng vậy trong các kinh, Kinh này được tôn kính nhất.

6) Như Đế-thích là vua ở cõi trời thứ 33; kinh này cũng vậy, vua trong các kinh.

7) Như Đại phạm Thiên vương là cha của tất cả chúng sanh; kinh này cũng vậy, cha của tất cả những bậc Thánh hiền, Hữu học, Vô học và người phát tâm Bồ-tát.

8) Trong tất cả người phàm phu, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, Bích-chi-phật là trên hết; cũng vậy trong các kinh, Kinh này là trên hết.

9) Trong hạng Thanh-văn và Bích-chi-phật, Bồ-tát là thứ nhất; cũng vậy, trong các kinh, Kinh này là thứ nhất.

10) Như Phật là vua các pháp; cũng vậy Kinh này là vua các kinh.

Cuối cùng, đức Phật đã khẳng định, sự chói sáng và vi diệu, sự cao sâu và màu nhiệm, sự tối thắng và linh nghiệm của kinh này đã giúp vô số chúng sanh diệt trừ mọi thống khổ và đạt được sự an lạc cũng như tầm giá trị vô cùng quan trọng của kinh này; đặc biệt Ngài đã khuyến hoá những vị Bồ-tát phải tinh tấn thọ trì và hoằng truyền rộng rãi kinh này.

Phẩm Diệu Âm Bồ-tát thứ 24 trình bày về Diệu Âm Bồ-tát cùng với 84.000 Bồ-tát khác từ cõi Tịnh Quang Trang Nghiêm nơi ấy có đức Phật hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai nương vào thần thông du hý, trí tuệ trang nghiêm và công đức vô tận của đức Như Lai đến cõi ta-bà để nghe đức Phật Thích-ca thuyết kinh Pháp Hoa và cứu giúp chúng sanh. Tại núi Linh-thứ, trong khi tất cả chúng hội đang nghe giảng kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Văn-thù thấy điểm lạ xuất hiện bèn hỏi đức Phật Thích-ca vì nhân



duyên gì có điềm lạ như thế và nhờ gieo trồng công đức gì mà Bồ-tát Diệu Âm có được thân sắc vàng cùng với 84.000 Bồ-tát khác có được thân thông tam-muội du hí như vậy. Đức Thích-ca đáp rằng họ đến cõi này để cúng dường, lễ bái và nghe Ngài thuyết kinh này. Rồi Bồ-tát Diệu Âm đem trăm ngàn chuỗi anh lạc vô giá dâng cúng đức Thế Tôn và kính chuyển lời vãn an của đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai đến đức Phật Thích-ca. Ngay lúc ấy, đức Phật Đa Bảo đang ở trong tháp bảy báu, khi nghe đức Thích-ca vãn hỏi rằng Ngài có nghe pháp và thấy điềm lành gì hay không; do đó, bấy giờ đức Đa Bảo hết lời tán thán Bồ-tát Diệu Âm. Vì nhân duyên này, Bồ-tát Hoa Đức cũng thỉnh vãn đức Phật rằng Bồ-tát Diệu Âm do nhân duyên gì và gieo trồng những công đức gì mà có được thần lực vi diệu như thế.

Rồi đức Phật Thích-ca mới kể lại sự tích của Bồ-tát Diệu Âm trong quá khứ ở cõi nước Hiện Nhất Thiết Thế Gian có Phật hiệu là Vân Lô Âm Vương cách đây hai vạn ngàn năm đã từng đem mười vạn thứ kỳ nhạc và 84.000 bát thất bảo cúng dường đức Phật ấy. Nhờ công đức như thế, cho nên Bồ-tát Diệu Âm có được thần lực như vậy. Rồi Bồ-tát Hoa Đức hỏi đức Phật Thích-ca rằng Bồ-tát ấy trụ vào tam-muội gì mà lại có được công năng biến hoá tự tại vô ngại như vậy. Đức Phật dạy rằng tam-muội đó gọi là “Hiện Nhất Thiết Sắc Thân”, nhờ tam-muội này mà Bồ-tát Diệu Âm đã độ vô lượng vô số chúng sanh từ kiếp lâu xa đến nay. Khi Bồ-tát Diệu Âm cúng dường và vãn an xong, trở về bốn quốc và trình bày lại những gì đã xảy ra tại cõi ta-bà này. Đây là nhân mạnh đến phép màu vi diệu và công năng tuý duyên hiện thân để nhiếp hoá cứu giúp loài hữu tình trong đời ác ngũ trược này.

Kế tiếp là Phẩm Quán-thế-âm Bồ-tát thứ 25. Sự hoá thân cứu độ vô số chúng sanh ở cõi ta-bà càng rõ hơn là Bồ-tát Quán Thế Âm. Phẩm này rất phổ biến và chắc hẳn có sự linh nghiệm thiết thực và rất gần gũi với tất cả chúng sanh. Thậm chí danh hiệu ngài đã trở thành tên của nhiều đạo tràng và chùa tháp cũng như hình tượng của ngài được tôn thờ khắp nơi trong nhân gian. Đặc biệt phẩm này thường được tụng vào 3 ngày lễ vía của ngài trong một năm. Phẩm này kể lại rằng do Vô Tận Ý Bồ-tát thỉnh vãn đức Thế Tôn giải đáp vì nhân duyên gì mà Bồ-tát ấy lấy danh hiệu là Quán-thế-âm như thế. Ngài dạy:

“Này thiện nam tử, nếu có vô lượng trăm nghìn vạn ức chúng sanh chịu những khổ não, nghe đến danh hiệu của Quán-thế-âm Bồ-tát, hết lòng xưng tụng danh hiệu Quán-thế-âm Bồ-tát. Tức thời ngài quán xét âm thanh đó, liền đến cứu độ cho họ được giải thoát”.

Ngoài ra, những khổ não của chúng sanh được tóm tắt trong 7 nạn khác nhau, như sau: 1. Nạn hoả hoạn

lớn; 2. Nạn La-sát; 3. Nạn đao gậy; 4. Nạn quỷ lớn; 5. Nạn gông cùm; 6. Nạn oán tặc; và 7. Nạn oán tặc. Nếu hết lòng xưng tán danh hiệu và nhất tâm cầu nguyện Quán-thế-âm Bồ-tát đến giúp, thì Ngài sẽ tuý phương hướng và tuý vào tiếng kêu cứu nơi đâu liền hiện thân đến nơi đó để cứu giúp. Nếu người có nhiều dâm dục, nhiều sân hận và nhiều ngu si, thường niệm cung kính Quán-thế-âm Bồ-tát, liền lìa được dâm dục, sân hận và ngu si. Thậm chí nếu có người muốn cầu con trai hay con gái, thường niệm cung kính danh hiệu của Ngài, liền được như sở cầu. Do sức oai thần của Quán-thế-âm Bồ-tát linh nghiệm và nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sanh cần phải thường niệm danh hiệu và cung kính Ngài. Để thể hiện lòng cung kính, Vô Tận Ý Bồ-tát đã đem chuỗi anh lạc bằng báu có giá trị trăm ngàn lạng vàng dâng cúng cho Bồ-tát Quán-thế-âm. Lúc đầu Ngài từ chối nhưng vì tấm lòng tha thiết cúng dường, cuối cùng Ngài đã nhận chuỗi anh lạc ấy, rồi chia ra hai phần, một phần dâng cúng cho đức Thích-ca, phần còn lại dâng cúng cho Tháp Phật Đa Bảo.

Phẩm Đà-la-ni thứ 26 trình bày về những thần chú linh nghiệm và năng lực của chư Phật hộ trì cho Pháp sư thuyết kinh, người trì kinh và bảo vệ kinh này; năng lực ngăn chặn kẻ xấu làm hại Pháp sư, làm hại người trì kinh và phá hoại kinh này. Ngoài ra, còn có những vị như là: Dược Vương Bồ-tát, Đồng Thí Bồ-tát, Tỳ-sa-môn Thiên Vương Hộ Thế, Trì Quốc Thiên Vương, v.v... cũng đều phát tâm tuyên thuyết thần chú để hộ trì cho những vị Pháp sư giảng kinh Pháp Hoa này và những người đọc tụng kinh này.

Phẩm kế tiếp là Diệu Trang Nghiêm Vương thứ 27 kể lại chuyện trong thời quá khứ của vua Diệu Trang Nghiêm lúc đầu vốn không tin Phật, sau được Tịnh Đức phu nhân của vua, cùng với hai người con: Tịnh Tạng và Tịnh Nhân khuyến hoá hành thiện và cải tà quy chánh, xuất gia đầu Phật, thường tinh tấn tu hành kinh Pháp Hoa, nhờ vậy mà chúng được Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm Tam-muội. Diệu Trang Nghiêm Vương chính là Hoa Đức Bồ-tát; Tịnh Đức phu nhân của vua chính là Trang Nghiêm Tướng Bồ-tát; Tịnh Tạng và Tịnh Nhân con của vua Diệu Trang Nghiêm chính là Dược Vương Bồ-tát và Dược Thượng Bồ-tát. Sau cùng có vô số người xa lìa trần cấu, chúng đắc được pháp nhãn thanh tịnh.

Cuối cùng là Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát. Phẩm này nhấn mạnh đến tín tâm kiên cố, tinh tấn thực hành và trì tụng kinh Pháp Hoa sẽ được Phổ Hiền





Bồ-tát hộ trì; và đây cũng là phẩm tổng kết toàn bộ Kinh này. Từ cõi nước của đức Phật Bảo Oai Đức Vương đến cõi Ta-bà tại núi Linh-thứ lễ Phật và xin được nghe giảng kinh Pháp Hoa, Phổ Hiền Bồ-tát cùng với vô số chúng Bồ-tát, sau khi nghe xong, liền phát tâm hộ trì và thỉnh vãn đức Phật Thích-ca rằng, sau khi đức Thế Tôn diệt độ, làm thế nào để duy trì và lưu hành phổ biến kinh này. Vì lý do này, đức Phật khuyến hoá các vị Bồ-tát cần phải thành tựu 4 pháp như sau: 1) Được chư Phật trợ giúp bảo trì; 2) Gieo trồng các cội gốc công đức; 3) Nhập chánh định tuệ; và 4) Phát tâm cứu giúp tất cả chúng sanh.

Rồi Bồ-tát Phổ Hiền đã phát nguyện rằng 500 năm sau khi đức Thế Tôn diệt độ, trong đời ác năm trước, nếu có người thọ trì kinh này, ngài sẽ hộ trì và khiến cho người đó được an ổn, không hề cho ác ma quấy nhiễu và làm hại; hoặc ngài sẽ cưỡi voi trắng sáu ngà, cùng với chúng đại Bồ-tát đều đến chỗ người trì tụng và diễn giảng kinh này bằng cách hiện thân, cúng dường và bảo vệ khiến cho người ấy được an ổn. Ngoài ra, người trì tụng kinh này sẽ được tôn kính. Khi đức Phật thuyết phẩm này xong vô số Bồ-tát Thánh chúng, Thiên nhơn và các chúng khác đều phát tâm hộ trì chánh pháp, hộ trì chân lý và khuyến thỉnh tất cả chúng hội tu tập đúng theo hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền.

Trên đây chỉ là sự tóm lược những ý chính và những vấn đề quan trọng của từng phẩm. Tuy không nói hết những chi tiết nhưng có lẽ cũng toát lên những điều cốt yếu của toàn bộ nội dung của mỗi phẩm trong kinh này.

Nói về Saddharmapundarīka-sūtra (Kinh Pháp Hoa), nó được tông Thiên Thai ở Trung Hoa, nổi bật nhất là ngài Thiên Thai Trí Khái Đại Sư, xiển dương nghĩa lý thâm áo của nó đến tột đỉnh xuyên qua tư tưởng thù thắng về “nhất tâm tam quán”, “nhất niệm tam thiên”. Những giáo pháp mà suốt những thập niên thuyết pháp trong thời sinh tiền của đức Thế Tôn cũng đã được tỉ giáo bằng chủ trương “ngũ thời bát giáo”. Xuyên qua ngũ thời bát giáo của Tông Thiên Thai, ngài Trí Khái đã giúp cho chúng ta có một cái nhìn tổng quan về toàn bộ hệ thống của giáo pháp mà đức Thế Tôn đã dạy bằng bốn cấp độ: Đốn, Tiệm, Mật và Bất định, cũng như phương pháp giáo hoá của Ngài là: Tạng, Thông, Biệt và Viên. Ngoài ra, khuynh hướng “ngũ trùng huyền nghĩa” tức là: Danh, Thể, Tông, Dụng và Giáo của Kinh Pháp Hoa cũng đã được xiển dương. Danh đề cập đến đề kinh Diệu Pháp Liên Hoa; Tông nói rõ nghĩa lý thiết thực của kinh; Thể biện minh đến triết lý của kinh; Dụng bàn về hiệu quả thực tế của kinh; và Giáo thẩm định giá trị của kinh này với những kinh điển khác.

Tóm lại, Vốn dĩ được tôn phong là “chúng kinh chi vương”, cho nên kinh này có giá trị rất cao về văn

chương và nghệ thuật điêu khắc cũng như về tư tưởng thâm áo mà khó có thể thấy trong những kinh điển Đại thừa trước đó. Giáo nghĩa của Pháp Hoa đã khơi dậy nguồn tâm thanh tịnh và Phật tánh thường minh trong tất cả loài hữu tình. Điều đáng lưu ý là đạo Phật lấy con người làm trung tâm, nhưng đến kinh Pháp Hoa này, nó đã nhấn mạnh đến Phật tánh vốn sẵn có trong vạn loại chúng sanh có thể tìm thấy tinh thần này trong kinh Phạm Võng mà khác với khuynh hướng của những kinh trước đây. Chẳng hạn nó đã đập nát mọi khái niệm cứng nhắc của hàng Nhị thừa, Tân học và Sơ học Bồ-tát, nó dựa trên nền tảng Phật tánh và nhấn mạnh đến quả vị tu chứng đều bình đẳng, không những hạng cực ác như Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) và hạng Icchantika (Nhất-xiển-đề-ca) mà còn cả đến Long Nữ cũng đều có khả năng thành Phật. Quả thật đây là một khuynh hướng rất đặc thù, một tư tưởng rất táo bạo. Và càng táo bạo hơn nữa đó là đối với những hạng người bị tâm tán loạn, khi vào chùa hay tháp có thờ tôn tượng Phật, chỉ cần nhất tâm xưng tụng danh hiệu Ngài cùng đều được thành Phật, mà nó đã gọi nhắc cho chúng ta đến kinh Di-đà liên quan đến sự nhất tâm bất loạn từ một cho đến bảy niệm cũng đều được vãng sanh về thế giới Tịnh độ.

Trên tất cả, nó giúp cho chúng ta có được tư tưởng thâm áo xuyên qua khái niệm về thật tướng của các pháp, dù sự hiện hữu của các pháp là do duyên sinh, nhưng thật tướng của các pháp chính là các pháp thường trú, là thật tánh bình đẳng của chúng. Ở cấp độ cao hơn, có lẽ nói rằng siêu việt nhất là tư tưởng thâm áo về thật tướng của các pháp, hay thật tại tánh chỉ đều là danh ngôn tạm bợ đặt ra mà đẳng Đạo Sư đã vận dụng phương tiện vô cùng thiện xảo để dắt dẫn tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng luân hồi sanh diệt và tái sanh trong tam giới. Vì sao? Vì các pháp là do duyên sanh, không sanh cũng chẳng diệt, cũng giống như đức Như Lai, “vô sở tùng lai diệt vô sở khứ”; cũng vậy, đức Như Lai đã thấy và biết rõ như thật rằng tất cả các pháp thầy đều là vô tánh.





NGƯỜI SUỐT ĐỜI LẮC CHUÔNG GIỮA CHỢ

TRẦN BANG THẠCH

Gần cuối tháng 12 dương lịch năm nay có một thiệp chúc Xuân đến với tôi thật sớm, trước Tết Nguyên Đán cả tháng. Đó là một điều lạ. Tôi chưa hề nhận một thiệp xuân nào sớm như vậy, từ trước đến nay. Điều lạ thứ hai là cùng một bao thư với thiệp chúc xuân này, tôi có cả một thiệp chúc mừng Giáng Sinh đến trễ cả tuần. Hai điều lạ này được giải thích trong một mảnh giấy nhỏ viết tay kèm theo. Qua mảnh giấy nhỏ này, thắc mắc của tôi được giải tỏa: anh con thấy trong các giấy tờ để lại của người cha mới chết một thiệp Giáng Sinh và một thiệp chúc mừng Năm Mới Ất Dậu. Mỗi tấm thiệp được để trong một bao thư có đề sẵn địa chỉ của tôi. Anh con bỏ cả hai tấm thiệp vào một bao thư rồi gởi cho tôi. Coi như thay người chết gởi lời chúc tới ông bạn còn sống. Lá thư bất ngờ cũng báo cho tôi biết một cái chết bất ngờ. Cùng một lúc với những lời chúc tốt đẹp là một nỗi buồn thật lớn đến với tôi. Tôi biết từ nay tôi vĩnh viễn mất một ông bạn hàng xóm tốt bụng của tôi từ hơn hai mươi lăm năm qua. Tội nghiệp ông già, biết mình tuổi đã cao, sống nay chết mai, nên ông đã chuẩn bị sẵn những gì cần phải làm. 24 lần Giáng Sinh và 24 lần Tết Nguyên Đán đã qua chưa lần nào gia đình tôi thiếu các tấm thiệp chúc mừng của ông. Năm nay, năm thứ 25, ở giờ phút thứ 25, giờ phút cuối của cuộc đời, ông vẫn không quên chúng tôi.

Thật sự thì chúng tôi là bạn hàng xóm chỉ trong hai năm đầu khi chúng tôi đến Mỹ. Mới chân ướt chân ráo nhập vào một dòng sống hoàn toàn mới lạ, không có một người thân quen, chúng tôi thấy tạm yên lòng cư ngụ trong một căn nhà nhỏ tại một khu khá tạp nham, toàn là dân da đen và dân Nam Mỹ có lợi tức thấp; hiếm thấy một người da trắng lạc lõng đi ngang qua xóm. Sau hai năm gia đình chúng tôi làm ăn có khấm khá hơn và các con cũng cần có những trường tốt hơn nên chúng tôi dời đến một nơi khác, cách chỗ cũ hơn một giờ lái xe. Hai năm ở cạnh nhau đã đủ cho một tình hàng xóm nảy nở. Những năm còn lại chúng tôi vẫn hay gặp gỡ, như là vào những dịp lễ lạc hay ăn mừng năm mới, mừng sinh nhật... hoặc thăm hỏi tin tức nhau qua thư từ và điện thoại.

Thuở đó là vào khoảng cuối năm 80, chúng tôi đến Mỹ trong cái lạnh công da của một nhiệt độ đông đá. Căn nhà chúng tôi mượn thuộc căn nhà đã quá cũ, cả trăm năm tuổi, vách ván, sàn gỗ kê trên những cục gạch xi măng khiến gió lạnh chui vào nhà một cách dễ dàng từ bốn bên và từ dưới sàn nhà. Ba đứa con tôi tuổi từ một rưỡi đến 12 tuổi, chúng mặc vào nhiều lớp áo quần mà răng vẫn đánh lộp cộp. Đó là những giờ đầu tiên khi chúng tôi mới dọn vào nhà. Tôi thấy một cái máy sưởi đặt âm trong vách nơi phòng khách, tôi vặn hết nút này đến nút nọ mà vẫn không thấy hơi nóng phát ra. Túng cùng, vợ tôi đưa ý kiến là nên nhờ người ở nhà kế bên sang chỉ dẫn. Tôi rất ngại ngùng khi phải gõ cửa nhà người hàng xóm không quen vì lúc đó đã hơn mười giờ đêm. Chỉ cần không delay một phút, ông hàng xóm đã làm chiếc máy sưởi tỏa hơi nóng. Rồi vợ con ông mang cả đồng quần áo ấm cho chúng tôi, có cả mấy bao potato chips họ nói là ăn cho ấm bụng. Cả nhà chúng tôi cảm ơn. Ông hàng xóm nắm chặt tay tôi, ông nói rõ và chậm từng lời, sợ rằng tôi chưa quen tiếng Mỹ. Tôi vẫn còn nhớ như in hình dáng cao gầy, gương mặt đen mun làm rõ hàm răng trắng và đôi mắt trắng nhìn thẳng vào mắt tôi. Ông nói là ông luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi, đừng ngại ngùng gì hết. Ông cho tôi số điện thoại, bảo cứ gọi ông hay vợ con ông bất cứ khi nào chúng tôi cần. Ông nói ông tên là Otis Clark, nhưng ông thích được gọi là The Bell Ringer, hãy gọi ông là Ringer cho gọn. Thuở đó cả nhà chúng tôi gọi ông là Ringer, coi như là một cái tên riêng; sau này mới biết ý nghĩa của nó và biết vì sao ông Otis thích được gọi như vậy. Sau cái đêm đầu tiên đó thì chúng tôi cần họ nhiều trăm lần nữa trong suốt hai năm ở gần nhau và cả khi ở xa nhau. Ông bà là cố vấn của gia đình chúng tôi về đủ mọi chuyện. Từ chuyện ông Ringer dạy tôi cách sử dụng máy cắt cỏ, máy





xén cổ đến việc thay nhót cái xe. Bà Ringer thì từ việc đưa vợ tôi và các con đi ghi danh ở trường, đến việc dạy vợ tôi tiết kiệm bằng cách mua hàng sale và cách dùng coupons khi đi chợ. Khi chuyện trò với chúng tôi, họ nói chậm rãi, rõ ràng từng tiếng. Đặc biệt là họ hay gọi chuyện để chúng tôi nói. Tiếng Mỹ chúng tôi khá hơn nhờ gia đình này. Cách sinh hoạt chúng tôi được xuôi chèo mát mái hơn trong cái xã hội lạ lẫm này phần lớn là nhờ họ. Cũng qua gia đình này chúng tôi có cái cảm tưởng đầu tiên là người Mỹ tử tế. Về sau chúng tôi biết ông bà Otis không những chỉ tử tế với riêng gia đình chúng tôi hay vài gia đình trong khu xóm, mà ông bà này tử tế với tất cả mọi người. Điều này thì tôi xin được nói sau. Cái ảm áp của đêm đầu tiên đó đã bắt đầu cho một nghĩa tình lân lý kéo dài suốt hai mươi lăm năm nay. Suốt thời gian đó chúng tôi thương mến và hiểu nhau hơn. Bà Otis mất 12 năm trước, sau đó cậu con trai duy nhứt đi làm xa, ông già Otis đã nghỉ hưu từ hơn hai mươi năm trước. Ông sống một mình trong căn nhà cũ, nhưng ông không cô đơn vì chừng như công việc chiếm hết thì giờ của ông. Muốn đến thăm ông, chúng tôi phải thông báo vài ngày trước. Hoặc đôi khi tự dưng ông ghé nhà tôi ngủ một đêm để kể cho chúng tôi nghe chuyện đời. Các con tôi rất thích nghe Uncle Ringer kể chuyện. Càng hiểu tâm tình của ông và càng biết nhiều những sinh hoạt của ông, chúng tôi càng quý trọng ông. Bây giờ thì ông đã đi rồi. Tâm thiệp Xuân Ất Dậu tôi chưa kịp gởi cho ông. Những dòng tường nhớ này như lời cuối cùng chúng tôi tiễn đưa ông, người hàng xóm tốt bụng.

Nhớ tới ông Otis là tôi nhớ tới điều mà ông đã nói với tôi khi hai người ngồi uống bia ở sau nhà ông hơn hai mươi năm trước. Ông chỉ nói có một lần mà tôi mãi nhớ hoài. Ông Otis nói ông nợ cuộc đời quá nhiều, sợ rằng cả đời của ông, ông cũng không trả nổi. Ông mất ở tuổi tám mươi lăm. Một đời người như thế cũng gọi là dài. Nhưng cái nợ với cuộc đời mà ông tự nguyện gánh trên vai đã hết chưa hay ông vẫn còn khệnh khạng vác xuống tuyến đài? Nghĩ tới điều này khiến tôi càng thương ông, vì tôi biết một khi thế giới này còn hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh, bệnh tật và xã hội này còn những kẻ nghèo đói, tật nguyền, không nhà, không miếng ăn, không cái mặc... thì The Bell Ringer thổi đồng đen của tôi vẫn ngày ngày muốn làm người lắc chuông nơi cửa chợ. Tôi biết ông muốn mãi mãi là người lắc chuông, dù cho trăm năm, dù cho ngàn năm nữa. Người đàn ông da đen cao, gầy, xương xẩu, ít học mà

có trái tim to như trái núi, một tấm lòng dào dạt mệnh mông như nước đại dương. Gần cả đời lắc chuông giữa chợ kêu gọi tình thương, chắc chỉ có một ông Otis Clark này. Ông nói từ khi nhận diện được những đau khổ của cuộc đời đến với riêng ông, ông muốn được góp phần nhỏ mọn của mình làm vui đi ít nhiều những đau khổ cho càng nhiều người càng tốt. Ông Otis kể với mọi người về cuộc đời của ông. Cậu bé Otis lúc mới 5 tuổi đã là một bé mồ côi cả cha lẫn mẹ. Người ta nói cha mẹ cậu một hôm từ thị trấn Cheyenne của tiểu bang Wyoming mang đứa con trai Otis 5 tuổi xuôi nam lập nghiệp, mong thoát khỏi kiếp tôi đòi. Lúc tới gần dãy Rocky Mountains thì ông bà Clark mất tích trong một trận bão tuyết. May mắn được cứu, cậu bé Otis sống lang thang không nhà với người cha nuôi nghiện rượu và với một con chó đói. Cha con ngày ngày kiếm miếng ăn nơi khu Lincoln Park của tiểu bang Colorado. Khi cha nuôi chết, cậu Otis 10 tuổi đã biết phải tìm cái sống bằng chính sức lực và ý chí của mình. Tiếp tục ước muốn của cha mẹ, Otis xuôi nam, sống vất vưởng trên các đường phố với đủ ngành nghề, từ bán báo đến quét dọn nhà hàng, lau chùi cầu tiêu công cộng.... Lớn hơn một chút, Otis về vùng đồng cỏ Texas làm các công việc nơi trang trại, chăn bò, vắt sữa, lái máy cày. Cuộc đời Otis thật sự thay đổi ở tuổi 18 khi một ân nhân đem Otis về thành phố lớn, dạy cho ít chữ nghĩa và dạy nghề thợ tiện. Từ đó Otis đứng vững vàng trên hai chân mình. Cũng từ đó chàng thanh niên Otis bắt đầu nghĩ tới một sự trả ơn cho người đã cứu mình ra khỏi vùng u tối. Otis cũng không thể quên những cảnh khổ chung quanh, cảnh khổ mà suốt quãng đời niên thiếu mình đã chịu. Những ngày cuối tuần người ta thấy chàng thanh niên Otis la cà nơi các công viên, hay các góc đường dưới cầu xa lộ mang những bịch đồ ăn thức uống cho những người không nhà. Nhiều người trong số này đã được Otis giới thiệu việc làm, tạo dựng lại cuộc đời và tiếp tục trả ơn đời như anh Otis. Một thanh niên da trắng thất tình thất chí, bỏ học, bỏ nhà cửa đi làm homeless, Otis tới lui, chuyện trò, khuyên nhủ, rồi đem về nhà nuôi ăn học. Ngày anh thanh niên nhận bằng kỹ sư điện, anh đã ôm Otis giữa hội trường mà khóc như một đứa con nít. Nhiều lần Otis đến các nhà tạm trú cùng với các người thiện nguyện phục vụ những bữa ăn cho người vô gia cư. Sau khi tham dự thể chiến thứ Hai, người lính giải ngũ Otis biết được các hoạt động cứu trợ rất hữu hiệu của hơn 3000 đơn vị phục vụ thuộc tổ chức thiện nguyện The Salvation Army. Otis bắt đầu tham gia hoạt động cho





The Salvation Army kể từ đó. Cũng kể từ đó Otis chỉ thích được gọi là Người Lắc Chuông- The Bell Ringer. Từ mùa đông năm 1945 The Bell Ringer tên Otis bắt đầu mặc bộ đồng phục của The Salvation Army, cầm cái chuông đồng đứng tại các cửa chợ vào những ngày lễ để kêu gọi lòng hảo tâm của con người đối với con người.

Những ngày đầu ở Mỹ, không ai trong gia đình tôi biết The Salvation Army là gì. Chúng tôi chỉ biết tổ chức thiện nguyện Đạo Bình Cứu Khổ này qua người hàng xóm mà chúng tôi gọi là Ringer. Vào những ngày cuối tuần hay những ngày lễ như Thanksgiving hay Christmas chúng tôi thấy Ringer cùng các bạn của ông mặc vào tấm áo choàng màu đỏ, choàng phủ phía trước ngực và phía lưng, trên có in dấu hiệu của The Salvation Army và có dòng chữ: I Am A Bell Ringer. Người bell ringer tay cầm cái chuông đồng nhỏ đứng lắc chuông bên cạnh cửa ra vào tại các khu chợ. Người hảo tâm bỏ tiền vào cái thùng đồ có nắp khóa kín, treo trên cái giá 3 chân. Hai năm ở bên cạnh ông tôi biết thêm rất nhiều điều về The Salvation Army, một tổ chức quốc tế được hình thành từ năm 1865 tại Luân Đôn để giúp đỡ về mặt tinh thần và vật chất cho những người kém may mắn trên toàn thế giới, không phân biệt chủng tộc hay tôn giáo. Bằng vào cố gắng tích cực của cô bé 16 tuổi tên Eliza Shirley, một di dân gốc Anh, Tổ chức được du nhập vào Mỹ từ năm 1880 với chi nhánh đầu tiên ở New York City. Các con tôi thì có bên cạnh một nhân vật sống để nghe, để biết và để học những bài học quý giá về tình người. Thằng con lớn của tôi đã gia nhập The Salvation Army ngay sau khi tốt nghiệp đại học hồi năm 1992. Ông Ringer trông thật hào hứng mỗi lần nói chuyện với chúng tôi về công việc lắc chuông của ông. Công việc nào thì cũng có niềm vui, nỗi buồn. Nhưng với ông Ringer thì suốt mấy mươi năm lắc chuông, ông chỉ có niềm vui, ông quả quyết nói với chúng tôi như vậy. Ông không có nỗi buồn. Ông lắc chuông xin tiền, có người cau có với ông, ông cười tươi đáp lễ. Có người ngược mặt làm ngơ, ông thương cho họ và cầu nguyện cho họ. Thỉnh thoảng có người mua cho ông bữa ăn trưa hay một chai nước uống, ông vui vẻ cảm ơn. Trên chục năm trước, có em nhỏ tự nhiên rời tay mẹ, chạy tới kéo ông ngồi xuống, hun một cái chụt vào má ông, rồi bé kể tai nói với ông rằng bé thương ông quá, khi lớn bé sẽ làm như ông. Chuyện đã xảy ra thật. Cô bé 5 tuổi lúc ấy đã không đợi khi lớn mới thực hiện được lời hứa với người Bell Ringer nơi cửa chợ. Lúc 7 tuổi, cô bé biết bày ra một cái bàn đặt bên lối ra vào công viên gần nhà để bán nước giải khát vào mỗi cuối tuần. Cô bé đã kiếm được vài chục đồng mỗi tháng. Người ta mua nước lemonade của em như là một cách giúp em thực hiện ước muốn của mình. Mỗi năm, đúng vào buổi chiều trước ngày Lễ Giáng Sinh, Christmas Eve, như một hẹn ước bất thành lời, cô bé đến gặp người Bell Ringer của cô, thân mật nói những lời chúc lành với ông rồi nhét vào

món tiền góp nhặt cả năm vào cái thùng 3 chân màu đỏ. Năm nào cô cũng làm như vậy, hơn chục năm rồi. Cô bé gọi ông là Ringer. Ông gọi cô là Little Santa. Như vậy là đã đủ cho một sự quen biết nhau. Có lẽ cả hai không thấy cần phải biết tên thật của nhau. Họ biết họ đang làm gì. Có một lần vào đầu năm 82, ông Ringer hăm hở nói với tôi về một đồng tiền vàng, một loại gold coin, trị giá hơn 200 đô la, lần đầu tiên được một người bí mật nào đó bỏ vào thùng tiền tại Chicago. Rồi sau đó cứ mỗi lần một nơi nào đó nhận những đồng gold coins thì ông Ringer đều cho tôi hay để cùng vui với ông. Nhiều khi ông chỉ ghé nhà tôi một vài phút đồng hồ chỉ để thông báo những tin vui như vậy. Chẳng hạn như hồi năm 85, một người nào đã bỏ vào thùng ở thành phố Kirsville, bang Missouri, một đồng gold coin sản xuất 20 năm trước cuộc Nội Chiến, có giá trị cả ngàn đô la; đủ cho một nhóm hơn trăm người nghèo có một bữa ăn Giáng Sinh thịnh soạn. Hàng năm, như là một trò chơi nhân hậu tốt đẹp từ một hay nhiều nhà hảo tâm bí mật, những đồng gold coins cứ rơi vào nơi này, nơi nọ; đến nay tổ chức The Salvation Army nhận được hơn 300 đồng gold coins. Năm năm trước, ông Ringer của tôi muốn có một đồng gold coin rớt vào cái thùng của ông coi như quà sinh nhật thứ 80 của ông. Mùa Giáng Sinh năm đó rồi cũng qua, lễ mừng sinh nhật của ông cũng đã qua mà đồng gold coin cũng chưa chịu đến với ông. Ông than với tôi là các đồng gold coins vẫn chưa chịu xuôi Nam. Tôi an ủi ông rằng ông đã nhận và đã cho biết bao nhiêu là những đồng gold coins từ cả sáu mươi năm nay rồi. Một tuần trước lễ Giáng Sinh năm nay, từ một nơi cách xa tỉnh nhà hàng ngàn dặm, xem báo tôi thấy loan tin nhân viên Salvation Army tìm thấy một đồng vàng tên là South African Krugerrand bọc trong một đồng bạc giấy, có lẽ người bí mật muốn tránh tiếng kêu khi bỏ vào thùng ở trước cửa một tiệm Walgreens trên đường West University của Houston. Đây là lần đầu tiên một đồng gold coin trị giá 400 đô la đã xuôi Nam, đã đến Houston. Tự nhiên tôi thấy vui và nghĩ ngay tới ông bạn già Ringer của tôi. Tôi bỏ lững cột báo tại đây, không muốn đọc tiếp tên người bell ringer để được hồi hộp mà nghĩ rằng chính cái thùng tiền





của người Ringer thân mến của tôi đã nhận được đồng tiền quý hiếm ấy. Có thể lắm chứ. Ở cái tuổi 85, người Bell Ringer của tôi không còn bao nhiêu ngày tháng nữa. Chẳng lẽ niềm mơ ước của ông không thành sự thật sao?

Bây giờ nhận được tin ông mất, tôi thấy dù cho đồng tiền ấy có rơi vào thùng của ông hay không thì ông cũng là người đón nhận và phân phát nó, cũng như ông đã đón nhận hàng vạn tấm lòng vàng và phân phát hàng ngàn đồng tiền vàng trong suốt hơn sáu mươi năm làm người gác chuông giữa chợ.

Cả cuộc đời ông, ông cũng đã cho thiên hạ rồi!

Ông Otis Clark, người Bell Ringer của tình thương, chúc ông ngàn đời yên ngủ trong niềm mến yêu của những người khôn khó. Ông ngủ nhưng tiếng chuông đồng của ông vẫn còn rung trên tay của cả ngàn người khác tiếp nối ông. Khi những trái tim còn biết thôn thức thì tiếng chuông đồng còn ngân vang. Bằng cách này hay bằng cách khác, tình thương luôn có mặt trên thế gian này. Cô bé 7 tuổi đã biết đem những đồng tiền nhân nghĩa đến gởi gắm ông. Cô bé ấy bây giờ là một thiếu nữ và vẫn là người Santa Nhỏ Bé của ông, vẫn hàng năm làm nhiệm vụ của một Ông-Già-Nô-En-Có -Thật.

Ngủ đi ông, The Bell Ringer, người hàng xóm tuyệt vời của tôi.

Trần Bang Thạch

**Đọc Kinh, Truyện, Sách Phật
& Tin Tức Phật-giáo tại:**
www.chuahaiduc.org



Thơ Châu Ngọc

ĐỘNG ĐẤT HAITI

Chẳng ai muốn làm ăn mày
Chỉ vì trời đất chuyển xoay
Chớp mắt trăm năm tàn hoại
Mất còn trong đám bụi bay
Trái đất cựa mình dậm phứt
Đau thương để lại lâu dài
Mở lòng từ ái hỡi ai
Đất nước không còn tương lai
Giết nhau dành giật từng ngày!
Giọt nước bao gạo củ khoai
Trở thành cứu tinh hiện tại!

Tiếng kêu lạnh ngắt hình hài
Đất bằng đổ xuống vạn người thây phơi
Hoang mang hồn phách chơi vơi
Tang thương dâu bể, biết rồi về đâu?
Hai-ti trời phủ bể dâu
Hai triệu dân đói dãi dầu gió mưa
Khắp nơi thi thể bỏ bừa
Ôm đau bệnh tật chẳng chừa một ai
Thương người khổ nạn hôm nay
Họa trời ách nước đọa đầy trần gian
Miếng cơm manh áo thuốc thang
Dầu là ít ỏi vẫn mang tình người
Âm dương dờ khóc dờ cười
Tai ương khó tránh khi người khi ta
Tiếng kêu thấu suốt ta bà
Tình thương chưa cạn xót xa kiếp người!



Lục Tổ giảng kinh Kim Cang

(Trích dịch trong kinh Kim Cang Chư Gia)

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba-La-Mật

Dao-Tần Tam Tạng Pháp Sư Cư Ma La Thập phụng chiếu dịch
Cư sĩ Trần Văn Minh (Nam Vang - 1937) dịch sang Việt

Nhân do nói Pháp:

Như vậy ta nghe:

Một thuở nọ, Phật ở nước Xá Vệ, nơi nhà tịnh xá của ông Cấp Cô Độc, cắt trong vườn cây của ông Kỳ Đà, cùng một ngàn hai trăm năm mươi thầy đại tỷ khuru đều ở tại đó.

[Giảng: Xá Vệ là tên một nước của vua Ba Tư Nặc
Kỳ là Kỳ Đà Thái Tử, con vua Ba Tư Nặc
Thọ là đám cây của ông Kỳ Đà đường cúng,

cho nên nói: Kỳ Thọ]

Khi ấy, gần đến giờ ăn của Đức Thế Tôn, ngài bèn mặc y, mang bát, vào thành nước Xá Vệ xin ăn.

Ở trong thành, cứ theo thứ lớp mà xin.

Về đến chỗ ở; dùng cơm xong, đoạn cắt y-bát, rửa chơn rồi, lên pháp tọa mà ngồi.

Thiện Hiện Khởi Hồi:

Khi ấy, trưởng lão Tu Bồ Đề, ở trong hàng đại chúng, liền đứng dậy đến nơi pháp tòa, trịch y nửa thân bên vai hữu, quỳ gối hữu sát đất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng:

- Như Đức Thế Tôn ít có !!!

Như Lai hay đoái tưởng các Bồ Tát, hay giao phó dặn dò các Bồ Tát.

Bạch Đức Thế Tôn, như có trai lành, gái tín nào phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nên trụ thế nào? Nên hàng phục cái vọng tâm thế nào?

Phật khen:

- Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề, đúng như lời ông vừa nói: Như Lai hay đoái tưởng các Bồ Tát, hay giao phó dặn dò các Bồ Tát ...

Vậy ông hãy lắng nghe, ta đáng vì ông mà nói...

Như trai lành, gái tín nào phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên trụ như vậy, nên hàng phục cái vọng tâm như vậy...

- Vâng, thưa Đức Thế Tôn, chúng con nguyện hết lòng muốn nghe

Đại Thừa Tông Chánh:

Phật bảo Tu Bồ Đề: Các Đại Bồ Tát nên hàng phục cái vọng tâm như vậy...

... Bằng có cả thầy chúng sanh...

[Giảng: Như thế là tóm góp
Sau này sẽ phân riêng chín loại]

Hoặc sanh trứng, hoặc sanh con, sanh chỗ ướt, hóa sanh, hoặc có sắc, hoặc không sắc, có tư tưởng, không tư tưởng, chẳng phải có tư tưởng, chẳng phải không có tư tưởng...

[Giảng:

Loài sanh trứng là loài mê tánh

Loài sanh con là loài tập tánh

Loài sanh chỗ ướt là loài theo tà tánh

Loài sanh hóa là loài theo thú tánh

Bởi mê nên gây các nghiệp, bởi tập nên hay dời đổi, bởi theo tà nên lòng chẳng định, bởi theo thú nên đoạ vào A-Tỳ.

Lấy tâm mà tu tâm, thì vọng sanh phải quấy, chẳng tỏ ngộ cái lý không-tướng, cho nên nói: Hữu-Sắc.

Lòng giữ ngay thẳng, chẳng làm việc cung-kính cúng dường, chỉ rõ lòng ngay tức là Phật, chẳng tu phước huệ, cho nên nói: Vô Sắc

Chẳng rõ lý Trung Đạo, mắt thấy, tai nghe, thì để ý suy nghĩ, ưa chấp pháp tướng, miệng thì nói hạnh Phật, mà lòng chẳng làm theo, cho nên nói: Hữu tướng

Người mê ngồi thiền, tính bề trừ vọng, chẳng học đạo Từ Bi Hỷ Xả, trí tuệ phương tiện, cũng như cây đá, không có tác dụng, cho nên nói: Vô-Tướng.





Chẳng chấp cả hai pháp tướng (hữu tướng, vô tướng) cho nên nói: Phi hữu tướng. Lòng còn câu lý nên nói: Phi vô tướng.]

Ta đều khiến cho đặng rõ lý vô dư Niết Bàn (giải thoát) mà diệt độ.

[Giảng:

Như Lai chỉ rõ trong ba giới, chín cõi đều có sẵn cái lòng Huyền Diệu Niết Bàn, khiến cho tự mình tỏ ngộ lấy.

Vô dư là không còn cái tập khí phiền não

Niết Bàn: Viên-mãn, thanh tịnh khiến cho dứt hết cả thầy tập khí chẳng sanh nữa, thì mới hạp với lý ấy.

Độ là đóa qua biên lớn sanh tử

Lòng Phật bình đẳng, nguyện cùng với cả thầy chúng sanh đồng tỏ ngộ cái lý Vô Tỷng Niết Bàn viên mãn thanh tịnh; đồng độ qua khỏi biên lớn sanh tử, đồng chứng quả với chý Phật.

Muôn sự phiền não sai biệt nhau đều bởi lòng ô nhiễm, mới có thân hình vô số, đều gọi chung là chúng sanh. Cái lòng Đại Bi phổ hóa của Như Lai, đều khiến cho đặng rõ lý Vô Dư Niết Bàn mà diệt độ cả.]

Diệt độ chúng sanh vô lượng vô số vô biên như vậy, nhưng thiệt chẳng có chúng sanh nào mà đặng diệt độ cả.

Bởi có sao? Đây Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát mà có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì chẳng phải là Bồ Tát.

[Giảng:

Người tu hành cũng có bốn tướng:

1. Lòng có năng sở mà khinh dễ chúng sanh là Ngã tướng.
 2. Ý mình là người giữ giới, khinh kẻ phá giới là Nhân tướng.
 3. Nhàm chán cái khổ của ba đường, muốn sanh về các cõi trời là Chúng Sanh tướng.
 4. Lòng muốn sống lâu mà cầu tu nghiệp phước, chấp pháp chẳng quên là Thọ Giả tướng.
- Còn bốn tướng ấy tức là chúng sanh; Không bốn tướng ấy tức là Phật.]

HẠNH MÀU KHÔNG TRỤ:

Lại nói tiếp: Đây Tu Bồ Đề

Bồ Tát làm việc bố thí, theo pháp, thì không có chỗ trụ.

Là nói: Chẳng trụ sắc mà bố thí, chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí.

Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên bố thí như vậy : Chẳng nên trụ tướng.

[Giảng:

Bố thí mà cái tâm không trụ tướng chẳng chấp là có Bồ Thí, chẳng thấy có vật Bồ Thí, chẳng phân biệt có người thọ thí, cho nên nói: Bồ Thí không chấp tướng.]



Bởi có sao? Nếu Bồ Tát bố thí chẳng trụ tướng thì phước đức không thể so lường đặng.

Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Hư không phương đông có thể so lường đặng chăng?

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng đặng .

Tu Bồ Đề, còn như hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới có thể so lường đặng chăng?

Bạch Đức Thế Tôn chẳng đặng.

Tu Bồ Đề, Bồ Tát bố thí mà chẳng trụ tướng thì phước đức lại cũng như vậy: Không thể so lường đặng.

Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên trụ theo chỗ ta dạy đó (Trụ chỗ không trụ).

RÕ LÝ NHƯ NHƯ:

- Đây Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Có nên dùng thân tướng mà cho là Như Lai chăng?

- Bạch Đức Thế Tôn, không. Không nên dùng thân tướng mà cho là Như Lai.

Bởi có sao? Bởi Như Lai nói thân tướng, tức chẳng phải thân tướng.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Phàm chỗ nào có tợng đều là hý vọng. Còn cho các tướng chẳng phải tướng, tức rõ đặng Như Lai.

CHÁNH TÍN ÍT CÓ:

Tu Bồ Đề bạch Phật:

-Bạch Đức Thế Tôn! Như có chúng sanh nào đặng nghe những câu bài giảng giải như vậy, có sanh lòng tin thiệt chẳng?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Chớ có nói lời ấy. Sau khi Như Lai diệt độ rồi, sau năm trăm năm sau, có kẻ nào trì giới tu phước, mà sanh lòng tin những câu bài ấy, thì lấy đó làm thiệt.

Nên biết người ấy, chẳng những là gieo căn lành trong một kiếp Phật, hai kiếp Phật, ba bốn năm kiếp Phật, mà đã gieo căn lành đến vô lượng ngàn muôn kiếp Phật rồi vậy.

Nghe những câu bài ấy, cho đến nhứt niệm sanh lòng tin chắc, thì Tu Bồ Đề này: Như Lai đều biết hết, thấy hết, các chúng sanh ấy đặng cái phước đức vô lượng như vậy.

[Giảng:

Sao gọi là gieo các căn lành?

Là đối với chư Phật phải một lòng cúng dường, thuận theo giáo pháp.

Đối với các vị Bồ Tát, bậc Thiện Trí Thức, sư tăng, cha mẹ, người tuổi cao đức lớn, và bậc tôn trưởng, thường phải cung kính cúng dường, vâng lời dạy bảo chẳng trái ý, ấy là gieo các căn lành.

Đối với chúng sanh nghèo khổ, đầy lòng thương xót, chẳng nên khinh bi, có yêu cầu điều chi, tùy sức mình mà tế độ, ấy là gieo các căn lành;

Đối với cả thầy kẻ hung dữ phải nhu hòa nhịn nhục, vui vẻ phụng thờ, chẳng nên





trái ý, đặng khiến kẻ ấy phải sanh lòng hoan hỷ, dứt sự hung hăng, ấy là gieo các căn lành.

Đôi với chúng sanh trong sáu đường chẳng có: Sát hại, khi dễ, nhiech mắng, chưởi đánh, cùng là ăn thịt, thường làm việc lợi ích cho chúng nó, ấy là gieo các căn lành.

Lòng tin là:

Tin Pháp Bát Nhã ba-la-mật hay trừ cả thầy phiền não;

Tin pháp Bát Nhã ba-la-mật hay thành tựu cả thầy công đức xuất thế gian;

Tin pháp Bát Nhã ba-la-mật hay xuất sanh tất cả chư Phật;

Tin chắc Phật tánh của tự mình bỗng lai thanh tịnh, không có nhiễm ô, sánh với tánh chư Phật bình đẳng như một;

Tin chắc chúng sanh trong sáu đường bỗng lai không tướng;

Tin chắc cả thầy chúng sanh đều dặng thành Phật.

Ấy mới là lòng tịnh tín.]

Bởi có sao? Bởi các chúng sanh ấy không còn có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp, cũng như không có tướng phi pháp.

Bởi có sao? Bởi các chúng sanh ấy, nếu lòng còn chấp tướng, tức còn trước tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Bởi có sao? Bằng chấp phi pháp tướng, cũng là trước tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Như thế thì, chẳng nên chấp pháp, cũng chẳng nên chấp phi pháp.

Bởi cái nghĩa ấy, nên Như Lai thường dạy các thầy tỷ kheo phải biết ta nói pháp, ví như cái bè, pháp còn phải bỏ thay, huống chi là chẳng phải pháp.

Không Chi Đắc Thuyết:

- Nay Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào, Như Lai có đặng pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng? Như Lai có chỗ chỉ thuyết pháp ấy chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Như con rõ nghĩa của Phật nói, thì không có định chắc pháp chi kêu là vô thượng, chánh đẳng chánh giác, cũng không có định chắc pháp chi mà Như Lai nói.

Bởi có sao? Bởi chỗ thuyết pháp của Như Lai, đều chẳng nên chấp, là chẳng nên nói phi pháp cùng chẳng phải phi pháp.

Sở dĩ sao? Cả thầy Thánh Hiền đều dùng pháp vô vi mà cũng có hơn kém.

[Giảng:

Căn tánh của ba bậc thừa, sự hiểu rõ chẳng đồng nhau, nghe thấy có cao thấp, cho nên nói: hơn-kém. Phật nói cái thuyết

vô vi ấy tức là: Vô trụ; Vô Trụ tức là Vô Tướng; Vô Tướng tức là Vô Khởi; Vô Khởi tức là Vô Diệt; rỗng rang vắng lặng, tỏ soi đều đủ, xem xét không ngại, mới thiết là tánh Phật giải thoát.

Phật tức là Giác, Giác tức là Quang Chiếu (hồi quang phản chiếu), Quang Chiếu tức Trí Tuệ, Trí Tuệ tức là Bát Nhã.]

Nương Pháp Xuất Sanh:

... Nay Tu Bồ Đề: Ý ông thế nào? Bằng có người dùng bảy báu chất đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem ra mà bố thí, người ấy có đặng phước đức nhiều chăng? ..

[Giảng:

Bài này là Như Lai hỏi cái ý đó thế nào?

Bồ thí, cúng dường là phước đức ở ngoài thân;

Thọ trì kinh điển là phước ở trong thân, cũng gọi là

Công Đức.

Thân Phước là ăn mặc, Tánh Phước là trí tuệ.

Tuy có ăn mặc mà tánh ngu mê, là kiếp trước bố thí cúng dường mà không thọ trì kinh điển. Còn thông minh trí huệ nhưng lại nghèo hèn thiếu ăn thiếu mặc là kiếp trước trì kinh nghe pháp mà không bố thí cúng dường.

Tu Phước Đức bề ngoài tức sự ăn mặc.

Tu Phước Đức bề trong tức là trí tuệ.

Tiền tài là báu của thế gian, Bát Nhã là báu trong tâm.

Trong, Ngoài song tu mới là toàn đức (Phước Huệ Song

Tu).

Ấy là xýng tụng công đức trì kinh hơn công đức bố thí.]

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều. Bởi có sao? Bởi phước đức ấy, chẳng phải phước đức tánh, cho nên Như Lai nói phước đức nhiều.

[Giảng:

Dùng bảy báu đầy tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, đặng phước tuy nhiều, nhưng không chút lợi ích chi cho tánh cả. Nương theo Ma-ha-Bát-Nhã ba-la-mật-đa mà tu hành khiến cho tự tánh chẳng đọa vào quả báo mới gọi là công đức tánh.

Lòng có năng sở là chẳng phải công đức tánh; Dứt lòng năng sở mới gọi là công đức tánh; Tuân theo giáo pháp của Phật, làm theo hạnh Phật, mới gọi là công đức tánh; Không tuân theo giáo-pháp của Phật, không làm theo hạnh của Phật là chẳng phải công đức tánh.]

Bằng có người thọ trì kinh này nhần đến tứ cú kệ lại vì người mà diễn thuyết thì phước này hơn phước đức kia.

[Ông Lục Tổ giải nghĩa của Tứ cú kệ:





1. Ma-ha-Bát-Nhã ba-la-mật-đa

2. Ngã nhọn chóng dứt, vọng tưởng mau trừ, dứt lời liền thành Phật.]

Bởi có sao? Nay Tu Bồ Đề! Cả thầy chư Phật với pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật đều do kinh này mà ra.

Nay Tu Bồ Đề, gọi là Phật pháp ấy, nhưng chẳng phải Phật Pháp.

[Giảng:

Như Lai nói Phật khiến cho người giác, nói Pháp khiến cho người ngộ. Bằng không giác ngộ, còn chấp Phật-pháp ở ngoài, thì không phải là Phật Pháp.]

Một Tướng Không Tướng:

- Nay Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Tu Đà Hoàn có tướng như vậy: Tướng mình dạng quả Tu Đà Hoàn chẳng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, không thể dạng! Bởi có sao? Bởi Tu Đà Hoàn kêu là quả Nhập Lưu, nhưng không chỗ nhiễm là: Nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên gọi là Tu Đà Hoàn.

- Tu Bồ Đề, Ý ông thế nào? Tu Đà Hàm có tướng như vậy: Tướng mình dạng quả Tu Đà Hàm chẳng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, không thể dạng. Bởi có sao? Bởi Tu Đà Hàm kêu là quả Nhứt Vãng Lai, nhưng thiết không có cái tướng vãng lai, nên gọi là Tu Đà Hàm

[Giảng:

Tu đà hàm kêu là quả Nhất Vãng Lai, là sanh về cõi trời, rồi phải sanh xuống cõi người, chừng chết ở cõi người lại sanh về cõi trời.

Cõi Dục giới có chín điều tư hoặc (lầm tưởng) đã dứt dạng sáu điều, nên nói quả Tu Đà Hàm.

Bậc Đại Thừa Tu Đà Hàm, mắt thấy các cảnh, lòng còn có một lần sanh diệt, chớ không có hai lần, cho nên nói quả Nhất Vãng Lai.]

Nay Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? A Na Hàm có tướng như vậy: Tướng mình dạng quả A Na Hàm chẳng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, không thể dạng. Bởi có sao? Bởi A Na Hàm kêu là quả Bất Lai, nhưng không chấp cái tướng Bất Lai, nên gọi là A Na Hàm.

- Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? A La Hán có tướng như vậy: Tướng mình dạng đạo A La Hán chẳng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, không thể dạng. Bởi có sao? Bởi thiết không có pháp chi mà kêu là A La Hán cả.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu A La Hán mà có tướng như vậy: Tướng mình dạng đạo A La Hán, tức là trước tướng: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Bạch Đức Thế Tôn, Phật nói con là người dạng pháp vô - tranh tam muội, thiết đúng bậc nhất, mà cũng là bậc ly dục A La Hán thứ nhất nữa.

Bạch Đức Thế Tôn, con chẳng tưởng như vậy, con mới phải bậc ly-dục A La Hán.

[Giảng:

Tam muội là chánh thọ hay là chánh kiến: Lia khỏi 95 thứ tà kiến là chánh kiến.]

Bạch Đức Thế Tôn, bằng con có tướng như vậy: Con dạng đạo A La Hán, thì Đức Thế Tôn chẳng có nói Tu Bồ Đề này ưa làm theo hạnh A-Lan-Na. Bởi Tu Bồ Đề này, thiết không có làm cái chi, nên mới gọi là Tu Bồ Đề ưa làm theo hạnh A-Lan-Na cho.

Trang Nghiêm Tịnh Độ:

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Ý ông thế nào? Như Lai, thưở trước ở chỗ Phật Nhiên Đăng; Pháp, có chỗ chi dạng chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, không. Như Lai khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thiết không có chỗ chi dạng pháp cả.

[Giảng:

Phật Nhiên Đăng là thầy thọ ký của Phật Thích Ca Mâu Ni, nên mới có câu hỏi ông Tu Bồ Đề: Khi ta ở chỗ thầy ta mà nghe pháp, vậy có pháp chi dạng chẳng?

Ông Tu Bồ Đề vẫn biết cái pháp là nhờ thầy chỉ dạy, nhưng thiết không có chi mà dạng; Chi tỏ tự tánh nguyên-lai là thanh tịnh, vốn không một mây trần lao, vắng lặng mà thường Quang Chiếu ắt tu thành Phật. Cho nên biết Đức Thế Tôn khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, pháp thiết không có chi mà dạng cả.]

- Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm Phật-độ chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, không.

Bởi có sao? Bởi trang nghiêm Phật-độ, nhưng chẳng phải là trang nghiêm, chỉ cưỡng danh là trang nghiêm.

- Bởi vậy, nay Tu Bồ Đề. Các đại Bồ Tát nên sanh tâm thanh tịnh như vậy; Chẳng nên sanh tâm trụ sắc, chẳng nên sanh tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp; Nên sanh tâm không chỗ chi trụ.

[Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Lục Tổ vừa đến câu: Nên sanh tâm không chỗ chi trụ;

Dứt lời Lục Tổ liền tỏ ngộ mà nói:

Nào dè Tự Tánh vốn là Thanh Tịnh

Nào dè Tự Tánh vốn không sanh diệt





Nào dè Tự Tánh vốn đã sẵn đủ
 Nào dè Tự Tánh vốn không lay động
 Ngũ Tổ nói: Chẳng biết bốn tâm học đạo vô ích, bằng
 dứt lời mà biết đặng bốn tâm, thấy đặng tự tánh, tức là bực
 Thiên Nhân Sư Trượng Phu vậy]

- Tu Bồ Đề! Ví như có người, thân bằng núi chúa Tu-
 Di, ý ông thế nào? Thân ấy có lớn chăng?
 Tu Bồ Đề bạch Phật:
 - Bạch Đức Thế Tôn, rất lớn.
 Bởi cơ sao? Bởi Phật nói chẳng phải thân, mới gọi là
 thân lớn.

Vô Vi Phước Lớn:

- Này Tu Bồ Đề, như dùng số cát trong sông Hằng mà
 ví dụ có những số sông Hằng khác nhiều bằng số cát như vậy. Ý
 ông thế nào? Số cát của những sông Hằng ấy, sao? Có nhiều
 chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều. Những sông hằng còn
 nhiều vô số thay, huống chi là cát!

- Này Tu Bồ Đề! Nay ta bảo thật ngươi, nếu có trai
 lành, gái tín nào, dùng bảy báu đầy cả hằng hà sa-số tam-thiên
 đại-thiên thế giới ấy, đem ra mà bố thí, có đặng phước nhiều
 chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều.

- Phật bảo Tu Bồ Đề: Bằng trai lành, gái tín nào thọ trì
 theo trong kinh này cho đến những tứ cú kệ và diễn thuyết lại
 cho người khác, thì phước đức ấy hơn phước đức trước kia.

Tôn Trọng Lý Chánh:

Lại nói tiếp:

- Này Tu Bồ Đề! Chỗ nào có tứ cú kệ, phải biết chỗ ấy,
 cả thầy thế gian: Thiên, Nhơn, A Tu La, đều nên cúng dường,
 cũng như tháp chùa của Phật vậy.

[Giảng:

Tùy chỗ nào có người tụng, thì nên giảng kinh này,
 thường phải giữ lòng không sợ hãi, ở trong thân ấy hiện toàn
 thân Xá Lợi của Như Lai, cho nên nói như chỗ tháp miếu của
 Phật.

Lòng thanh tịnh mà nói kinh này, khiến cho thính giả
 trừ lòng mê vọng, tỏ ngộ bốn lai Phật tánh, thường hay giữ sự

chơn thiết thì cảm phục đến thiên, nhơn, A tu la, nhơn phi nhơn,
 các đạo cũng đều đến cúng dường người trì kinh ấy.]

Huống chi, là người thọ-trì đọc tụng toàn cả kinh này!
 Tu Bồ Đề! Phải biết người ấy thành tựu được cái pháp tối
 thượng đệ nhất ít có. Bằng như chỗ nào có kinh điển này, tức có
 Phật, hoặc như bực đệ-tử tôn trọng vậy.

[Giảng:

Tự tâm đọc tụng đặng kinh này, tự tâm rõ đặng kinh
 này, tự tâm thể đặng cái lý không chấp trước, tuy ở chỗ nào cũng
 thường tu theo hạnh Phật, thì tự tâm tức là Phật. Cho nên nói: Ở
 các chỗ ấy tức là có Phật.]

Thọ Trì Theo Pháp:

Khi ấy Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên chi? Chúng
 con phải phụng trì thế nào?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Kinh này đặt tên là: Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.

Ông nên dùng nghĩa của danh tự ấy mà phụng trì.

Sở dĩ sao? Này Tu Bồ Đề! Phật nói Bát Nhã Ba La
 Mật, nhưng chẳng phải là Bát Nhã Ba La Mật, chỉ cường danh là
 Bát Nhã Ba La Mật.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có chỗ chỉ
 thuyết pháp chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai không có chỗ chỉ thuyết
 pháp cả.

- Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Trong tam thiên đại thiên
 thế giới có những vi trần, vậy là nhiều chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều.

- Tu Bồ Đề, những vi trần, Như Lai nói chẳng phải vi
 trần chỉ cường danh là vi trần. Như Lai nói thế giới, cũng chẳng
 phải thế giới, chỉ cường danh là thế giới.

Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Nên dùng ba mươi hai tướng
 mà cho là Như Lai chăng?

- Bạch Đức Thế Tôn; Không. Chẳng nên dùng ba
 mươi hai tướng mà cho là Như Lai.

Bởi cơ sao? Bởi Như Lai nói ba mươi hai tướng,
 nhưng chẳng phải tướng, chỉ cường danh là ba mươi hai tướng.

- Tu Bồ Đề, bằng có trai lành gái tín nào đem thân
 mạng bằng như số cát sông Hằng mà bố thí...





Nếu lại có người giữ theo trong kinh này mà thọ trì cho đến những tứ cú kệ và diễn thuyết lại cho người khác, thì đáng phước rất nhiều.

Lia tướng Vắng Lặng:

Khi ấy, Tu Bồ Đề nghe nói kinh này, tỏ ngộ cái nghĩa sâu xa, nên sa nước mắt, than khóc mà bạch Phật rằng:

- Như Đức Thế Tôn ít có ! Phật nói kinh điển rất sâu xa đường ấy. Tôi từ khi đăng huệ nhãn đến nay, chưa từng đăng nghe kinh như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn: Nếu lại có người nghe đăng kinh này, mà lòng tin thanh tịnh, bèn sanh thiết tướng, phải biết người ấy thành tựu cái công đức thứ nhất ít có.

Bạch Thế Tôn, thiết tướng ấy, nhưng chẳng phải tướng, cho nên Như Lai nói: Cường danh là thiết tướng.

Bạch Đức Thế Tôn, con nay đăng nghe kinh điển như vậy, tin hiểu mà thọ trì, chẳng đủ là khó.

Nếu qua đến đời vị lai, sau năm trăm năm sau, có chúng sanh đăng nghe kinh này, tin, hiểu, mà thọ trì, thì người ấy thật là đệ nhất ít có.

Bởi có sao? Bởi người ấy, không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng.

Sở dĩ sao? Ngã tướng, tức chẳng phải tướng, mà nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng cũng tức là chẳng phải tướng

Bởi có sao? Lia cả thầy tướng, tức là chư Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Như vậy, như vậy.

Lại như có người đăng nghe kinh này, chẳng ngại, chẳng sợ, chẳng nhút nhát, phải biết người ấy rất là ít có.

Bởi có sao? Này Tu Bồ Đề! Như Lai nói ba-la-mật thứ nhất (Bát Nhã Ba La Mật), nhưng chẳng phải ba-la-mật thứ nhất, chỉ cường danh là ba-la-mật thứ nhất.

Tu Bồ Đề, Nhẫn Nhục ba-la-mật, Như Lai nói chẳng phải nhẫn nhục ba-la-mật, chỉ cường danh là nhẫn nhục ba-la-mật.

Bởi có sao? Này Tu Bồ Đề, như ta thường trước bị vua Ca-Lợi cắt đứt thân thể, trong khi ấy, ta không ngã tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng.

[Giải:

Ca Lợi Vương là vua vô đạo cực ác.

Thế là đời.

Trong nhân duyên 500 đời của Như Lai tu hành pháp nhẫn nhục Ba-la-mật, mới đăng bốn tướng chẳng sanh.]

- Bởi có sao? Hồi thuở trước, khi ta bị rã rời xương thịt, nếu ta có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phải sanh lòng hờn giận.

Tu Bồ Đề, lại nhớ đến 500 đời về trước, ta làm vị Tiên nhãn nhục, trong cái đời ấy, không ngã tướng, không nhơn tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng.

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên lia cả thầy tướng, mà phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Chẳng nên sanh tâm trụ sắc, chẳng nên sanh tâm trụ thính, hương, vị, xúc, pháp. Nên sanh tâm không có chỗ trụ.

Bằng tâm có trụ, tức chẳng phải trụ.

Cho nên, Phật nói tâm của Bồ Tát chẳng nên trụ sắc mà bỏ thí.

Tu Bồ Đề, Bồ Tát vì lợi ích cho cả thầy chúng sanh, nên phải bỏ thí như vậy.

[Giải:

Bồ Tát chẳng phải vì tự mình vọng cầu ngũ dục đăng khoái lạc mà bỏ thí. Chỉ vì trong thì phá lòng kiên tham, ngoài thì lợi ích cho cả thầy chúng sanh mà bỏ thí.]

- Như Lai nói cả thầy tướng, tức là chẳng phải tướng; Lại nói: cả thầy chúng sanh, tức là chẳng phải chúng sanh.

[Giải:

Như Lai nói những tướng ngã nhơn, nhưng rốt lại rồi cũng phải phá hoại, là bởi chẳng phải tướng chơn thiết. Cả thầy chúng sanh đều là giả danh, nếu lia vọng tâm, thì chúng sanh cũng không có. Cho nên nói chẳng phải chúng sanh.]

- Tu Bồ Đề, Như Lai nói chơn chánh, nói chắc thiết, nói đúng lý, chẳng nói giả dối, chẳng nói lạ kỳ.

Tu Bồ Đề, Pháp của Như Lai, đăng pháp ấy, không thiết không hư.

[Giải:

Vô Thiết là pháp thể vắng lặng, không tướng chi mà đăng, Vô Hư là trong ấy có hà-sa tách đức dùng không hết]

- Tu Bồ Đề, nếu lòng của Bồ Tát còn chấp pháp mà làm việc bỏ thí, thì cũng như người vào chỗ tối, không thấy chi cả. Còn như lòng của Bồ Tát chẳng chấp pháp mà bỏ thí, thì cũng





như người đã có con mắt mà lại được ánh sáng chói rõ của mặt trời, thấy tất cả mọi việc.

Tu Bồ Đề, qua đời sau, nếu có trai lành gái tín nào giữ theo kinh này mà thọ trì đọc tụng, tức là Như Lai dùng trí huệ của Phật: Biết chắc người ấy, thấy chắc người ấy, thành tựu đặng cái công đức vô lượng vô biên.

Công Đức Trì Kinh:

- Tu Bồ Đề này! Như có trai lành, gái tín nào: Buổi mai dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bố thí,

Buổi trưa lại dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bố thí,

Buổi chiều lại dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bố thí.

Dùng thân mạng mà bố thí vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp như vậy...

Bằng lại có người nghe kinh điển này, lòng tin chẳng trái, thì phước đức ấy hơn phước đức bố thí kia. Huống chỉ là biên tả, thọ trì, đọc tụng, và vì người mà giải thuyết!?

Tu Bồ Đề, Nói tóm lại, thì kinh này có cái công đức vô biên, không thể bàn nghĩ đặng, không thể cân lường đặng.

Như Lai vì phát khởi cho bậc đại thừa mà nói, vì phát khởi cho bậc tối thượng thừa mà nói.

Bằng có người hay thọ trì đọc tụng kinh này và diễn thuyết rộng khắp ra cho người khác, thì Như Lai đều biết cho người ấy, đều thấy cho người ấy, thành tựu đặng cái công đức vô lượng, vô số, vô biên không nghĩ bàn đặng. Những hạng người như thế mới gánh vác nổi các đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai.

Bởi có sao? Này Tu Bồ Đề, bằng ưa theo tiểu pháp, thì còn chấp trước về ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thì đối với kinh này, không hiểu thấu, không thọ trì, không đọc tụng, và cũng không vì người mà giải thuyết đặng.

Tu Bồ Đề, nơi nào, chốn nào, bằng có kinh này, thì cả thầy thế gian: Thiên, Nhơn, A-tu-la đều nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy tức là bửu tháp, đều nên cung kính làm lễ chung quanh, cùng là dùng các món hương hoa mà rải khắp nơi ấy.

Thường Tịnh Tiêu Nghiệp:

Lại nói tiếp:

- Này Tu Bồ Đề! Nếu trai lành gái tín nào thọ trì, đọc tụng kinh này, mà bị chúng khinh dễ, là vì người ấy đời trước mắc tội nghiệp đáng lẽ bị đọa vào ác đạo, cho nên đời nay bị chúng khinh dễ, như vậy cái tội nghiệp đời trước mới là tiêu diệt, thì sẽ đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề, Ta nhớ đời quá khứ, kiếp vô lượng A-tăng-kỳ, trước Phật Nhiên Đăng, Ta đã có gặp đặng tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha chư Phật, ta thấy đều cúng dường thờ phụng chẳng có bỏ qua. Nếu lại có người sau đời mạt pháp hay thọ trì đọc tụng kinh này, chỗ đặng cái công đức sánh với công đức của Ta cúng dường chư Phật thì công đức của Ta không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần ức, cho đến cũng không bằng một phần thiệt nhỏ tột số không thể đếm tính ví dụ đặng.

Tu Bồ Đề, bằng có trai lành gái tín nào, sau đời mạt pháp thọ trì đọc tụng kinh này, chỗ đặng công đức... Nếu Ta nói cho hết, hoặc có người nghe, lòng bèn rối loạn, hồ nghi chẳng tin...

Tu Bồ Đề, phải biết nghĩa lý kinh này, không thể bàn nghĩ đặng và sự quả-báo kết quả cũng không thể bàn nghĩ đặng.

Ráo Rốt Không Ta:

Khi ấy, Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Như có trai lành gái tín nào phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên trụ thế nào? Nên hàng phục cái vọng tâm thế nào?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Nhý có trai lành gái tín nào phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì phải sanh tâm nhý vậy: “Ta phải diệt độ cả thầy chúng sanh, nhýng đã diệt độ cả thầy chúng sanh, mà không có một chúng sanh nào thiệt diệt độ cả.”

Bởi có sao? Này Tu Bồ Đề, Nếu Bồ Tát mà còn có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì chẳng phải là Bồ Tát.

Sở dĩ sao? Này Tu Bồ Đề, Thiệt không có pháp chi mà phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác cả.

[Giải:

Tu Bồ Đề hỏi Phật: Như Lai tịch diệt sau năm trăm năm sau, như có người phát tâm vô thượng, nên trụ thế nào, nên hàng phục cái vọng tâm thế nào?

Đáp: Phải phát tâm độ thoát cho cả thầy chúng sanh. Độ thoát cho cả thầy chúng sanh đặng thành Phật, nhưng chẳng nên thấy có một chúng sanh nào mà được độ thoát cả.

Bởi sao vậy? Là bởi trừ cái lòng năng sở, trừ cái lòng có chúng sanh, cũng trừ cái lòng ngã kiến nữa.]

- Tu Bồ Đề, ý người thế nào? Khi Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có pháp chi mà đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng?

Bạch Đức Thế Tôn: Không. Như tôi mà tỏ nghĩa của Phật nói thì thườ Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không có pháp

chi đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác cả.

[Giải: Phật bảo ông Tu Bồ Đề: ta ở chỗ sư ta, nếu không diệt trừ bốn tướng thì có





đặng thọ ký chẳng? Ông Tu Bồ Đề rất rõ cái lý không tướng cho nên nói : Không.]

Phật nói:

- Như vậy! Như vậy.

Tu Bồ Đề, thiết không có pháp chi mà Như Lai đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác cả.

Tu Bồ Đề! Bằng có pháp chi mà Như Lai đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác thì Phật Nhiên Đăng chẳng thọ ký cho ta: Người qua đời sau, sẽ đặng làm Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Bởi thiết chẳng có pháp chi mà đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, mà nói như vậy: Người qua đời sau, sẽ đặng làm Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni

Bởi có sao? Như Lai ấy là các pháp đều Như.

Nếu như có người nói Như Lai đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác...

Tu Bồ Đề này, thiết không có pháp chi Phật đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác cả.

Tu Bồ Đề này, Như Lai, đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, nơi trong ấy không thiết không hư.

Bởi vậy Như Lai nói cả thầy pháp đều là Phật pháp.

Tu Bồ Đề, Gọi là cả thầy pháp ấy, nhưng chẳng phải cả thầy pháp ấy, chỉ cường danh là cả thầy pháp.

Tu Bồ Đề, ví như thân người to lớn...

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, Nhý Lai nói thân ngời to lớn, nhýng chẳng phải thân lớn, mới là thân lớn.

- Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng nhý thế (thân lớn)

Nếu có nói lời này: “Ta phải diệt độ vô lượng chúng sanh”, thì chẳng gọi là Bồ Tát.

Bởi có sao? Nầy Tu Bồ Đề, thiết chẳng có pháp chi gọi là Bồ Tát cả

Bởi vậy, Phật nói cả thầy pháp không có tướng: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả

Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát có nói lời này: Ta phải trang nghiêm Phật Độ thì chẳng phải là Bồ Tát

Bởi có sao? Như Lai nói trang nghiêm Phật độ, nhưng chẳng phải trang nghiêm Phật độ, chỉ cường danh trang nghiêm.

Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát tỏ thấu pháp vô ngã, Như Lai mới gọi hẳn thiết là Bồ Tát.

Xem Đồng Một Thế:

- Nầy Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Như Lai có Nhục Nhân chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, thật vậy, Như Lai có Nhục Nhân.

- Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Như Lai có Thiên Nhân chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, thật vậy, Như Lai có Thiên Nhân.

- Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Như Lai có Huệ Nhân chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, thật vậy, Như Lai có Huệ Nhân.

- Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Như Lai có Pháp Nhân chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, thật vậy, Như Lai có Pháp Nhân.

- Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Như Lai có Phật Nhân chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, thật vậy, Như Lai có Phật Nhân.

- Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Như cát trong sông Hằng đó, Phật nói là cát chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, thật vậy, Như Lai nói là cát.

- Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Như dùng số cát trong một sông Hằng mà ví dụ có những sông Hằng khác bằng như số cát ấy, rồi có những thế giới Phật bằng số cát của những sông Hằng ấy, như thế, thật là nhiều chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều.

[Giải:

Sông Hằng là cái sông ở gần bên nhà tịnh xá, chỗ Kỳ Viên, nước Tây Vực.

Phật thuyết pháp, thường hay chỉ sông ấy mà ví dụ

Phật hỏi: Cát ở sông ấy, mỗi một hạt cát ví một thế giới Phật, như vậy nhiều chẳng? cho nên ông Tu Bồ Đề mới đáp: Bạch Đức Thế Tôn rất nhiều]

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Những chúng sanh trong bao nhiêu quốc độ ấy, có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai đều biết cả.

Bởi có sao? Như Lai nói cả thầy tâm, đều chẳng phải tâm, chỉ cường danh là tâm.

[Giải:

Trong quốc độ ấy, có những chúng sanh, cả thầy chúng sanh đều có bao nhiêu tâm sai biệt, số tâm tuy nhiều, nhưng tổng danh là vọng tâm. Biết vọng tâm chẳng phải tâm, nên nói : Chỉ cường danh là tâm.]

Sở dĩ sao? Tu Bồ Đề này:

Tâm quá khứ, không có chi mà đặng.

Tâm hiện tại, không có chi mà đặng.

Tâm vị lai, không có chi mà đặng.

Pháp Giới Khấp Độ:

- Nầy Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem ra mà bố thí, người ấy, dùng nhân duyên như thế, có đặng phước nhiều chẳng?

- Bạch Đức Thế Tôn, thật vậy, người ấy dùng nhân duyên như thế thì đặng phước rất nhiều.





- Tu Bồ Đề, nếu dùng phước đức hữu vi, thì Như Lai chẳng nóiặng phước đức nhiều. Dùng phước đức vô vi, Như Lai mới nói là đặng phước đức nhiều.

Lìa Sắc Lìa Tướng:

- Nầy Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Có nên dùng sắc thân cụ túc mà cho là Phật chăng?
- Bạch Đức Thế Tôn, không. Chẳng nên dùng sắc thân cụ túc mà cho là Như Lai đặng.

Bởi có sao? Như Lai nói sắc thân cụ túc, nhưng chẳng phải sắc thân cụ túc, chỉ cường danh là sắc thân cụ túc.

- Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Có nên dùng các tướng cụ túc mà cho là Như Lai chăng?

- Bạch Đức Thế Tôn, không. Chẳng nên dùng các tướng cụ túc mà cho là Như Lai đặng.

Bởi có sao? Bởi Như Lai nói các tướng cụ túc, nhưng chẳng phải là cụ túc, chỉ cường danh là các tướng cụ túc.

Thuyết Chẳng Phải Thuyết:

- Tu Bồ Đề, ông chớ có nói Như Lai có tướng như vậy: “Ta nên có chỗ thuyết pháp.” chớ tướng như thế.

Bởi có sao? Nếu ông mà nói Như Lai có thuyết pháp, tức là chê Phật, đâu có tỏ nghĩa của ta đặng.

Tu Bồ Đề, thuyết pháp đó, không có pháp chi mà thuyết, chỉ cường danh là thuyết pháp vậy thôi.

Khi ấy, Huệ mạng Tu Bồ Đề bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, có những chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này, có sanh lòng tin chăng?

Phật nói:

- Tu Bồ Đề, Nó chẳng phải chúng sanh, nhưng chẳng phải không phải là chúng sanh. Bởi có sao? Nầy Tu Bồ Đề, chúng sanh, chúng sanh ấy, Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, chỉ cường danh là chúng sanh.

Không Pháp Chi Đặng:

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, Phật đặng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác là không có chỗ chi đặng sao?

Phật nói:

- Thật vậy, thật vậy. Nầy Tu Bồ Đề, Ta đối với đạo Vô Thượng Chánh Đẳng chánh giác, cho đến không có một chút pháp gì mà gọi là đặng; Ấy mới gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tịnh Tâm Làm Lành:

Lại nói tiếp:

- Nầy Tu Bồ Đề, Pháp vốn bình đẳng, không có cao thấp, mới gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bởi không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả

Tu cả thầy pháp lành, tức đặng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

Tu Bồ Đề, gọi là pháp lành ấy, Như Lai nói chẳng phải pháp lành, chỉ cường danh là pháp lành.

Phước Trí Không Sánh:

- Nầy Tu Bồ Đề, Như trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới, có những Tu-Di sơn vương, nếu có người góp cả bảy báu lại bằng như thế, dùng mà bố thí...

Bằng có người dùng kinh Bát Nhã ba-la-mật này, cho đến những tứ cú kệ, mà thọ trì đọc tụng và vì người khác mà diễn thuyết, thì phước đức trước kia không bằng một phần trăm, ngàn, muôn, ức, cho đến cũng không bằng một phần thiệt nhỏ tột số không thể mà đếm tính thí dụ đặng.

Hóa Không Chỗ Hóa:

- Nầy Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Các ông chớ nói Như Lai có tướng như vậy: “Ta phải độ chúng sanh.”

Tu Bồ Đề, chớ tướng như vậy. Bởi có sao? Bởi thiệt không có chúng sanh nào mà Như Lai độ cả.

Nếu có chúng sanh nào mà Như Lai có độ, tức là Như Lai có tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả

Tu Bồ Đề, Như Lai nói có ta ấy, nhưng chẳng phải là có ta, mà kẻ phạm phu lại cho là có ta.

Tu Bồ Đề, phạm phu ấy, Như Lai nói chẳng phạm phu, chỉ cường danh là phạm phu.

Pháp Thân Không Tướng:

- Nầy Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Có nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Thiệt vậy, thiệt vậy. Cũng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai.

Phật bảo: Tu Bồ Đề, nếu dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai?



Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn, như con mà tỏ cái nghĩa của Phật nói, thì chẳng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai.



Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn kệ rằng:

**Bằng dùng sắc gọi ta
Âm điệu nhận rằng ta
Làm vậy là tà đạo
Hắn không thấy Như Lai**

[Giải:

Lòng đại bi của Thế Tôn e cái bịnh chấp tướng của Tu Bồ Đề còn chưa dứt nên hỏi lời ấy. Tu Bồ Đề chưa hiểu ý Phật nên mới nói: như vậy như vậy, thì trước đã mê, rồi lại nói dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai thì lại càng mê, lia chơn tánh càng xa, nên Như Lai mới thuyết phá lòng mê rằng: Nếu dùng 32 tướng mà cho là Như Lai, thì vua Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao? Chuyển Luân Thánh Vương tuy có 32 tướng nhưng không đồng với Như Lai đặng.

Thế Tôn dẫn lời ấy, đặt trừ bịnh chấp trước cho ông Tu Bồ Đề, khiến cho tỏ ngộ được thâm thâu.

Tu Bồ Đề bị hỏi, lòng mê liền hết, nên nói: Như con biết dạng nghĩa của Phật thì chẳng nên dùng 32 tướng mà cho là Như Lai.

Tu Bồ Đề là bậc Đại A La Hán, nên ngộ đã thâm, đặt pháp môn phương tiện, không bị lạc vào nẻo mê, xin Đức Thế Tôn trừ dứt sự tế-hoặc đặt cho chúng sanh đi sau khỏi lầm.]

Không Đoạn Không Diệt:

- Này Tu Bồ Đề, bằng ông có tướng như vậy: Như Lai chẳng dùng tướng cụ túc mà đặt đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề, chớ tướng như vậy. Như Lai há chẳng dùng tướng cụ túc mà đặt đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề, bằng ông tướng như vậy: Phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy, mà nói các pháp đoạn diệt. Chớ tướng như vậy. Bởi có sao? Bởi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy, theo pháp, chẳng nên nói cái tướng đoạn diệt.

Không Nhiễm Không Tham:

- Này Tu Bồ Đề, nếu có Bồ Tát dùng bảy báu đầy cả hằng hà sa số thế giới, đem ra mà bố thí.

Bằng lại có người biết cả thầy pháp Vô Ngã mà thành tựu đặng cái pháp nhẫn, thì Bồ Tát này, chỗ đặt phước đức nhiều hơn Bồ Tát kia.



Bởi có sao? Này Tu Bồ Đề, Bởi các Bồ Tát ấy chẳng chịu phước đức.

[Giải:

Thông đạt cả thầy pháp, không lòng năng sở, ấy gọi là nhẫn địa. Cái người ấy đặt phước đức hơn phước đức bảy báu kia.]

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là Bồ tát chẳng chịu phước đức?

- Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm phước đức, chẳng nên tham chấp, nên mới gọi là chẳng chịu phước đức.

Oai Nghi Vắng Lặng:

- Này Tu Bồ Đề, nếu có người nói Nhý Lai hoặc tới, hoặc lui, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy chẳng rõ cái nghĩa lý của ta nói.

Bởi có sao? Như Lai ấy, là không phải từ đâu mà tới, cũng không phải từ đâu mà lui, nên gọi là Như Lai.

Lý Tướng Nhất Hiệp:

- Này Tu Bồ Đề, bằng có trai lành gái tín dùng tam thiên đại thiên thế giới, đập nát ra làm vi trần... Ý ông thế nào? Những vi trần ấy, là nhiều chẳng?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều.

Bởi có sao? Nếu những vi trần ấy là thật có, thì Phật chẳng gọi là vi trần. Sở dĩ sao? Bởi Phật nói những vi trần, nhưng chẳng phải là vi trần, chỉ cường danh là vi trần.

Bạch Đức Thế Tôn, còn Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới, nhưng chẳng phải tam thiên đại thiên, chỉ cường danh là thế giới.

Bởi có sao? Nếu thế giới mà thiệt có, thì tức là tướng nhất hiệp.

Như Lai nói tướng nhất hiệp, nhưng chẳng phải tướng nhất hiệp, chỉ cường danh là tướng nhất hiệp.

- Tu Bồ Đề, tướng nhất hiệp ấy, nói chẳng đặng.

Chỉ vì kẻ phạm phu hay tham chấp sự tướng !

[Giải:

Nhứt hiệp tướng là mất thấy sắc thì mến, nên hiệp với thính, tai nghe thính thì mê, nên hiệp với thính, v.v... Khi lục trần tan hết, tức là chơn thế giới. Hiệp lại, ấy là phạm phu, còn tan ra ấy chẳng phải là phạm phu.

Phạm phu đối với cả thầy pháp đều hiệp. Bồ Tát đối với cả thầy đều chẳng hiệp.

Bởi có sao? Bởi hiệp thì còn trói buộc, nên khởi ra sanh diệt, còn tan thì đặng giải thoát, nên không có sanh diệt. Nếu còn bị trói buộc trong





đường sanh diệt, ấy là phàm phu. Bởi vậy trong kinh nói: Chỉ có phàm phu mới tham chấp sự tướng.]

Thấy Biết Không Sanh:

- Này Tu Bồ Đề, bằng có người nào nói Phật nói : ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ Đề, ý ông thế nào? Người ấy có tỏ nghĩa lý của Ta nói không?

- Bạch Đức Thế Tôn, không. Người ấy không tỏ được nghĩa lý của Phật nói.

Bởi cố sao? Bởi Phật nói: ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, nhưng chẳng phải ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, chỉ cường danh là ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến vậy thôi.

- Tu Bồ Đề, Phật lòng vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì cả thấy pháp, phải biết như vậy, phải thấy như vậy, phải tin rõ như vậy: Là chẳng sanh pháp tướng!

Tu Bồ Đề này, sự nói pháp tướng đó, Như Lai nói chẳng phải pháp tướng, chỉ cường danh là pháp tướng.



Ứng Hóa Không Thiệt:

- Này Tu Bồ Đề, bằng có người nào dùng bảy báu đầy vô lượng vô số thế giới đem ra mà bố thí... Bằng lại có trai lành, gái tín nào phát tâm bồ đề, giữ theo kinh này và những tứ cú kệ, mà thọ trì đọc tụng, rồi diễn thuyết lại cho người khác thì phước đức này hơn phước đức kia.

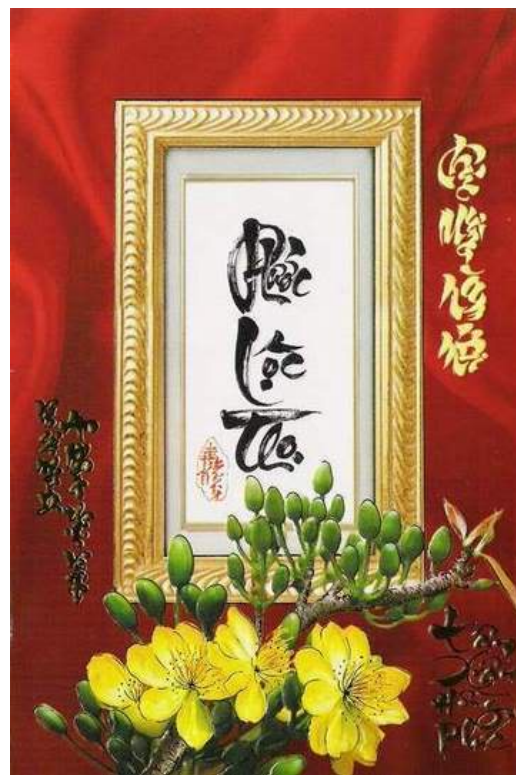
Còn thế nào là vì người mà diễn thuyết?
Không chấp tướng, như như chẳng động
Bởi cố sao?

*Những pháp hữu vi ấy
Như chiêm bao, huyễn mị
Bọt bão, bóng, chớp, mù
Đều nên tưởng như vậy*

Phật nói kinh này rồi, trưởng lão Tu Bồ Đề cùng Tăng, Ni, thiện nam, tín nữ, cả thấy thế gian: Thiên, Nhơn, A Tu La, nghe cái thuyết của Phật, đều rất hoan hỷ, tin chịu, phụng hành.

Hết

Cư Sĩ Thiện Quang đánh máy và chuyển tải chữ sang
hệ thống mạng Internet- Dec 2000
Sửa chữa lần 3 (2002)





Hotmail story

Silicon Valley Resident ghi lại

Quả là danh bất hư truyền. Hiện nay trên thế giới hầu như có trên 22 triệu người sử dụng hộp thư điện tử email của Microsoft Company trong phần Internet Explorer, mà ai ai cũng biết danh, chúng ta gọi là "HotMail".. Ai ai cũng thích danh từ: "Hot Meal" (thức ăn nóng hổi vừa thổi vừa ăn), dĩ nhiên ngon lành hơn "Cool Meal" (thức ăn nguội ngắt). Khi nhóm Internet Explorer tung ra thị trường vì tính computer thì công ty Microsoft của Bill Gates từ hạng 5 nhảy lên hạng nhất rồi. Trước đó thì Microsoft phải nhường bước cho sự tổ sáng chế phần vụ Internet hay gọi là www (nghĩa là World Wide Web) mà ta gọi là: "Netscape". Netscape vang danh thiên hạ nhờ phần gửi thư điện tử email rất dễ dàng.

Rồi vật đổi sao dời Microsoft nhào lên thị trường mà dịch vụ thu hoạch hàng năm về phần này lên đến cả chục tỉ USD... Làm trùn những hạt kim cương lóng lánh, hãng De Beers tại Nam Phi số thu hoạch hàng năm vẫn còn là một con số khiêm nhường, rất tốn công đào mỏ, rồi cắt gọt, rồi đánh bóng.... Nhiều khi thị trường bị đứng lại rồi nhiều mỏ khai ra của nhiều tư nhân tại Brazil, Peru, Siberia Nga, Indonesia v.v... Làm trùn sản xuất xăng dầu hiện nay là BP, cái mà dân Việt Nam gọi là British Petroleum mà hiện nay đây Công ty nhận hiệu con số Shell sang một bên, một góc vách tường, lợi tức cũng không dễ dàng như vậy.

Khi Internet Explorer của Microsoft tung ra chương độ địa mang tên là "HotMail", thì quần hùng đều kinh ngạc. Thư điện tử mang danh "HotMail" này quả là tuyệt chiêu, thiên hạ vô địch.

Bill Gates lúc đó đang sầu lo vì trên giang hồ có nhiều tay quá mạnh về công phu và chương lực như Yahoo, AOL (American Online), Netscape, Oracle, Linux và tại Đại Hàn, Tokyo, Singapore, Paris nữa và nữa... Họ ra đời lâu hơn mình, thiên hạ ai ai cũng nể phục còn mình thiên hạ chỉ nể phục về phần mềm Window mà thôi. Khi mình mới nhảy vào thị trường vô tận Internet thì bị thiên hạ xúm nhau thừa kiện rồi. Mà quan tòa tại Washington DC đang có mỗi không ưa bản mặt mình. Bạn bè mình nói không phải tại Explorer mà tại mình giàu quá. Rồi còn màn dịch vụ thư điện tử eMail của mình bị thiên hạ complain quá nhiều đến nỗi quá tải. Nhóm "technical support" của ban Department Service trong công ty Microsoft ngày đêm ăn ngủ không yên vì phần email của mình không ngon có nhiều lỗi hỏng.

Nhiều khi chạy email thì bị "hang" (bị treo giò) ngang xương. Phần "encryption" (chuyển mã font) hay bị xáo. Bill Gates nhiều khi ngao ngán mình cho không (free) phần dịch vụ Internet gọi là Explorer cho thiên hạ mà vẫn chưa yên. Mặc

dầu Netscape 4.0 đang tính tiền thiên hạ mà thiên hạ vẫn khoái. Mình nghe tại Việt Nam Netscape 3.0 dân Việt đang surf web loại này vẫn còn linh nghiệm còn mình tung Explorer thì bị dân Việt gửi thư than phiền là "thư đọc không được" vì font chuyển mã không chịu làm việc trong phần View không làm việc với thứ chữ vừa viết theo kiểu alphabet mà lại có dấu nữa.

Nhưng khi bảo kiểm "HotMail" ra đời thì tung hoành thiên hạ. Thiên hạ vô lâm bị chấn thương trầm trọng. Rồi nhiều tay "Tin tặc" Hacker trên quả địa cầu rỗng tung vì trùng virus mà giết cho bằng được HotMail cũng chưa thành công phỉ chí cho tụi nó.

Vậy "HotMail" quả là bảo kiểm thống trị giang hồ. Vậy HotMail là gì mà hay quá vậy?

Anh chàng da đen thui, người Ấn Độ mang tên khó đọc "Sabeer Bhatia" anh từ phi cơ 747 Air India, bay ngót 22 tiếng đồng hồ, đáp xuống phi trường quốc tế Tom Bradley tại Los Angeles, California. Tưởng mọi người tung hô khi anh đáp xuống xứ lạ này nhưng tại sao thiên hạ vô tình với mình quá vậy? Hành lý của anh nhẹ hều trong đó có vài bộ áo quần cho hợp thời trang Tây Phương. Chớ tại Calcutta anh dùng nhất bộ nhất phẩm là xà rồng quanh năm màu trắng mà vẫn thấy vẫn mình như thường. Còn tại đây, cả vật và bộ veste nhạt màu làm anh đỏ mặt hời, mặc dầu người Mỹ nói rằng vừa vào mùa Thu.

Anh khát nước, nhưng anh thấy góc tường có một thùng Mỹ đang đá ỳnh ỳnh vào cái máy bán nước ngọt rồi nó chười là "đồ ăn cướp tiền của tao". Máy bán nước ngọt Coca Cola có 3 cái góc tường, một cái đang bị đá ỳnh ỳnh còn cái kia tắt điện cái kia có điện sáng chói... nhưng anh Sabeer Bhatia đâu dám thọt giấy bill 100 đô của anh mà mua nước lỡ máy nó giựt luôn... thì biết ai mà thừa kiện? Trong túi anh chỉ có duy nhất giấy 100 bill dolar này và tờ giấy nhập học "không phải trả tiền học phí" mà cha mẹ anh gọi là "scholarship" của trường U.C.L.A cho anh học 2 năm mà thôi. Ngày mà anh đáp xuống phi trường Los Angeles, mọi chuyện bở ngỡ hết. Ngày đó là ngày 23 tháng 9 năm 1989. Anh vừa đúng 19 tuổi 3 tuần.

Anh vào học được 2 năm thì xong rồi, nhưng còn 2 năm để lấy bằng Bachelor Science thì cần thêm 2 năm mới được. Môn mới ra đời là "Computer Science" rất ít người học, thầy giáo thì dạy đặng trời học trò hiểu đặng nẻo. Anh đành phải làm giấy tờ loan tiền học phí mà học cho xong. Chớ bằng kỹ sư vì tính Computer nửa vời 2 năm thì ai dám mượn? Phải 4 năm mới được chớ? Nhưng vì anh không phải là cư dân Resident tại California, anh mang quốc tịch Cộng Hòa Ấn Độ mà. Như vậy tiền học phí phải đắt gấp 2 lần cho sinh viên ngoại quốc như anh mới được. Anh thăm nghĩ như vậy tại Mỹ nó cho mình tay mặt rồi lấy lại tay trái rồi. Như





vậy nợ nần rồi ai trả đây? Họ nói ra trường rồi trả không sao. Nhưng ra trường mình đâu có muốn ở tại đây? Mình được người cậu họ tại Bangalore Ấn hứa dẫn mình vào một hãng vì tính nổi tiếng của tụi IBM ngay trung tâm Thủ đô New Dehli rồi mà, nhưng nếu tính tiền nợ nần này và lương tại Ấn Độ thì mình trả đến 25 năm mới xong với điều kiện đừng lấy vợ. Lấy vợ có con thì không trả nổi đâu. Sao mà càng lúc càng thấy nguy quá vậy?

Bốn năm sau, Sabeer Bhatia tốt nghiệp hạng... không tốt, nghĩa là hạng C là quá may mắn rồi. Anh học được, nhưng vì tụi UCLA bắt mình lấy môn thể thao nhiệm ý, mình không biết chọn môn nào vì mình thích đá banh từ nhỏ tới lớn là nghề của chàng, còn đây tụi Mỹ nó không đá banh mà nó ôm banh chạy, rồi bị chặn giò giật banh lại rồi thổi còi tu huyết đếm lại. Mà ôm banh dành banh, rồi chạy, rồi bị chặn giò, rồi thổi còi tu huyết tụ lại, rồi ôm banh dành chạy... như vậy đâu phải thể thao? Họ cho mình vào môn thể thao nhiệm ý gọi là "foot ball" như vậy anh thua rồi. Môn này bị thua, nó làm anh hao điểm ra trường hết sức. Cộng tới lui anh được ra trường kỹ sư hạng C cũng là may lắm rồi. Nếu tốt thì bị rớt về môn Football này, đem về tổ quốc thì không vinh quang tí nào đâu.

Sau cùng mọi chuyện cũng xong. Ra trường. Anh và anh bạn Alvdor Bohita người Mỹ được hãng Apple mượn vào với lương vô cùng khiêm nhượng không dám khoe ai hết.

Thung lũng Silicon anh được nghe rất nhiều. Nơi này biến nhiều người lợ lem thành Hoàng hậu trong vòng một đêm, nhưng lợ lem là cô bé gái còn mình là anh chàng da đen thui nói tiếng Anh lú lo theo giọng Ấn độ, nhiều người bạn nói tại "mày ăn cà ri quá cay, nên cái lưỡi của mày nóng quá, nói lẹ tui tao nghe không kịp".

Sabeer Bhatia và Alvdor làm chung một hãng, cùng nhau chia tiền phòng 2 bedroom tại Thung lũng Silicon Valley. Tiền nhà ở đây họ tính cho toàn tụi tị phú mượn mà tụi mình ăn uống rất khiêm tốn. Né hầu hết những tiệm Seafood Restaurant của tụi Chinese tại Sanfrancisco, còn thằng bạn mình Alvdor thì khoái ra mặt món hamburger, nó nói món này ăn bỏ lăm, ai cũng thích hết. Còn mình không ăn được món này, vì mình trọng con bò mà. Ăn fried chicken một nghỉ luôn.

Hàng ngày tan sở thì thằng Mỹ nói luôn miệng là sẽ làm sao mà thoát khỏi kiếp nghèo này mới được. Chẳng lẽ mượn apartment trọn đời? Còn làm kỹ sư cho một hãng lớn vô cùng như Apple nhiều sao bác đầu quá. Thằng xếp của mình là Chief Engineer, nó là thằng Việt Nam. Nó thường khoe là ngày xưa nó từng đánh giầy tại Saigon, rồi nó chạy đại lên tàu chơi, nhưng không dè tàu không cho nó xuống mà sang Indonesia luôn. Nó phải làm lại từ đầu... Mình nghĩ cái thằng Việt Nam này sao mà xạo quá "nó có cái gì đâu mà làm lại từ đầu?"

Nhưng mình phải nể thôi, trong sở nó có nhiều bằng sáng chế mà người ta gọi là "patent". Nó treo nhiều bằng patents như vậy trên vách tường văn phòng của nó. Nó có thư ký tóc vàng làm việc cho nó, còn mình thì làm chung phòng với thằng bạn và hai

thằng Mỹ tóc đỏ khác. Nhà của thằng Việt Nam này đáng nể thật. Nó có lần tổ chức party mời cả Xếp Chứa hãng



Apple đến dự sinh nhật con thứ năm của nó, chỉ còn thiếu sư tử Apple là Steve Jobs là xong. Thằng Việt Nam này nói cái nhà nó mua rất rẻ nhờ thằng bán nhà Realtor cũng là thằng "boat people" quen trên tàu... chờ ngời lạ thì trên 800 cũng không được. Mình biếu quà cho nó mà nó đâu có vui vì trúng quà rồi. Cái áo da mình thêm lăm, nhưng mua cái áo da đẹp cho nó thì thua hẳn cái áo da của các người bạn trong sở khác nên nó đâu có vui vì trúng quà mà quà mình thì rẻ tiền mà! Xứ mình có ai mặc áo da đâu mà có kinh nghiệm toàn là ở trần quần xà rồng quanh năm suốt tháng trong nhà. Khi ra ngoài đường là mặc đại một cái áo vest dưới là xà rồng, thiên hạ cũng nể rồi. Đó là tại India. Còn về nhà, Santa Clara, California, về tổ ấm tạm thời thì thằng Mỹ Alvdor luôn luôn nói "mình phải giàu mới được" nghe riết hết muốn vô sở luôn.

Một hôm, mình nhớ khoảng tháng 12 năm 1995 thì thằng Mỹ gọi khẩn trong máy điện thoại là cần gấp mình gấp trong vòng 15 phút tại Mc Donald đường Euclid gần sở mới được. Bỏ sở, nói dỗi với Chief Engineer là thằng Việt Nam là mình "nhức đầu quá", nó OK. nhưng mình biết nó đâu có tin, nó còn nói nheo nheo "good luck". Bộ nó tưởng mình bỏ sở này nhảy sang sở khác sao? Kệ nó, nó nghĩ gì thì nghĩ mình phải theo thằng bạn luôn miệng nói "Mình phải làm giàu mới được".

Bạn mình Alsavador Bhoita có từng nói sẽ làm một hợp thư dành cho tụi web surfer, nghĩa là tụi chơi Internet mới được. Nhiều đêm nó bật đèn sáng trong phòng, ngồi ngồi viết viết, hút thuốc lá liên miên, đi tới đi lui trong phòng, lăm nhăm như thằng điên làm mình không ngủ được, bỏ nó ra mượn riêng thì đâu có tiền. Còn ở chung thì cứ nghe nó nói mình phải làm giàu mới được, rồi nửa đêm thức dậy, đi tới đi lui... như vậy là số Tử vi của mình đâu có may mắn đâu? Lo kiếm cơm chưa xong còn mong làm triệu phú nữa.

Gặp tại quán Mc Donald, nhìn nó ăn Hamburger mà thèm, còn mình ăn french fried uống coca ừng ực. Nó nói rồi mình bàn rồi phở lên đèn. Lúc đó tháng 12 cuối năm, trời mau tối lăm, ngoài đường thiên hạ đang nhộn nhịp mua quà Noel Christmas tấp nập. Không biết Noel năm nay mua quà loại gì cho thằng Chief Engineer Việt Nam này cho nó hài lòng?

Anh và Alsavador bàn kế hoạch cho eMail tương lai. Anh nói với Alsavador cần phải điều chỉnh vài phần command trong software này mới được. Và Sabeer Bhatia kết luận mình cần phải có ít nhất là "300 ngàn đồng" mới được. Sabeer và Alsavador sáng hôm sau phone vào Sở Apple Corp cho Chief Engineer là "vẫn còn bị bệnh" thì được thằng Việt Nam này cười khi khi "good luck"... Sao thằng Việt Nam này nó khôn quá vậy?

Hai người lái xe đi khắp nơi, từ Silicon Valley, đến Santa Clara, đến North San Jose, South San Jose, đến tận San Francisco... gõ cửa hơn 35 hãng chuyên về phần mềm nhưng chỉ được một đồng business cards của họ đem về nhà mà thôi. Họ nói món email này có nhiều người làm rồi, đâu cần nữa. Tụi Netscape làm email này từ lâu rồi còn Yahooh cho không, AOL (American On Line) cũng vậy.

Sau cùng hai người này gặp một tay chịu chơi tại Vùng Vịnh San Francisco Bay, hãng này nhỏ không lớn, chuyên về phần mềm. Chủ hãng là anh chàng Mỹ tóc vàng trẻ tuổi, anh tên Steve Juvetson. Anh này nghe hai người gần nửa buổi nhưng chưa chịu tâm phục khẩu phục ý kiến của mình. Sau cùng anh chịu cho mượn tiền 300 ngàn USD, nhưng phải chia cho hãng anh 30% thì mới OK. Hai người nản nỉ quá trời, thiếu điều muốn rớt nước mắt thì Steve Juvetson mới OK với 15%. Chủ công ty



bấm chuông gọi cô thư ký tóc vàng người New Jersey đem chút bánh sandwich ham mà ăn chơi, rồi luôn tiện ký giao kèo luôn tại chỗ cho gọn.

Cầm check hết sức bự là Pay to order "Mr. Sabeer Bahtia and Alsavador Bhatia" amount "\$300,000.00. Three hundred thousand dollars only" dưới là ký tên đọc không được đem về nhà.

Rồi sáng mai hai người làm bộ buồn rầu vào trình diện thẳng Vietnam, Chief Engineer là hai người muốn nghỉ sở một thời gian. Chief Engineer cười khi khi "Đó tui nói đâu có sai. Vậy tui mong hai người good luck nghen. Nhưng tôi hỏi thiệt tại nó muốn hai anh bao nhiêu tiền salary năm vậy? Hăng nào vậy? Sao mà hăng đó hay quá vậy?"

Thầy kế thẳng chief engineer nói móc gì thì nói miễn là Apple Corp trả đúng tiền lương đừng làm lộn là được rồi.

Hai người muốn một văn phòng rất nhỏ tại Freemont, cách sở độ 1 giờ 25 phút lái xe. Muốn tại Santa Clara đầu nổi giá tiền rent, đành chọn một nơi không nổi danh mà tìm danh vậy.

Hai người có gọi 15 nhân viên trong hãng Apple vào làm chung với hãng mới ra lò của hai người với điều kiện là được chia phần hùn bù lại sở không trả lương. Chịu không? Kết quả có 4 người trong hãng Apple đồng ý vác cuốc đi tìm vàng tương lai lời ăn lỗ chịu là nếu bù trượt lỗ sạt máu là vác bản mặt vào Đại Công ty đứng xếp hàng một nghỉ mà xin tiền Đại Công Ty này. Đó là Sở Welfare.

Đến tháng thứ 6 thì hai ông chủ bự hết sạch tiền, đành làm liều mà thôi. Nhóm anh có một công ty phần mềm tên là Dough Castile Company, tại Santa Clara, California muốn ứng cho tụi anh một số tiền nho nhỏ để được phần hùn lớn lớn. Hai anh không chịu đành phải làm liều là nhờ người làm giấy tờ loan một ngân hàng xa lạ là Shanghai Bank tại San Francisco với số tiền lời quá cao, muốn lời rẻ thì không ngân hàng nào cho mượn hết, họ đòi phải có giấy tờ 3 năm business thành công mới được. Sao mà tụi ngân hàng ngu quá vậy? Ba năm business thành công thì mượn làm cóc khô gì cho mệt? Sau cùng Shanghai Bank của tụi anh đồng ý cho mượn \$100 ngàn lầy lắt chờ sản phẩm Trí Tuệ chào đời trong tháng tới.

Hai người chọn một tên nghe nóng hổi cho sản phẩm trí tuệ của mình, vừa thôi vừa ăn là "HotMail".

Ngày lịch sử đã điểm, mang thai lâu ngày cách mấy rồi cũng phải sanh đẻ thôi. Ngày lịch sử đó là ngày "July 4th, 1996". Sở dĩ hai người chọn ngày này vì ngày này là Lễ Độc Lập ra đời của United States of America.

Phần mềm Email của hãng anh cái gọi là "HotMail" là một bước cách mạng. Ai ai sử dụng Internet cũng đều biết email là gì. Nhưng muốn được email thì phải đăng ký vào nhóm Inter-

net Providere Services gọi tắt là I.P.S thì họ mới cho một account mà có eMail, nghĩa là cần máy vi tính và dính liền với tụi IPS trọn đời, nếu không trả tiền hay nghỉ chơi với tụi IPS thì... thư email sẽ được vớt thùng rác. Cái khó cho email là phải về Sở hay về tận nhà mới đọc được email còn đi chơi hay vacation thì NO Mail. Còn nếu về đến sở hay nhà mở máy vi tính đọc eMail rất lâu và toàn loại email đọc xong muốn chửi thề. Toàn là người ta mời mua hàng, mua máy sấy tóc, mua máy giặt hay mua tờ báo lạ lùng. Cái bất tiện của eMail là ai muốn vào xả rác thì cứ tự tiện vì chủ hốt dùm rồi không hốt thì kẹt máy vi tính ráng chịu vì nó overload mà tụi IPS chỉ cho hộp thư eMail rất nhỏ, vài ba cái quảng cáo như máy giặt, máy cắt cỏ... là cứng thùng thư rồi. Muốn hộp thư eMail to rộng rãi thì mua account loại Gold hay Silver đi, trả thay vì mỗi tháng 20 đồng thì trả 100 đồng đi, sẽ được hộp thư lớn gấp 5 lần hộp thư cũ.

Đó là cái bất tiện của email. Còn HotMail của nhóm anh thì không bị kẹt IPS, đi vacation hay nằm nhà thương mà có computer thì có thể đọc thư email của mình dễ dàng. Lại có phần bảo động cho chủ biết là thư nào cần đọc chậm rãi, thư nào không cần đọc chỉ cần delete vào thùng rác hay để software delete của phần HotMail vào thẳng Trash bin cũng được. Hotmail của nhóm anh có thể chạy cho chương trình của tụi Netscape, tụi AOL, tụi Window Explorer cũng được mà không sợ hãi gì.

Sau đó nhóm của anh cho đăng trên báo Computer Readers Digest là HotMail cho không tính tiền, hộp thư Email này rộng rãi và chặn được tụi quảng cáo junkmail như quảng cáo máy giặt, máy cắt cỏ vv.vv.... có ai bao giờ mở máy email mà mua máy cắt cỏ hay máy sấy tóc không?

Tụi anh ban đầu có 100 khách hàng, sau đó lên 200... rồi lên đến 1000 người. Anh gửi thư Hotmail hỏi thân chủ là họ biết nhờ học lóm bạn bè và lại free không tốn tiền lại đọc thư chỗ nào cũng được không cần vào Sở gặp xếp đâu. Hãng nho nhỏ 6 người cộng lại được công ty Doug gọi ngày đêm, nhưng hai người từ chối khéo.

Lúc này hãng anh đã có 6 triệu khách hàng đăng ký rồi (lập lại, sáu triệu nhân khẩu).

Bạn anh là Alsavador lỡ đại gọi chơi chơi vào tụi Microsoft Corp thì được họ hân hoan trả lời. Họ cho 8 luật sư danh tiếng, tổng cộng là 16 người, gồm đàn bà chủ Departments, gồm đàn ông chủ Department Development Software của Microsoft từ Seattle, Washington State xuống công ty hai anh mà thăm viếng. Chẳng lẽ họ đòi thăm hai người tại Mc Donald. Thề là thiếu ghê. Họ tới thật đông, áo quần màu đen tuyền, xe limousin đen bóng. Tổng cộng 6 xe limousin cho 16 người đi gặp một hãng mới gồm chủ thợ tổng cộng 6 người. Một màn chia business cards ra, say thank you rồi mời ngồi. Họ chăm chú nghe Sabeer trình bày sơ đồ rồi bằng báo cáo. Họ không nói một lời.





Chi lắng nghe, có người đang thu băng lại về cho chủ bự hăng Microsoft nghe lại, có máy quay phim của đoàn Microsoft nữa. Sau cùng, Head Team of Transaction là Kirl Thompson, một người đứng tuổi, đẹp lão đứng lên cho biết ý định của hăng Microsoft "Chúng tôi hoàn toàn ngưỡng mộ những chuyện quý ông đã làm. Đây là một sự thành công vĩ đại cho công chúng ta. Thưa quý ông! Hăng chúng tôi đồng ý và xin mua đứt bản quyền sản phẩm HotMail của côngty quý ông với giá là Một trăm năm chục triệu dollars bằng tiền cash."

Nghe cú đánh đầu tiên thì 4 nhân viên trong hăng của hai người, những người chịu hy sinh bỏ sở Apple Corp mà vào ăn mì gói uống nước lạnh không lương vào hăng Sabeer, đều ồ khoái trá, hân hoan ra mặt.

Nhưng Sabeer Bhatia vẫn kèm xúc động giữ nguyên giá. Nguyên giá mà không một ai hiểu được ý tưởng của Sabeer ra con số bao nhiêu. Đoàn thương lượng Kirl Thompson lịch sự cúi chào 6 người rồi cùng toàn ban lên xe limousin ra phi trường San Jose ngay ngày hôm đó.

Qua ngày mai một điện thoại gọi từ Seattle, Cali đến cũng giọng của Kirl xin tăng giá lên "Xin quý công ty chấp thuận đề nghị của chúng tôi, Microsoft Corp với số tiền cash là hai trăm năm chục triệu dollars". Nghĩa là trong vòng 24 giờ công ty của hai người có thể "Make money" lên đến 100 triệu USD. Nhưng Sabeer nhả nhận từ chối.

Tuần sau họ được điện tín đánh vào HotMail của họ tại Freemont lúc 9 giờ đêm, cũng chữ ký của Kirl Thompson là: "Ông chủ xin hẹn hai người tại nhà riêng của ông chủ, Redmont, Washington State lúc sáng thứ hai. Chúng tôi sẽ đón hai người tại văn phòng của hai người tại Freemont, Cali lúc 8: 30 a.m."

Hai người đứng hẹn, ăn mặc cũng theo kiểu của họ là màu đen veston. Họ được limousin đón tại sở của họ đúng 8:30 A.M. sáng thứ hai.

Phi cơ rời phi trường San Jose đúng 9 giờ sáng Cali và đến Redmont trong vòng 35 phút sau đó. Nhà của Bill Gates quả là kỳ quan thiên hạ về cơ ngơi. Nhìn xuống mặt hồ nước màu xanh blue, sau lưng là cánh rừng thông và rừng phong maple lá vàng rực. Xa nữa là núi mờ xa...

Hai người được ăn sáng chung với Bill Gate, trong phần ăn uống điểm tâm, tuyệt đối Bill Gates không nói điều gì đến software HotMail mà Bill Gates chỉ nói chuyện các anh thích môn football của đội nào? Liệu năm nay đội Texas có thể thắng đội Illinois không? Dĩ nhiên hai anh chàng này, một anh thích ăn Taco một anh thích ăn Gà Chiên đa giòn dánh áp ứng bọc chuối.

Sau phần điểm tâm, thì Bill Gate lịch sự mời hai người lên văn phòng làm việc. Văn phòng Bill Gates, người giàu nhất hành tinh trái đất này rất đẹp chỉ thua văn phòng của Tổng thống Hoakỳ Goerge Bush tại Washington DC mà thôi, mặc dầu hai

người này chưa từng thấy văn phòng của Bush ra sao, họ chỉ thấy bằng hình pictures mà thôi.

Văn phòng Bill Gates có sẵn Kirl Thompson và một cô thư ký tóc vàng, cả hai người đó đều complet màu đen. Thả 3 người từ phòng khách lên phòng làm việc của Bill gate, thì hai người này đứng lên chào hỏi bắt tay nồng hậu. Họ gặp nhau lần trước tại văn phòng của Sabeer với ghế ngồi mượn thêm từ lối xóm.

Bill Gate hỏi chuyện với những chiến lược rất thông thường như họ đã từng nghe những công ty tại Silicon Valley nói chuyện hỏi chuyện họ, nghĩa là tầm thường mà thôi. Như vậy Sabeer và Alsavador bớt lo trong lòng. Nghĩa là Bill Gates không phải là siêu nhân như hai người thâm nghĩ, vẫn là một người Mỹ tóc vàng, cân thị bình thường như hàng triệu người Mỹ bình thường vậy. Bill Gate chưa phải là siêu nhân mà cái gì cũng biết hết. Bill Gates không phải là "Superman" như báo chí đồn đại. Nghĩa là người giàu nhất Trái đất về phần mềm cũng chưa thuộc bài của chúng tôi.

Bill Gate sau cùng cười thật tươi "Côngty chúng tôi ngỏ lời chào mừng quý công ty của hai anh về sự thành công vượt bậc mà Microsoft chúng tôi phải ghen tị. Chúng tôi, và tôi Bill Gates xin đồng ý mua lại phần mềm HotMail của côngty hai anh với giá "Ba trăm hai chục triệu bằng tiền mặt". Anh chàng Alsavador lúc đó mặt tái nhợt, còn anh chàng Sabeer vì da đen thui Ấn độ nên không biết anh tái hay không tái đây. Sabeer cười lịch sự "Chúng tôi xin Ngài đừng bớt giá, vì đây là sản phẩm vô địch thiên hạ". Bill Gate vẫn tươi cười, xin hẹn gặp Quý Vị trong kỳ tới.

Trên đường bay về nhà Cailifornia, Freemont anh chàng Alsavador còn bị bá thờ vì con số tiền Bill Gates đưa ra là "\$320 triệu USD" một con số quá lớn nhất đời của anh. Alsavador không còn lâm nhâm câu nói quen thuộc của mình là "Tụi mình phải làm giàu mới được". Nhưng số tiền Ba trăm hai chục Triệu Dollars do Bill Gate chủ hăng Microsoft chính miệng đề nghị có thư ký ghi chép. Thế mà "Thằng Cà ry Ấn Độ" này nó say NO một cái rụp. Nếu Bill Gate không mua và thằng Ấn độ không bán thì mình mang 6 triệu khách hàng Hotmail đến bao giờ?

Còn anh chàng gốc Calcutta, Ấn Độ tên là Sabeer Bhatia đêm về là ác mộng kinh hoàng. Tại sao lúc đó mình lại thích kênh xì pò với Bill Gates làm chi vậy? Nó không mua thì mình làm sao sống đây? Sở Welfare thất nghiệp đâu có cho tiền mỗi tháng \$450 USD cho dân ngoại quốc như mình đây? Còn trở lại hăng cũ Apple để gặp thằng Chief Engineer gốc Việt thì never... never... never... còn 4 tháng tình nguyện bỏ sở bỏ benefit, bỏ profit sharing mà theo mình đến chân trời huy hoàng xán lạn mà Hotmail nếu Bill Gate không mua thì bán cho ai đây?

Tuần lễ trôi qua, nhóm 6 người vào Sở tại Freemont

thấy không vui, ăn cơm hết ngon rồi. Không ai nói với ai điều gì, và cũng không ai dám nhờ ai điều gì. Mạnh ai nấy đi đồ rác, mạnh ai nấy chùi bàn ghế của mình... rồi ngồi ngáp. Lúc này có ai tinh trí mà chế tạo sản phẩm trí tuệ hay hơn Hotmail nữa





không? Sáu người này như là sáu robot không trí não, không hồn vậy. Xem Tivi thì thấy Dow Jon hay Nasdaq đang xuống thê thảm, như vậy Hotmail sản phẩm trí tuệ phần mềm mà Bill Gate nói vô cùng kinh phục mà đem về nấu cháo heo cho rồi. Mai này không biết xếp hàng sở Welfare điền đơn xin trợ cấp thất nghiệp ra sao đây? Mình đâu phải bị chủ đuổi mà mình đuổi chủ mà? Nghĩ ngang xương vì lý do gia đình làm sao Welfare cho tiền mình được? Mỗi tháng họ cho tối đa là \$450 đồng cho độc thân, và cho đến 6 tháng thì thôi luôn. Còn Ba trăm năm chục triệu đô thì xài làm sao cho hết kiếp này đây?

Đến trưa thứ Ba, thì giọng nói của Kirl Thompson vẫn tươi cười gọi vào. Lúc đó 6 người đang ngáp vừa xong. Tất cả đều nghe trong telephone khuếch đại intercom là "Thứ Năm ông chủ chúng tôi xin gặp quý vị và đồng ý sự quyết định của quý vị về giá tiền nhượng lại sản phẩm Hotmail cho công ty chúng tôi. Xin quý vị đem theo luật sư chuyên về hợp đồng trong chuyến đi lên Redmont thứ Năm này. Xin quý vị cho chúng tôi biết ngày giờ, chuyến bay số mấy để ra phi trường đón quý vị.." Nói xong Kirl Thompson chúc 6 người một Merry Christmas vui vẻ nhất.

Tất cả đều là chung một tiếng "Trời ơi!" (Oh! My God) rồi tìm ai nấy đập hết ga hết cỡ. Thằng thì ngồi cú rù trong góc phòng, thằng thì ngồi lý trong toilet không chịu ra, thằng thì ra balcon trên lầu mà ngó ánh sáng mặt trời chói lọi trên cây... Như vậy điên hết rồi, mình điên hay là Bill Gates điên đây?

Thế là hai anh chàng chạy đi tìm luật sư từ trước đến giờ chỉ có thằng Alsavador rành luật sư mà thôi, vì nó bị đụng xe năm ngoái. Xe đụng là một Jaguar đắt tiền, đụng đít mới ăn tiền chiếc xe Toyota Camry đời Bảo Đại chưa lên ngôi của nó, rồi còn muốn rút cái cần xe bumper huồng chi đụng mạnh, mà tay này lái Jaguar lại có mùi rượu nữa. Đền 100% cho nó kể luôn tiền đầm bốp vợ vẫn, lúc đó nó cho mình mượn vài trăm mà trả tiền student loan còn nhớ không?

Alsavador đến gặp luật sư chuyên về xe đụng của anh mà xin lên Redmont với anh vào thứ năm đến. Anh chàng luật sư nghe xong liền từ chối một cái rụp "Chuyện ký giao kèo công tra một hiệp định trị giá trên ba trăm triệu dollars tôi làm hông được. Nó quá lớn mà. Thôi được để tôi kêu Thầy của tôi dùm cho anh nghe?" Kẹt quá mà Microsoft chỉ cho mình có 48 tiếng thì làm sao mà tìm cho ra luật sư hào hạng đây?

Sau cùng Alsavador đành gặt đầu vậy bằng không lên tay không với thằng Ấn độ cũng được, miễn là được ba trăm năm chục triệu là được rồi.

Tối thứ Ba thì Thầy của luật sư xe đụng, xin lỗi luật sư chuyên lo vụ xe đụng đến gõ cửa phòng apartment của hai anh. Thầy của luật sư từ New York bay một mạch đến San Jose mà không kịp thay đồ. Giao kèo Ba trăm năm chục triệu đôla đâu

phải giỡn mặt, và lại mình gặp ngang hàng với Bill Gates xem sao.

Thế là chiều thứ Tư nhóm ba người, luật sư bậc Thầy và hai anh chàng Hotmail báo cho văn phòng Bill Gates là thứ Năm, chuyến máy bay Lear Cessna loại nhỏ 8 chỗ ngồi sẽ đến phi trường Seattle lúc 9 giờ sáng.

Thứ năm 10 giờ sáng ngày 23 tháng 12 năm 1997 Microsoft và hai anh chàng Hotmail ký biên bản bán bản quyền với giá \$450 triệu dollars tiền cash (xin lập lại Bốn trăm Năm chục Triệu Dollars tiền mặt).

Qua thứ hai thì Microsoft loan báo lên thị trường chứng khoán New York Nasdaq là Internet Explorer của Microsoft có thêm phần miễn phí về dịch vụ eMail mang tên Hotmail for Internet Explorer users. Giờ mở cửa gõ chuông của New York Stock Echange về phần Nasdaq lúc đó giá trị Internet của Explorer định giá là \$6 tỉ USD, chiều 2 giờ gõ búa bế mạc thì trị giá stock của Internet Explorer lên đến \$12 tỉ USD.

Anh chàng Ấn Độ Sabeer Bhatia và Alsavador đến gõ cửa công ty phần mềm software do anh chàng trẻ tuổi chịu chơi là Steve Jurvetson một tấm check với con số "Pay to the order Mr. Steve Jurvetson for Seventy five million dollars only \$75,000,000. 00 USD"

Trong vòng một năm 2 tháng Công ty phần mềm Steve Jurvetson đưa ra \$300 ngàn dollars và thu lại \$75 triệu USD tương tự mỗi tháng công ty Steve Jurvetson làm ra được gần 6 triệu dollars. Còn anh chàng gốc Mỹ hay gốc Peru gì đó, hết còn làm nhảm câu nghe đáng ghét "mình phải làm giàu mới được".

Một lời từ chối trị giá Ba Trăm Năm Chục Triệu Dollars với người Giàu nhất Thế Giới quả đáng vào lịch sử về Mãn Ấn Thương Lượng. Đại học Havard, Stanford, và Paris hay London đều có câu chuyện này, nhằm hăm nóng những sinh viên thích nói "mình phải làm giàu mới được."

Hotmail ngày nay dính liền với Internet Explorer như bóng với hình, thân chủ về eMail chỉ tăng chớ không giảm, ngày nay Explorer qua mặt Netscape và AOL một cái vù rất xa.

Độc Kinh, Truyện, Sách Phật
& Tin Tức Phật-giáo tại:
www.chuahaiduc.org





THỌ GIỚI

Hòa thượng Thích Huệ Hưng giảng
Đại Đức Thích Thiện Toàn ghi

Đứng về mặt giới pháp, hàng ngũ đệ tử Phật được chia làm 7 nhóm: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Nhưng tổng quát mà nói thì chỉ có hai đoàn thể chính bao gồm tất cả, đó là đoàn thể xuất gia và tại gia. Được gọi là đệ tử Phật, bất luận là tại gia hay xuất gia, đều phải lãnh thọ giới pháp, tức là phải trải qua một buổi lễ phát nguyện chấp hành những quy ước sinh hoạt truyền thống trong phạm vi của đoàn thể mình theo một nguyên tắc nghi lễ đã được ấn định, nhằm mục đích để làm nhân tố thực hiện mục tiêu chung nhất là phát triển tâm linh, nâng cao phẩm chất đạo đức cá nhân, làm chất liệu bồi dưỡng trí tuệ tiến đến giác ngộ và giải thoát.

Tuy cả hai đoàn thể đều cũng phải lãnh thọ giới pháp như thế, nhưng do bản chất và sự quan hệ có tính chất cá nhân hay tập thể trong khi hành trì mà sự truyền trao giới pháp cho hai đoàn thể có sự khác biệt nhau. Bản chất của giới tại gia là xây dựng và hoàn thiện về tư cách đạo đức của một cá nhân. Khi đã trở thành một phật tử (sau khi đã phát thệ vâng giữ những nội quy của đoàn thể tại gia), người tại gia có thể tiến bộ, phát triển hay sa đọa, trụy lạc trên đường tu tập trong mục tiêu giải thoát, giác ngộ thì chỉ là vấn đề cá nhân của người ấy mà thôi. Do đó, việc truyền thọ giới pháp cho đoàn thể tại gia có thể do một người truyền cho nhiều người, dĩ nhiên người truyền giới cũng phải có một số điều kiện tối thiểu nào đó, như phải là một Tỳ kheo hay một Tỳ kheo ni thanh tịnh chẳng hạn. Nhưng đối với người xuất gia, vì sự tiến bộ, phát triển hay sa đọa, thoái hóa của một cá nhân không phải chỉ riêng cá nhân ấy đơn phương chịu trách nhiệm mà lại có liên hệ đến vấn đề hưng thịnh hay suy tàn của Tập thể Tăng già, và từ đó đưa đến sự hưng thịnh hay suy tàn của đạo pháp. Tăng già là một trong ba ngôi báu biểu hiện sự tồn tại của Phật pháp, và cũng vì Tăng già là người trực tiếp thay Phật tuyên dương chánh pháp, như ta từng biết: “Nhân năng hoằng đạo, phi đạo

hoằng nhân”. Do đó vấn đề truyền thọ giới pháp cho người xuất gia phải do tập thể Tăng truyền cho một người và sự tiến hành truyền thọ cũng phải được chấp hành nghiêm chỉnh theo những quy tắc đã chế định sau khi đã nghiệm xét kỹ lưỡng tư cách của giới sư cũng như của giới tử. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến sự truyền giới pháp cho đoàn thể xuất gia.

Nhưng trước khi đi vào vấn đề, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần biết qua một số quan điểm khác nhau về tính chất thọ giới như sau:

1) GIỚI TỰ NGUYỆN:

Trong Luật học, được gọi là chính thức thọ giới khi giới tử đối trước hội đồng thập sư gồm một vị Hòa thượng, một vị Yết ma, một vị Giáo thọ và bảy vị Tôn chứng của Tăng già, chỉ thành nhận lãnh. Khi điều khoản của Giới (Giới tướng) được đọc lên, giới tử nghe rõ, hiểu thấu và nhận lãnh bằng sự phát thệ dũng mãnh thì mới gọi là thành tựu. Nhưng trong một vài trường hợp, khi không thỏa mãn nhu cầu chính thức như vậy, người ta có thể thực hiện một cuộc tự phát thọ giới gọi là Giới tự nguyện như Hoàng hậu Thắng Man trong kinh Thắng Man.

2) GIỚI LÝ TƯỚNG:

Còn gọi là thọ giới viên đốn, đây là chủ trương của Thiên Thai Tông, một tông phái lấy tinh thần viên đốn thuần túy đại thừa trong kinh Pháp Hoa làm tôn chỉ. Theo chủ trương của tông phái này, tất cả giới luật đều có sẵn trong tâm ta, nó không phải là sản phẩm tạo ra do sự nỗ lực thực hiện qua thân nghiệp và khẩu nghiệp. Giới lý tướng ngày còn gọi là giới tự hữu hay tự tâm bản cụ giới, đây là chủ trương đặc biệt của Thiên Thai Tông.

3) GIỚI TỰ TÁNH:





Đây là chủ trương của Thiền Tông. Theo tông phái này, ý niệm giới luật nguyên lai sẵn có trong tự tánh của con người. Như Lục tổ Huệ Năng nói: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn không ô nhiễm” nếu hồi quang phản chiếu, người ta có thể làm hiển lộ giới tự tánh ấy ra trong khi hành động. Tuy chủ trương như thế, nhưng trên mặt hình tướng của sự truyền thọ giới pháp cũng được Thiền Tông đặc biệt chú trọng, như ta thấy, dù đã ngộ được chơn tâm và đã được Ngũ tổ Hoằng Nhẫn ấn chứng, nhưng khi cơ duyên hành đạo đã đến, Ngài Huệ Năng đến chùa Pháp Tánh xin đăng đàn thọ cụ túc giới với Hòa thượng Trí Quang Luật Sư, giới đàn do Pháp sư Ấn Tông đứng ra tổ chức.

Trong 3 quan điểm trên đây, giới tự nguyện là trường hợp duy nhất và đặc biệt được phép tự thọ, nhưng thường được áp dụng cho sự thọ giới Bồ Tát, còn giới lý tưởng và giới tự tánh tuy chủ trương vốn sẵn có trong tâm vẫn không chủ trương tự thọ. Trong ba tạng kinh điển, không nơi nào cho phép có sự tự thọ đối với các Tỳ kheo hữu học dù cho vị ấy đã thành tựu Bất Lai (A-na-hàm), chỉ trừ vị Thánh giả A-la-hán. Bởi vì trong một ý nghĩa nào đó, tự thọ là một hình thức phá hòa hiệp Tăng, vì làm như thế là mặc nhiên phủ nhận sự hiện hữu Tăng gia. Đây là một nguyên nhân chủ yếu đưa đến sự phân hóa đoàn thể đệ tử xuất gia của Phật. Ngoài ra sự truyền thọ giới pháp còn có một điểm quan trọng hơn nữa, đó là hình thức trang nghiêm của giới đàn và sự tác pháp Yết Ma long trọng đã tác động mạnh vào tâm tư của giới tử trong khi thọ giới, làm cho giới thể được phát sinh. Dù thời gian thọ giới quá ngắn ngủi so với thời gian giữ giới dài suốt cuộc đời, nhưng nó lại là thời điểm cực kỳ quan trọng có tính cách quyết định sự tuân thủ giới hạnh có nghiêm túc hay không trong suốt cuộc đời hành trì của giới tử. Bởi vì giây phút đầu tiên ấy, tâm lý giới tử được tác động mạnh do hình thức truyền giới trang nghiêm làm phát sinh ra cái tinh thể của giới vốn có trong tự tánh, nhờ đó mà về sau có những trường hợp người giữ giới lâm vào hoàn cảnh có thể phạm giới một cách dễ dàng nhưng vẫn kềm chế được. Cái tinh thể ấy là “Giới thể” hay còn gọi là “Giới thể vô biểu”. Giới thể này rất quan trọng, nếu thiếu, việc gìn giữ giới khó mà hoàn bị được. Giới này là vô biểu nghiệp, tức năng lực tác ý luôn luôn được hoạt động sâu mạnh do một ấn tượng thâm nhập được trong khi thọ giới một cách trung thành. Sự thực, đó là kết quả của sự tự nguyện diễn ra vào lúc trang nghiêm thọ giới. Năng lực này nó tự bộc lộ trong tư tưởng, trong ngôn ngữ, trong hành vi bất cứ lúc nào cần thi hành nhiệm vụ, nhờ đó, người ta sẽ hành động thích ứng với giới pháp. Có thể nói, giới thể là sức mạnh đạo đức hoạt động sâu thẳm trong tâm chỉ đạo hành vi giữ giới.



Nói chung, sự quan trọng của Luật học là được đặt trên cái tinh thể của giới thể, tức thể lực được tạo ra khi phát nguyện, nó luôn luôn tác động mãnh liệt chống lại bất cứ sự vi phạm nào đối với sự tự nguyện đó. Hữu Bộ Câu Xá Tông cho giới thể thuộc sắc pháp (Vô biểu sắc), còn Thành Thật Tông lại cho là một pháp đặc biệt phi sắc phi tâm, Duy Thức Pháp Tướng Tông thì coi nó như một hình thức tự giác được hiện hành từ chủng tử của tư tâm sở (Cetana) khi thọ giới. Đây là một tác dụng tâm lý không lộ diện mà giữ được cho người trì giới ứng hợp được với sự hành trì giới hạnh của mình (Ví dụ: Như một người có tinh thần thượng tôn pháp luật sẽ tôn trọng luật pháp trong bất cứ trường hợp nào, khác với người sợ luật pháp chỉ mắt cơ hội vi phạm luật pháp mà thôi).

Vì tính chất quan trọng của giới thể như thế nên để cho giới thể phát sinh viên mãn, tư cách của người truyền giới và người thọ giới cũng phải được nghiệm xét kỹ càng trước khi tiến hành truyền thọ.

TƯ CÁCH NGƯỜI TRUYỀN THỌ:

Năm trọng tội của một Tỳ kheo là phá Yết ma tăng, phá Pháp luân tăng, phá kiến, phá giới, nuôi đệ tử mà không biết dạy. Do trọng tội thứ năm này mà tư cách làm thầy phải được trang bị ngay từ khi đắc giới Tỳ kheo: “Ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh giới luật”, hay có thể nói là đã bắt đầu học tập từ lúc còn là Sa di (tuy Tỳ kheo sự, Sa di đương dự tri chi). Trong tư cách làm thầy có nhiều đức tính, nhưng chung quy chỉ gồm hai mặt vật chất và tinh thần. Nhất là mặt tinh thần, người làm thầy phải đủ khả năng hướng dẫn người đệ tử thực hiện mục tiêu giải thoát bằng cách chỉ dẫn con đường tu tập Giới, Định, Huệ và vì vậy còn phải có trí tuệ để giải quyết những thắc mắc cho người đệ tử. Trong kinh Khu Rừng (Vanapattha sutta) trong bộ Majjhima Nikaya) Phật dạy: Một vị đệ tử phải từ bỏ mà đi khi nhận thấy vị đạo sư của mình không có khả năng chỉ dạy cho mình Giới, Định, Huệ dù cho nơi đó có đầy đủ tứ sự cúng dường; và một đệ tử tha thiết xin ở lại dù cho nơi đó có bị vị đạo sư hắt hủi, khi vị ấy có đủ khả năng hướng dẫn mình tu tập Giới, Định, Huệ và cho dù nơi đây có hay không có đầy đủ tứ sự cúng dường.

Nói cụ thể hơn, một vị Tỳ kheo có đủ tư cách làm thầy khi vị ấy hội đủ 5 đức tính như sau:

1. Tuổi thọ phải đủ 10 hạ.
2. Phải biết rõ thế nào là tri, phạm, khinh, trọng.
3. Đa văn (có kiến thức rộng rãi)
4. Có khả năng giải quyết những tâm tư khúc mắc của đệ tử.





5. Có khả năng đoạn tận, đoạn trừ tà kiến cho đệ tử.

Nếu xét thấy tư cách làm thầy của mình chưa hội đủ thì không nên làm thầy vội mà phải tiếp tục tu tập trao dồi giới hạnh và kiến thức.

Nói riêng về tư cách của vị Hòa thượng đàn đầu lại càng quan trọng. Ngày xưa do điều kiện sinh hoạt của Tăng già khép mình trong phạm vi tự viện riêng lẻ, chưa có những tổ chức giới đàn truyền thọ cụ túc có quy mô rộng lớn như ngày nay, nên Hòa thượng truyền giới, Hòa thượng y chỉ sư và vị Bổn sư thường là một vị. Theo nghĩa nguyên thủy, Hòa thượng có nghĩa là “Lực sanh” là vị có trách nhiệm lo lắng cho đệ tử về mặt vật chất và đời sống tinh thần. Do đó, theo quy định trong Luật tạng, một vị Hòa thượng không được đồng thời truyền thọ giới cụ túc cho hai Sa di trong cùng một năm, vì làm như thế sẽ không làm sao chu toàn trách nhiệm nuôi nấng và giáo dục được.

Nhưng trên thực tế ở nước ta ngày nay, nguyên tắc này không được áp dụng. Do vì sự sinh hoạt của Tăng già đã gắn liền với sinh hoạt của Giáo hội, có hệ thống tổ chức từ Trung ương cho đến địa phương, nên việc tổ chức giới đàn truyền giới cụ túc có quy mô rộng rãi trên toàn quốc hay cho một khu vực rộng lớn nào đó, và được Giáo Hội đứng ra đảm trách. Trong trường hợp này, Hòa thượng đàn đầu là một vị Tôn túc trong Hội Đồng Giáo Phẩm được mời ra nên cùng một lúc, cùng một giới đàn, một vị Hòa thượng có thể truyền giới cho một số Sa di đông đảo có khi lên đến 1000 người. Đồng thời, trong chính giới đàn ấy, giới Sa di và giới Bồ tát cũng được tổ chức truyền thọ. Trong trường hợp như thế, ý nghĩa nguyên thủy của danh từ Hòa thượng trở thành trách nhiệm của vị Thế độ Bổn sư. Vì vị Hòa thượng truyền giới trong trường hợp này nhiều khi không biết gì nhiều về thân thế của người thọ giới với mình.

2) TƯ CÁCH NGƯỜI THỌ GIỚI:

Về sự nghiệp, xét tư cách của giới tử trong buổi đầu chỉ đặt trọng tâm ở niềm tin nơi ngôi Tam bảo và có đời sống phạm hạnh (Tứ bất hoại tín). Nhưng do khi giáo đoàn được mở rộng cho mọi người không phân biệt thành phần giai cấp trong xã hội gia nhập, thì sự nghiêm xét đơn giản như trước chưa được gọi là tương đối đầy đủ để xác định tư cách một giới tử, do nhu cầu khách quan đó, sự nghiêm xét kỹ lưỡng giới tử lại được thêm vào. Đó là kiểm

NGHIỆM 13 GIÀ NẠN, còn gọi là 13 chương ngại đạo pháp, tức là những điều gây trở ngại cho việc chứng đắc Thánh quả ngay trong đời này do thân và tâm có khuyết khuyết. Công việc kiểm nghiệm này được thực hiện bởi Tăng, nó thuộc về giai đoạn chính thức tác thành Yết Ma cho thọ cụ túc giới. Luật Tứ phần quy định: Trước khi bạch Yết Ma cho thọ Cụ túc giới, Tăng phải khảo hạch 13 Già nạn. Một giới tử nếu có một trong 13 già nạn này thì không thể thành tựu mục tiêu phạm hạnh nên không được phép thọ cụ túc giới. Nếu do không xét nghiệm kỹ mà một người được Tăng cho thọ cụ túc, nhưng về sau nếu bị khám phá ra, thì dù người ấy có được chính thức truyền thọ giới bởi Tăng đi nữa cũng bị tẩn xuất. Vì sự tồn tại và hưng thịnh của Tăng là do có thành tựu mục tiêu phạm hạnh, chứ không phải do số đông. Nay một người không đủ điều kiện để chứng đắc Thánh quả là dấu hiệu của sự suy thoái của Tăng, do đó mà tẩn xuất.

13 GIÀ NẠN:

- 1) Phạm biên tội
- 2) Phá tịnh hạnh Tỳ kheo ni
- 3) Tặc trú
- 4) Phá nội ngoại đạo
- 5-9) Phạm tội ngũ nghịch
- 10) Bất năng nam
- 11) Phi nhân
- 12) Súc sinh
- 13) Nhị hình (bán nam, bán nữ)

Ngoài ra, giới tử còn bị thẩm tra 10 khinh nạn, vì do 10 điều này không phải là pháp chương ngại pháp, nhưng đó là những mối ràng buộc bản thân với gia đình và xã hội mà giới tử cần phải giải quyết xong trước khi xuất gia tu tập. Mười khinh nạn được thẩm tra dưới các câu hỏi:

1. Có phải là quan trốn đi tu không?
2. Có phải là người trốn nợ không?
3. Người có phải là đầy tớ trốn chủ không?
4. Người có phải là đàn ông không?
5. Đàn ông mà có bệnh cùi hủi, ung thư, ghẻ lở, lao phổi, tiểu đường không?
6. Tuổi đủ 20 chưa?
7. Y bát có đủ không?
8. Cha mẹ có cho phép chưa?
9. Pháp danh người là gì?
10. Hòa thượng của người hiệu gì?





Về việc nghiệm xét tư cách của giới tử thọ Tỳ kheo ni cũng tương tự như của Tỳ kheo, nhưng do tính chất khác nhau nên các già nạn của giới tử ni có vài điểm khác nhau. Ni chỉ có 9 già nạn như sau:

1. Đã Tỳ kheo ni giới chưa? (Ni đã thọ cụ túc mà hoàn tục, thì dù không phạm biên tội cũng không được xuất gia thọ giới lại)

2. Tặc tâm xuất gia.

3. Giết cha

4. Giết mẹ

5. Giết A La Hán

6. Gây thương tích cho Phật

7. Phi nhân

8. Súc sanh

9. Nhị hình

Các khinh nạn sau cũng giống như của các Tỳ kheo...

Việc nghiệm xét tư cách của giới sư và giới tử như thế sẽ có tác động mạnh mẽ cho sự phát sinh giới thể vô biểu. Như sự thành tựu của pháp Yết-ma (Yết-ma như pháp) cũng có vai trò quan trọng trong sự phát sinh giới thể vô biểu này. Trước khi tiến hành bạch Tứ Yết-ma thọ cụ túc giới, có một số thủ tục cần phải tiến hành đúng pháp thì Yết-ma mới thành tựu. Có 4 điều kiện để Yết-ma thành tựu, đó là:

1) GIỚI THÀNH TỰU:

Để cho giới thành tựu, tất cả hành sự của Tăng phải được thực hiện trong cùng một cương giới ấn định gọi là giới trường để tránh hiện tượng chia rẽ trong Tăng. Truyền giới cụ túc là việc của tập thể Tăng truyền cho một người. Nhưng túc số tăng chính thức chỉ là 10 vị mà không phải là tập hợp tất cả chư Tăng có mặt trong trú xứ. Vì thế phải có cương giới để khuôn khổ hạn chế đúng pháp Yết-ma (và giải quyết này được tính theo nguyên tắc đa số tuyệt đối, có nghĩa là Yết-ma chỉ thành tựu khi 10 giới sư đều nhất trí qua sự yên lặng của mình, không một ai có ý kiến phản đối)

2) SỰ THÀNH TỰU:

Sự thành tựu là sự nghiệm xét tư cách của giới sư và giới tử. Sự nghiệm xét này phải được tiến hành trước khi chính thức tác pháp Yết-ma, do một vị Giáo thọ A-xà-lê đảm trách hướng dẫn (sự nghiệm xét tư cách như đã trình bày trên). Và sau cùng là Đàn nghi sắp đặt thứ lớp trang nghiêm long trọng đúng pháp.



3) TĂNG THÀNH TỰU:

Phải là Tăng thanh tịnh, nếu có phạm các học xứ thì đã được sám hối như pháp. Về túc số Tăng thì chính thức là 10 vị như nếu ở những vùng biên địa (Tăng số không đủ) thì được phép tiến hành tác pháp với túc số là 5 vị, trong túc số ấy phải có ít nhất là một vị am tường các pháp Yết-ma về lý thuyết cũng như về mặt thực hành. Chư Tăng trong túc số này phải tập trung trong một giới trường đã quy định và phải có những cử chỉ biểu hiện tinh thần hòa hợp, trong đó phải có một vị Hòa thượng và một vị Yết-ma.

4) YẾT-MA THÀNH TỰU:

Yết-ma được thành tựu khi pháp Yết-ma được thực hiện như pháp, nghĩa là không có một trong bảy điều phi pháp sau đây:

1. Nhân phi

2. Pháp phi

3. Sự phi

4. Nhân pháp phi

5. Nhân sự phi

6. Pháp sự phi

7. Nhân pháp sự phi

Ở nơi khác có nêu ra 7 phi tướng của Yết-ma tuy tên gọi có khác nhưng cũng không ngoài ý nghĩa như sau:

1. Phi pháp phi Tỳ-ni

2. Phi pháp biệt chúng

3. Phi pháp hòa hợp

4. Như pháp biệt chúng

5. Pháp tương tự biệt chúng

6. Pháp tương sự hòa hợp

7. Bị ngăn mà không chịu đình chỉ

Ngoài ra trong khi tác pháp bạch Tứ Yết-ma, chư Tăng trong giới trường phải hoàn toàn nhất trí, không một ai phản đối (đa số tuyệt đối)

Đối tượng của Yết-ma thọ giới cụ túc là giới tử cũng phải nhất trí tự nguyện lãnh thọ giới pháp. Nếu trong giờ phút thỉnh bạch Yết-ma mà giới tử bỗng nhiên sanh tâm hối hận, không muốn thọ giới thì Yết-ma cũng xem như không thành.

Trong khi tiến hành Yết-ma truyền giới, mỗi lần chỉ được phép truyền thọ cho một giới tử mà thôi. Tuy nhiên nếu số giới tử cầu thọ giới quá đông thì có thể mỗi lần truyền cho 3 giới tử, nhưng tuyệt đối không được quá ba. Nói chung là không có trường hợp Tăng truyền giới cho Tăng. Như những thủ tục trên đã được nghiệm xét đầy đủ, pháp Yết-ma bắt đầu tiến hành đó gọi là Yết-ma như pháp, và giới tử trong trường hợp này được gọi là đắc giới. Đắc giới ở đây không chỉ có nghĩa khi giới tử nghe đọc lên các điều khoản của các học



xứ (227 điều theo truyền thống Pàli, 250 điều theo truyền thống luật Tứ phần cho Tỳ kheo, 348 điều cho Tỳ kheo ni) giới tử thành tâm lãnh thọ, mà còn phải vâng giữ 4 thanh tịnh pháp còn gọi là Tứ y pháp, đó là:

1. Y trên y phân tảo
2. Y trên sự khát thực
3. Y nơi gốc cây mà ngủ nghỉ
4. Y nơi hủ lẩn dượ

Theo thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, có 10 trường hợp đắc giới cụ túc:

1. TỰ NHIÊN ĐẮC GIỚI: Trường hợp của vị Độc Giác Phật
2. KIẾN ĐẾ ĐẮC GIỚI: Đắc giới do thấy lý Tứ Đế, như trường hợp năm anh em Kiều-trần-như
3. THIỆN LAI TỖ KHEO: Do Phật gọi: “Thiện lai Tỳ kheo” mà đắc giới như trường hợp Da-xá
4. XÁC NHẬN PHẬT LÀ BẠC ĐẠO SƯ: Như trường hợp của Tôn giả Ca-diếp, khi gặp Đức Thế Tôn liền tuyên bố: “Đây là bậc Đạo sư của tôi”, và liền đắc giới.
5. DO KHÉO TRẢ LỜI: Đây là trường hợp duy nhất dành cho thiếu niên Tô-đà-di mới 7 tuổi nhưng đã khéo trả lời câu hỏi “Nhà con ở đâu?” của Phật bằng câu: “Ba cõi không đâu là nhà” mà đắc giới
6. DO THỌ BÁT KINH PHÁP: Đây là trường hợp của Ba-xà-ba-đề.
7. DO GỞI ĐẠI BIỂU: Đây là trường hợp của Tỳ kheo ni Pháp Thọ, do sợ nạn phạm hạnh mà Phật cho phép cử đại diện đến thọ rồi về ruyền lại.
8. TAM NGŨ ĐẮC GỚI: Do tuyên bố 3 lần: “Tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng” đây là trường hợp thường xảy ra khi Phật chưa quy định pháp bạch Tứ Yết-ma thọ giới.
9. THỌ GIỚI VỚI TĂNG 10 NGƯỜI: Dành cho mọi giới tử thọ giới ở nơi đô thị có đông đảo Tỳ kheo.
10. THỌ GIỚI VỚI TĂNG 5 NGƯỜI: Đây là trường hợp dành cho giới tử ở những nơi biên địa không có đông đảo Tăng chúng. Trong trường hợp này phải có ít nhất là một vị tri Luật và hiểu các pháp Yết-ma.

Trong 10 trường hợp trên, 8 trường hợp đầu chỉ xảy ra khi Phật còn tại thế, và cũng là những trường hợp đặc biệt cho một số người thôi.

Chỉ có 2 trường hợp cuối cùng, gọi chung là “Bạch Tứ Yết-ma đắc giới” là được áp dụng phổ thông lưu truyền chính thức cho đến ngày nay.

Riêng trường hợp Ni thọ giới cụ túc thì có những điểm sai khác như ngoài hội đồng thập sự Tăng, còn có một hội đồng thập sự Ni. Giới tử Ni sau khi được xét nghiệm về tư cách của giới tử, đại khái như đã nêu trên, pháp Yết-ma truyền thọ được tiến hành tại trong Ni Tăng gọi là bản bộ Yết-ma (chính thức truyền giới). Bản bộ Yết-ma thực hiện xong, nội trong ngày ấy (không được đề qua đêm), hội đồng thập sự Ni phải dẫn giới tử Ni qua hội

đồng thập sự Tăng để cầu chánh pháp Yết-ma (Ấn chứng cho sự truyền thọ). Ở đây, chỉ nêu sơ lược các chi tiết kiểm nghiệm giới tử, cách thức tác pháp Yết-ma trong các bộ Yết-ma đều nói rõ từng chi tiết.

Sau khi đắc giới, nghiêm nhiên giới tử trở thành một Tỳ kheo (hay Tỳ kheo ni) và chính thức trở thành thành viên của đoàn thể Tăng già, có những nghĩa vụ và quyền lợi như những thành viên khác. Tuy nhiên, vị tân Tỳ kheo ấy, suốt thời gian 5 năm đầu phải y chỉ nơi một vị Thượng tọa Luật sư (vị Tỳ kheo thông hiểu giới luật) để học tập cho am tường các bốn phận trách nhiệm cũng như những điều tác thành tư cách của một Tỳ kheo, tức là am tường các học giới, hiểu rõ thế nào là danh, chủng, tánh, tướng; thế nào là khai, giá, tri, phạm; thế nào là khinh trọng và thông thạo các pháp Yết-ma về lý thuyết cũng như thực hành. Một trong những bốn phận người xuất gia là tục Phật Thánh lưu, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức. Muốn thực hiện bốn phận ấy, vị Tỳ kheo phải có đủ tư cách làm thầy. Do đó, Phật quy định Tỳ kheo phải đủ 10 hạ, Tỳ kheo ni phải đủ 12 hạ mới được thu nhận đệ tử, độ người xuất gia, và trước khi độ người xuất gia, phải được Tăng thông qua với pháp Yết-ma súc chúng. Nếu Tăng thấy chưa đủ tư cách thu nhận đệ tử xuất gia, dù người ấy đã đủ tuổi hạ, thì cũng không được tự tiện độ người xuất gia. Nếu làm thì phạm Ba-dật-đề.

Tóm lại, Tăng đoàn là tập thể có vai trò quan trọng quyết định sự tồn tại của Phật pháp. Khi nào hàng ngũ Tăng già có những bậc chân tu thạc học, đạo cao đức trọng, có đủ tư cách làm nghi biểu cho đời, có đủ trí huệ làm đuốc sáng cho đời, thì khi ấy Phật pháp được hưng thịnh. Trái lại, khi nào trong hàng ngũ Tăng già không có những vị Tăng tài đức như trên, thì dù số lượng có đông nhiều đi nữa, đó cũng là dấu hiệu suy đốn của chánh pháp. Nhưng làm sao để có thể đào tạo được những con người, có được những con người có được những đức tính như thế? Dĩ nhiên là phải y cứ vào giới luật làm kim chỉ nam cho sinh hoạt Tăng đoàn, mà một trong những vấn đề giới luật có vai trò quan trọng trong việc tác thành nhân cách một Tỳ kheo, đó là sự truyền thọ giới pháp. Nếu không có sự truyền thọ như pháp thì không có Tỳ kheo đắc giới. Không có Tỳ kheo đắc giới như pháp thì bản thể của Tăng không thành tựu. Tăng không có giới bản thể thì không thể

nào tiến bộ về mặt tâm linh, không thể nào có người tu chứng. Và như vậy, chánh pháp sẽ không làm sao tồn tại được, cho nên





vấn đề truyền thọ giới pháp cho người xuất gia có một ý nghĩa quan trọng trong Phật pháp. Cũng vì vậy mà vấn đề này chiếm một phần trong bốn phần của Luật Tứ Phần.

Với mục tiêu giải thoát, giác ngộ trên tinh thần tự giác là châm ngôn hành động mà Phật đã dùng để khuyến hóa, giáo dục những người xuất gia. Nhưng trong giáo đoàn xuất gia vẫn có những người xuất gia không vì mục tiêu chân chính đó, không cùng sống trong tinh thần hướng thượng với lý tưởng giải thoát, cũng không chuyển hóa tâm linh qua sự nghiêm trì phạm hạnh. Chính vì điều này mà càng về sau, sự truyền thọ giới pháp càng được chính Đức Phật đề ra những quy định chặt chẽ để kiểm nghiệm, để thử thách, để thanh lọc hàng ngũ Tăng đoàn, nhằm bảo đảm tánh trong sạch cho cá nhân và tập thể để xứng đáng là một trong ba ngôi báu trong Phật pháp. Tuy chú trọng về việc tự giác và pháp triển tâm linh, nhưng cũng phải dựa vào hành vi biểu lộ bên ngoài để làm tiêu chuẩn pháp định. Vì thế mà sau khi Phật diệt độ, Luật tạng được kết tập một cách trung thành, dù Phật đã có cho phép bỏ bớt những điều chi tiết nếu thấy không cần thiết sau này. Chúng ta cũng không lấy làm ngạc nhiên gì khi Tôn giả Ca-diếp được cử làm thủ lãnh giáo đoàn, Tôn giả Ưu-ba-ly được suy tôn làm vị chấp chương về giới luật vì là những

vị có giới hạnh tiêu biểu nhất. Tôn trọng giới luật, thì cũng tôn trọng việc truyền giới là lẽ đương nhiên. Tôn trọng sự truyền giới, thì những quy định của pháp Yết-ma không thể bỏ qua được, dù bất cứ lúc nào, ở đâu, và dù là theo hệ phái nào. Vì phạm quy định ấy cũng đồng nghĩa với sự làm tổn thương đến phẩm chất và quyền lực của Tăng già, đó là dấu hiệu suy đồi của chánh pháp.

Những ai trong hàng ngũ xuất gia có dễ tâm thiết tha đến sự tồn vong của chánh pháp, có thao thức ưu tư đến vấn đề “Tre tàn măng mọc”, có hoài bảo “Thiệu long Thánh chủng, kế văn khai lai” thì không thể không dễ tâm nghiên cứu học hỏi tường tận về các pháp Yết-ma, nhất là Yết-ma truyền giới cụ túc, độ người xuất gia.

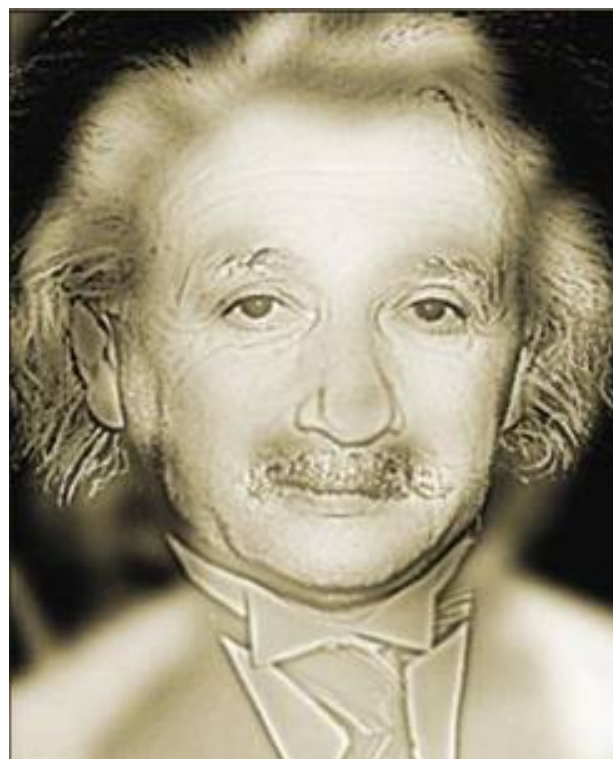


Đừng Tin Vào Mắt Mình!!!

Bức ảnh bên phải rõ ràng là chân dung của nhà bác học Albert Einstein.

Bây giờ, lui lại cách 3 thước rồi xem cho rõ, có phải là cô đào Marilyn Monroe chăng?

Thế giới này có thật, hay chỉ là ảo tưởng?





LUẬT TẠNG

Trong Tổ Chức Tăng Đoàn Ngày Nay tại Việt Nam

Thích Minh Chuyển

Định nghĩa về tăng, Thiền sư Nhất Hạnh viết:

“Tăng là đoàn thể đẹp

Cùng đi trên đường vui

Tu tập giải thoát

Làm an lạc cuộc đời.”

Tăng đoàn (Sangha) là những người nguyện sống với đời sống hoà hợp, để hỗ trợ cho nhau thực hiện đời sống Giải thoát và Giác ngộ. Chính bằng đời sống như vậy, họ có thể trở thành những mảnh đất trù phú (phước điền) để cho mọi người đến gieo trồng hạt giống phước đức và làm nền tảng cho đời sống chánh hạnh, tiến bộ tâm linh. Năm anh em Kiều Trần Như là đoàn thể tăng đầu tiên. Sau này trên đà phát triển của Phật giáo, Tăng đoàn mở rộng không những một trú xứ mà lan khắp Ấn độ. Các tỷ kheo lớn không còn ở gần bên Đức Thế tôn mà đi giáo hoá khắp nơi do đó những quy định trong Tăng cũng có nhiều thay đổi. Luật tạng ra đời và quy định đối với tổ chức Tăng đoàn tối thiểu là bốn vị đã thọ tỷ kheo hoặc tỷ kheo ni giới trở lên và cùng sinh hoạt với nhau trong một mục đích là Giải thoát và Giác ngộ. Và cũng từ đây Luật tạng quy định các chúng của Tăng được phân loại như sau:

a. Phân loại theo túc số.

- Tăng gồm bốn vị: Đây là túc số tối thiểu. Dưới bốn vị không thể gọi là tăng hoặc ba vị tỷ kheo và một sa di cũng không thể gọi là tăng, mà phải là bốn tỷ kheo trở lên. Với túc số này Tăng có thể làm tác pháp Yết ma đơn bạch cho những sinh hoạt thông thường trừ Tự tứ, truyền Cụ túc giới, xuất tội Tăng tàn. Còn lại các Yết ma khác đều được tác pháp với túc số bốn người này.

- Tăng gồm năm vị: Đây là túc số Tăng tác pháp Yết ma truyền Cụ túc giới ở biên cương trong đó có một vị tri Luật. Vì số tỷ kheo ở đó không đủ mười vị. Với túc số này các pháp Yết ma đều làm được chỉ trừ việc truyền giới Cụ túc ở đô thị và xuất tội Tăng tàn.

- Tăng gồm mười vị: Đây là túc số Tăng sung mãn tối cần thiết để xuất tội tăng tàn và có thể thực hiện bất cứ Tăng sự nào.

b. Phân loại theo giới tính.

Do sự khác về tính phái nên Tăng già được chia làm hai bộ:

- Tỷ kheo tăng.

- Tỷ kheo ni tăng (Trung quốc gọi là Á Tăng).

c. Phân loại trú xứ:

Phân loại chung theo trú xứ thì có hai hạng Tăng:

- Chiêu đề Tăng là Tăng không ở định một chỗ mà đi giáo hoá khắp nơi, hình thức Chiêu đề Tăng này hoàn toàn không có tài sản, động sản và bất động sản.

- Thường trú Tăng là Tăng cố định một chỗ cùng chung sinh hoạt trong một trú xứ, cùng Yết ma An cư, Bồ tát và Tự tứ.

Đây chính là cơ sở để có sự hình thành các bộ phái khác nhau và sự xuất hiện Luật tạng có phần khác nhau. Tăng đoàn là một cộng đồng Tăng lữ sinh động. Vì lẽ đó mà Luật tạng quy định về sinh hoạt của Tăng như sau:

1. Bồ Tát:

Tiếng Pali là Uposatha (Phạn ngữ, Posadha). Hán phiên âm là Bồ tát và dịch là Trưởng dưỡng, hoặc Trưởng tịnh: nghĩa là nuôi lớn các thiện căn, khiến chúng trưởng thành trong sự thanh tịnh.

Ngày Tăng Bồ tát là ngày mà tất cả các vị tỷ kheo cùng sống trong một cương giới, phải tập trung tại giới trường để tác pháp Yết ma thuyết giới và đọc lại giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa (Pali, Pātimokkha). Nên nội dung của Bồ tát chính là sự thuyết giới, nghĩa là đúng nửa tháng chúng tỷ kheo cùng tập hợp nhau lại trong cùng một cương giới hoà hợp và thanh tịnh để tụng đọc Ba La Đề Mộc Xoa, trong đó gồm cả năm thiên và bảy tụ của giới.

Khi Đức Phật còn tại thế chúng Tăng thời đó thường tụng giới bốn được thâu tóm qua bảy bài kệ của bảy Đức Phật, đầu tiên là Đức Phật Tỳ Bà Thi:

“Nhẫn khổ hạnh bậc nhất

Niết bàn đạo tối thượng

Xuất gia nào hại người

Bất danh vi Sa môn”

Tạm dịch:

Nhẫn, khổ hạnh bậc nhất

Vắng lặng đạo thù thắng
Xuất gia làm hại người
Không xứng gọi Sa môn.

Mỗi nửa tháng định kỳ ngày Bồ tát của Tăng, đó là biểu hiện nguyên tắc hoà hợp của Tăng, đồng thời là điều kiện tốt nhất để các tỷ kheo sách tấn nhau tu học.





Bất cứ trú xứ nào mà Tăng nửa tháng nhóm họp để tụng đọc giới bốn thì trú xứ ấy được xem như là Phật giáo hưng vượng. Đức Phật có mặt ngay trong hiện tại. Và nếu trú xứ nào mà Tăng nửa tháng không nhóm họp để Bồ tát thì trú xứ ấy Tăng đoàn xem như chưa có sự hoà hợp.

Bởi vậy, Bồ tát là mạng mạch của Tăng, nên không có chúng tỷ kheo nào được gọi là Tăng mà không thực hành Bồ tát, ngoại trừ những kẻ lạm dụng Tăng để phá hoại Chánh Pháp. Chi có ngoại đạo, kẻ tà kiến mới làm như vậy. Vì tính chất nghiêm trọng của Bồ tát là như vậy nên nó không thể không có trong sự sinh hoạt của Tăng.

2. An cư.

Đức Phật quy định cho Tăng đoàn an cư vì những lý do sau:

- Để không dẫm đạp lên côn trùng trong mùa mưa (Án độ).
- Nhằm trau dồi và nuôi lớn pháp Tam Vô Lậu Học, để có thể xứng đáng là ‘Chúng trung tôn’, bậc trí đức hoàn toàn.
- Nhằm biểu lộ tinh thần hoà hợp, thanh tịnh, và đồng bộ của Tăng. Chỉ khi nào Tăng biểu lộ tính chất ấy, thì Chánh Pháp do Tăng tuyên dương đạt nhiều kết quả cao thượng.
- Nhằm củng cố niềm tin cho hàng Phật tử tại gia đối với ngôi vị ‘thế gian tam bảo’.

Bất cứ trú xứ nào các tỷ kheo cùng nhau tu tập, cùng nhau hoà hợp an cư, sống bằng đời sống hoà hợp và thanh tịnh thì xứ sở ấy xem như Phật – Pháp – Tăng có mặt đúng ý nghĩa, làm chứng cứ cho chư thiên và loài người gieo trồng phước đức đối với Chánh Pháp.

Kỳ hạn an cư của Tăng ngày nay không nhất định, vì tùy theo từng khí hậu thời tiết, và lịch biểu của từng vùng.

Tăng đoàn của các nước Phật giáo Nam phương như: Tích lan, Miến điện, Thái lan, Lào vv... họ an cư bắt đầu từ 16 tháng 6 theo lịch Trung quốc, và giải hạ vào ngày 15 tháng 9 theo lịch Trung quốc.

Tăng đoàn của các nước Phật giáo Bắc phương như: Trung quốc, Nhật bản, Triều tiên, Đài loan, Việt Nam vv... họ an cư bắt đầu từ 16 tháng 4 theo lịch Trung quốc. Chúng tăng phương Bắc, an cư vào thời gian trên là do dựa vào kinh Vu lan. Theo kinh này thì ngày rằm tháng 7 là ngày Tự tứ của mười phương Tăng, ngày Phật hoan hỷ. Do đó giải hạ Tăng đoàn ở phương Bắc giải hạ vào ngày 15 tháng 7 theo lịch Trung quốc.

3. Tự tứ.

Sau ba tháng chúng Tăng kiết hạ an cư để trau dồi trí đức và trí tuệ, đến ngày trăng tròn tháng 7 (lịch Trung quốc) là ngày hành pháp Tự tứ của Tăng.

Tự tứ tiếng Phạn là Pravāraṇa, dịch là Thịnh thịnh, hoặc Tuỳ ý: nghĩa là thỉnh cầu người khác chỉ điểm những lỗi lầm của bản thân.

Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, bấy giờ sau mùa an cư, Ngài cùng với 500 tỷ kheo, nhân ngày trăng tròn Tự tứ, Đức Thế Tôn liền bảo rằng:

“Này các tỷ kheo, quý vị có điều gì chỉ trích Như Lai về thân hay về ngữ không? Nay đúng lúc mời quý vị hãy nói.”

Được nghe như vậy tôn giả Xá Lợi Phất đứng dậy vái chào và bạch:

“Bạch Đức Thế Tôn, chúng con không có chỉ trích gì Đức Thế Tôn về thân và về ngữ.”

Sau đó Xá Lợi Phất cũng thỉnh cầu Đức Thế Tôn chỉ lỗi về thân và ngữ. Nhân đây mà có ngày Tự tứ các Luật tạng đều ghi nhận.

Sự chỉ lỗi lầm phải được căn cứ trên ba trường hợp: do được thấy, được nghe và được nghi. Mà phải là vị trưởng lão tỷ kheo mới được làm việc này.

Mục đích của việc Tự tứ cũng gần giống như việc thuyết giới, đó là sự biểu hiện thanh tịnh hoà hợp của Tăng. Nhưng Tự tứ quan trọng hơn việc thuyết giới ở chỗ là mở ra một giai đoạn mới trong đời sống đạo hạnh của thầy tỷ kheo. Đó là ngày Phật hoan hỷ, ngày chúng tỷ kheo thanh tịnh thọ nhận thêm một tuổi đạo (Thọ tuệ). Cũng có khi gọi là giải đảo huyền tức là mở sợi dây treo ngược và sợi dây treo xuôi, cũng có khi gọi là ngày xá tội vong nhân vì nhân ngày này mà hết thảy tội nhân đang mắc vòng khổ lụy trong địa ngục liền được giải thoát.

Vậy ngày Tự tứ của Tăng là ngày các tỷ kheo tự kiểm điểm lại sự tu tập của mình trong ba tháng qua bằng cách tự nói lên lỗi lầm của mình trước một vị Trưởng lão tỷ kheo hoặc mong những vị tỷ kheo khác chỉ điểm những lỗi lầm của chính mình mà chính bản thân quên lãng không nhận ra. Tuy nhiên không phải tỷ kheo nào cũng được chỉ điểm sai lầm của các tỷ kheo khác, mà phải do Tăng đề cử và biểu quyết chọn vị Trưởng lão tỷ kheo hoặc một vị, hoặc hai và ba vị. Vị Trưởng lão tỷ kheo do Tăng đề cử gọi là Tự tứ nhơn phải hội đủ năm yếu tố (Ngũ đức sự):

- Bất ái: không thiên ái, không vì tình cảm riêng tư.
- Bất nhuế: không sân hận, không trả thù, phải với tâm bình thân.
- Bất bố: không khiếp đảm sợ hãi.
- Bất si: không si mê, khi chỉ trích ai đó, phải biết rõ tội danh, tội chủng trong ‘Ngũ thiên thất tự’.
- Tri vị Tự tứ dĩ Tự tứ: biết rõ đúng lúc hay không đúng lúc để tiến hành tác pháp Tự tứ và biết rõ tỷ kheo nào đã Tự tứ, tỷ kheo nào chưa Tự tứ.

Khi vị tỷ kheo được Tăng sai Tự tứ đến (Tự tứ nhơn sai) các vị tỷ kheo (ba vị) tuần tự cầu thỉnh như sau:

“Bạch Đại đức đủ lòng lắng nghe. Hôm nay, là ngày chúng Tăng Tự tứ, con là tỷ kheo, tên (...) cũng xin Tự tứ. Nếu Đại đức thấy, nghe và nghi con có tội, xin nguyên Đại đức thương tưởng nói cho con. Con thấy có tội, sẽ như pháp thành tâm sám hối.”

Tỷ kheo cầu thỉnh nói như vậy ba lần. Vị tỷ kheo Tăng sai Tự tứ sẽ theo đó mà chỉ lỗi hoặc không có lỗi thì nói là tốt. Hành pháp Tự tứ xong, các tỷ kheo được xác định thêm một tuổi hạ, đó là tuổi của Giới đức, của Tuệ học. Hàng xuất gia luôn





lấy Giới đức và Tuệ học làm tuổi, chứ không tính tuổi theo năm tháng của thế tục. Hễ tỷ kheo nào không An cư, không Tự tứ, hoặc có An cư mà không Tự tứ hoặc có Tự tứ mà không An cư thì cũng xem như là không có tuổi đạo.

Do đó vấn đề An cư, Tự tứ là một trong những sinh hoạt then chốt của Tăng đoàn, nhằm biểu hiện tinh thần hoà hợp của Tăng.

Ngày nay tinh thần An cư, Bồ tát, và Tự tứ vẫn còn đó nhưng vấn đề áp dụng đã có phần xao lãng và không còn được chắc chắn như ngày trước nữa, rải rác một vài tu viện có duy trì một cách tương đối nghiêm túc nhưng cũng chỉ như con én giữa mùa xuân, như một ngọn đèn trước gió le lói không đủ thấp sáng giữa đêm tối mịt mùng. Phần lớn các chùa còn lại hầu như rất xem thường hoặc chỉ qua loa lấy lệ kéo “ôn mệ bắt”, hoặc sợ tin đồ chê trách, hoặc để mà mất công chúng mà thôi. Có không ít tỷ kheo một năm đến giới trường không quá hai lần, có vị ba tháng hạ an cư nhưng ở trong chùa không quá một phần ba. Suốt ngày đi rong ngoài đường không vì phóng tâm thì cũng vì tín ngưỡng. Còn có vị phát biểu thế này: “miễn sao trưa về kịp Quá đường là được.” Chúng ta ai là người có lương tâm nghe như vậy có được không? An cư đâu phải chỉ để Quá đường, đưa bát lên hạ bát xuống là đủ. An cư tức là chúng Tăng sống yên ổn một chỗ hoà hợp và thanh tịnh để cùng nhau tu học trau dồi Giới đức, Định học và Tuệ học sau chín tháng đi hoằng pháp độ sinh. Ý nghĩa An cư là như thế chứ sao gọi là: miễn sao về kịp Quá đường là được. Vậy kính mong các vị lãnh đạo, các nhà giáo dục Tăng, các ngài Trú trì cần xem xét lại việc An cư, Bồ tát và Tự tứ như vậy đã đúng chưa.

Ngoài những hình thức sinh hoạt của Tăng có tính thường niên nêu trên, đời sống của Tăng còn có một yếu tố quan trọng khác mà chúng ta không thể không biết tới. Đó là các tác pháp Yết ma trong công tác hằng ngày của chúng Tăng. Hơn thế nữa là việc tuyển trạch Tăng, tức là vấn đề chọn lựa thành viên Tăng, đưa từ địa vị Sa di lên địa vị Tỷ kheo để được dựa vào hàng ngũ Tam bảo – Chúng trung tôn.

Khi Đức Thế Tôn còn tại thế ngài chỉ gọi “Thiện lai tỷ kheo” (Hãy đến nơi hạnh phúc hỡi tỷ kheo) liền khi ấy giới thể vô biểu thành tựu, đầy đủ oai nghi thân tướng tỷ kheo. Chỉ có Thế Tôn mới được gọi như thế, các vị khác không thể có trường hợp này. Sau khi Thế Tôn diệt độ Tăng đoàn y theo Pháp, Luật để hành trì thì việc xét tuyển Tăng, truyền Cụ túc giới phải được tiến hành bởi Tam sư Thất chứng (Hội đồng Thập sư) và phải qua bạch tứ Yết ma thì giới tử mới đắc giới thể vô biểu, hoặc Hội đồng Ngũ sư ở biên cương mà trong đó phải có một vị tri Luật giới.

Trải qua các thời đại từ Tây Trúc qua Đông Độ và cho đến Việt Nam, lịch đại Tổ sư đều nhất luật như thế. Đây là việc làm truyền thống có tính kế thừa của Luật tạng. Do vậy, việc xét tuyển Tăng là việc làm của Luật tạng, của thầy trò và của Tăng đoàn mà hoàn toàn không liên can gì đến chính quyền sở tại hay chính quyền trung ương. Khi một vị tập sự xuất gia, sau khi được thầy Bốn sư thể độ cho phép thọ Sa di giới để thực tập Giới, thực tập Thiền định, thực tập Trí tuệ. Khi thấy được sự thuần thực của đệ tử, Bốn sư thể độ muốn đưa đệ tử lên địa vị cao dự vào hàng Tăng Bảo để tiếp nối sự nghiệp hoằng truyền của Thầy Tổ. Do đó Bốn sư dắt đệ tử đi cầu thỉnh Tam sư - Thất chứng đăng đàn truyền trao Cụ túc giới (truyền giới phương trượng) hoặc chỉ thầy truyền trò Y Bát trong đêm khuya mà không cần bày hình thức:

“Thiếu Thất đình tiền thiên trượng bạch vân hàn lập tuyết

Hoàng Mai lâm lý nhất luân minh nguyệt dạ truyền y.”
Tạm dịch:

Trước động Thiếu Thất trải bao ngày tháng đứng trong tuyết lạnh

Đến làng Hoàng Mai một đêm trăng tròn sáng tỏ thầy truyền y.

Tổ đã làm như vậy, ngày nay Tăng giả học luật cũng làm như vậy, đang làm và sẽ làm như vậy. Đó là người học Luật, học lời Tổ một cách thông minh có ý thức. Nhờ tâm thương tưởng của thầy, của Thập sư và tương ưng với tâm tha thiết khát cầu của giới tử mà cảm động đến chư Phật, các vị Bồ tát, liệt vị Thánh Tăng. Mười phương Tam thế chư Phật hoan hỷ mỉm cười và ngay lần tác pháp Yết ma lần thứ ba kết thúc thì giới thể vô biểu thành tựu trên toàn thân giới tử. Từ đây, vị đó được gọi là tỷ kheo như pháp thành tựu, được dự vào hàng ngũ Tăng Bảo cùng Tăng An cư, Bồ tát và Tự tứ, và cùng chung lo tất cả mọi Phật sự của Tăng đoàn. 1

Thích Minh Chuyển



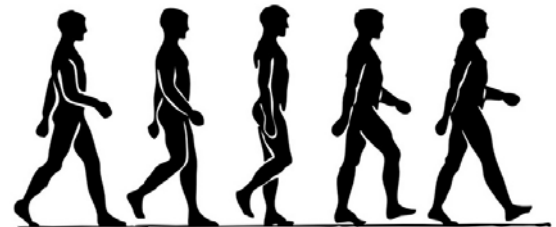
Đọc Kinh, Truyện, Sách Phật
& Tin Tức Phật-giáo tại:
www.chuahaiduc.org



Lợi ích của việc đi bộ



© Mayo Foundation for Medical Education and Research. All rights reserved.



Từ lâu các nhà khoa học đã biết được tác động hữu ích của việc đi bộ đối với sức khỏe.

Đi bộ làm giảm nguy cơ các loại bệnh tiểu đường loại 2, áp huyết cao, nhồi máu cơ tim, đột quỵ.

Ngày nay, những thí nghiệm mới nhất lại cho thấy đi bộ còn mang lại lợi ích trong việc tăng cường hệ miễn dịch, cải thiện các chứng rối loạn sinh dục và gia tăng trí lực.

Lối sống tĩnh tại và nhiều áp lực tâm lý của thời đại công nghiệp đã làm gia tăng nhanh tỷ lệ các loại bệnh liên quan đến hội chứng chuyển hoá như béo phì, xơ vữa động mạch, áp huyết cao, tiểu đường.

Trong những nỗ lực để ngăn chặn tình trạng này, đi bộ là một biện pháp đơn giản, không tốn kém đã được nhiều nhà khoa học quan tâm. Trong một loạt bài viết về những ích lợi của sự đi bộ, bà Wendy Bumgardener, một nhà khoa học người Mỹ chuyên nghiên cứu về lãnh vực này, đã dùng một đề tài khá hay "Đi bộ hay là chết, hình thức vận động ở tuổi trung niên để ngăn chặn nguy cơ tử vong." Bà Bumgardner cho rằng đi bộ với bước đi từ trung bình đến nhanh, từ 30 đến 60 phút mỗi ngày đủ đốt cháy mỡ và gia tăng mức độ chuyển hoá sẽ làm giảm đáng kể nguy cơ những bệnh tim mạch, ung thư vú, ung thư ruột già, tiểu đường và đột quỵ.





Đi bộ giúp giảm các hội chứng chuyển hoá, giảm nguy cơ tử vong do những bệnh tiểu đường, tim mạch

Nhiều nghiên cứu khoa học khác nhau đều cho thấy các hình thức vận động nhẹ bao gồm đi bộ nếu được thực hành đều đặn đều có khả năng tăng cường chuyển hoá, làm giảm lượng cholesterol xấu (LDL), tăng lượng cholesterol tốt (HDL), hạ thấp triglycerides (triglyceride là một loại mỡ xấu trong máu), qua đó có thể cải thiện độ mỡ trong máu và tăng cường sự dẻo dai của thành mạch để điều hoà huyết áp. Ngoài ra, đi bộ còn tăng cường sự lưu thông khí huyết, giúp bắp thịt săn chắc, kích thích tiêu hoá giúp ăn ngon, ngủ sâu.

Thông qua việc kiểm soát béo phì và làm tăng độ nhạy của tế bào đối với insulin, đi bộ là giải pháp hữu hiệu nhất để phòng ngừa cũng như điều trị bệnh tiểu đường loại 2.

Về mặt nội tiết, đi bộ đều đặn không những làm giảm nội tiết tố stress mà còn giúp tăng tiết serotonin và dopamin, những chất dẫn truyền thần kinh có tác dụng làm cho tinh thần phấn chấn, lạc quan giúp chống trầm cảm. Do đó, đi bộ là một liệu pháp chữa trầm cảm có hiệu quả chẳng khác gì các loại thuốc uống. Như vậy, ngoài việc cải thiện mạch máu, đi bộ còn giúp giảm nguy cơ bệnh tim, thần kinh, giảm stress và tăng cường các nội tiết tố.

Tính cường cơ và dòng máu lưu thông tốt còn có vai trò quan trọng trong cơ chế gây cương. Do đó, tác dụng làm săn chắc bắp thịt, cải thiện chức năng của thành mạch máu và điều hoà hoạt động nội tiết của đi bộ còn tác động tốt đến các chứng rối loạn sinh dục.

Các nhà nghiên cứu còn cho biết đi bộ còn kích thích các tế bào thành mạch máu phóng thích nhiều chất nitric oxide, một chất hoá học quan trọng làm giãn nở mạch máu giúp máu lưu thông tốt đến các thể hang trong hoạt động dương cương.

Do đó, phối hợp với chế độ ăn uống hợp lý, ít chất béo bão hoà, nhiều chất arginine, mỗi ngày đi bộ khoảng trên 2 cây số là một biện pháp chữa rối loạn dương cương khá hiệu quả. Arginine là một hợp chất hữu cơ, một loại amino acid, là chất liệu cần thiết để được chuyển hoá thành nitric oxide. Arginine có nhiều trong thịt, trứng, các loại cá, đậu nành, đậu phộng, hạt mè, hạt bí rợ, hạt hướng dương.

Một nghiên cứu về tác động làm giảm nguy cơ tử vong của hoạt động đi bộ qua sự phối hợp giữa trường Đại học Y khoa Michigan và tổ chức VA Ann Arbor Health Care System. Đối tượng nghiên cứu gồm 9.611 người ở độ tuổi từ 51 đến 61 tuổi.

Kết quả được công bố trên tạp san Medicine and Science in Sports and Exercise số tháng

11/2004 đã cho thấy những người hay đi bộ có thể làm giảm 35% nguy cơ tử vong do tim mạch trong khoảng 8 năm sắp đến.

Đối với những người đang có những yếu tố nguy cơ như áp huyết cao, tiểu đường hoặc hút thuốc thì tỷ lệ giảm bớt sẽ là 45% so với những người ít đi bộ. Có một thực tế là những người bệnh tim ít vận động dù là vận động nhẹ như đi bộ vì e ngại đi bộ nhiều sẽ làm gia tăng sự mệt mỏi cho tim. Ngược lại các chuyên gia tim mạch khuyên những người này càng cần phải đi bộ. Tiến sĩ Caroline Richardson, M.D., người chủ trì cuộc nghiên cứu đã đặc biệt nhấn mạnh *“Đối với nguy cơ dẫn đến tử vong do tim mạch, mọi người đều được hưởng lợi từ việc đi bộ. Tuy nhiên, lợi ích lớn nhất, sự giảm bớt lớn nhất là ở những người đang có nguy cơ cao.”*

Ích lợi của đi bộ trên hoạt động trí tuệ

Hai kết quả nghiên cứu độc lập nhau được đăng tải trên tạp chí của Hội Y học Mỹ (Journal of the American Medical Association) đã cho thấy đi bộ có thể duy trì hoạt động linh hoạt và sự nhạy bén của bộ não.

Trong khi một số môn vận động như chèo thuyền, bơi lội, đi xe đạp, aerobic có cường độ vận động mạnh hoặc có thiên hướng thể thao, có thể không thích hợp với người già thì việc đi bộ thường tỏ ra an toàn, thuận tiện và dễ điều chỉnh theo tình trạng sức khỏe của người tập.

Một nghiên cứu trên 18.000 người, nguyên là nữ nhân viên điều dưỡng tuổi từ 70 trở lên đã cho thấy những người đi bộ nhiều, ít nhất 1 giờ rưỡi mỗi tuần, đều đạt được chỉ số cao hơn về khả năng suy nghĩ, sự chú tâm và mức độ ghi nhớ các từ so với những người đi bộ ít hơn 40 phút mỗi tuần. Hơn nữa, đối với những trở ngại về mặt nhận thức, những phụ nữ năng động cũng tốt hơn 20% so với những người bình thường.

Tương tự, một nghiên cứu được thực hiện trên 2.000 người đàn ông ở Hawaii đã cho biết thường đi bộ có thể làm giảm đáng kể sự phát triển của các chứng rối loạn trí nhớ, bao gồm cả bệnh Alzheimer (bệnh suy giảm và mất dần trí nhớ). Những nhà khoa học này nghi ngờ phải chăng việc





cải thiện tuần hoàn máu đến tim và não nhờ hoạt động đi bộ gây ra đã tác động tốt đến chức năng của não?

Một nghiên cứu khác tại trường Đại học Illinois tại Urbana-Champaign, Mỹ đã được công bố ngày 20/11/2006 cũng cho thấy tập thể dục nhẹ có thể đảo ngược (reverse) quá trình lão hoá của não. Nghiên cứu được thực hiện bởi 2 Tiến sĩ Arthur F.Kramer và Ed Mc. Auley.

Người được thí nghiệm là những người có cuộc sống tĩnh tại tuổi từ 60 đến 79 tuổi. Những người này được tập hợp 3 lần mỗi tuần trong thời gian 6 tháng để tham gia tập thể dục. Họ được chia làm 2 nhóm. Nhóm tập các bài tập aerobic nhẹ gần giống như đi bộ và nhóm tập các bài tập căng cơ (toning and stretching exercises). Các nhà khoa học đã quan sát, đối chiếu bộ não của những người tham gia thí nghiệm trước và sau chương trình tập thể dục qua hình ảnh được chụp bằng cộng hưởng từ. Kết quả cho thấy có sự gia tăng khối lượng não đáng kể ở những người tập aerobic so với những người chỉ tập căng cơ. Phần vỏ não trước, phần thường có sự thoái hoá liên quan đến tuổi già, là phần có sự thay đổi nhiều nhất từ những bài tập aerobic.

Bác sĩ Arthur F.Kramer cho biết *"Tập thể dục đúng cách có thể cải thiện chức năng của não. Thậm chí ngay cả các hoạt động nhẹ cũng rất có lợi cho não. Nó cải thiện lưu thông máu trong não và kích thích hình thành những tế bào mới"*. Ông còn nói thêm *"Bạn không cần phải là một người chạy marathon; bơi lội, đi xe đạp, đi bộ đều là những cách thức có thể mang lại lợi ích chống lão hóa não"*.

Đi bộ giúp tăng sức đề kháng và giảm nguy cơ tử vong do ung thư

Mọi hình thức vận động đều có khả năng làm gia tăng sự lưu thông khí huyết. Theo Đông y, "thông tắc bất thông, thông tắc bất thống". Đau nhức là do khí huyết ứ trệ, một khi khí huyết thông suốt, đau nhức sẽ không tồn tại. Đi bộ cải thiện tuần hoàn huyết, gia tăng sự trao đổi chất, làm tăng mật độ xương nên có tác dụng rất tốt trong việc phòng chống các chứng loãng xương và viêm khớp ở tuổi già. Qua vận động, khí huyết được lưu chuyển ra phần vệ khí biểu hiện thấy đổ mồ hôi, người nóng

lên, tăng cường sức chống bệnh từ môi trường bên ngoài. Một nghiên cứu của Trung Tâm Nghiên Cứu Ung Thư Fred Hutchinson ở Seattle (Mỹ) được phổ biến trên tạp chí The American Journal of Medicine số tháng 11/2006 đã cho biết đi bộ đều đặn có thể làm tăng đáng kể sức đề kháng, ngăn chặn cảm cúm và nhiều trường hợp nhiễm trùng khác.

Kết quả trên dựa vào một nghiên cứu trên 115 người phụ nữ đã mãn kinh, có cuộc sống tĩnh tại, cân nặng trên trung bình hoặc béo phì. Những người này được chia làm 2 nhóm. Nhóm đầu được chỉ định đi bộ nhanh 45 phút mỗi ngày, 5 lần mỗi tuần. Nhóm còn lại chỉ tập căng cơ 45 phút, mỗi tuần một lần. Kết quả cho thấy những người thuộc nhóm sau dễ bị cảm cúm, dị ứng hoặc một số trường hợp nhiễm trùng khác cao gấp 3 lần so với nhóm đầu. Một báo cáo được trình bày tại cuộc hội thảo thường niên lần thứ 95 của Hội Nghiên Cứu Ung Thư Hoa Kỳ ngày 29.3.2004 cũng cho thấy thực hành đi bộ có thể làm giảm đáng kể nguy cơ ung thư vú, ung thư ruột già và ung thư tử cung. Nghiên cứu được công bố tại hội nghị đã cho thấy tỷ lệ sống còn của những người bị ung thư này đã tăng đến 54% nếu đi bộ từ 30 đến 60 phút mỗi ngày. Những nhà khoa học cho rằng đi bộ đã làm gia tăng các loại tế bào bạch cầu và những loại kháng thể chống lại sự xâm nhập hoặc phát triển của các loại vi trùng, vi khuẩn gây bệnh.

Xạ trị, hoá trị trong điều trị ung thư thường dẫn đến rối loạn tiêu hoá, kém ăn, suy giảm hệ miễn dịch. Trong những trường hợp này, ngoài việc bổ sung những chất dinh dưỡng, việc đi bộ đều đặn, uống nước cháo gạo lức rang xen kẽ với uống nước ép trái cây là những liệu pháp bổ sung rất hữu ích. Vận động và uống nước cháo gạo lức rang đều có thể giúp kiện tỳ. Nước ép rau quả tăng cường những chất chống oxy hoá cần thiết để trung hòa bớt những gốc tự do sinh ra từ độc chất và giúp nâng cao sức miễn dịch.

Đi bộ và thiền hành

Đi bộ đều đặn hàng ngày tự nó đã có tác dụng điều hoà nội tiết, ổn định tâm lý. Ngoài ra, mỗi người đều có thể tận dụng thời gian đi bộ để hành





thiền thông qua việc quan sát hơi thở vào và ra trong lúc đi. Trong lúc thiền hành (hành thiền trong lúc đi), vẫn có thể đi chậm hoặc đi nhanh tùy theo điều kiện sức khỏe hoặc chương trình tập luyện. Điều quan trọng là bước đi phải đồng bộ với hơi thở và luôn chú tâm để biết rõ từng bước chân ứng với hơi thở vào hoặc ra. Chẳng hạn khi bước đi khoan thai có thể nhắm trong tâm hít (khi hít vào) và thở (khi thở ra), khi đi nhanh hơn có thể nhắm hít, hít (ứng với 2 bước chân khi hít vào) và thở, thở (ứng với 2 bước chân khi thở ra). Giống như nhiều phương pháp thiền khác, thiền hành có thể giúp người tập phát triển chánh niệm, gia tăng năng lực tập trung tư tưởng và kiểm soát cảm xúc qua đó có thể nâng cao chỉ số thông minh cảm xúc (emotional quotient), một yếu tố quan trọng góp phần cho sự thành công trong cuộc sống nhiều áp lực của xã hội hiện nay.

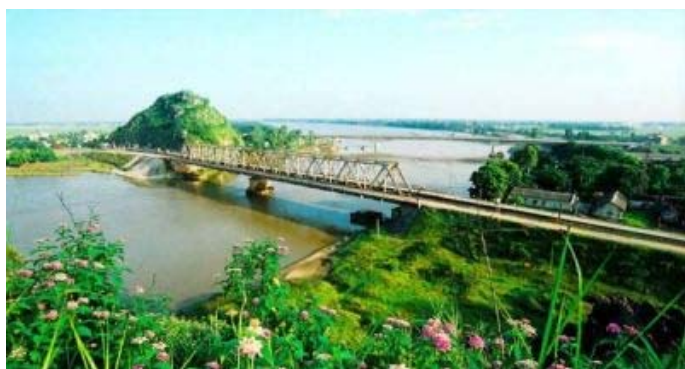
Quan sát hơi thở cũng đồng nghĩa với điều hòa hơi thở và tiết kiệm năng lượng. Điều này giúp đi được khoảng cách dài hơn hoặc thời gian lâu hơn. Hầu hết các vận động viên đều biết rằng kiểm soát hơi thở sẽ giúp họ vận động hiệu quả hơn và dai sức hơn.

Nói chung, mọi hình thức vận động, kể cả đi bộ, đều có tác dụng bảo vệ và phát triển sức khỏe về nhiều mặt. Một loại thuốc có thể được thay thế bằng một loại thuốc khác, nhưng không một loại thuốc nào có thể thay thế cho vận động. Nếu có thể sản xuất ra một loại thuốc tổng hợp có đủ các tác dụng của sự đi bộ thì ắt hẳn đó sẽ là loại thần dược quý giá nhất.





Vị vua Lê lên ngôi hai lần và lấy vợ Tây



Cách đây vài chục năm, những phụ nữ Châu Âu đến nước ta được nhiều người gọi là “bà đầm”, ai đó lấy vợ người Âu sẽ được coi là chuyện lạ. Ấy vậy mà, gần bốn trăm năm trước, có một người Việt Nam sống ở Thăng Long đã “lấy vợ đầm”. Đúng ra, ông có ít nhất là sáu bà vợ, trong đó có một người là dân Hà Lan. Ông là vua Lê Thần Tông.

Trong cuốn sách Tường trình về Đàng ngoài (còn có tên là Lịch sử vương quốc Đàng ngoài) của linh mục Alexandre de Rhodes, ghi rất nhiều việc về nước ta. Trong đó, có ghi chuyện người Việt Nam đầu tiên lấy vợ người châu Âu, là Lê Duy Kỳ, sinh ngày 19/11 năm Đinh Mùi 1607, con trưởng của vua Lê Kính Tông và bà Trịnh Thị Ngọc Trinh.

Sau này, năm Kỷ Mùi 1617, Duy Kỳ lên ngôi vua với hiệu là Lê Thần Tông. Duy Kỳ là cháu ngoại của chúa Trịnh Tùng, được đưa lên làm vua lúc mới 12 tuổi, sống mũi cao, da trắng trẻo, lớn lên rất đẹp trai, thông minh, học rộng, giỏi văn chương, làm vua được 24 năm thì nhường ngôi cho con trai mới 13 tuổi là Lê Duy Hựu (hiệu là Chân Tông).

“Lê Chân Tông lên ngôi, tôn vua cha làm Thái thượng hoàng, Hoàng hậu Trịnh Thị làm Hoàng thái hậu...” (Đại

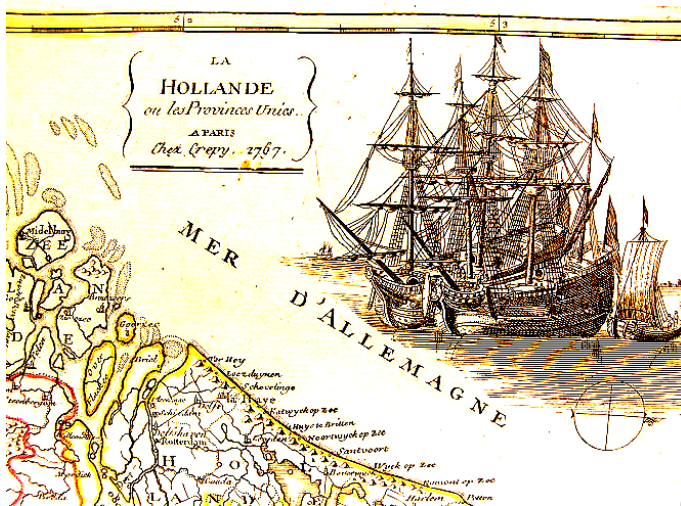




Việt sử ký toàn thư). Thế nhưng, ở ngôi chỉ được 7 năm thì Lê Chân Tông ốm, chết, nên Thái thượng hoàng Lê Duy Kỳ trở lại làm vua. Đến năm Nhâm Dần 1662, Lê Thần Tông qua đời. Nối ngôi Thần Tông là con trai thứ của ông, tên là Lê Duy Vũ (hiệu là Huyền Tông), ở ngôi 9 năm thì ốm, chết.

Kế vị cũng là một con trai nữa của Lê Thần Tông tên là Lê Duy Hợp (hiệu là Gia Tông). Lê Gia Tông ở ngôi 4 năm thì ốm, chết. Nối ngôi là con út của Lê Thần Tông, tên là Lê Duy Hợp (hiệu là Hy Tông).

Như vậy Lê Duy Kỳ là người duy nhất trong số 108 vị vua chúa Việt Nam có hai lần lên ngai vàng làm vua. Cũng xin lưu ý bạn đọc, Lê Duy Kỳ (1607-1662) làm vua với hiệu Thần Tông, không phải là Lê Duy Kỳ (1765-1793) cũng làm vua nhưng với hiệu Chiêu Thống. Lê Duy Kỳ (Thần Tông) còn có một kỷ lục nữa là có tới 4 người con liên tiếp lên làm vua.



Lê Duy Kỳ (Thần Tông) còn tạo ra kỷ lục đặc biệt nữa, là đã có ít nhất sáu bà vợ. Bà vợ đầu tiên tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc. Sách Đại Việt sử ký toàn thư có ghi việc này: “Vào năm Canh Ngọ 1630, niên hiệu Đức Long thứ 2, tháng 5, Vua lấy con gái Vương (Trịnh Tráng) là Trịnh Thị Ngọc Trúc, lập làm hoàng hậu. Trước, Ngọc Trúc đã lấy người bác họ của Vua là Cường quận công Lê Trụ, sinh được 4 con. Khi ấy Lê Trụ bị giam, Vương đem Ngọc Trúc gả cho Vua, Vua lấy vào cung. Triều thần là Nguyễn Trực, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ can. Vua không nghe mà nói rằng: “Xong việc thì thôi, lấy gương vậy”. Từ hôm ấy trở đi, trời mưa dầm ngày đêm không ngớt...”.

Sau bà Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, ông Lê Thần Tông còn có 5 bà vợ nữa, và rất lạ, mỗi bà thuộc một dân tộc: bà vợ thứ 2 là người Thái, bà vợ thứ 3 là người Mường, bà vợ thứ 4 là người Hán, bà vợ thứ 5 người Lào và bà vợ thứ 6 người Hà Lan.

Có thể vua còn có nhiều vợ khác nữa, chúng tôi chỉ nói tới sáu bà đã lưu lại hình dáng, là sáu bức tượng gỗ tạc chân dung các bà, bày tại chùa Mật Sơn, ở chân núi Mật, phía nam thành phố Thanh Hóa.

Sáu pho tượng này, mỗi người một nét dung nhan khác nhau và thấy rõ trang phục của mỗi bà đúng theo y phục dân tộc của từng người. Đặc biệt, y phục, váy áo của pho tượng tạc bà người Hà Lan, dù là tượng thờ, cổ áo trong vẫn trễ xuống để lộ một mảng ngực.

Tương truyền, ngôi chùa Mật Sơn do sáu bà vợ của vua Lê Thần Tông bỏ tiền công đức để xây dựng. Đó cũng là lý do sáu pho tượng của sáu bà bày tại chùa này. Việc sáu bà vợ cùng lòng cùng sức bỏ tiền công đức xây một ngôi chùa và lại cùng nhập thần vào những bức tượng ở bên nhau mãi mãi, cũng là một điều thật lạ lùng. Có thể coi đó là kỷ lục thứ tư của vua Lê Thần Tông!

Cho đến năm 1959, những pho tượng các bà vợ vua Lê Thần Tông đã được rước về đền Nhà Lê chỉ cách chùa Mật Sơn chừng hơn cây số, thuộc địa phận phường Đông Vệ. Đền Nhà Lê đã được xếp hạng Di tích lịch sử cấp nhà nước. Những pho tượng thờ các vua Lê, trong đó có sáu pho tượng sáu bà vợ vua Lê Thần Tông, ngày nay vẫn ở đền Nhà Lê, mọi người có thể đến chiêm bái, thăm viếng.

Chùa Mật Sơn, phía Nam thành phố Thanh Hóa thờ 6 bà vợ của vua Lê Thần Tông. Ảnh HV

Vào khoảng những năm 20 của thế kỷ XX, nhà sử học Charles Robequin có viết cuốn Le Thanh Hoa (Xứ Thanh Hóa), một cuốn sách nghiên cứu về lịch sử, địa lý, phong tục, ngành nghề, dân cư, đặc sản... của Thanh Hóa. Trong sách đó có ghi việc ông Lê Duy Kỳ là người Việt Nam đầu tiên lấy vợ người châu Âu.

Việc Đàng ngoài có khá nhiều kiều dân châu Âu đến làm ăn buôn bán từ đầu thế kỷ XVII thì một số thư tịch cổ đã ghi. Ngay ở Thăng Long, phường Giang Khẩu (sau đổi thành Hà Khẩu), nay là khu vực phố Hàng Buồm, Nguyễn Siêu, bên cửa sông Tô nối với sông Hồng, trên bến dưới thuyền tấp nập, không chỉ có người Trung Quốc mà còn có nhiều người Hà Lan, Anh, Bồ Đào Nha... đến buôn bán, mở nhiều cửa hàng.

Trong sách Tường trình về Đàng ngoài của linh mục A. de Rhodes cũng có nói đến việc người Hà Lan chiếm số đông và có ưu thế hơn những người châu Âu đến làm ăn ở Đàng ngoài.

Sách đã ghi việc chúa Đàng ngoài đã cầu cứu các thương gia người Hà Lan khi ấy đã chiếm đóng Java (Indonesia), xin cung cấp cho một số tàu tròn... và người Hà Lan đã đồng ý ngay vì biết vua chúa Đàng ngoài cần những tàu đó để tiến đánh chúa Đàng trong. Mà, chúa Đàng trong những năm đó đã công khai tỏ ra thù địch với người Hà Lan... việc liên minh có tính quân sự của Đàng ngoài với người



Hà Lan đồng thời với việc người Hà Lan đến miền Bắc Việt Nam làm ăn nhiều hơn.

Đơn cử, công ty Đông Ấn của Hà Lan đã liên tục lập những thương điểm ở Phố Hiến, ở Kẻ Chợ... mở mang thêm nhiều cuộc làm ăn buôn bán với Đàng ngoài. Trong bối cảnh cuộc sống xã hội như vậy, vua Lê Thần Tông, một người rất đẹp trai, sống mũi cao, da trắng, thông minh, học rộng, giỏi văn chương, đã lấy các bà vợ người Mường, Thái, người Lào và người Hán, thì có thêm bà vợ người Hà Lan cũng là việc dễ hiểu.

Chúng tôi từ nhỏ đã biết đến chùa Mật Sơn và đền Nhà Lê, có được thấy bức tượng các bà, rất đẹp và cao quý, mãi rất lâu sau này mới biết đó là những bà hoàng nhà Lê. Sáu bà hoàng hóa thân thành sáu bức tượng thờ, ở cùng với nhau mãi mãi, cũng là chuyện lạ trong đời sống dân tộc ta.

Anh Chi

Tạp chí Hồn Việt (4/2009)

Sưu tầm hình ảnh HNPD

Tượng sáu bà Hoàng vợ vua Lê Thần Tông ở chùa Mật.

Theo văn bia *Mật Sơn Đại Bi Tự* vốn ở chùa Mật Sơn (tên chữ là Đại Bi Tự - Thanh Hóa) thì vua Lê Huyền Tông (1663 - 1671) vào cuối đời, năm Cảnh Trị 9 (1671) đã cho dựng ở núi Mật Sơn ngôi chùa Đại Bi để thờ vua cha Lê Thần Tông và các bà Hoàng hậu cùng phi tần của vua cha. "Trong chùa có tượng Phật Di Đà, tượng Hộ Pháp. Bên trái có tượng vua Lê Thần Tông, tượng Đoan Từ Thuần Mỹ thái hoàng thái hậu, tượng Y Đức Phong Mỹ hoàng thái hậu và bốn bà phi tần".

Năm 1932 họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung thăm chùa Mật, thấy "tượng Vua Lê Thần Tông ngồi giữa, chung quanh là sáu bà vợ vua, mỗi bà một bộ mà bà nào cũng nghiêm chỉnh cả"⁽¹⁾. Ba mươi năm sau, họa sĩ viết tiếp: "Bây giờ những tượng đó vẫn còn, chùa bị máy bay oanh tạc hồi đầu kháng chiến đã cháy mất hẳn nhụi, nhưng những pho tượng được nhân dân bảo vệ đem vào để trong hang đá nay vẫn còn. Mặt phần của tượng đã bị tô lại một cách tai hại, nhưng nó vẫn cho ta thấy một cách rõ ràng tại sao các cụ lại trau chuốt nó ở những nơi nhất định, tại sao đầu tượng lại to như vậy, chân lại ngắn, lưng lại sơ sài và thẳng sừng sững như vậy"⁽²⁾

Ngày nay sáu pho tượng các bà Hoàng trên thì pho tượng bà Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc đã đưa về Bảo tàng Mỹ thuật (Hà Nội), các pho khác đưa về Thái miếu nhà Hậu Lê ở thành phố Thanh Hóa, trong đó 4 pho bày ở hai bên tượng vua Lê Thần Tông và một pho bày riêng. Ngoài bà Trịnh Thị Ngọc Trúc được phong Hoàng hậu năm Đức Long 2 (1630) mà sử cũ và một số bia đá

nói tới, chúng tôi chưa có điều kiện tra cứu tên các bà Hoàng khác. Theo bia chùa Mật Sơn thì có hai bà hoàng hậu là Đoan Từ Thuần Mỹ và Y Đức Phong Mỹ và bốn phi tần. Trong sáu pho tượng trên thì có hai pho có tấm "Vân kiên" tức yếm phủ bờ vai, ngực và một phần lưng, được trang trí rất kỹ, đồng thời cũng có hai dải tua từ sau mũ chảy xuống bờ vai phía trước. Có lẽ đây là hai bà Hoàng hậu. Bốn bà còn lại không có những đặc điểm trên, hẳn là phi tần, y phục cũng có phần đơn giản hơn. Có hai bà Hoàng hậu, vì vua Lê Thần Tông làm vua hai lần 1619 - 1643 và 1649 - 1662. Bà Trịnh Thị Ngọc Trúc được phong Hoàng hậu năm 1630 và khoảng 1643 thì theo các thiền sư Chuyết Chuyết và Minh Hành xuất gia ở chùa Phật Tích rồi sau sang chùa Bút Tháp, vậy hẳn phải là Hoàng hậu thứ nhất tức Đoan Từ Thuần Mỹ. Còn Y Đức Phong Mỹ là Hoàng hậu thứ hai thì cũng phù hợp với cách đặt tên (Thuần trước, Phong sau), và như thế thuộc lần làm vua thứ hai của Lê Thần Tông. Tương truyền trong bốn bà phi tần có một bà người Mường và một bà người Hà Lan, nay dựa trên nét mặt và y phục có thể đoán định ứng với hai pho ở bên phải vua Lê Thần Tông: Pho người Mường ngồi trước, pho người Hà Lan ngồi sau. Tượng vua Lê Thần Tông được ngồi trên đài sen, xem như quốc vương hóa Phật hay Bồ tát, còn các bà Hoàng đều ngồi trên bệ bình thường. Cả sáu bà đều lớn bằng người thực, cao nháp nhỉnh nhau, trong thế ngồi thiền bà Hoàng hậu thứ nhất (Trịnh Thị Ngọc Trúc) cao 111^{cm}, bà Hoàng hậu thứ hai cao 96^{cm}, bà phi tần thấp nhất cũng cao 94^{cm}.

Điểm chung của tượng các bà Hoàng này là đều ở thế ngồi thiền, vạt áo che kín các bàn chân, tư thế đàng dôi hai nửa phải và trái nhưng tay thì trừ hai bà phi tần kết ấn Tam muội giống nhau, còn ba bà có hai tay ở những tư thế khác nhau đang kết những kiểu ấn riêng. Kiểu ngồi và kết ấn này đã đưa các bà Hoàng trong cung cấm vào vị trí tượng Hậu Phật ở tâm các vị Bồ Tát. Dấu hiệu vương giả của các bà Hoàng là ở dáng người mang vẻ đẹp quý phái cao sang với khuôn mặt thanh tao, nước da mịn màng, dáng người thon thả, cổ cao, tai dài, mắt - mũi - miệng đều nhỏ xinh...và nhất là ở trang phục. Mũ các bà Hoàng là vương miện nhưng phỏng theo mũ Thiên quan của tượng Bồ Tát, phía trước ở chính giữa chạm hình đức Phật ngồi thiền trong vòng sáng, xung quanh là mây đao đan xen các loại hoa sen, hoa cúc...trên tổng thể các mũ khá giống nhau nhưng về chi tiết không lặp lại, luôn đổi mới, tạo sự phong phú. Các bà đều mặc áo dài, ống tay rộng tạo thành những





đường uốn lượn mềm mại như sóng nước chảy xuống đồi, hòa tuyền cùng các đường chảy trên ống tay và vạt áo làm cho tượng cứ như nhúc nhích trong không gian khối hương. Hai bà Hoàng hậu được trang trí dày đặc trên vân kiên và thân áo những hình chạm tỷ mỉ và tinh khéo như đồ kim hoàn. Trong những phi tần, có một bà trẻ xinh có y phục trang trí cũng khá kỳ công, chẳng kém hoàng hậu là bao, áo ngoài có hai tà mở phanh ra để lộ áo trong cũng trang trí dày đặc, hai nếp áo ngoài được chạm thành hai băng dây hoa, lại có phần vai áo làm giả như vân kiên đeo những tua dây kim tông, còn thêm chuỗi hạt vắt chéo từ vai trái xuống cánh tay phải. Ba bà phi tần còn lại ăn mặc đơn giản hơn, áo không trang trí, riêng bà tương truyền là người Hà Lan thì trước ngực có đeo dây anh lạc và chuỗi tràng hạt, các pho khác chỉ cần vận dụng mảng khối. Dù trang trí nhiều hay ít, thậm chí dường như không trang trí, thì với sự sơn son thếp vàng vẫn cứ rực rỡ, huyền ảo trong ánh đèn nền.

Là tượng chân dung song khuôn mặt không khác nhau nhiều lắm, tuy nhiên với bà Hoàng người Mường thì đáng người có phần hơi thô, cổ to và ngắn, mặt xương xương, gò má không đầy đặn, và bà người Hà Lan có khuôn mặt hơi vuông có vẻ bướng bỉnh. Các tượng đều theo khối đóng kín, đường viền rõ ràng, cân đối, nuốt nà. (ảnh 84a,b)



84b- Bà Trịnh Thị Ngọc Trúc - Hoàng hậu 1 của Lê Thần Tông chùa Mật

Chùa Đại Bi còn gọi là chùa Mật Sơn, ở núi Ngọc Nữ, xã Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Chùa do vua Lê Huyền Tông dựng năm 1671 để thờ vua cha là Lê Thần Tông và các hoàng thái hậu. Chùa có gác chuông hai tầng, treo quả chuông đúc năm 1679. Trong chùa có tượng Phật Di Đà cao gần 3m.



84a-Hoàng hậu 2 của vua Lê Thần Tông chùa Mật





Thiền Sư và gã lái đò Thăng Điền

Vào triều Minh, tại Bồ Điền tỉnh Phúc Kiến có vị đại quan tên là Hoàng Trọng Chiêu. Năm đó ông được vua bổ nhiệm làm chủ khảo. Bấy giờ, 6 bộ trong triều thì Bồ Điền chiếm hết 5. Một số các danh thân trong làng nhận định đây là một cơ hội tốt cho việc thi cử của Bồ Điền, bèn kêu gọi bọn con em lên kinh ứng thí. Thôi thì gà phụng lộn bầy, người thực học cũng có, người thừa cơ hội tung tiền mua danh cũng có. Những hạng người này đến kinh đô là nhắm cửa phủ Hoàng Trọng Chiêu bái phỏng. Để tránh tị hiềm, hễ những người đồng hương, Hoàng đại nhân tuyệt đối không tiếp. Nhưng rồi họ cũng có cách là tìm một vị quan lớn làm môi giới. Sau cùng, không tránh mãi được, Hoàng đại nhân đành cho họ gặp mặt, nhưng chỉ cho phép họ cử người đại diện đến gặp thôi. Hoàng đại nhân vốn đã biết ý đồ của họ nên khi gặp mặt cũng không vồn vã, chỉ hỏi một câu: “Năm nay trong nhà có khá không?”

Thì ra Hoàng đại nhân quá biết về văn tài của bọn họ, có ý muốn nhắc nhở nhưng không tiện nói trắng ra, chỉ nói câu đó để xem bọn họ hiểu như thế nào. Người đi gặp Hoàng đại nhân đoán không ra, để lại hết những quà biếu rồi đem lời của Hoàng đại nhân đoán chừng chừng là: Năm nay Bồ Điền đại mạch tiểu mạch thu hoạch được mùa, không biết việc này có liên quan đến việc thi cử không?

Quả nhiên, bọn họ đoán cũng trúng một phần. Nhờ câu nói đó mà số người thực học nhiều hơn số người kém chữ nghĩa. Trong số 50 học trò Bồ Điền đi thi thì 49 người đỗ Tiến sĩ, chỉ rớt có một người. Ấy là do Hoàng đại nhân không dám lấy đậu hết, sợ mắc phải tội tác tệ.

“Đi thi 50 đỗ 49”. Bồ Điền nhân đó mà danh tiếng nổi như cồn. Một số vị danh thân muốn khoe khoang mình trị huyện có phương pháp, bèn trên con đường ở sau huyện nha làm một đại phường bằng gỗ, trên đó treo

một tấm biển khắc 4 chữ tổ bố: “**VĂN HIẾN DANH BANG**”. Biển treo lên rồi tin tức truyền nhanh như gió khắp cả 81 xã trong huyện. Có người biết rõ nội tình cũng có ý ngầm không phục.

Có một hiền sĩ Thiền lâm cũng vì việc này mà nảy sinh ra câu chuyện văn chương kỳ thú. Thì ra, gần vùng đó có một ngôi chùa, trong chùa có một vị Cao tăng. Vị này chẳng những võ nghệ siêu quần mà cầm kỳ thi họa thứ nào cũng đạt đến mức tinh vi. Nghe tin mấy vị văn thân trong thành treo tấm biển ấy, vị sư cũng muốn đến xem cho biết. Chuyển đi đã gây kinh động biết bao người.

Hôm đó vị sư lên thành phố đi tản bộ loanh quanh, sau cùng đến trước nhà phượng gỗ, ngược mắt nhìn lên tấm biển. Bốn đại tự “Văn Hiến Danh Bang” nét chữ bay bướm và sắc sảo phi thường. Trong lòng vị sư có chủ ý: Mượn cơ hội này gặp mặt các chân tài tử Bồ Điền một phen. Ông từ từ cởi chiếc áo tràng của mình ra rồi khế vung tay. Vù một cái, chiếc áo bay lên giá phượng gỗ, vừa vụn phủ lên tấm biển nhẹ nhõm tuột xuống đất.

Tấm biển bị gỡ xuống là chuyện không thể được rồi, nhất thời không ít người đổ xô trước phượng gỗ. Họ thấy một vị Hòa thượng từ từ đỡ tấm biển lên kẹp vào nách rồi khệnh khạng bước về phía cổ lâu. Đoàn người hiếu kỳ đến mỗi lúc một đông, đa số không muốn vây vào chuyện không đâu nên chỉ lấy mắt ngó thôi. Một số tay chân của các vị văn thân có tấm tiếng muốn ra tay ngăn cản, nhưng ngán thân thủ bất phàm của Hòa thượng, nên đành xuôi tay đứng nhìn. Hòa thượng lên đến cổ lâu đặt tấm biển lên bệ lan can, khom mình chấp tay nói với mọi người:

- Bần đạo có điều mạo muội, dám xin quý vị lượng thứ cho Chỉ vì tấm biển này treo không được ổn, nên đành phải lấy xuống vậy.





Bấy giờ, mấy vị danh thân đã biết được sự việc cũng có mặt, hỏi Hòa thượng:

- Xin Hòa thượng cho biết thế nào là không ổn chứ?

- Tắm biển này đâu phải là ngư phong, dù cho ngư phong đi nữa cũng khó làm cho người ta khâm phục. Bần đạo đây có một câu đối, nếu quý vị đối được thì bần đạo sẽ lấy vải đỏ bao lại, trên đó gắn hoa rực rỡ rồi dính thân gắn lại chỗ cũ. Kèm theo đó, xin sắm một tiệc rượu, mời gánh hát về hát một ngày để tạ tội với quý vị. Còn như quý vị đối không được thì xin thứ lỗi cho bần tăng vô lễ. Sau ba ngày bần tăng sẽ mang đi vậy.

Mấy vị danh thân nghĩ thầm: “Cái ông Hòa thượng này được bao nhiêu tài cán mà khoe mẽ, muốn so tài học vấn với chúng ta? Thì, đây cũng là dịp chúng ta hiển lộ chân tướng cho thiên hạ biết”. Do đó, bọn họ thương lượng xong, quyết định đồng ý cuộc so tài này. Hòa thượng bảo người mua mấy tờ giấy lớn nối lại thành một bức dài rồi mới hươi đại bút viết một loáng thành một câu đối: **“Nhật tiền trùng thiên, đông lôi tây diện nam bắc vũ”**.

Viết xong đem treo lên, bức giấy rủ từ trên xuống dưới thành một dải dài, đứng xa mấy trăm bước cũng có thể nhìn thấy. Mấy vị danh thân bình thường tự ý mình văn chương đầy bụng, bấy giờ nhìn thấy câu đối của Hòa thượng, ai nấy đực mặt ra lấy mắt nhìn nhau, kêu khổ thầm: “Không ngờ Hòa thượng lại có nghề tay trái”. Câu đối này xem ra thật lém!

“Nhật” đối với “nguyệt”, “tiền” đối với “thoái” đều dễ tính. Còn đoạn “đông lôi tây diện nam bắc vũ” mới là khó nuốt. Thông thường, đông đối với tây, nam đối với bắc, lôi điện có thể đối phong vũ. Khó nổi là mấy chữ đó bị Hòa thượng xài hết thì câu sau lấy gì đối lại đây? Thực ra, những vị danh thân này học vấn theo lối chánh quy không nhiều, học phần lớn những thứ vặt vãnh. Họ biết rằng mình đối không được, không lẽ thú thiệt cái dốt trước mọi người, bèn viện cớ mắc công kia việc nọ rồi từ từ rút lui về nhà.

Cứ thế ba ngày qua đi, trước cổ lầu sĩ tử chen nhau đứng như rừng, có người phí cả tâm tư cũng không đối được. Vải liễn treo trước cổ lầu đã ba ngày, tắm biển trên cổ lầu vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Tới ngày thứ ba, mặt trời sắp khuất núi mà vẫn chưa có ai đối được. Điều này càng làm lo lắng thêm cho các vị danh thân. Bọn họ chỉ nghĩ đến thể diện của chính mình nên không ai muốn lại đến trước cổ lầu để bêu xấu. Có người muốn bậm gan bước ra, nhưng lại sợ thua Hòa thượng thì thêm xấu hổ với mọi người. Vì thế, họ dù có cho bọn tâm phúc đi dò la tin tức, nhưng tuyệt nhiên không ai chịu xuất đầu lộ diện cả.

Về phần Hòa thượng, thấy liên tiếp ba ngày không có người nào đối được, trong lòng cảm thấy rất là kỳ lạ. Tuy nhiên cũng nói:

- Mấy vị danh thân kia treo tắm biển này là cử chỉ mạo tên khi đời, nhưng mà chả lẽ bực chân tài tử của xứ này đều đi đâu cả? Sao không ai chịu xuất đầu lộ diện? Thôi được, khi mặt trời khuất núi, tôi đành phải vác tắm biển về vậy!

Đêm ấy, trăng sáng như ban ngày, vị Hòa thượng kẹp tắm biển dưới nách, vội vàng trở về chùa. Trước mặt ông, một dải nước khe trắng xóa cản lối. Đây là MỘC TÔNG KHÊ, muốn qua phải nhờ đò. Hòa thượng bước lên đò, dưới nách kè kè tắm biển. Người chèo đò thấy bộ dạng ông đã biết rõ 8 - 9 phần. Mấy hôm nay, khách qua đò đều bàn luận đến chuyện Hòa thượng gỡ biển ở trong thành, người chèo đò cũng có ý muốn vào thành để xem thử, ngặt nỗi không thể rời thuyền được. Anh ta muốn hỏi thăm mọi người, nhưng lại sợ bị chê cười. Bởi lẽ anh ta xuất thân từ cảnh bần hàn, từ nhỏ tới lớn chỉ nhờ con thuyền này mà sống qua ngày, chẳng được đi học, những điều hiểu biết chẳng qua chỉ là nhờ sự dạy bảo của khách qua đò. Biết được mấy chữ làm sao dám mơ tưởng đến việc ứng đối chứ?

Nay đây, anh ta thấy vị Cao tăng đã đến trước mặt mình rồi, định bụng không nên bỏ qua cơ hội ngàn năm xin cầu giáo này. Bấy giờ anh ta mới khom lưng cung kính xin Hòa thượng nói cho biết nội dung câu đối. Vị Hòa thượng thấy anh chèo đò này quá lễ phép trân trọng, lời nói khác thường, trong lòng thấy vui vui, bèn đem câu liễn ngâm qua một lượt. Anh chèo đò vẫn lay động mái chèo, con thuyền từ từ lướt lên phía trước. Trên mặt khe, gió thổi sóng nhấp nhô, bóng trăng xao xuyến, sóng vỗ mạn thuyền kêu lách tách. Trước tình cảnh này, anh chèo đò tâm cơ máy động, à lên một tiếng, rồi buột miệng ngâm rằng: **“Nguyệt lâm thủy diện, tiền ba hậu lãng, tả hữu phong”**.

- “Hay, hay !”

Hòa thượng nghe anh ta đối hay quá, khen lia lịa. Không ngờ ở một cái xó xỉnh này ông lại gặp được một vị chân tài tử! Ông vội vàng thi lễ chúc mừng anh chèo đò, rồi dục anh chèo đò mau mau quay thuyền lại, hai người ngay đêm đó cùng tiến vào thành. Hòa thượng có ý muốn cho mọi người xem đây mới thực là chân tài tử! Tắm biển “Văn Hiến Danh Bang” bấy giờ thay vì treo ở trên phường gỗ nơi đường cái sau huyện nha, lại được đem treo ở bến đò vào làng.

Thăng Điền (Theo *Trích từ Trung Quốc Phật Thoại*)



NHỮNG DANH TỪ HÁN VIỆT THƯỜNG DÙNG

Thầy Chay Sydney

Trong sự giao tế hằng ngày, ngôn ngữ là một trong những phương tiện quan trọng giúp ta chuyển đạt những ý nghĩ, tư tưởng của mình đến những đối tượng liên hệ đề ta và họ cùng hiểu nhau. TỪ NGỮ trong ngôn ngữ cũng được liên tục thay đổi không ngừng theo thời gian; cũng có những TỪ rất thông dụng bị lãng quên nhưng khi cần phải dùng đến nó, thì ta lại phải nhọc công tra cứu trong từ điển, hoặc phải hỏi người này, người kia để có một từ thích hợp cho nhu cầu của mình.

TỪ NGỮ trong ngôn ngữ Việt Nam lại có rất nhiều từ là từ Hán Việt đã bị bỏ quên, nhưng... vẫn phải xài, và khi cần, ta lại bị lúng túng không biết phải tìm đâu ra. Nhận thấy sự khó khăn đó, tôi, do sự khuyến khích của nhiều thân hữu, đã phải cố gắng hết sức trong khả năng hạn hẹp của mình để sưu tầm những từ Hán Việt thông dụng nhưng đã bị "mô côi" đó, hầu cống hiến bà con độc giả để chúng ta cùng nhau tham khảo.

Theo tôi, thì trong kho tàng ngôn ngữ của chúng ta có rất nhiều từ Hán Việt rất là phong phú và chính xác đã không được dùng đến, mà chẳng hiểu tại sao lại đi dùng những từ có thể được gọi là "hết sức gượng ép"... Chẳng hạn như từ:

HOÀNG QUÂN 皇君 là phu quân của Nữ Hoàng thì lại đi dùng từ Hoàng Tế, Hoàng Tế chỉ có nghĩa là con rể của Hoàng Gia, của nhà vua. Hoàng Tế không thể chỉ rõ được "ông này" là chồng của bà vua. Hoặc:

Quận Công Philip. Quận Công chỉ là một cái tước hiệu, và Quận Công không thể đồng nghĩa được với HOÀNG QUÂN, tức là chồng của bà vua. Nếu trong Hoàng tộc, nhà vua, hay Thái Thượng Hoàng có nhiều cô con gái (Công Chúa) thì, dĩ nhiên chồng của họ đều phải được gọi là Hoàng Tế (hay phò Mã), và như vậy thì, ông nào là chồng của bà vua? Trường hợp có nhiều ông Hoàng Tế lại

trùng tên với nhau như Philip thì lại càng rắc rối biết là đường nào!

Còn nữa, THÁI TỬ PHI 太子妃 là vợ chính của Thái Tử, hoặc HOÀNG TRƯỞNG TỨC 皇長媳 là dâu trưởng của đức vua thì lại dùng từ Công Nương; có người lại dùng cả từ Công Chúa để chỉ dâu trưởng của Nữ Hoàng, hoặc vợ lớn của Thái Tử thì quả là một sai sót rất lớn. Vì Công Nương chỉ là một người con gái (hay đàn bà) trong Hoàng Tộc; Và Công Chúa lại là con gái của nhà vua. Hai từ này không có nghĩa là THÁI TỬ PHI 太子妃, tức vợ của Thái Tử, hay dâu trưởng của ông, bà vua được.

Trước khi trình bày những DANH TỪ HÁN VIỆT thông dụng, tôi muốn nhấn mạnh là những từ Hán Việt này, nó phải đúng, và phải chính xác, chứ không phải bắt chước theo người Tàu, vì theo tôi, trong hiện tại, người Tàu dùng chữ cũng có nhiều từ rất là "kỳ dị". Tỷ dụ như:

Đảng Đối Lập họ gọi là đảng Phản Đối 反對黨; bộ Y Tế (Health Department), hay bộ Kiện Khang 健康部 thì họ gọi là bộ Vệ Sinh 衛生部; Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO) họ gọi là Tổ Chức Vệ Sinh Thế Giới 世界衛生組織, Lữ Quán 旅館, hay Khách Sạn 客棧 thì họ lại gọi là Tiệm Rượu (Tửu Điểm 酒店).

Lại cũng vì nhận thấy cách xưng hô (hoặc thưa gọi) trong tiếng Việt quả rất phức tạp nhưng cũng hết sức phong phú và chính xác, chứ không đơn giản "nị - ngộ" trong tiếng Hoa, hoặc "you - me" trong tiếng Anh. Bởi thế, "thế hệ một rưởi" mới quíu lười khi dịch chữ uncle trong tiếng Anh thành chú, bác, cậu hay dượng, chữ aunt thành cô, dì, thím hay mợ... mà ngay cả những người có căn bản Việt ngữ đôi khi cũng lúng túng chẳng biết phải gọi chồng





của bà vua (như quận công Philip, phu quân của nữ hoàng Elizabeth đệ nhị) là gì, con dâu của ông vua hoặc bà vua (như công nương Diana, vợ đầu của thái tử Charles) ra sao cho... đúng điệu Hoàng Gia. Lại nữa, Nhạc Gia là gia đình bên vợ (chứ chẳng phải là cha vợ như nhiều người vẫn thường gọi lầm), và Quân Phụ (phu thân của phu quân) mới là cha chồng v.v...

Nhân dịp tết đến, bên ly trà đậm đà và đĩa mứt ngọt ngào, xin mời quý bà con nhàn lãm "Những danh từ Hán Việt thường dùng" của Thầy Chạy Sydney như một món quà văn nghệ đầu xuân.

**** Nếu có chi sơ sót, kính mong chư quân bổ túc cho.**

Đa tạ.

Thầy Chạy Sydney.....

NHỮNG TỪ NÓI VỀ HOÀNG GIA

Hoàng Đế 皇帝 Ông vua (của một đế quốc, thiên triều)

Hoàng Thượng 皇上: Tiếng kêu tôn kính của quan, dân, bày tỏ đối với đức vua.

Hoàng Hậu 皇后: Vợ chánh của vua.

Hoàng Phi 皇妃: Vợ nhỏ của vua, Cũng dùng cho vợ của các con trai của vua.

Phi 妃: Vợ nhỏ của vua. Vợ chánh của vua gọi là Hậu 后; kém bậc Hậu là Phi 妃, tức vợ nhỏ của vua.

Tân 嬪: - Một chức quan đàn bà thời xưa;

- Vợ lẽ của vua, và thường được gọi là Phi Tân 妃嬪.

Thái Tử 太子: Con trai trưởng của vua (hoàng đế), và là người sẽ nối ngôi vua. Có khi vua bỏ trưởng lập thứ thì người con thứ này vẫn được gọi là Thái Tử. Thái Tử còn được gọi là Hoàng Trừ 皇儲, hoặc Trừ Quân 儲君, hay Vương Trừ 王儲。

Thái Tử Phi 太子妃: Vợ lớn của Thái Tử. Nên nhớ, không thể gọi tắt là Thái Phi, vì như thế là sai. Thái Tử Phi 太子妃 còn được gọi là Trừ Phi 儲妃。

Thái Thượng Hoàng 太上皇: Cha của vua.

Hoàng Thái Hậu 皇太后:

Mẹ của vua, được gọi tắt là Thái Hậu 太后。

Hoàng Thái Phi 皇太妃: Vợ nhỏ của vua cha, tức má nhỏ của ông vua, và được gọi tắt là Thái Phi 太妃。

Nữ Hoàng 女皇: Bà vua (của một nước lớn, như đế quốc Anh).

Hoàng Quân 皇君: Nữ Hoàng để phu quân 女皇的夫君: Phu quân của Nữ Hoàng, tức chồng của bà vua.

Nữ Vương 女王: Bà vua của một nước nhỏ (nước chư hầu).

Vương Quân 王君: Nữ Vương để phu quân 女王的夫君: Phu Quân của Nữ Vương, tức chồng của bà vua nước nhỏ.

Hoàng Tử 皇子: Con trai của ông (bà) vua nước lớn.

Hoàng Túc 皇媳: Dâu của ông (bà) vua.

Hoàng Trường Túc 皇長媳: Dâu cả của vua (tức vợ chánh của Thái Tử).

Công Chúa 公主: Con gái của vua.

Phò Mã 駙馬: Chồng của công chúa, tức rể của vua. Phò Mã còn được đọc là Phụ Mã.

Hoàng Tế 皇婿: Con rể của vua, của hoàng gia. Hoàng Tế là từ viết tắt của Hoàng Gia Nữ Tế 皇家女婿。

Ghi chú - Tôi xin phép được góp ý là, chúng ta nên dùng từ Hoàng Quân 皇君 để chỉ chồng của nữ hoàng vì nó chính xác hơn; còn từ Hoàng Tế chỉ có nghĩa là chồng của các người con gái (phụ nữ) trong hoàng tộc. Hoàng Tế 皇婿 không thể cho ta biết rõ ông nào là chồng của bà vua.

Thái Hoàng Thái Thượng Hoàng 太皇太上皇: Cha của cha ông vua, tức ông nội của vua.

Thái Hoàng Thái Hậu 太皇太后: Mẹ của vua cha, tức bà nội của ông vua.

Quốc Trọng 國丈: Cha vợ của vua.

Quốc Trọng Phu Nhân 國丈夫人: Mẹ vợ của vua.





Quốc Cự 國舅: Anh hoặc em (trai) vợ của vua.

Quốc Di 國姨: Chị em gái của vợ vua.

Vương 王: Vua của các nước nhỏ, nước chư hầu. Vương còn là chức lớn nhất mà vua (hoàng đế) phong cho các con trai mình, hoặc các quan có công, thí dụ: Bình Tây Vương. Từ đời Tần (Tần Thủy Hoàng) trở về sau đến đời nhà Thanh, thiên tử được gọi là Hoàng Đế.

Quốc Vương 國王: Ông vua, người chủ của một nước (đế quốc hay chư hầu), nên còn gọi là Quân Chủ 君主。

Quân Vương 君王: Quốc Vương 國王.

Vương Tử 王子: Con trai của các ông vua nước nhỏ, chư hầu, và các vị có tước vương.

Thế Tử 世子: Con trai trưởng của các ông vua nước nhỏ, chư hầu, hoặc các vị có tước vương. Trường hợp vua, hoặc các vương gia bỏ trưởng lập thứ, thì người con thứ này vẫn được gọi là Thế Tử, Thế Tử sẽ nối ngôi vương sau này.

Quận Chúa 郡主: Con gái của các vị có tước vương.

Quận Mã 郡馬: Chồng của Quận Chúa.

NHỮNG TỪ NÓI VỀ DÂN DÃ

Cao Tổ Phụ 高祖父: Cha của ông cố.

Cao Tổ Mẫu 高祖母: Mẹ của ông cố.

Tăng Tổ Phụ 曾祖父: Ông cố (cha của ông nội).

Tăng Tổ Mẫu 曾祖母: Bà cố (Mẹ của ông nội).

Tổ Phụ 祖父: Ông nội.

Tổ Mẫu 祖母: Bà nội.

Phụ Thân 父親: Cha.

Thân Phụ 親父: Cha đẻ, tức cha ruột, còn gọi là Sinh Phụ 生父。

Mẫu Thân 母親: Mẹ.

Thân Mẫu 親母: Mẹ đẻ, còn gọi là Sinh Mẫu 生母。

Tôn 孫 hay Nội Tôn 內孫: Cháu nội.

Tăng Tôn 曾孫: Cháu chắt (con của cháu nội).

Huyền Tôn 玄孫: Cháu, con của Tăng Tôn (con của cháu chắt)

Ngoại Cao Tổ Phụ 外高祖父: Cha của ông cố bên ngoại.

Ngoại Cao Tổ Mẫu 外高祖母: Mẹ của ông cố bên ngoại

Ngoại Tăng Tổ Phụ 外曾祖父: Ông cố (cha của ông ngoại).

Ngoại Tăng Tổ Mẫu 外曾祖母: Bà cố (má của ông ngoại).

Ngoại Tổ Phụ 外祖父: Ông ngoại, còn gọi là Ngoại Công 外公。

Ngoại Tổ Mẫu 外祖母: Bà ngoại, còn gọi là Ngoại Bà 外婆。

Ngoại Tôn 外孫: Cháu ngoại.

Ngoại Tăng Tôn 外曾孫: Cháu chắt (con của cháu ngoại).

Ngoại Huyền Tôn 外玄孫: Cháu, con của Ngoại Tăng Tôn (con của cháu chắt ngoại).

Nhạc Phụ 岳父: Cha vợ, còn gọi là Nhạc Trọng 岳丈。Trượng Nhân 丈人, hay Ngoại Phụ 外父。

Nhạc Mẫu 岳母: Mẹ vợ, còn gọi là Ngoại Mẫu 外母。

Quân Phụ 君父: Phu quân để phụ thân 夫君的父親: Phụ Thân của Phu Quân, tức là cha chồng.

Quân Mẫu 君母: Phu quân để mẫu thân 夫君的母親: Mẫu Thân của Phu Quân, tức là mẹ chồng.

Nhạc Gia 岳家: Gia đình bên vợ. Ta hay dùng lầm là cha vợ.

Trưởng Nam 長男: Con trai trưởng (lớn nhất), còn gọi là Trưởng Tử 長子。

Thứ Nam 次男: Con trai thứ hai (kể Trưởng Nam), còn gọi là Thứ Tử 次子。





Tam Nam 三男: Con trai thứ ba (kể thứ nam), còn gọi là Tam Tử 三子。

Tứ Nam 四男: Con trai thứ tư (kể Tam Nam), còn gọi là Tứ Tử 四子。

Ấu Nam 幼男: Con trai út, còn gọi là Ấu Tử 幼子。

Trường Nữ 長女: Con gái trưởng (lớn nhất).

Thứ Nữ 次女: Con gái thứ hai (kể trưởng nữ).

Tam Nữ 三女: Con gái thứ ba (kể Thứ Nữ).

Tứ Nữ 四女: Con gái thứ tư (kể Tam Nữ).

Ấu Nữ 幼女: Con gái út.

Tương cũng cần để ý đến 2 chữ Thứ đồng âm, là Thứ 次: thứ hai (kể trưởng), bên dòng Đích; và Thứ 庶, bên dòng kế (dòng thứ hai, thứ ba v.v...)

- Thứ Nam 次男 hay Thứ Tử 次子: là con trai thứ hai (kể trưởng) của dòng Đích 嫡 (con của vợ lớn), và

- Thứ Nam 庶男 hay Thứ Tử 庶子: là các con trai của dòng Thứ 庶, tức là các con trai của vợ hai, vợ ba, vợ tư v.v...

** và cũng tương tự cho Thứ Nữ 次女: Con gái thứ hai (kể trưởng) của vợ lớn, và Thứ Nữ 庶女: Các con gái của dòng Thứ 庶 (vợ nhỏ).

ĐÍCH 嫡 - Chữ Đích này chỉ Chính Hệ 正系。

THỨ 庶 - Chữ Thứ này chỉ Bàng Hệ 旁系。

ĐÍCH THỨ 嫡庶

Dòng chính thuộc về vợ lớn gọi là THÊ 妻, và dòng thứ thuộc về vợ nhỏ gọi là THIẾP 妾。 Do đó

Con của vợ lớn được gọi là Đích Tử 嫡子, và

Con của vợ nhỏ thì phải gọi là Thứ Tử 庶子。

Riêng về chữ Tử 子 -- Chữ

Tử 子 này cũng để chỉ chung cho con trai và con gái, chứ không phải "độc quyền"



riêng cho con trai, tỷ dụ như khi ta nói Thứ Tử 庶子, là nói chung về con cái của các bà vợ nhỏ gồm trai lẫn gái chứ không phải để chỉ riêng con trai.

ĐÍCH MẪU 嫡母: Các con của vợ lớn, vợ nhỏ đều kêu vợ lớn của người cha là Đích Mẫu 嫡母。

THỨ MẪU 庶母: Các con thuộc dòng Đích hay dòng Thứ, đều phải gọi vợ nhỏ của cha mình là Thứ Mẫu 庶母。

Huynh 兄: anh.

Tẩu 嫂 hay Tẩu Tẩu 嫂嫂: chị dâu.

Đệ 弟: em (trai).

Đệ Phụ 弟婦: em dâu.

Tỷ 姊: chị, thường quen gọi là Tỷ Tỷ 姊姊, còn gọi là Thợ Thợ 姐姐。

Tỷ Phu 姊夫: Anh rể.

Muội 妹: Em gái.

Muội Phu 妹夫: Em rể.

Nội Huynh 內兄弟: Anh em (trai) của vợ.

Di 姨: Chị em (gái) của mẹ, tức là Di, còn gọi Di Mẫu 姨母。

Đại Di 大姨: Chị vợ, còn có nghĩa là Di (chị của mẹ).

Di Tử 姨子: Em (gái) vợ.

Nội Diệt 內姪: Cháu kêu vợ mình bằng cô.

Phu Quân 夫君: Chồng (ông xã), còn gọi là Lão Công 老公, hay Trọng Phu 丈夫。 Riêng từ Trọng Phu 丈夫 còn có nghĩa là người đàn ông, người con trai đã đến tuổi trưởng thành.





Phu Nhân 夫人: Vợ (bà xã), còn được gọi là Thê Tử 妻子, hay Thái Thái 太太, hoặc Lão Bà 老婆。 Chữ Lão Bà 老婆, ta thường dùng lầm là bà già, bà già gọi đúng phải là Lão Bà Bà 老婆婆。

Chữ Thê Tử 妻子 chỉ có nghĩa là vợ (bà xã). Còn Thê - Tử (妻 - 子) hay Thê, Tử (妻, 子); hoặc Thê dữ Tử (妻與子) mới là vợ con (vợ và con).

Phu Phụ 夫婦: Vợ chồng, còn được gọi là Kháng Lệ 伉儷。

Nhi 兒: nghĩa chung là con (Chỉ chung cho con trai lẫn con gái); nghĩa riêng, Nhi 兒 là con trai (Nam Nhi 男兒).

Tử 子 hay Nhi Tử 兒子: con trai. Còn được gọi là Nam Tử 男子, hay Nam Nhi 男兒。

Nữ 女 hay Nữ Nhi 女兒, hay Nữ Tử 女子: con gái.

Ghi chú - Xin được nói rõ

Nữ Nhi 女兒 là con gái, còn

Nhi Nữ 兒女 là con trai và con gái (tức là con cái); là thanh niên Nam và Nữ, (chứ không phải là Con Gái như nhiều người thường dùng lầm về từ này).

Nhi Nữ 兒女: con cái. Nhi Nữ 兒女 cũng là từ để chỉ chung cho con trai và con gái.

Thí dụ thành ngữ về hai chữ Nhi Nữ 兒女

兒女情長 Nhi nữ tình trường (the lasting affection of the boys and girls): Người con trai và người con gái coi trọng tình yêu.

英雄氣短 Anh hùng khí đoản (the aspiration of a hero is weakened): Tráng chí (chí khí) của người anh hùng bị suy sút đi.

Nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản:

Khi tình Nhi Nữ (tình yêu giữa trai và gái) chiếm phần hơn thì sẽ làm chí khí người anh hùng phải kém sút.

Ý nói khi đôi trai gái yêu nhau, thì khó mà tránh được vì nặng về tình ái, vì chữ tình mà sẽ buông xuôi tất cả,

-- Hễ nặng tình thì nhẹ nợ (Nợ nước, nợ sự nghiệp v.v...). Ý chí tiêu tan.

Tình trường 情長: Tình dài (Chữ trường 長 ở đây có nghĩa là dài, với hàm ý là nặng Tình chớ không phải là sân...khấu, hay cuộc... tình); Khí đoản 氣短: Khí ngắn, với hàm ý là cái chí khí bị giảm đi.

Tình càng nặng bao nhiêu thì cái chí khí càng nhẹ (kém) đi bấy nhiêu.

Tử Nữ 子女: con cái.

Nữ Tử 女子: Con gái.

Bá Phụ 伯父: Bác trai, còn gọi là Bá Bá 伯伯。

Bá Mẫu 伯母: Bác gái, còn gọi là Bá Nương 伯娘。

Thúc Phụ 叔父: Chú, còn gọi là Thúc Thúc 叔叔。

Thảm Mẫu 孀母: Thím.

Cô 姑 hay Cô Mẫu 姑母: Chị hoặc em gái của cha.

Cô Trọng 姑丈: Dượng, chồng của cô.

Cửu Phụ 舅父 hay Cửu Cửu 舅舅: Cậu (anh hoặc em trai của mẹ).

Cầm Mẫu 妯母: Mợ.

Di 姨 hay Di Mẫu 姨母: Di (chị hoặc em gái của mẹ).





Di Trượng 姨丈: Dượng (chồng của dì).

Ngũ Đại Đồng Đường 五代同堂 gồm có:

Tổ Phụ Mẫu 祖父母, Phụ Mẫu 父母, Tự Kỳ 自己, Tử 子, Tôn 孫, tức là ông bà nội, cha mẹ, mình, con mình, cháu nội mình. Ngũ Đại Đồng Đường còn được gọi là Ngũ Thế Đồng Đường 五世同堂.

Khâm Huynh Đệ 衿兄弟: Anh em bạn rể, còn gọi là Liên Khâm 連衿, hay Đồng Môn Huynh Đệ 同門兄弟, hoặc Liêu Tế 僚婿.

Đồng Môn Sư Huynh Đệ 同門師兄弟: Anh em bạn học cùng thầy. Anh em bạn rể, hoặc anh em bạn học đều được gọi tắt là Đồng Môn 同門.

Diệt Tử 姪子: Cháu gọi mình bằng chú, bác hay cô.

Diệt Nữ 姪女: Cháu gái kêu mình bằng chú, bác, hay cô.

Ngoại Sanh 外生: Cháu kêu mình bằng cậu hay dì, thường được dùng để chỉ cháu trai

Ngoại Sanh Nữ 外生女: Cháu gái kêu mình bằng cậu hay dì.

Thảm Mỗ 孀姆: chị em bạn dâu, còn gọi là Trục Lý 妯娌.

Tức Phụ 媳婦: Con dâu, còn gọi là Nhi Tức 兒媳.

Trường Tức 長媳: Dâu cả.

Thứ Tức 次媳: Dâu thứ hai.

Tam Tức 三媳: Dâu thứ ba.

Ấu Tức 幼媳: Dâu út.

Nữ Tế 女婿: Con rể.

Trường Tế 長婿: Con rể lớn (trưởng)

Thứ Tế 次婿: Con rể thứ hai.

Tam Tế 三婿: Con rể thứ ba.

Ấu Tế 幼婿: Con rể út.

Ghi chú:

Con trai, con gái lớn, tức con Cả, ta dùng chữ TRƯỞNG 長.

Người con thứ hai (Kế trưởng), ta dùng chữ THỨ 次.

Người con thứ ba, tư, năm, ta dùng chữ TAM 三, TỨ 四, NGŨ 五, v.v... và con út thì dùng chữ ẤU 幼.

Ta không thể nào dùng chữ Thứ 次 để chỉ cho tất cả những người con thứ hai, ba, tư, năm hay út. Vì như thế chẳng khác nào ta cho rằng:

$2 = 3 = 4 = 5 = 6 \dots$ (làm sao bằng được?).

Trên báo chí, người ta hay dùng từ Thứ Nam 次男, Thứ Nữ 次女 để chỉ cho tất cả những anh chị em kế người

Trưởng 長 (anh chị cả), và kể cả người con út cũng vậy.

Thật là một sai sót rất đáng tiếc. tôi xin đơn cử một thí dụ:

Cô Lê Thúy Vân, "thứ nữ" 次女 của ông bà Lê Công Khanh sẽ lên xe hoa...

Giả dụ như cô Vân này có 10 anh chị em. -- Cô Lê Thúy Vân này là cô con gái cưng thứ mấy trong gia đình của ông bà Khanh? Thứ hai, thứ ba, hay thứ chín? Câu trả lời, chỉ có chính cô Vân và gia đình của cô biết mà thôi. Bà con hay bạn bè của cô cũng khó lòng mà biết được...chớ đừng nói chỉ những người cầm tờ báo, hay cái thiệp mời mà có thể "bói được".

Dưỡng Phụ 養父: Cha nuôi, người cha này phải có nuôi đứa con đó mới được gọi là cha nuôi.

Dưỡng Mẫu 養母: Mẹ nuôi, trường hợp giống như

Dưỡng Phụ 養父。

Nghĩa Phụ 義父: Cha nuôi, gọi là cha nuôi, nhưng không có nuôi đứa con đó; có thể vì ân nghĩa, hoặc vì thương mến mà xin làm cha nuôi người ta. Cha nuôi này còn được gọi là Khế Phụ 契父, hay Khế Gia 契爺。

Nghĩa Mẫu 義母: Mẹ nuôi, trường hợp giống như nghĩa phụ. Mẹ nuôi này còn được gọi là Khế Mẫu 契母。

Dưỡng Tử 養子: Con nuôi, đứa con này phải có đem về nhà nuôi mới được gọi là con nuôi.





Nghĩa Tử 義子: Con nuôi. Gọi là con nuôi, nhưng chẳng có nuôi người ta ngày nào; có thể vì ân nghĩa, hoặc vì thấy thương mà nhận làm con nuôi. Con nuôi này còn được gọi là Khế Tử 契子。

Dưỡng Nữ 養女: Trường hợp giống như Dưỡng Tử 養子。

Nghĩa Nữ 義女: Trường hợp giống như Nghĩa Tử。

Kế Phụ 繼父: Người cha kế (cha ghê).

Kế Mẫu 繼母: Người mẹ kế (mẹ ghê).

Giả Tử 假子: Con trai riêng của chồng, hoặc của vợ (thường dùng chỉ chung cho con trai lẫn con gái).

Giả Nữ 假女: con gái riêng của chồng, hoặc của vợ.

NHỮNG TỪ LINH TINH

Mai nhân 媒人: Người đứng ra làm mai, còn gọi là Môi Nhân.

Mai Nhân Công 媒人公: Ông mai.

Mai Nhân Bà 媒人婆: Bà mai.

Lão Ông 老翁: Ông già.

Lão Phụ 老婦: Bà già, còn được gọi là Lão Bà Bà 老婆婆。

Nhị Nhiệm Lão Công 二任老公: Chồng đời thứ hai, còn được gọi là Nhị Nhiệm Trọng Phu 二任丈夫, Nhị Nhiệm Phu Quân 二任夫君。

Nhị Nhiệm Lão Bà 二任老婆: Người vợ đời thứ hai, còn được gọi là Nhị Nhiệm Phu Nhân 二任夫人, Nhị Nhiệm Thái Thái 二任太太。

Tục Huyền 續玄: Nói lại dây đàn, ý chỉ người đàn ông vợ chết rồi sau đó lấy vợ khác.

Tái Giá 再嫁: Từ này dùng để chỉ người đàn bà mất chồng, sau đó (lại gả chồng) lấy chồng khác.

Về hai từ Công Nhân 工人 và Nhân Công 人工。 Có một số người hay bị lầm lẫn về hai từ này, Công Nhân 工人: là người thợ, người làm công, làm thuê, làm mướn.

Nhân công 人工: là cái công sức để hoàn tất công việc, là cái giá trị của cái công sức đó... nói tóm lại ngắn và gọn Nhân Công là tiền lương. Nhân công còn được gọi là Tân Thủy 薪水, hoặc Tân Kim 薪金。

Ta không thể nào dùng từ Nhân Công thay cho Công Nhân. Vì như thế chẳng khác nào ta dùng từ Chúa Công thay cho Công Chúa vậy.

Dưới đây là vài thí dụ:

Thí dụ 1 - Số công nhân 100 người : Số thợ (người làm công) là 100 người.

Thí dụ 2 - Số nhân công 100 người : Số tiền lương (cho) 100 người thợ.

Mại Dâm 賣淫: Bán dâm.

Mãi Dâm 買淫: Mua dâm.

Đồng Tính Luyến Ái 同性戀愛: Tình yêu giữa hai người cùng phái tính.

Tính Dục 性慾: Nam nữ gian để nhục dục 男女間的肉慾: Sự thèm muốn được thỏa mãn khoái lạc về xác thịt (nhục dục) giữa trai và gái, tức là thèm muốn về giao cấu 交媾。

Tình Dục 情慾: Nam nữ tương ái để tình cảm 男女相愛的情感: Tình yêu giữa trai và gái.

Sự Lầm Lẫn thường xảy ra khi ta sử dụng từ Tính Dục 性慾 và Tình Dục 情慾

Dấu Sắc (') và dấu Huyền (`) đối với danh từ Hán Việt thỉnh thoảng dễ làm cho người ta bị lẫn lộn. Vì vậy tùy theo tính nhạy cảm mà người ta ưa thích cho vào dấu Huyền thay vì đúng phải là dấu Sắc, để cho nó nghe êm tai hơn. Chẳng hạn như Đồng Tính Luyến Ái 同性戀愛 đã bị biến thành "đồng tính luyến ái", và Tính Dục 性慾 lại bị sửa thành "tình dục" 情慾。

SINH HOẠT TÌNH DỤC 情慾生活 - Là sinh hoạt về ái tình 愛情. Hai người cùng yêu nhau là hai người có quan hệ Tình Dục 情慾。





SINH HOẠT TÍNH DỤC 性慾生活 - Là sinh hoạt về tính giao 性交. Hai người cùng giao cấu 交媾 là hai người có quan hệ Tính Dục 性慾.

Vài thí dụ (được dùng đúng) cho hai từ Tính Dục và Tình Dục

1 - Về từ Tính Dục 性慾

Một thanh niên đã bị đi tù vì can tội xâm phạm Tính Dục 性慾。

Xâm Phạm Tính Dục tức Tính Dục Xâm Phạm, hay Tính Xâm Phạm 性侵犯。

2 - Về từ Tình Dục 情慾

a - Một thanh niên bị đau khổ về Tình Dục 情慾: Anh chàng này yêu người nhưng chẳng được người yêu, nên anh ta đau khổ; hoặc giả anh chàng này trước đó cũng đã được yêu, nhưng sau đó bị nàng phụ bạc nên anh ta lại đau khổ.

b - Một thanh niên sung sướng vì đã đạt được mục tiêu Tình Dục 情慾: Anh chàng thanh niên này đã yêu và cũng đã được người đẹp đáp lại bằng tình yêu, nên anh ta cảm thấy rất sung sướng và hạnh phúc.
Xâm Phạm Tính Dục (Tính dục xâm phạm), hay Tính Xâm Phạm 性侵犯: Hiếp dâm: Dùng sức mạnh, thể thần, hay tất cả mọi phương tiện sẵn có để ép buộc đối phương phải thỏa mãn nhu cầu nhục dục của mình.

TÌNH DỤC 情慾 sinh TÍNH DỤC 性慾

Đôi trai gái yêu nhau, thường với những cử chỉ ôm ấp, hôn hít, vuốt ve đã gây kích thích đến ham muốn về nhục dục, đòi hỏi sự làm tình (TÍNH DỤC 性慾), và khi hai người đã Giao Cấu 交媾, thì có nghĩa là họ đã thỏa mãn được TÍNH DỤC 性慾 trong TÌNH DỤC 情慾.

TÍNH DỤC 性慾 sinh TÌNH DỤC 情慾

Đôi trai gái không hề yêu nhau (không có quan hệ TÌNH DỤC 情慾), họ bị ép duyên vợ chồng, phải chung sống, và dĩ nhiên là phải làm tình (Họ chỉ có quan hệ TÍNH

DỤC 性慾) để sanh con đẻ cái. Tuy nhiên, sau những lần giao hợp, họ đã hưởng được những cảm giác khoái lạc tuyệt vời về Nhục Dục 肉慾... Từ đó họ cảm thấy họ không thể thiếu nhau, và cũng từ đó đã nảy sinh ra tình yêu. TÌNH DỤC 情慾 được sản sinh từ TÍNH DỤC 性慾.

NÔ LỆ TÍNH DỤC hay TÍNH NÔ LỆ 性奴隸 (Tính Dục Nô Lệ)

Người nô lệ này, là người bị ép buộc đem thân xác của mình cho kẻ khác thỏa mãn thú vui về Tính Giao 性交, Giao Cấu 交媾。

NÔ LỆ TÌNH DỤC (TÌNH DỤC NÔ LỆ 情慾奴隸)

Thí dụ cô A, chẳng có thương anh B. Cô biết B yêu say mê đắm đuối mình, cô A lợi dụng tình yêu của B, và B sẵn sàng làm mọi thứ để thỏa mãn các đòi hỏi của cô A. Anh B đã vô tình làm Nô Lệ Tình Dục cho cô A.

Cũng có những người vì quá yêu, quá si mê, dù biết rằng mình bị lợi dụng, họ vẫn sẵn sàng chấp nhận làm Nô Lệ cho người mình yêu.

Kỹ Nghệ TÍNH DỤC còn gọi là TÍNH SẢN NGHIỆP 性產業 (Tính Dục Sản Nghiệp)

Chuyên cung cấp các dịch vụ về Tính Giao 性交, tức cung cấp gái điếm (kỹ Nữ 妓女) để phục vụ khách mua dâm.

Kỹ Nghệ TÌNH DỤC còn gọi là TÌNH DỤC SẢN NGHIỆP 情慾產業

Chuyên cung cấp các dịch vụ liên quan đến tình yêu, như các văn phòng giới thiệu bạn trai, bạn gái; các văn phòng giới thiệu hôn nhân v.v...

Trong quan hệ Tình Dục 情慾, người ta thường dùng hoa để làm quà tặng cho người yêu. vì vậy, khi nói đến những loài hoa quý, chúng ta không thể không đề cập đến hoa Hồng, hay bông Hồng....

Bông Hồng, theo tiếng Anh, gọi là Rose. Bông Hồng lại có rất nhiều chủng loại khác nhau, tùy theo màu sắc của nó mà ta sẽ có: Hồng Đỏ, Hồng Vàng, Hồng Lam (xanh lam), Hồng Trắng, Hồng Đen v.v... Bông Hồng, theo tiếng Việt





hoặc tiếng Hoa, tự cái nghĩa của chữ Hồng cũng đủ cho ta thấy Hồng là màu đỏ... Ấy thế mà, đã Hồng rồi mà hồng đỏ (bông Hồng Đỏ), Hồng rồi... mà là Vàng (bông Hồng Vàng), Lam, Trắng, Đen được... thì thấy cũng rất là "đã đời"... Trong khi ta có một từ khác rất dễ thương để chỉ bông Hồng thật chính xác mà không bị vướng mắc những cái nghĩa "đã đời" nói trên, đó là hoa Mai Quế 玫瑰 (chữ Quế lại có một âm khác là Côi, tức là hoa Mai Côi), và như vậy, ta sẽ có:

Mai Quế Đỏ, tức Hồng Mai Quế 紅玫瑰, Mai Quế Vàng, tức Hoàng Mai Quế 黃玫瑰, Mai Quế Lam, tức Lam Mai Quế 藍玫瑰, Mai Quế Trắng, tức Bạch Mai Quế 白玫瑰, và Mai Quế Đen, tức Hắc Mai Quế 黑玫瑰.

Phân biệt ba chữ Thơ, Thi, Thư

Thơ - Tiếng Nôm rất có nghĩa là thơ từ, (viết thơ, lá thơ), bài thơ, ngày thơ, thơ thần v.v...

Thi 詩 - Tiếng Hán Việt có nghĩa là Thơ, như làm Thơ, sáng tác Thơ, họa bài Thơ v.v...

Thư 書 - Tiếng Hán Việt có nghĩa là cuốn sách, cũng có nghĩa là (lá) Thơ, Thơ Từ. Văn Thơ (Văn Thư 文書), Chữ

Thư 書 này có hai âm là Thư và Thơ

Thí dụ 1 - Thượng Thư Nguyễn Thế Nhân
Thượng Thư Nguyễn Thế Nhân.

Thí dụ 2 - Gia Thư 家書: lá Thư (thơ) của gia đình; Tình

Thư 情書: Thơ tình. Ngoài ra ta lại có thêm chữ

Tín 信 - Có nghĩa là Thơ, viết thơ gọi là Tả Tín 寫信, lại có nghĩa là Tin (tín nhiệm 信任).

Giai Nhân 佳人: người đẹp.

Tài Tử 才子: Người có học vấn, người trí thức có tài cán.

Mnh Tinh 明星: Ngôi sao sáng, ngôi sao màn bạc. Từ này được dùng để chỉ diễn viên điện ảnh.

Nam Minh Tinh 男明星: Nam diễn viên điện ảnh, nhưng chúng ta quen dùng từ Tài Tử.

Nữ Minh Tinh 女明星: Nữ diễn viên điện ảnh.

Hí Ban Ban Chủ 戲班班主: Hí Ban 戲班: gánh hát,

Ban Chủ 班主: ông (bà) bầu. Hí Ban Ban Chủ: ông (bà) bầu gánh hát.

Hoa Đán 花旦 (hoặc Đán 旦): Tuồng hát xua, người đóng vai đàn bà, con gái được gọi là Hoa Đán 花旦; cô đào hát

cũng gọi là Hoa Đán 花旦. Bây giờ thì gọi là Nữ Chủ

Giác 女主角。

Tiểu Sinh 小生:

1 - Người học trò khiêm xưng mình đối với thầy học, hoặc đối với những bậc trưởng bối.

2 - Tuồng hát xua, người đóng vai đàn ông, hoặc anh kép hát đều được gọi là Tiểu Sinh 小生, hoặc Sinh 生。

Bây giờ thì được gọi là Nam Chủ Giác 男主角。

Tiểu Sứ 小丑: Người đóng vai Hề được gọi là Tiểu Sứ, hoặc Sứ 丑。

Cái Bang Bang Chủ 丐幫幫主: Thủ Lãnh của đám khát cái (đám xin ăn).

Tình Nhân 情人: Người tình, người yêu.

Nhân Tình 人情:

1 - Tình cảm của con người đối với con người, tức là Tình Người.

2 - Một nghĩa khác nữa là quà cáp, hoặc những tài vật dùng để đút lót, lo hối lộ để nhờ người ta giúp mình.

3 - Quà cáp, hay tiệc tùng, chỉ với mục đích thuần túy là đền ơn cho ai đó đã giúp mình việc gì, mặc dầu Ân nhân không đòi hỏi.

Gia Nhân 家人: Người nhà, người trong gia đình. có khi cũng dùng để chỉ tội tở trong nhà.

Nhân Gia 人家: Người ta. Từ này được dùng để chỉ nhân vật thứ ba; đôi khi cũng dùng để chỉ chính mình.

Bất Túy Vô Quy 不醉無歸: Không say không về.





Bằng Hữu Mãn Thiên Hạ Tri Kỷ Năng Kỷ Nhân 朋友滿天下知己能幾人: Bạn bè nhiều khắp thiên hạ, tri kỷ để có mấy người.

Tham Tang Ưông Pháp 貪贓枉法: Quan chức, nhân viên chính quyền tham của đút lót, mà làm sai luật pháp.

Mại Kiếm Mãi Ngưu 賣劍買牛: Bán kiếm mua trâu, ý nói bỏ nghề ăn cướp để hoàn lương mà đi làm ruộng.

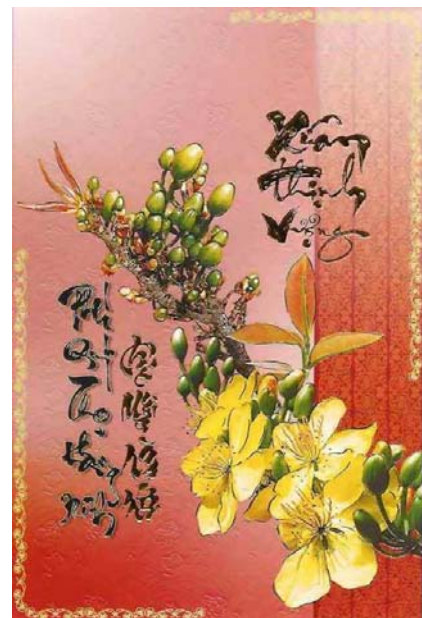
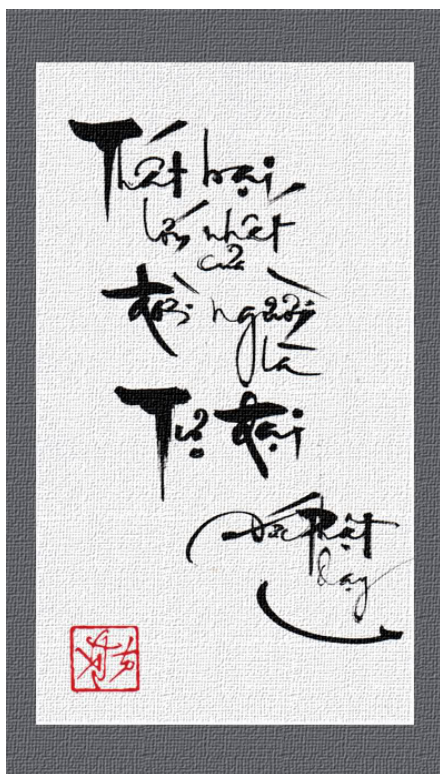
Tửu Nhập Tâm Như Hổ Nhập Lâm 酒入心如火入林: Ý nói có rượu uống vào thì người thấy rất là vui vẻ, và hùng dũng như cọp được thả vào rừng.

Tửu Nhập Ngôn Xuất 酒入言出: Rượu vào lời ra.

Khi rượu vào lời ra, thì, đôi khi cũng khó mà tránh được những lời nói sai quấy, lầm cẩm khi vui miệng, vì vậy, Thầy Chạy xin phép được tạm dừng nơi đây. Kính chúc

Quý bà con, cùng chư quân hải nội ngoại một mùa Xuân tràn đầy hạnh phúc, đa tài, đa lợi và như ý.

Thầy Chạy Sydney. 18 - 01 - 2010





Du Tăng Cầu Pháp

*Nghĩa Tịnh
Thích Hằng Đạt dịch*

Mục Lục

Lời nói đầu

A. Châu Sĩ Hành, sa môn người Trung Hoa đầu tiên qua Tây Vực cầu pháp

B. Vu Pháp Lan

C. Pháp Hiển

Đông Tỳ Sa Môn Pháp Hiển Tự Ký Du Tây Thiên Sự:

Chương I. Từ Trường An đến Sa Mạc cát đá (Sandy desert)

Chương II. Đến Thiện Thiện và Vu Điền (Khoten)

Chương III. Vu Điền, Lễ Diễn Hành, Ngôi chùa mới của nhà vua

Chương IV. Đi xuyên qua ngọn núi Thông Lãnh (Ts'ung hay Pamir) đến nước Kiệt Xoa (Tashkurgan)

Chương V. Lễ Bàn Giá Việt Sư hay đại pháp hội trong năm năm, Xá Lợi của Phật. Ngũ cốc của nước đó

Chương VI. Đến bắc Thiên Trúc, vương quốc Đà Lịch (Darel), tượng Bồ Tát Di Lặc (Maitreya)

Chương VII. Bắng qua sông Tân Đầu (Indus). Khi đạo Phật vượt sông Tân Đầu để tiến về phía đông

Chương VIII. Vương quốc Ô Trường (Udyana), chùa chiền, theo di tích của Phật đà

Chương IX. Vương quốc Túc Ha Đa. Truyền ký của Phật đà

Chương X. Kiền Đà Vệ (Gandhara). Truyền thuyết về Phật đà

Chương XI. Trúc Sát Thi La (Tashasilâ). Truyền thuyết. Bốn ngôi đại tháp

Chương XII. Vương quốc Phất Lâu Sa (Peshâwur). Lời huyền ký của đức Phật về vua Kiền Ni Ca (Kanishka) và tháp của ông ta. Bình bát của đức Phật. Huệ Ưng nhập tịch

Chương XIII. Vương quốc Na Kiệt (Nagâra). Lễ cúng dường xá lợi xương đầu của Phật. Những xá lợi khác. Bóng hình của đức Phật

Chương XIV. Huệ Cảnh nhập tịch tại núi Tiểu Tuyết Sơn. Vương quốc La Di, Bạt Na. Vượt sông Tân Đầu

Chương XV. Vương quốc Tỳ Trà (Bhida). Thương hại du tăng

Chương XVI. Vương quốc Ma Đầu La (Mathurâ). Phong tục tập quán của tăng sĩ tại các tịnh xá, và tự viện ở trung Thiên Trúc

Chương XVII. Vương quốc Tăng Già Thi (Sakâsya). Đức Phật thăng lên và hạ xuống từ cung trời Đao Lợi (Trayastrimsas), và những truyền thuyết khác

Chương XVIII. Thành Kế Nhiều Di (Kanyâkubja hoặc Canouge). Phật chuyển pháp luân

Chương XIX. Đại quốc Sa Chi. Truyền thuyết nhành cây dương chi (Danta-kâshtha) của đức Phật

Chương XX. Vương quốc Câu Tát La (Kosala) và Xá Vệ (Srâvasti). Tịnh xá Kỳ Hoàn (Jetavana) và những thánh tích cùng truyền thuyết về đức Phật. Thương hại những du tăng

Chương XXI. Ba vị Phật trong đời quá khứ.

Chương XXII. Thành Ca Tỳ La Vệ. Cảnh tiêu điều của thành. Truyền thuyết Phật đản sanh và những sự kiện liên hệ.

Chương XXIII. Vương quốc Lam Mạc (Râma) và ngôi tháp.

Chương XXIV. Nơi Phật xá báo thân và nơi Ngài nhập niết bàn.

Chương XXV. Tỳ Xá Ly. Tháp Phóng Cung Trượng. Pháp hội kết tập kinh điển tại thành Tỳ Xá Ly (Vaisali).

Chương XXVI. Kỳ tích nhập diệt của tôn giả A Nan.

Chương XXVII. Ấp Ba Liên Phất (Pâtaliputra) ở vương quốc Ma Kiệt Đà. Cung điện thần của vua A Dục (Asoka). Phật tử bà la môn. La Thái Hoảng Mê (Râdhasâmi). Trăm xá phúc đức.

Chương XXVIII. Thành Vương Xá (Râjagriha), xưa và nay. Truyền thuyết và nhân duyên liên hệ.

Chương XXIX. Ngọn núi Già Đà Quật (Gridhra-kuta) và





truyền thuyết. Ngài Pháp Hiển trú lại qua đêm nơi đó và quán tưởng.

Chương XXX. Động Xa Đê (Srataparna), hay hang động của chư A La Hán kết tập kinh tạng lần thứ nhất. Truyền Thuyết. Tỳ kheo tự sát.

Chương XXXI. Già Da (Gayâ). Nơi Phật thành đạo. Những truyền thuyết khác.

Chương XXXII. Truyền thuyết của vua A Dục (Asoka) trong đời tiền kiếp và địa ngục của ông ta.

Chương XXXIII. Ngọn núi Kê Túc (Gurupada), nơi chứa toàn thân xá lợi của Phật Ca Diếp.

Chương XXXIV. Trên đường trở về ấp Ba Liên Phát (Patna). Ba La Nại (Benâres). Phật Thích Ca chuyển bánh xe pháp.

Chương XXXV. Đạt Sấn (Dakshina), và tu viện Bồ Câu.

Chương XXXVI. Trở lại ấp Ba Liên Phát. Ngài Pháp Hiển sao chép bộ luật tạng, và học tiếng Phạn trong ba năm.

Chương XXXVII. Đến đại quốc Chiêm Ba (Champâ) và Ma La Đề (Tâmalipti). Trú và viết kinh luật tại những nơi đó trong ba năm. Theo thương thuyền đến nước Sư Tử (Singhala), tức Tích Lan (Ceylon).

Chương XXXVIII. Tại Tích Lan. Sự hình thành của vương quốc. Hành lễ Phật. Những ngôi tháp và tự viện. Tượng ngọc Phật. Cây Bồ Đề. Đại lễ cung nghinh răng xá lợi của Phật.

Chương XXXIX. Lễ trả tỳ một vị A La Hán. Lời thuyết giảng của một đạo nhân.

Chương XXXX. Sau hai năm tu học tại vương quốc Sư Tử, trở lại đất Tàu. Gặp nạn trên đường đến Da Bà Đề (Java). Tiếp tục cuộc hành trình trở về đất Hán. Đến Sơn Đông, tới Nam Kinh. Lời kết thúc của người viết.

Chú thích:

D. Trí Nghiêm, sang Tây Vực cầu pháp.

E. Bảo Văn.

G. Trí Mẫn, tham báii Phật tích.

H. Pháp Dũng vượt ngọn Thông Lĩnh.

I. An Dương Hầu.

K. Khương Pháp Lăng.

L. Tăng Duệ.

M. Đạo Thái.

N. Đàm Học và Oai Đức.

O. Đạo Phổ.

P. Huệ Lâm.

Q. Mười vị thầy của Bắc Tề (549-577) như Bảo Xiêm, Tăng Oai, Pháp Bảo, Trí Chiêu, Tăng Luật, v.v...

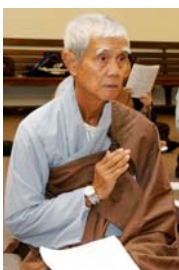
R. Nghĩa Tịnh.

Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện.

Sa môn Nghĩa Tịnh từ Tây Quốc trở lại Nam Hải Thất Lợi Phật Thệ, soạn viết quyển Kỳ Quy Bính Na Lan Đà Tự Đồ.

Lời dẫn nhập.

1. Pháp sư Huyền Chiêu ở Thái Châu.
2. Pháp sư Đạo Hy ở Tề Châu.
3. Pháp sư Sư Tiên ở Tề Châu.
4. Pháp sư A Nan Da Bạt Ma ở Tân La.
5. Pháp sư Huệ Nghiệp ở Tân La.
6. Pháp sư Huyền Thái ở Tân La.
7. Pháp sư Huyền Khác ở Tân La.
- 8-9. Hai vị pháp sư ở Tân La.
10. Phật Đà Bạt Ma ở Đồ Hóa La.
11. Thầy Đạo Phương ở Tịnh Châu.
12. Pháp sư Đạo Sanh ở Tịnh Châu.
- 13-14. Thiền sư Thường Mẫn (Nityadaksa Dhyana-carya) ở Tịnh Châu và một đệ tử.
15. Thầy Mạt Đề Tăng Ha ở Kinh Sư.
16. Pháp sư Huyền Hội ở Kinh Sư.
17. Thầy Chát Đa Bạt Ma.
- 18-19. Hai vị tăng từ nước Ni Ba La (Nepal).
20. Pháp sư Long.
21. Pháp sư Minh Viễn ở Ích-châu.
- 22-23-24. Luật sư Nghĩa Lương (Arthadipita) ở Ích-châu và một đệ tử, cùng Trí Ngạn.
25. Luật sư Hội Ninh ở Ích-châu.
26. Pháp sư Vận Kỳ ở Giao Châu (Việt Nam).
27. Pháp sư Khuy Xung ở Giao Châu (Việt Nam).
28. Pháp sư Huệ Diễm ở Giao Châu (Việt Nam).
29. Pháp sư Giải Thoát Thiên ở Giao Châu (Việt Nam).
30. Pháp sư Tín Trụ.
31. Pháp sư Trí Hành ở Ái Châu (Việt Nam)(3).
32. Thiền sư Đại Thừa Đăng ở Ái Châu (Việt Nam).
33. Sa môn Tăng Già Bạt Ma ở Khương Quốc.
- 34-35. Pháp sư Bi Ngạn và Trí Ngạn ở Cao Xương.
36. Pháp sư Đàm Nhuận ở Lạc Dương.
37. Luận sư Nghĩa Huy ở Lạc Dương.
- 38-39-40. Ba vị từ nước Tàu.
41. Pháp sư Huệ Luân ở Tân La.
42. Pháp sư Đạo Lâm ở Kinh Châu.
43. Luật sư Đàm Quang ở Kinh Châu.
44. Thiền sư Huệ Mạng ở Kinh Châu.
45. Luật sư Huyền Quý ở Nhuận Châu.





46. Pháp sư Thiện Hạnh ở Tân Châu.
47. Pháp sư Linh Vận ở Nhưỡng Dương.
48. Thiền sư Tăng Triết ở Phong Châu.
49. Huyền Du đệ tử của Tăng Triết ở Cao Ly.
50. Luật sư Trí Hoàng ở Lạc Dương.
51. Thiền sư Vô Hành ở Kinh Châu.
52. Thiền sư Pháp Chấn ở Kinh Châu.
53. Pháp sư Đại Luật ở Phong Châu.
54. Luật sư Trình Cổ ở Vĩnh Xuyên.
55. Tỳ kheo Đạo Hoằng ở Biện Châu.
56. Tỳ kheo Pháp Lăng Nhưỡng Dương.
- S. Pháp sư Mộc Xoa Đề Bà.
- T. Ngộ Không.

-ooOoo-

Lời nói đầu

Không những đạo Phật do chư cao tăng người Thiên Trúc, Tây Vực, v.v... truyền sang vùng Đông Nam Á, mà các chư tăng trong vùng địa phương cũng liên tiếp nối nhau sang đất Phật để chiêm bái các thánh tích, tầm cầu kinh điển, tu học, thọ giới pháp, thỉnh cầu chư cao tăng người Thiên Trúc sang truyền pháp tại bốn quốc, v.v... Điển hình là từ thế kỷ thứ ba đến thế kỷ thứ chín, có hơn hai trăm danh tăng người Tàu, người Việt Nam (Giao Châu), người Cao Ly (Triều Tiên) hoặc đi đường bộ hoặc đi đường biển để sang Thiên Trúc (Ấn Độ) và các nước Tây Vực tầm cầu Phật pháp. Trong số đó, có khoảng bốn mươi vị đi đến được Thiên Trúc rồi mang kinh điển trở về truyền bá cho dân chúng nước nhà như ngài Pháp Hiền, Huyền Trang, Nghĩa Tịnh, v.v... Có khoảng mười vị đi chưa đến nơi như Châu Sĩ Hành, Huệ Thường, v.v... Có khoảng ba mươi vị chưa đi đến Thiên Trúc mà thị tịch dọc đường như Huệ Cảnh, Pháp Lan, v.v... Có khoảng mười vị đi đến Thiên Trúc, tu học rồi tịch nơi đó như Hội Ninh, Sư Tiên, v.v... Có vị sang Thiên Trúc vài lần, rồi tịch nơi đó như Huyền Chiêu, v.v... Có vị tịch trên đất liền như Huyền Hội, Đạo Sinh, v.v... Có vị tịch trên biển cả như Thường Mẫn, Đạo Phổ v.v... Vị lưu lại Thiên Trúc lâu nhất trong bốn mươi năm, là Ngộ Không. Vị lưu lại Thiên Trúc ngắn nhất trong bảy năm, là Bảo Xiêm. Đa số, đầu tiên các vị đồng kết giao với những pháp lữ khác để đi cầu pháp, điển hình như ngài Pháp Hiền kết giao với mười pháp lữ, Trí Mẫn kết giao với mười một người, Pháp Dũng kết giao với hai mươi lăm người, Bảo Xiêm kết giao với mười người, v.v... nhưng lại đơn độc trở về, vì trên đường du hành, các pháp lữ của các ngài có người thối tâm trở về, hoặc chết giữa đường, v.v...

Tự chung, nhờ tinh thần đại vô úy, quên thân vì pháp, không sợ gian lao nguy hiểm trên đất liền, sóng gió trùng ba trên

biển cả, các ngài đi khắp đó đây để tầm cầu Phật pháp cho chính bản thân và cho dân tộc, và mang ba tạng kinh điển về bốn xứ, cùng phiên dịch từ chữ Phạn sang chữ Tàu, rồi từ chữ Tàu sang chữ Việt. Nhờ thế mà đạo Phật mới được truyền bá mãi cho đến ngày nay. Thật vậy, công nghiệp truyền bá Phật pháp vĩ đại của các ngài mãi mãi được lưu truyền muôn đời.

Trong quyển sách này, chúng tôi soạn dịch về những chuyến hành hương của các vị du tăng sang Thiên Trúc và các nước ở Tây Vực để tầm cầu Phật pháp, trừ ngài Huyền Trang (vì đã có rất nhiều người viết về tiểu sử và công nghiệp của Ngài), để giới thiệu đến chư Phật tử.

Quyển Du Tăng Cầu Pháp này đến tay với quý độc giả phần lớn là nhờ sự khuyến khích của Thượng Tọa Minh Chiêu và lòng nhiệt thành giúp đỡ công sức của anh Nguyễn Phong cùng gia đình đạo hữu Nguyễn Văn Sĩ.

Kể đến, chúng con thành tâm kính lễ cầu nguyện mười phương ba đời chư Phật, chư Bồ Tát, chư hiền thánh tăng, ân sư đại lão hòa thượng Tuyên Hóa đồng thủy từ chứng minh cho quyển sách này. Chúng con cũng xin hồi hướng tất cả công đức để nguyện cầu cho Việt Nam và Thế Giới mãi thanh bình; Phật giáo Việt Nam và Thế Giới mãi được trường tồn; tất cả chúng sanh trong pháp giới đồng sớm chứng quả Bồ Đề.

Sau cùng, chúng con chân thành ngưỡng mong các bậc cao minh từ bi xá tội và chỉ dạy những lỗi lầm sơ sót trong quyển sách này.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Mùa xuân năm 1998.

Chùa Vạn Phật Thánh Thành, Mỹ Quốc.

A. Châu Sĩ Hành, sa môn người Trung Hoa đầu tiên qua Tây Vực cầu pháp.

Thầy là người huyện Hứa Xương, tỉnh Hà Nam, xuất sanh khoảng khoảng giữa cuối đời Đông Hán và Tam Quốc. Tánh khí đoan nghiêm chất trực. Dẫu gặp cảnh vui buồn cũng không làm xao động tâm. Từ nhỏ đã có bẩm chất thông minh đĩnh ngộ, và có tư cách cùng suy tưởng thoát tục. Ngụy Cao Quý, niên hiệu Cam Lồ thứ hai (257), Thầy xuất gia. Sau khi xuất gia, Thầy tự nhận lấy trọng trách hoằng dương Phật pháp, và thường nghiên cứu kinh điển không mỏi mệt.

Kinh Đạo Hạnh do ngài Trúc Sóc Phật khẩu truyền tụng, rồi ngài Chi Sám phiên dịch ra tiếng Hán. Song, vì có rất nhiều lời trích dẫn, nên rất khó hiểu nghĩa lý của kinh, cùng thông đạt ý nghĩa. Ở Lạc Dương, những khi nghe ngài Trúc Sóc Phật giảng kinh Đạo Hạnh, Thầy cảm thấy chưa có thể thông đạt nghĩa lý, nên than:





- Đây là bộ kinh thuộc hệ giáo đại thừa. Song, về phần phiên dịch, ý nghĩa hoàn toàn chưa thông đạt. Thật là tiếc nuối.

Thầy vốn là người Tàu đầu tiên khẳng định sự trọng yếu của kinh Bát Nhã.

Đối với sự khẩu truyền dịch kinh Đạo Hạnh của ngài Trúc Sóc Phật, trong bài tựa của bộ kinh này, ngài Đạo An có viết: "Phật dạy rằng sau khi Ta nhập Niết Bàn, cao sĩ nước ngoài, sao chép kinh Chín Mươi Chương thành Phẩm Đạo Hạnh. Vào đời Hoàn Đế và Linh Đế, Trúc Sóc Phật mang bộ kinh này qua kinh sư, dịch thành Hán văn. Vì muốn dịch thuận theo ý chỉ, nên chỉ chuyển âm mà thôi, hầu mong cung thuận thánh ngôn, chớ không gia nhuận sắc. Song, khi kinh đã được dịch sao toát yếu thành chương chỉ, nhưng âm tự ngôn từ lại khác với thể tục. Người dịch lại khẩu truyền. Người xem tự chẳng thấu đạt, thì sao hiểu được bốn ý của kinh? Vì vậy, kinh này dần dần ẩn tuyệt. Luận của cô hiền, dần dần ngưng trệ..."

Nếu y cứ theo trên thì chín mươi chương của Phẩm Đạo Hạnh do sao lược mà thành. Ngài Trúc Sóc Phật đem sang kinh sư, rồi lại phiên dịch. Song, kinh này do sao chép toát lược hợp thành đoạn chương; dịch giả cùng vị khẩu truyền, chưa thông đạt ngôn ngữ tập tục của dị quốc (nước), nên khiến người nghiên cứu khó mà hiểu rõ ý nghĩa chỉ thú. Do đó, kinh Đạo Hạnh bị mai một ẩn mất. Dẫu có các bậc hiền giả gia công luận bản, giảng giải kinh này, nhưng người nghe cũng chưa đạt đến nơi chỉ để. Thiết tưởng, Châu Sĩ Hành khi đọc qua kinh này, khổ nơi nghĩa lý uẩn khúc, nên mới than phiền bằng những lời trên.

Do đó, vì câu Đại Phẩm (trong quyển Cao Tăng truyện thứ tư viết là Đại Bản), vào đời Tào Ngụy, niên hiệu Cam Lộ thứ năm (260), từ Ung Châu (bao hàm toàn vùng Xiêm Tây, Cam Túc), Thầy khởi hành sang Tây Vực. Trải qua bao gian nan hiểm trở, Thầy vượt Cam Túc, tới Đôn Hoàng, sang Nam Đạo ở Tây Vực, vượt sông Lưu Sa, thẳng đến Vu Điền (hiện nay là Hòa Điền của tỉnh Tân Cương). Tại nước Vu Điền, Thầy sao chép kinh Đại Phẩm, Chín Mươi Chương cả sáu trăm ngàn chữ Phạn. Sau khi được bốn văn Đại Phẩm Chín Mươi Chương, kinh Bát Nhã, v.v... Thầy sai mười đệ tử như Phát Như Đàn (Punyadharma), v.v... mang kinh này trở về Lạc Dương. Theo quyển 'Tam Tạng Ký Tập' thứ hai, viết: "Kinh Phóng Quang Minh, hai mươi quyển. Tấn Nguyên Khương nguyên niên (291), vào rằm tháng năm, tìm thấy quyển Chín Mươi Phẩm, được gọi là Cự Tiểu Phẩm. Cả một bộ có hai mươi quyển. Thời Ngụy Cao Quý, niên hiệu Cam Lộ thứ năm (260), sa môn Châu Sĩ Hành đến nước Vu Điền, sao chép bốn văn chánh phẩm bằng tiếng Phạn bộ kinh Mười Chín Chương. Đến đời Tấn Võ Đế, đầu niên hiệu Nguyên Khang, quyển kinh này được phiên dịch tại chùa Thủy Nam ở Sang Viên, huyện Trần Lưu Giới (tức huyện Đông Lưu ở Hà Nam)."

Y cứ theo trên thì Châu Sĩ Hành mang trở về Lạc Dương chánh phẩm Phạn văn là "Mười Chín Chương", mà ngài Đạo An

lầm ghi trong bài tựa của kinh Đạo Hạnh là "Chín Mươi Chương". Đến đời



Tấn Nguyên Khang nguyên niên (291), vào ngày rằm tháng năm, ngài Vô Xoa La Vu dịch ra tiếng Tàu. Châu Sĩ Hành sao chép bốn văn "Đại Phẩm Chín Mươi Chương", tức gọi là kinh Phóng Quang.

Theo truyện ghi thì lúc Châu Sĩ Hành muốn đem kinh Phóng Quang trở về đất Tàu, thì bị người khác cản trở. Đương thời, Phát Như Đàn định xuất phát mang kinh này về Tàu, thì Phật tử người Vu Điền tu theo phái tiểu thừa liền ra mặt ngăn cản. Họ thưa với quốc vương:

- Sa môn đất Tàu, đem kinh thư của bà la môn, muốn làm hoặc loạn chánh điển. Nếu nhà vua cho phép họ mang kinh thư này ra khỏi nước, thì đại pháp sẽ bị tận diệt. Đây chính là tội của nhà vua!

Họ cho rằng kinh Phóng Quang Minh vốn là kinh điển của ngoại đạo. Tin lời tấu truyền này, quốc vương không chuẩn y cho Phát Như Đàn mang kinh ra khỏi nước. Nghe việc này, Châu Sĩ Hành rất bức tức, bèn đưa ra lời đề nghị là đốt kinh để cầu chứng minh chân ngụy tà chánh. Được quốc vương chấp thuận, Châu Sĩ Hành nổi lửa trong một điện đình nhỏ. Lúc đang đốt, Châu Sĩ Hành khẩn nguyện:

- Đại pháp nếu như được lưu bố trên đất Tàu, thì xin kinh này chớ bị cháy!

Khẩn nguyện xong, Châu Sĩ Hành đem bộ kinh này đặt vào trong lò lửa. Khi ấy, điềm kỳ dị xuất hiện. Lửa trong lò vụt cháy rất mau rồi tắt lịm. Kinh vẫn vẫn còn y nguyên như cũ, chẳng mất đi chữ nào. Đại chúng đều thán phục oai linh thần dị cảm ứng. Từ đó, không còn ai dám ngăn trở việc đem kinh ra khỏi nước. Cuối cùng, bộ kinh này được Phát Như Đàn mang về Lạc Dương. Ba năm sau, Phát Như Đàn qua Hứa Xương (phía đông huyện Hứa Xương ở Hà Nam), rồi lưu lại đó hai năm. Kế đến lại đến chùa Thủy Nam ở Sang Viên, thuộc vùng Trần Lưu Giới (huyện Đông Lưu ở Hà Nam). Nơi đó bộ kinh này được phiên dịch.

Vào ngày rằm tháng năm, đời Tấn Võ Đế, niên hiệu Nguyên Khang (291), nhiều học giả vân tập luận nghị, phiên dịch thành tiếng Tàu. Đương thời, sa môn nước Vu Điền là Vô Xoa La (Moksara) chấp trì tiếng Phạn. Cư sĩ Trúc Thúc Lan (vốn là người Thiên Trúc, theo cha sang đất Tàu lánh nạn) ở Hà Nam khẩu dịch. Người biên chép là Chúc Thái Huyền và Chu Huyền Minh. Bản kinh Chín Mươi Chương, tiếng Phạn có đến 207621 câu. Vào ngày hai mươi bốn tháng chạp năm đó thì dịch hoàn tất. Rằm tháng mười một niên hiệu Thái An năm thứ hai (303), sa môn Trúc Pháp Tịch đến chùa Thủy Nam, viết lại bốn kinh và nghiên cứu năm bộ vừa dịch và bản tiếng Phạn. Cư sĩ Trúc Thúc Lan cùng đồng kiểm duyệt, đến mồng hai tháng tư niên hiệu Vĩnh An nguyên niên (304) thì hoàn tất. Trúc Pháp Tịch và Trúc Thúc Lan giải định bốn văn, thành tiêu chuẩn căn bản cho kinh Phóng Quang Minh đời sau. Vào thời Đông Tấn, bộ kinh này được phổ biến khắp nơi, và có rất nhiều người tích



cực nghiên cứu.

Thầy Châu Sĩ Hành thị tịch vào năm tám mươi tuổi tại nước Vu Điền. Y theo pháp thức trà tỷ ở phương tây. Khi đốt, giàn hỏa đã cháy rụi, nhưng thi thể vẫn còn nguyên. Vị tăng trưởng lão thấy vậy, bèn xướng bảo:

- Nếu chân thật đã đắc đạo thì di thể phải tan hoại.

Nói vừa dứt lời thì thi thể bèn tan ra tro. Tăng chúng liền nhặt lấy xá lợi để vào trong tháp mà thờ. Đệ tử của Thầy là Pháp-ích trở về Đông Độ, rồi đem việc này kể lại cho tăng chúng nghe.

Quyển kinh Đạo Hạnh do ngài Trúc Sóc Phật dịch hoàn toàn khác với quyển kinh Phóng Quang Minh Bát Nhã. Theo quyển Khai Nguyên Thích Giáo Lục thứ mười viết: "Kinh Đạo Hạnh (1 quyển), do sa môn Trúc Sóc Phật đời Hậu Hán phiên dịch."

Y cứ theo lời chú giải của ngài Đạo An thì quyển kinh Đạo Hạnh này vốn là bản sao lược của kinh Bát Nhã, do các vị cao minh người Tây Vực soạn. Theo Tam Tạng Ký Tập của ngài Đạo An viết: "Ngoại quốc cao sĩ sao chép Đại Phẩm Chín Mươi Chương, đó là Đạo Hạnh Phẩm."

Quyển kinh Đạo Hạnh do Trúc Sóc Phật dịch, danh tuy gọi là Đạo Hạnh, mà ngài Chi Sám dịch là kinh Đạo Hạnh Bát Nhã Ba La Mật (10 quyển); Chi Khiêm dịch là kinh Đại Minh Độ Vô Cực (4); ngài Khương Tăng Hội dịch là Ngô Phẩm (10 quyển); ngài Trúc Pháp Hộ dịch là kinh Tân Đạo Hạnh; ngài Kỳ Đa Mật dịch là kinh Đại Trí Độ (4 quyển); ngài Đàm Ma Bi cùng với ngài Trúc Phật Niệm dịch là kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật sao; ngài Cưu Ma La Thập dịch là kinh Tiêu Phẩm Bát Nhã Ba La Mật (10 quyển); ngài Huyền Trang dịch là kinh Đại Bát Nhã Đề Tứ Hội. Tất cả đồng đồng bản chính mà dịch có khác.

Bản chính do đệ tử của Châu Sĩ Hành mang về, được dịch là kinh Phóng Quang Minh Bát Nhã Ba La Mật (20 quyển); quyển này, ngài Trúc Pháp Hộ dịch là kinh Quang Tán Bát Nhã Ba La Mật (15 quyển); ngài Cưu Ma La Thập dịch là kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật (40 quyển); ngài Huyền Trang dịch là kinh Đại Bát Nhã Đề Nhị Hội. Tất cả đều đồng nguyên bản mà dịch thì có khác

B. Vu Pháp Lan.

Thầy là người Cao Dương, xuất sanh vào đời Đông Tấn Mục Đế (345-361); mười lăm tuổi xuất gia, tinh tường nghiên cứu kinh điển, thường đi cầu pháp hỏi đạo. Bấy giờ, Phật pháp chưa được hưng thịnh, và kinh điển còn nhiều chỗ khiếm khuyết sai lầm. Do ý nguyện "sáng nghe kinh viên giáo, tối chết cũng cam", nên Thầy định qua Tây Vực để cầu pháp. Song, vừa sang Giao Châu thì Thầy nhiễm bệnh và tịch tại Tượng Lâm (tức

Chiêm Thành).

C. Pháp Hiển.

Ngài tục tánh là Cung, người Võ Dương ở Bình Dương vào đời Đông Tấn. Ngài vốn có ba người anh, nhưng đều qua đời vào lúc còn bé. Người cha sợ rằng sẽ gặp điều chẳng may nữa, nên cho Ngài vào chùa viện xuất gia lúc ba tuổi, trở thành chú tiểu. Xuất gia xong, lại trở về nhà ở. Vài năm sau, Ngài bị trọng bệnh, không ai có thể cứu chữa nổi. Người cha không còn cách nào, bèn đem Ngài trở lại chùa. Trú tại chùa qua hai đêm, bệnh tình của Ngài từ từ bình phục. Từ đó, Ngài luôn ở chùa viện, chứ không còn trở về nhà. Tuy song thân rất nhớ nhung, nhưng họ lại sợ rằng nếu Ngài trở về nhà nữa thì sẽ gặp tai họa. Vì vậy, họ bèn cho xây một am miếu nhỏ kế bên nhà, làm phương tiện để Ngài có thể trở về nhà trú ở.

Năm mười tuổi, người cha qua đời. Người chú thấy bà mẹ của Ngài cô đơn, phải cần có người sống bên cạnh, nên ép bức Ngài hoàn tục. Ngài bảo:

- Lý do xuất gia vốn chẳng phải vì người cha, thì có sao cha mất lại phải hoàn tục? Tôi vì xa rời thế tục mà xuất gia làm sa di.

Nghe lời này, người chú không còn ép bức Ngài hoàn tục nữa. Chẳng bao lâu, người mẹ lại qua đời. Ngài bèn trở về nhà lo tang chế. Sau kỳ hạn thủ hiếu, Ngài liền trở lại chùa tiếp tục tu hành.

Lần nọ, Ngài đương cắt lúa ngoài ruộng với vài mươi đồng học. Một đám ăn cướp nghèo đói kéo đến giật lấy thóc mạ. Những sư huynh đệ thấy bọn cướp hung dữ, bèn bỏ công việc mà chạy mất, chỉ còn lại một mình Ngài an nhiên bất động, oai nghi điềm đạm, từ tốn bảo bọn cướp:

- Các vị ý có nhiều người mà đến cướp bóc. Song, các vị phải tự biết rằng hiện tại làm du côn ăn cướp, nên cuộc sống phải khổ cùng. Đó là quả báo mà xưa kia các vị không chịu bỏ thí cho người khác. Bấy giờ, các vị lại đến đây cướp giật tài vật của người, thì e rằng đời sau các vị lại càng bị nghèo cùng túng quẩn hơn nữa.

Nói xong, Ngài chẳng sợ sệt bỏ đi. Bọn ăn cướp nghe lời chí lý, khiến cảm thấy hổ thẹn, nên đồng bỏ đi mà không lấy một bao lúa nào. Biết được việc này, trong chùa cả trăm tăng chúng đều thán phục kiến thức và dũng khí của Ngài.

Thọ đại giới tỷ kheo xong, hành vi ý chí càng cường, trí huệ mẫn tiệp, dung mạo chinh tề, quy củ đến đi nghiêm túc. Mỗi lần thấy kinh luật khiếm khuyết, tâm Ngài chột dạ đau xót, nên phát tâm sang Thiên Trúc tìm cầu kinh luật.

Đời Đông Tấn, niên hiệu Long An thứ ba (399), ngài Pháp Hiển cùng với Huệ Cảnh, Huệ Ngôi, Đạo Chính, v.v... xuất phát từ Trường An. (Huệ Ngôi vốn cư trú tại chùa Trường An





Đại Tự, nghiêm thủ giới luật, thường lên sơn cốc tu thiền định. Nhiều lần ma quỷ, thiên nữ đến quấy phá mà tâm Thầy vẫn không lay động.)

Dưới đây là lời tự thuật của ngài Pháp Hiển về cuộc hành trình sang Thiên Trúc cầu kinh điển.

Đông Tỳ Sa Môn Pháp Hiển Tự Ký Du Tây Thiên Sự:

Mục Lục Chương I - X:

Chương I. Từ Trường An đến Sa Mạc cát đá (Sandy desert)

Chương II. Đến Thiên Thiện và Vu Điền (Khoten)

Chương III. Vu Điền, Lễ Diễn Hành, Ngôi chùa mới của nhà vua

Chương IV. Đi xuyên qua ngọn núi Thông Lãnh (Ts'ung hay Pamir) đến nước Kiệt Xoa (Tashkurgan)

Chương V. Lễ Bàn Giả Việt Sư hay đại pháp hội trong năm năm, Xá Lợi của Phật. Ngũ cốc của nước đó

Chương VI. Đến bắc Thiên Trúc, vương quốc Đà Lịch (Darel), tượng Bồ Tát Di Lặc (Maitreya)

Chương VII. Băng qua sông Tân Đầu (Indus). Khi đạo Phật vượt sông Tân Đầu để tiến về phía đông

Chương VIII. Vương quốc Ô Trường (Udyana), chùa chiến, theo di tích của Phật đà

Chương IX. Vương quốc Túc Ha Đa. Truyền ký của Phật đà

Chương X. Kiền Đà Vệ (Gandhara). Truyền thuyết về Phật đà

Đông Tỳ Sa Môn Pháp Hiển Tự Ký Du Tây Thiên Sự.

Chương I. Từ Trường An đến Sa Mạc cát đá (Sandy desert).

Pháp Hiển xưa ở tại Trường An(1). Buồn thương vì luật tạng khiếm khuyết, và muốn đạt được sở nguyện, nên vào năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hoảng Thủy(2) cùng Huệ Cảnh, Đạo Chính, Huệ Ứng, Huệ Ngôi(3) v.v... đồng khế ước qua Thiên Trúc, tầm cầu Luật Tạng(4).

Đầu tiên chúng tôi phát khởi tại Trường An, rồi vượt thung lũng Lung(5), đến nước Càn Quy(6); an cư kiết hạ(7) tại đó. Kiết hạ xong, chúng tôi tiếp tục đi đến nước Nậu Đan(8), băng qua núi Dương Lâu và tới trấn Trường Dịch(9). Trường Dịch đại loạn, đạo lộ không thông. Song, vua nước Trường Dịch ân cần lưu giữ chúng tôi lại và làm đàn việt(10). Nơi đó, chúng tôi vui mừng gặp được các thầy đồng chí hướng qua Thiên Trúc

thịnh kinh như Trí Nghiêm, Huệ Giản, Tăng Thiệu, Bảo Vân, Tăng Cảnh(11) v.v... Nhân tiện chúng tôi đồng an cư kiết hạ(12) tại đó. Kiết hạ xong, lại đi tới Đôn Hoàng(13) tức vùng biên cương, đông tây rộng khoảng tám mươi dặm, nam bắc khoảng bốn mươi dặm. Nghỉ ngơi hơn một tháng xong, tôi (Pháp Hiển) cùng bốn vị pháp hữu theo đoàn sứ giả đi trước, rồi lại chia tay với các thầy như Bảo Vân v.v... Thái Thú tại Đôn Hoàng là Lý Hạo(14) cung cấp vật liệu cần dùng và thức ăn để vượt sa mạc. Trong sa mạc(15) có nhiều ác quỷ và gió nóng. Nếu người bộ hành gặp phải chúng thì sẽ bị chết, không có ai là toàn mạng cả. Trên trời không chim chóc. Dưới đất không cỏ mồi thú. Nhìn xa mồi mắt, muốn cầu qua vùng đó, tức không thể biết định đoạt phương hướng nơi đâu, duy chỉ có xương khô cốt trắng của người chết làm tiêu điểm.

Chương II. Đến Thiên Thiện và Vu Điền (Khoten).

Đi khoảng mười bảy ngày, tính khoảng một ngàn năm trăm dặm, chúng tôi đến nước Thiên Thiện(1). Vùng đất đó gập ghềnh cheo leo, đất đai khô cằn. Người thổ tục mặc đồ thô sơ như đất Hán(2), chỉ khác ở chỗ là có người mặc ni và áo quần bằng lông. Quốc vương nước này tín phụng Phật pháp. Trong nước có hơn bốn ngàn tăng sĩ. Tất cả tăng sĩ đều tu theo phái nguyên thủy. Tại quốc gia này và các quốc gia khác, dân chúng cùng chur sa môn(3) tận tụy tu hành theo Phật pháp ở Thiên Trúc(4), chỉ có khác nơi tình tường hay thô tế. Từ đây đi về hướng tây, chúng tôi đều nhận thấy rằng các quốc gia nổi tiếng Hồ(5) ngữ tiếng không đồng. Tuy nhiên, tất cả người xuất gia đều học theo sách vở và ngôn ngữ của Thiên Trúc. Nghi ngơi ở đó khoảng một tháng, rồi tiếp tục đi về hướng tây bắc. Trải qua mười lăm ngày, đến nước Ô Di(6). Tăng sĩ trong nước đó cũng có hơn bốn ngàn vị. Tất cả đều tu theo phái tiểu thừa, phép tắc rất chỉnh tề. Thế nên, sa môn nước Tần(7) khi đến đó, chưa có thể chuẩn bị được tinh thần để theo những điều lệ của tăng chúng ở nơi ấy. Chúng tôi được sự hộ pháp của hành đường Phù Công Tôn, nên trú ở đó hơn hai tháng. Nơi đó, chúng tôi gặp lại các thầy Bảo Vân(8) v.v... Người nước Ô Di không biết tu lễ nghĩa, nên tiếp đãi khách rất tệ bạc. Vì vậy, thầy Trí Nghiêm, Huệ Giản, Huệ Khôi, đồng trở lại Cao Xương(9), vì muốn xin thêm tư lương để đi trên đường. Nhóm của chúng tôi nhờ Phù Công Tôn cung cấp lương thực, nên lại tiếp tục đi về hướng tây nam. Trên đường không có cư dân. Những nỗi khó khăn gian nan đi bộ hành, trên nhân gian chắc không ai so sánh được. Đi khoảng một tháng năm ngày, chúng tôi đến nước Vu Điền(10).

Chương III. Vu Điền, Lễ Diễn Hành, Ngôi chùa mới của nhà vua.

Nước Vu Điền giàu sang phong phú; nhân dân tuy đông





đức nhưng sống đời an lạc ẩm no. Dân chúng đều tín phụng Phật pháp, dùng pháp lạc (của âm nhạc) làm nguồn vui. Chúng tăng số đến hàng vạn, đa số đều tu theo pháp đại thừa, và đồng có nhà ăn (chúng thực). Nhà cửa dân chúng nước đó cách xa nhau như tinh sao. Trước mỗi công nhà đều có tháp nhỏ. Tháp nhỏ nhất cao khoảng hai mươi thước. Trong các tự viện, họ xây tứ phương tăng phòng (1), để cung cấp cho khách tăng trú ở, cùng cúng dường bất cứ vật dụng gì chư tăng cần thiết.

Quốc chủ an bài cho chúng tôi ở tại một ngôi Tăng Già Lam(2), được gọi là Cù Ma Đế(3), tức là chùa của phái đại thừa. Ba ngàn tăng chúng được báo hiệu giờ cơm bằng cách đánh kiền. Lúc vào nhà ăn, oai nghi chư tăng tề chỉnh, theo thứ tự mà ngồi, mỗi mỗi đều tịch nhiên nhẹ nhàng, không có tiếng kêu của bình bát. Khi những vị tịnh nhân(4) đó muốn có thêm thức ăn, các ngài không kêu la mà chỉ ra hiệu bằng ngón tay.

Huệ Cảnh, Đạo Chính, Huệ Viễn đi đến nước Kiệt Xoa (Tashkurgan) trước. Nhóm của chúng tôi vì muốn quán sát hành tướng của các vị tăng trong chùa, nên ở lại ba tháng. Trong nước đó có bốn ngôi tăng già lam đồ sộ mà không tính những ngôi chùa nhỏ. Từ mùng một tháng tư, họ bắt đầu quét dọn đường xá thành quách, trang nghiêm càng mạch. Trên công thành họ giăng một cái lều lớn, rồi trang hoàng lồng lầy chung quanh. Vua cùng phu nhân thế nữ đều trú trong đó.

Tăng chúng chùa Cù Ma Đế (tu theo phái đại thừa) đều được vua kính trọng, dẫn đầu đoàn bộ hành rước lễ thánh tượng. Cách thành khoảng ba bốn dặm, họ làm hình xe bốn bánh, cao hơn ba trượng, dạng trạng như điện đường di động, trên có bảy báo(5) trang nghiêm tương giao với tràng phan bảo cái treo chung quanh. Chính giữa là tượng Phật và hai bên là Bồ Tát, cùng với tượng của chư thiên ở đằng sau. Tất cả hình tượng đều làm bằng vàng bạc và được điêu khắc rất đẹp đẽ, cùng được treo trên không trung. Khi xe cách thành khoảng trăm bước, nhà vua liền lấy mão xuống, thay đổi long bào mới, rồi đi chân không, cầm hương hoa, cùng đoàn quân hộ tống hai bên, xuất thành cung nghinh tượng Phật. Đến nơi, nhà vua đầu mặt đánh lễ dưới chân xe, rồi rải hoa dâng hương. Khi tượng Phật vào thành, trên lầu các cửa thành, phu nhân cùng thế nữ rải hoa xuống khắp đầy mặt đất. Cúng dường trang nghiêm đầy đủ như thế. Xe diển hành tượng Phật của mỗi chùa đều khác nhau. Từ mùng một đến ngày mười bốn tháng tư, mỗi ngày đều có xe hành tượng của mỗi ngôi chùa Tăng Già Lam. Lễ diển hành thánh tượng kết thúc, vua cùng phu nhân đều trở về hoàng cung.

Cách thành khoảng bảy tám dặm về phía tây có một ngôi Tăng Già Lam, tên là chùa Vương Tân, được xây trong tám mươi năm, trải qua ba đời vua mới thành. Chùa cao khoảng hai mươi lăm trượng. Nghệ thuật điêu khắc đẹp đẽ lồng lầy tuyệt vời. Vàng bạc được phết trên đó. Các loại châu báu đều hợp thành. Đằng sau tháp của chùa có xây ngôi chánh điện, rất trang

ng nghiêm đẹp đẽ vi diệu. Cột, trụ, cửa, khung sổ đều được sơn phết bằng vàng lá. Ngoài ra, tăng phòng cũng được trang sức rất nghiêm lệ, không thể diễn tả bằng lời được. Bất cứ những vật trân bảo quý báu nhất của sáu quốc vương vùng đông lãnh(6), đa số họ đều cúng dường hết mà chỉ giữ lại rất ít để dùng riêng.

Chương IV. Di xuyên qua ngọn núi Thông Lĩnh (Ts'ung hay Pamir) đến nước Kiệt Xoa (Tashkurgan).

Lễ hành thánh tượng vào tháng tư kết thúc, thầy Tăng Thiệu một mình theo Hồ đạo nhân hướng Kế Tân(1). Chúng tôi đi khoảng hai mươi lăm ngày thì đến nước Từ Hợp(2). Quốc vương tu học Phật pháp rất là tinh tấn. Trong nước có hơn một ngàn tăng sĩ, đa số là hành theo pháp đại thừa. Ở nơi đây qua mười lăm ngày, chúng tôi lại đi về hướng nam trong bốn ngày, vào núi Thông Lĩnh, đến nước U Huy(3) an cư kiết hạ(4). Kiết hạ xong, đi theo đường núi cả hai mươi ngày thì đến nước Kiệt Xoa. Nơi ấy, chúng tôi gặp lại các thầy Huệ Cảnh(5) v.v...

Chương V. Lễ Bàn Giá Việt Sư hay đại pháp hội trong năm năm, Xá Lợi của Phật. Ngũ cốc của nước đó.

Ngẫu nhiên, khi đến đó, chúng tôi gặp lúc quốc vương đang tổ chức lễ Bàn Giá Việt Sư(1); tiếng Tàu gọi là đại pháp hội trong năm năm. Lúc đó, quốc vương cung thỉnh tứ phương Sa Môn đồng đến. Chư Sa Môn tụ hội xong, nơi chỗ ngồi của các ngài đều được trang hoàng nghiêm sức; phía trên có treo tràng phan bảo cái; họ dùng vàng bạc để làm liên hoa, rồi đặt đằng sau những chỗ ngồi của chư tăng; phô bày những tọa cụ thanh tịnh. Lúc chư tăng đều ngồi xuống xong, vua cùng đại thần liền y theo pháp mà cúng dường. Đại pháp hội được tổ vào tháng giêng, tháng hai, hoặc tháng ba; đa phần là trong mùa xuân.

Quốc vương tổ chức pháp hội xong, ông lại khuyến tấn chư quan thần thiết trai cúng dường từ một ngày cho đến bảy ngày. Cúng dường xong, vua lại lấy xe ngựa, yên, cương, rồi bảo vị đại quan tôn quý nhất trong nước đỡ ông lên yên ngựa ngồi. Kế đến, nhà vua lại lấy lụa trắng mịn màng nhất cùng bao loại trân bảo và những vật mà chư tăng cần dùng, rồi đồng với quần thần phát nguyện bố thí cúng dường chư tăng. Cúng dường xong, vua quan quần thần chuộc lại những gì họ muốn từ tăng chúng.

Núi non nơi đó rất lạnh lẽo; đông hạ tuyết đóng quanh năm; không sản xuất ngũ cốc, duy chỉ có lúa mì chín. Đương thời, chư tăng vừa định lãnh thọ phần lúa mì trong năm thì trời chợt rơi sương tuyết. Vì vậy nhà vua thỉnh chư tăng hãy khiến cho lúa mì chín rồi mới lãnh phần lương thực





Trong nước này có ông nhỏ của Phật được làm bằng đá, màu sắc tựa như bình bát của Phật. Trong nước lại có một cái răng của Phật. Người trong nước đó, xây tháp thờ răng Phật. Bên cạnh ngôi tháp có một ngôi chùa chứa hơn một ngàn tạng sớ. Chư tăng đều tu theo pháp tiểu thừa. Từ núi đó đi về hướng đông, người thể tục ăn mặc đồ thô sơ như người Tần, nhưng có việc khác là họ thường mặc đồ may bằng vải lụa mỏng hay lông cừu. Luật lệ sa môn nơi đó rất nghiêm túc, không thể viết hết được. Nước này nằm trong dãy núi Thông Lĩnh. Trên dãy núi đó, có cây hoa quả đều khác với có cây hoa quả ở nước Tàu, trừ trúc tre, quả an thạch lưu, cam giá (cây mía).

Chương VI. Đến bắc Thiên Trúc, vương quốc Đà Lịch (Darel), tượng Bồ Tát Di Lặc (Maitreya).

Từ núi đó chúng tôi đi về phía tây, hướng đến bắc Thiên Trúc. Đi khoảng một tháng thì vượt qua dãy Thông Lĩnh. Trên dãy núi Thông Lĩnh, mùa đông hay mùa hè đều có băng tuyết. Nơi đó, lại có rừng độc. Nếu không đề ý thì sẽ khiến cho rừng độc thổi gió độc, làm mưa tuyết, cát bay, đá rơi. Nếu gặp nạn này thì không thể toàn mạng. Người vùng đó gọi dãy núi này là Tuyết Sơn. Vượt qua dãy núi này thì chúng tôi đến bắc Thiên Trúc. Trước khi vào bắc Thiên Trúc, có một vương quốc nhỏ, gọi là Đà Lịch. Trong nước cũng có chúng tăng, đều tu theo pháp tiểu thừa.

Xưa kia, nước này có một vị A La Hán, dùng định lực thần túc, đem một ông thợ điêu khắc lên cung trời Đâu Suất, quán xem sắc trạng diện mạo thân tướng của Bồ Tát Di Lặc, rồi trở về khắc gỗ tạo tượng. Trước sau ông thợ điêu khắc lên đó ba lần, rồi cuối cùng khắc thành tượng, cao tám mươi thước, bàn tọa rộng tám thước. Những ngày trai lệ, thánh tượng thường phóng ánh hào quang. Chư quốc vương lân cận đều tranh nhau mà cúng dường cho đến hiện tại.

Chương VII. Băng qua sông Tân Đầu (Indus). Khi đạo Phật vượt sông Tân Đầu để tiến về phía đông.

Từ chân núi chúng tôi đi về hướng tây nam khoảng mười lăm ngày. Đường lộ nơi đó rất gồ ghề, vách núi hiểm trở. Dãy núi đó có một tảng đá thạch bích rộng khoảng mười ngàn thước vuông. Đến đó thì chúng tôi bị hoa mắt; muốn tiến bước nhưng không biết đi ngõ nào. Bên dưới có con sông, được gọi là Tân Đầu. Người xưa đã từng đục đá ven núi để mở đường đi và làm khoảng bảy trăm thêm cấp. Bên dưới có cây cầu dây để vượt sông. Lòng sông rộng khoảng tám mươi bộ. Nơi đây đã được ghi trong sách Cửu Dịch của Trương Khiên và Cam Anh, nhưng họ chưa từng tới đó.

Chúng tăng trong đoàn hỏi tôi (Pháp Hiền) rằng có biết Phật pháp được truyền về miền đông vào lúc nào không. Tôi đáp rằng người ở xứ đó đều nói là theo tục truyền thì sau khi xây tượng Di Lặc, sa môn từ Thiên Trúc thường mang kinh luật vượt qua con sông này. Tượng Di Lặc này đã được đúc khắc sau Phật Thích Ca nhập Niết Bàn khoảng ba trăm năm, tức vào thời vua Chu Đế Bình. Theo huyền sử này, đại giáo tuyên lưu ở đông độ, bắt đầu vào thời xây tượng Di Lặc này. Không phải đại sĩ Di Lặc tiếp tục chuyển bánh xe pháp của Phật Thích Ca, xiển dương ngôi Tam Bảo, khiến cho người vùng biên địa biết đến chánh pháp thì là ai? Chúng ta biết rằng việc vận khai chánh pháp

không phải là việc của người thường; giấc mộng thấy Phật của vua Hán Minh Đế(7) vốn là nguyên nhân chính cho sự truyền bá Phật pháp.

Chương VIII. Vương quốc Ô Trường (Udyana), chùa chiến, theo di tích của Phật đà.

Vượt qua sông này thì đến nước Ô Trường. Nước Ô Trường chính là phần đất của bắc Thiên Trúc. Dân chúng dùng ngôn ngữ của trung Thiên Trúc. Trung Thiên Trúc cũng được gọi là Trung Quốc. Y phục ăn mặc của dân chúng nước đó đều giống như Trung Quốc. Phật pháp nơi đó rất hưng thịnh. Nơi chư tăng trú ở được gọi là Tăng Già Lam (Sangharama). Nơi đó có khoảng năm trăm ngôi tăng già lam. Chư tăng đều tu theo pháp tiểu thừa. Nếu có khách tăng đến, họ được cúng dường trong ba ngày. Cúng dường xong, họ khuyên chư khách tăng là phải tự tìm chỗ an cư.

Theo truyền thuyết, thuở xưa Phật có một lần đến bắc Thiên Trúc, tức là nước này vậy. Dấu chân Phật cũng còn in nơi đó; dài hay ngắn tùy theo tâm niệm của tín chúng, cho đến hôm nay vẫn còn như thế. Nơi đó vẫn còn tảng đá mà Phật đã từng giặt y ca sa, và chỗ mà Ngài đã từng hóa độ rừng độc. Tảng đá cao một trượng bốn thước, rộng hai trượng, một bên là bằng phẳng.

Ba thầy Huệ Cảnh, Huệ Viễn, Đạo Chính đến nước Na Kiết trước, nơi có bóng của Phật. Nhóm chúng tôi trú lại nước đó để an cư kiết hạ. Kiết hạ xong, chúng tôi đến nước Túc Ha Đa.

Chương IX. Vương quốc Túc Ha Đa. Truyền ký của Phật đà.

Trong nước này Phật pháp cũng rất hưng thịnh. Nơi đây vốn là chỗ mà thuở xưa vua Thiên Đế Thích (Sakra, Ruler of Devas) đã từng thử Bồ Tát. Ông hóa thân làm quạ đuôi bắt chim bồ câu, khiến Bồ Tát phải cắt thịt cho quạ ăn. Đạt được trí huệ viên mãn xong, Phật cùng chư đệ tử du hành đến nơi đó. Phật bảo họ rằng đây là nơi mà Ngài đã từng cắt thịt cho quạ ăn để cứu chim bồ câu. Dân chúng biết việc này bèn xây tháp và trang sức, phết bằng vàng bạc để thờ phụng ngay tại chỗ đó.

Chương X. Kiền Đà Vệ (Gandhara). Truyền thuyết về Phật đà.

Từ nơi đó đi về hướng đông khoảng năm ngày thì đến nước Kiền Đà Vệ. Đây là vương quốc do con của vua A Dục, hiệu Pháp-ích (Dharma-vivardhana), trị vì thuở xưa. Khi còn hành hạnh Bồ Tát, Phật đã từng bỏ thí mắt của mình nơi đó(3). Tại chỗ ấy, dân chúng cũng xây tháp lớn, được trang sức bằng vàng bạc. Người nước đó đa phần tu học theo pháp tiểu thừa.

Vượt sông Hằng đi về hướng nam ba do tuần, tôi đến một thôn làng, gọi là A Lê. Nơi này, Phật đã từng thuyết pháp, đi kinh hành, tọa





thiền. Mọi nơi chốn đều lập tháp thờ.

Mục Lục Chương XI - XX:

Chương XI. Trúc Sát Thi La (Tashasilâ). Truyền thuyết. Bốn ngôi đại tháp

Chương XII. Vương quốc Phất Lâu Sa (Peshâwur). Lời huyền ký của đức Phật về vua Kiền Ni Ca (Kanishka) và tháp của ông ta. Bình bát của đức Phật. Huệ Ứng nhập tịch

Chương XIII. Vương quốc Na Kiệt (Nagâra). Lễ cúng dường xá lợi xương đầu của Phật. Những xá lợi khác. Bóng hình của đức Phật

Chương XIV. Huệ Cảnh nhập tịch tại núi Tiểu Tuyết Sơn. Vương quốc La Di, Bạt Na. Vượt sông Tân Đầu

Chương XV. Vương quốc Tỳ Trà (Bhida). Thương hại du tăng

Chương XVI. Vương quốc Ma Đầu La (Mathurâ). Phong tục tập quán của tăng sĩ tại các tịnh xá, và tự viện ở trung Thiên Trúc

Chương XVII. Vương quốc Tăng Già Thi (Sakâsya). Đức Phật thăng lên và hạ xuống từ cung trời Đao Lợi (Trayastrimsas), và những truyền thuyết khác

Chương XVIII. Thành Kế Nhiêu Di (Kanyâkubja hoặc Canouge). Phật chuyển pháp luân

Chương XIX. Đại quốc Sa Chi. Truyền thuyết nhành cây dương chi (Danta-kâsthâ) của đức Phật

Chương XX. Vương quốc Câu Tát La (Kosala) và Xá Vệ (Srâvasti). Tịnh xá Kỳ Hoàn (Jetavana) và những thánh tích cùng truyền thuyết về đức Phật. Thương hại những du tăng

Chương XI. Trúc Sát Thi La (Tashasilâ). Truyền thuyết. Bốn ngôi đại tháp.

Từ nơi đó đi về hướng đông khoảng bảy ngày, chúng tôi đến nước Trúc Sát Thi La. Trúc Sát Thi La tiếng Tàu dịch là Tiệt Đầu. Lúc Phật còn làm Bồ Tát, Ngài đã từng bỏ thí đầu mình tại nơi đó(2), nên mới có tên là Tiệt Đầu. Kế đến, chúng tôi đi về hướng đông hai ngày, tới nơi Bồ Tát thuở xưa đã từng thả mình từ trên cây cao xuống để bỏ thí thân thể cho hổ đói. Tại hai nơi đó, dân chúng cũng lập tháp và trang sức bằng các loại châu báu để cúng dường. Chư quốc vương và thần dân ở những vùng lân cận cũng thường tranh nhau đến cúng dường, cùng rải hoa dâng hương lên hai ngôi tháp đó, tương tục không ngớt. Dân chúng quanh vùng gọi nơi đó là Tứ Đại Tháp.

Chương XII. Vương quốc Phất Lâu Sa (Peshâwur).

Lời huyền ký của đức Phật về vua Kiền Ni Ca (Kanishka) và tháp của ông ta. Bình bát của đức Phật. Huệ Ứng nhập tịch.

Từ nước Kiệt Đà Vệ, chúng tôi đi về hướng



nam khoảng bốn ngày thì đến nước Phất Lâu Sa. Lần nọ, cùng chư đệ tử du hành đến đó, Phật bảo ngài A Nan:

- Sau khi Ta nhập niết bàn, sẽ có một quốc vương, tên là Kiền Ni Ca, lập tháp nơi đây.

Sau này, thật sự có vua Kiền Ni Ca xuất thế. Lần nọ, khi vua Kiền Ni Ca đang du hành quán sát dân tình, Thiên Đế Thích muốn khai mở tâm ý của ông ta, nên hóa làm chủ bé chăn trâu xây tháp ngay trên đường lộ. Vua Kiền Ni Ca liền hỏi:

- Người đang lập tháp gì đó?

Bé mục đồng đáp:

- Tôi đang xây tháp thờ Phật.

Vừa nghe qua, vua rất vui mừng, nên liền kiến lập tháp ngay nơi tháp của đứa bé chăn trâu mới vừa xây. Tháp đó cao hơn bốn mươi trượng và được nghiêm sức bằng các loại châu báu. So với tất cả bảo tháp mà chúng tôi ngắm xem trên dọc đường, ngôi tháp này tráng lệ oai nghiêm mà không có cái nào sánh bằng được. Tương truyền rằng các ngôi tháp ở cõi Diêm Phù Đề, chỉ có ngôi tháp này là cao ráo, tráng lệ, oai nghiêm bậc nhất. Nhà vua xây tháp này xong, nơi phía nam của tháp này chợt xuất hiện ra tháp nhỏ của chủ bé chăn trâu (tức trời Thiên Đế Thích), cao ba thước.

Bình bát của Phật cũng ở tại nước này. Xưa kia, vua Nguyệt Thị(4) mang đại binh đến nước này, muốn đoạt lấy bình bát của Phật. Chinh phục nước này xong, vua Nguyệt Thị cùng quân thần dốc lòng tín phụng Phật pháp. Vì muốn mang bình bát này đi, nên nhà vua thiết đại lễ cúng dường. Cúng dường Tam Bảo xong, nhà vua liền trang sức một thớt voi lớn, rồi đặt bình bát của Phật lên đó. Thớt voi đó quỳ xuống, nhưng không thể đứng dậy, hay tiến bước nổi. Nhà vua thấy vậy mới làm xe bốn bánh để chở bình bát và dùng tám thớt voi để kéo, nhưng chúng vẫn không thể đi nổi. Nhà vua biết rõ chưa đủ duyên với bình bát này(5), nên tự thâm hổ thẹn buồn thương, rồi liền lập tháp xây ngôi tăng già lam nơi đó. Nhà vua lại cho quân trần thủ và cúng dường rất nhiều đồ vật.

Nơi ngôi tăng già lam đó, có khoảng bảy trăm tăng sĩ. Mỗi ngày gần giờ ngọ, chư tăng mang bình bát của Phật ra. Các người bạch y v.v... cúng dường bao loại đồ vật, rồi họ mới dùng ngọ. Vào buổi tối, lúc dâng hương, họ cũng mang bát ra. Bát có thể chứa hai đấu gạo. Bình bát có nhiều màu sắc, nhưng đa phần là màu đen thẫm; bốn bên đều sáng chói rõ ràng. Bề dày của bình bát khoảng hai phân và sáng trong đẹp đẽ. Nếu người nghèo bỏ những cành hoa nhỏ vào đó thì bình bát đầy cả hoa. Nếu người giàu có muốn cúng dường hoa, dầu họ có bỏ vào trăm ngàn vạn cành hoa, nhưng vẫn không thể đầy bình bát.

Các thầy như Bảo Vân, Tăng Cảnh chỉ cúng dường bình bát của Phật rồi trở về. Huệ Cảnh, Huệ Viễn, Đạo Chính, đi đến nước Na Kiệt để cúng dường đánh lễ hình bóng, răng, và xương đầu xá lợi của Phật. Huệ Cảnh bình, nên Đạo Chính ở lại trông nom, còn một mình Huệ Viễn trở lại nước Phất Lâu Sa tương kiến những thầy khác. Kế đến, thầy Huệ Viễn, Bảo Vân, Tăng Cảnh, trở lại nước Tần. Tại chùa Phật Bát, thầy Huệ Ứng tịch mất. Vì vậy, tôi (Pháp Hiên) một mình đi đến nơi thờ xá lợi xương đầu của Phật.

Chương XIII. Vương quốc Na Kiệt (Nagâra). Lễ cúng dường xá lợi xương đầu của Phật. Những xá lợi khác. Bóng hình của đức Phật.



Đi khoảng mười sáu do tuần, thì đến thành Hải La tại biên giới của nước Na Kiệt. Trong thành có thờ xá lợi xương đầu của Phật, được nghiêm sức bằng bao loại vàng bạc cùng bảy báu. Quốc vương rất tôn kính xá lợi Phật. Sợ có người muốn ăn cắp xá lợi Phật, nhà vua tìm tám người giàu sang trong nước. Mỗi người mang phong ấn đến đó để hộ trì. Vào sáng sớm, mỗi người đều xem xét ấn của mình, rồi mới mở cửa. Mở cửa xong, họ dùng dầu thơm rửa tay, rồi đem xá lợi xương đầu của Phật đặt ngoài tịnh xá trên một chiếc ghế cao. Kế đến họ dùng bảy loại châu báu để chêm bên dưới và úp chén lưu ly bên trên. Tất cả đều được nghiêm sức bằng các tràng châu báu. Xá lợi xương đầu của Phật màu vàng lợt, hình sắc không tròn trịa, rộng khoảng bốn tấc và xoay tròn lên hướng trên. Mỗi ngày đem xá lợi này ra xong, người trong tịnh xá liền lên đài cao, đánh trống lớn, thổi loa lớn, vỗ khiên đồng lớn. Nhà vua nghe xong liền đi thẳng đến tịnh xá, dùng hoa hương để cúng dường. Cúng dường xong, nhà vua cùng quần thần, thứ đệ nâng xá lợi lên đánh đầu, lễ bái rồi lui ra. Họ vào từ cửa đông, ra từ cửa tây. Nhà vua cùng đường đánh lễ xá lợi Phật xong, trở về lo việc vương triều, quốc chánh. Cư sĩ trưởng giả cũng đến cúng dường lễ bái xong rồi mới bắt tay làm việc nhà. Ngày ngày như thế, không bao giờ giải đãi, thối thất. Cúng dường xong, họ lại đặt xá lợi vào trong tịnh xá của bảo tháp giải thoát bằng bảy thứ châu báu, hoặc mỡ hoặc đóng, cao khoảng năm thước. Trước cổng tịnh xá, thường luôn có những người bán hương hoa. Nếu có ai muốn cúng dường thì mua các loại hương hoa đó để dâng cúng xá lợi. Chu quốc vương lân cận cũng thường phái sứ giả đến cúng dường. Tịnh xá được xây trên thêm đá hình vuông, rộng khoảng ba mươi bước. Dầu trời lay đất lở, nhưng tịnh xá đó cũng không rung động.

Từ nơi đó, ngài Pháp Hiển đi khoảng một do tuần đến đô thành của nước Na Kiệt. Trong đời tiền kiếp Bồ Tát (tức Phật Thích Ca hiện đời) đã từng dùng tiền bạc, mua năm bó hoa để cúng dường Phật Định Quang. Trong thành cũng có tháp thờ răng Phật. Quốc vương quần thần và dân chúng cũng cúng dường giống như cách thức tại tịnh xá thờ xá lợi xương đầu của Phật.

Cách thành về hướng đông bắc có một cốc khẩu (thung lũng). Nơi đó có cây tích trượng của Phật, cũng được lập tịnh xá cúng dường. Cây tích trượng được làm bằng gỗ ngưu đầu chiên đàn, dài khoảng một trượng sáu. Cây tích trượng được đặt trong một ống cây lớn. Dầu có trăm ngàn người muốn nâng lên, nhưng không thể di động nổi.

Vào cốc khẩu, đi về hướng tây, có một bộ tăng già lè của Phật. Nơi đó cũng được lập tháp cúng dường. Vào những năm hạn hán, dân chúng nước đó mang bộ y tăng già lè ra, lễ bái cúng dường thì trời liền đổ mưa.

Cách thành Na Kiệt về hướng nam khoảng nửa do tuần có một thạch thất trong một ngọn núi ở phía tây nam, Phật từng lưu bóng ảnh nơi đó, được gọi là Phật Ảnh Quật. Nhìn xa từ mười bước, thì thấy như ảnh bóng thật của Phật với tướng hảo

kim sắc(5), quang minh chiếu sáng; càng đến gần càng thấy rõ rệt, phẳng phất như thật. Quốc vương các nơi khác, thường sai họa sĩ điêu luyện đến vẽ, nhưng chẳng có ai vẽ được rõ ràng cả. Dân chúng trong nước truyền tụng nhau rằng có cả ngàn vị Phật lưu bóng ảnh nơi đó.

Cách bóng ảnh Phật khoảng bốn trăm bước về hướng tây, lúc còn tại thế, đức Phật đã từng cắt tóc và móng tay nơi đó. Phật tự cùng với chư đệ tử xây tạo tháp, cao bảy tám trượng để làm kiểu mẫu cho các tháp trong đời tương lai, mãi đến hiện nay vẫn còn tồn tại. Kế bên tháp có một ngôi chùa. Trong chùa có hơn bảy trăm tăng sĩ. Nơi đó có hàng ngàn tháp thờ chư A La Hán và Bích Chi Phật.

Chương XIV. Huệ Cảnh nhập tịch tại núi Tiểu Tuyết Sơn. Vương quốc La Di, Bạt Na. Vượt sông Tân Đầu.

Trụ nơi đó trong ba tháng mùa đông, tôi (Pháp Hiển) cùng hai thầy khác đi về hướng nam, vượt qua núi Tiểu Tuyết Sơn. Trên núi mùa đông hay mùa hạ đều có tuyết. Nơi phía bắc của ngọn núi, chúng tôi gặp gió lạnh thổi đến, khiến ai nấy đều rung rẩy, không thể nói năng được. Thầy Huệ Cảnh không thể đi thêm nổi, miệng sôi nước bọt trắng, bảo tôi:

- Chắc tôi không thể sống nổi. Nếu tiện các thầy hãy đi ngay, chớ cùng chết chung nơi này.

Nói xong thầy Huệ Cảnh liền qua đời. Pháp Hiển lung lay xác chết, buồn thương rơi lệ:

- Dự tính của chúng ta đã thất bại. Đây cũng do số nghiệp. Biết làm gì hơn.

Nói xong, tôi tự phần chấn tinh thần, vượt qua đỉnh núi phía nam, đến nước La Di. Trong vùng phụ cận có khoảng ba ngàn tăng sĩ, đồng tu theo đại tiểu thừa. Trụ nơi đó qua mùa hạ. Kiết hạ xong, chúng tôi đi về hướng nam mười lăm ngày đến nước Bạt Na. Trong nước cũng có hơn ba ngàn tăng sĩ, đồng tu theo phái tiểu thừa. Từ nơi đó, chúng tôi đi về hướng đông ba ngày, rồi lại băng qua sông Tân Đầu. Hai bên bờ sông đất đai đều bằng phẳng.

Chương XV. Vương quốc Tỳ Trà (Bhida). Thương hại du tăng.

Qua sông đó có nước tên là Tỳ Trà. Nơi này, Phật pháp hưng thịnh. Tăng chúng tu học theo hai phái đại thừa và tiểu thừa. Tăng chúng trong vùng gặp những đạo nhân từ nước Tân đến, nên động lòng lân mẫn, bảo:

- Làm sao người vùng biên địa biết đến đạo của người xuất gia, đi qua miền đất xa xuôi để cầu Phật pháp?

Họ cung cấp những đồ vật cần dùng và đãi khách tăng đúng như pháp tắc.



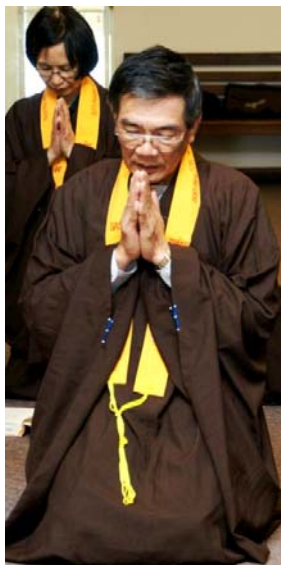
**Chương XVI. Vương quốc Ma Đầu La (Mathurâ).****Phong tục tập quán của tầng sĩ tại các tịnh xá, và tự viện ở trung Thiên Trúc.**

Từ nơi đó, chúng tôi đi về hướng đông nam gần tám mươi do tuần. Chúng tôi đi ngang qua rất nhiều chùa viện, có hàng vạn tăng sĩ. Qua những nơi đó, đến một vương quốc tên là Ma Đầu La. Chúng tôi đi dọc theo sông Bộ Na. Hai bên bờ sông có hai mươi ngôi tăng già lam, chứa khoảng ba ngàn tăng sĩ. Vùng này, bánh xe Phật pháp luân chuyển hưng thịnh. Mọi nơi từ những bãi sa mạc cho đến vùng phía tây, các vương quốc ở Thiên Trúc đều tín phụng Phật pháp. Lúc vua chúa cũng dường chúng tăng, họ đều bỏ vương niệm xuống, rồi cùng chư tôn thất quần thân tự tay dâng thức ăn. Cúng dường xong, quân lính trải thảm trên đất. Nhà vua ngồi trước mặt chúng tăng, đối diện với vị thượng tọa, mà không dám ngồi trên ghế cao. Lúc Phật còn tại thế, pháp thức mà các quốc vương cũng dường cũng còn truyền đến ngày nay.

Từ nơi đó, hướng về phía nam, được gọi là Trung Quốc. Nước đó thời tiết nóng lạnh điều hòa, không có sương tuyết. Nhân dân sống đời an lạc sung túc, không ghi họ khẩu vào sổ bộ của triều đình, trừ những ai cày cấy ruộng vườn của vua chúa là phải đóng chút ít lực tức cho vương triều. Dân chúng nếu muốn đi đâu thì đi, muốn ở thì ở. Vua trị quốc mà không dùng hình phạt như chém đầu hay đánh đập để trị những kẻ phạm tội, nhưng chỉ phạt tiền tùy theo tội nặng nhẹ. Dẫu có người thường phạm tội ác nghịch, bất quá chỉ bị chặt cánh tay phải thôi. Quan quân thị vệ tả hữu của nhà vua đều có lương bổng. Nhân dân trong nước đều không giết hại, không uống rượu, không ăn hành tỏi; trừ hạng người Chiên Trà La, được gọi là những kẻ ác. Họ sống cách biệt với dân chúng. Nếu họ muốn vào đô thành chợ búa thì phải dùng hai thanh gỗ mà gõ để báo hiệu có mặt. Dân chúng nghe tiếng đều lánh xa, không gần gũi họ. Người trong nước không nuôi heo gà, không bán súc vật sống. Chợ búa không có quầy giết heo bò cùng quán rượu. Trao đổi buôn bán, họ dùng ngà voi sừng ốc. Duy chỉ có bọn chiên đà là sống nghề săn bắn đánh cá bán thịt sống.

Phật vừa nhập niết bàn, quốc vương, trưởng giả cư sĩ thiết lập tịnh xá, cung cấp ruộng vườn, nhà cửa cho chư tăng. Họ lại khắc ấn những lời đặc hứa vào bảng kẽm đồng thiếc để lưu truyền từ đời vua này đến đời vua khác mà không dám phế bỏ, cho đến hôm nay cũng không ngừng.

Chỗ ăn ở nghỉ ngơi cùng y phục thức ăn của tăng chúng đều không thiếu thốn. Nơi nơi đều đầy đủ như thế. Chúng tăng thường làm việc công đức cùng tụng kinh tọa thiền. Khách tăng đến, những vị tăng trong chùa đồng cung nghinh, lo lắng sắp đặt y bát, cung cấp nước rửa chân, dầu xoa chân tay, cùng cúng dường thức ăn lỏng ngoài giờ quy định.



Yên nghỉ xong, họ lại hỏi khách tăng về tăng lạp để sắp xếp phòng xá theo thứ lớp mà nghỉ ngơi. Tất cả việc đều như pháp.

Chúng tăng trong trụ xứ, thường xây tháp thờ xá lợi của các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan, cùng tháp thờ Kinh, Luật, A Tỳ Đàm. Một tháng sau mùa an cư kiết hạ, các gia đình muốn gieo trồng phước đức, thường chuyên cần khuyến khích nhau cúng dường chư tăng những thức ăn lỏng sau giờ quy định. Chúng tăng hội nhau lại để thuyết pháp. Thuyết pháp xong, các ngài cúng dường tháp thờ tôn giả Xá Lợi Phất bằng bao loại hoa hương khác biệt. Đèn nến được thắp suốt đêm.

Khi Xá Lợi Phất còn là bà la môn, Tôn Giả đến cầu xin Phật cho phép xuất gia. Tôn giả Mục Kiền Liên và Đại Ca Diếp cũng đều như thế. Chư tỷ kheo ny đa số cúng dường tháp tôn giả A Nan, vì nhờ Tôn Giả mà Phật chấp thuận cho hàng nữ nhân xuất gia. Chư sa di đa số cúng dường tháp thờ tôn giả La Hầu La. Người tu học theo bộ A Tỳ Đàm thì cúng dường bộ A Tỳ Đàm. Các luật sư thì cúng dường tạng Luật. Mỗi năm họ đều cúng dường một lần và mỗi phái đều lập ngày riêng biệt. Người tu học theo phái Ma Ha Diễn (tức đại thừa) thì cúng dường kinh Bát Nhã Ba La Mật, ngài Văn Thù Sư Lợi, Quán Thế Âm v.v... Lúc chúng tăng thọ nhận phần lương thực trong năm, chư trưởng giả cư sĩ, bà la môn v.v... đem bao loại y phục vật dụng để cúng dường tùy theo sở dụng của sa môn. Chúng tăng thọ nhận xong rồi phân phát cho nhau. Từ khi Phật nhập niết bàn cho đến nay, sở hành, oai nghi pháp tắc của chư thánh chúng luôn được tương tục truyền thừa không đoạn tuyệt.

Từ nơi đó, chúng tôi vượt sông Tân Đầu, đến nam Thiên Trúc. Trên đường đến biển Nam Hải, khoảng bốn năm mươi vạn dặm đất đai đều bằng phẳng, không có núi lớn khe ngòi mà chỉ có sông rạch.

**Chương XVII. Vương quốc Tăng Già Thi (Sakâsya).
Đức Phật thăng lên và hạ xuống từ cung trời Đao Lợi (Trayastrimsas), và những truyền thuyết khác.**

Từ nơi đó, chúng tôi đi về hướng đông nam mười tám do tuần, gặp một vương quốc tên là Tăng Già Thi. Thuở xưa, Phật thăng lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ Ngài trong ba tháng liền, rồi xuống nơi này. Thăng lên cung trời Đao Lợi,



Phật dùng lực thần thông mà không cho chư đệ tử hay biết. Gần bảy ngày cuối của ba tháng, Phật lại phóng thần túc. Tôn giả A Na Luật dùng thiên nhãn thấy Thế Tôn bèn báo tôn giả Mục Kiền Liên:

- Sao Ngài không đi thỉnh vấn đức Thế Tôn?

Tôn giả Mục Kiền Liên liền bay lên cung trời Đao Lợi, đánh lễ chân Phật cùng tư vấn Thế Tôn. Tôn giả Mục Kiền Liên vừa thỉnh vấn xong, Phật liền bảo:

- Này Mục Kiền Liên! Trong bảy ngày nữa Ta sẽ xuống trở lại cõi Diêm Phù Đề.

Tôn giả Mục Kiền Liên nghe thế rồi dùng thần lực bay trở về tịnh xá. Đương thời các đại vương cùng quần thần nhân dân của tám nước vì đã lâu không được gặp đức Thế Tôn nên đều khát ngưỡng, đồng tụ hội nơi nước này để đợi Phật xuống. Lúc ấy, tỷ kheo ny Ưu Bát La (Utpala) tự suy nghĩ:

- Hôm nay quốc vương thân dân đang cung ngưỡng chờ đợi Phật. Phen mình là thân gái, làm sao thấy được Phật trước được!

Đương thời, Phật dùng thần túc hóa bà ta làm Chuyển Luân Thánh Vương, được lễ bái Phật trước nhất. Khi Phật từ cõi trời Đao Lợi xuống, Ngài hóa hiện ba đường thềm cấp bằng châu báu. Phật đi trên đường chính giữa, có thất bảo làm thềm cấp. Vua trời Phạm Thiên cũng hóa thềm cấp bằng bạch ngân, cầm cây bạch phát mà đi theo hầu bên phải của Phật. Trời Thiên Đế Thích hóa thềm cấp bằng tử kim, cầm bảo cái thất bảo, đi hầu bên trái của Phật. Vô số chư thiên đi xuống theo sau Phật. Phật xuống đến nơi thì ba thềm đường đều biến mất, nhưng chỉ còn bảy thềm cấp, đến ngày nay vẫn còn hiển hiện. Sau này, vua A Dục vì muốn xem coi tầng cấp đó sâu đến đâu, nên bảo người đào xuống để xem xét. Đào xuống tận hoàng tuyền mà chân của thềm cấp đó vẫn không hết tận. Việc này khiến cho vua A Dục lại thêm kính tín, nên sai người kiến lập tịnh xá trên những thềm cấp. Ngay giữa các thềm cấp, vua lại sai người đắp tượng Phật, cao khoảng tượng sáu. Đàng sau ngôi tịnh xá, vua lại cho xây một cột trụ, cao năm tượng, và trên đó dựng một tượng sư tử; bốn bên cột trụ có hình tượng Phật; trong ngoài đều sáng suốt như lưu ly. Lân cận, luận sư ngoại đạo tranh luận cùng sa môn về quyền sở hữu của mảnh đất đó. Chư sa môn thấy lý lẽ mình yếu thế, nên phải cùng luận sư ngoại đạo thệ nguyện rằng nếu nơi này là đất trụ xứ của chư sa môn thì phải có sự linh nghiệm. Nguyện vừa xong, sư tử trên cột trụ liền rống vang tiếng kinh hoàng. Thấy có điềm linh ứng, luận sư ngoại đạo phải run sợ, tâm phục mà thôi.

Vì thọ thức ăn thiên chúng trong ba tháng, thân của Phật thoát ra mùi thiên hương không đồng với thể nhân, nên Ngài phải tắm gội. Người sau xây thất tắm gội của Phật ngay nơi đó, mà vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Hiện tại vẫn còn tháp thờ ngay nơi tỷ kheo ny Ưu Bát La lễ Phật trước nhất.

Tại nơi đức Phật xuống tóc cắt móng tay, lúc Ngài còn tại thế, đều có dựng tháp cúng dường. Tại nơi của ba đức Phật trong thời quá khứ thường đi kinh hành, cùng nơi Thích Ca Văn Phật thường ngồi thiền, kinh hành, và nơi đắp hình tượng chư Phật, đều có xây tháp cúng dường, đến nay vẫn còn. Nơi Thiên Đế Thích, Phạm Thiên Vương theo hầu Phật từ cõi trời Đao Lợi xuống cũng được lập tháp thờ.

Nơi đó, tăng ni khoảng một ngàn vị, đều đồng thọ nhận thức ăn từ nhà ăn (chúng thực), và đều tu học theo hai phái tiêu thừa và đại thừa. Trong vùng, có một con rồng tai trắng thường

làm đàn viếng cúng dường phẩm vật cho tăng chúng, và thường khiến cho lương thực trong nước đều được phong phú dồi dào, mưa hòa gió thuận, không có thiên tai hoạn nạn. Nhờ vậy mà chúng tăng được an ổn tu hành. Cảm ơn công đức, chúng tăng xây long xá, có thềm nệm cho rồng nằm và làm thức ăn phước điền cho nó. Mỗi ngày, chúng tăng cử ra ba vị đến long xá thọ thực. Sau mỗi mùa an cư kiết hạ, rồng lại hóa hiện thành một con rắn nhỏ, hai tai đều trắng xóa. Chúng tăng đều biết rõ, nên trét bột sữa trên mắt rồng và đặt nó lên đó, rồi mang đi từ hàng thượng tọa cho tới hạ tọa, như thể thỉnh vấn. Vừa đi một vòng, nó liền biến mất. Mỗi năm nó xuất hiện một lần. Đất đai trong vương quốc này rất phì nhiêu phong phú. Nhân dân an lạc sung túc vô ngần. Khách thập phương đến, đều được cung cấp đầy đủ những vật cần dùng.

Cách chùa này khoảng năm mươi do tuần về hướng tây bắc có một ngôi chùa, tên là Đại Phần (hoặc Đại Hòa Cảnh-The Great Heap), cũng gọi là chùa Ác Quỷ. Khi xưa Phật hóa độ ác quỷ, nên người sau xây tịnh xá tại chỗ ấy. Khi ngôi tịnh xá được cúng dường cho một vị A La Hán, quốc vương đổ nước trên lòng bàn tay của Ngài mà vùng nước này vẫn còn hiện hữu không tan mất cho dầu có bị quét đi.

Nơi này cũng có tháp thờ Phật. Thiện quỷ thần thường hiện xuống quét rửa, nên không cần tới nhân lực. Một quốc vương đã kiến đến nơi này, bảo:

- Các người quỷ thần làm được như thế thì Ta sẽ cho quân binh xả bỏ phần tiêu, để xem coi có quét được hay không?

Ông liền làm theo như thế. Quỷ thần bèn nổi trận cuồng phong, thổi đi những vật bất tịnh, khiến nơi đó sạch sẽ như thường.

Nơi ấy có hàng trăm tháp nhỏ mà đếm mãi vẫn không biết hết được. Nếu muốn biết, cho người đứng ngay nơi mỗi tháp để đếm số. Hoặc ít hoặc nhiều, đếm mãi số người đứng mà vẫn không biết con số chính xác.

Nơi ấy, một ngôi tăng già lam chứa hơn sáu trăm tăng sĩ. Trong chùa có chỗ của một vị Bích Chi Phật (Pratyeka) thường thọ thực. Vùng đất nơi vị Bích Chi Phật nhập niết bàn rộng như chiếc xe bốn bánh lớn. Có đại mộc đầy những nơi khác mà không sanh sản tại chỗ đó. Nơi vị Bích Chi Phật này thường giặt giũ y áo cũng không có cỏ mọc. Ngày nay vẫn còn dấu tích y ca sa của Ngài.

Chương XVIII. Thành Kế Nhiêu Di (Kanyākubja hoặc Canouge). Phật chuyển pháp luân.

Tôi (Pháp Hiền) trú tại tịnh xá của rồng tai trắng qua mùa hạ(1). Kiết hạ xong, tôi đi về hướng đông nam bảy do tuần đến thành Kế Nhiêu Di(2). Thành này nằm dọc theo sông Hằng (3). Trong thành có hai ngôi tăng già lam.

Tăng chúng đều tu theo phái tiêu thừa. Rồi thành đi về hướng tây sáu bảy dặm, đến bờ phía bắc của sông Hằng, nơi Phật thường thuyết pháp cho chư đệ tử. Theo truyền thuyết, nơi đó Phật thường giảng về sự khổ, không, vô thường, thân như bọt bèo trôi trên nước v.v... Nơi đó cũng có tháp thờ cho đến hiện tại.

Vượt sông Hằng đi về hướng nam ba do tuần, tôi đến một thôn làng, gọi là A Lê. Nơi này,





Phật đã từng thuyết pháp, đi kinh hành, tọa thiền. Mọi nơi chốn đều lập tháp thờ.

Chương XIX. Đại quốc Sa Chi. Truyền thuyết hành cây dương chi (Danta-kâshtha) của đức Phật.

Đi về phía nam mười do tuần, đến đại quốc Sa Chi. Ra khỏi thành Sa Chi bằng cửa phía nam, bên hướng đông của đường lộ, Phật đã từng cắm nhánh dương chi sau khi nhai xong tại nơi đó. Nhánh dương chi này mọc cao khoảng bảy thước mà không tăng không giảm. Chư ngoại đạo bà la môn rất ghen ghét, nên hoặc chặt phá hoặc nhổ rồi đem đi nơi khác, nhưng cây dương chi vẫn mọc lại. Hiện tại cũng còn tháp thờ nơi bốn vị Phật thường đi kinh hành, tọa thiền.

Chương XX. Vương quốc Câu Tát La (Kosala) và Xá Vệ (Srāvastī). Tịnh xá Kỳ Hoàn (Jetavana) và những thánh tích cùng truyền thuyết về đức Phật. Thương hại những du tăng.

Đi về hướng nam tám do tuần, đến thành Xá Vệ trong nước Câu Tát La. Trong thành, dân chúng thưa thớt, sống cách xa nhau, chỉ có hơn hai trăm gia đình. Thành Xá Vệ này vốn là đô thành mà vua Ba Tư Nặc trị vì trước xưa. Tịnh xá của bà Đại Ái Đạo, hồ nước và tường vách nhà của ông trưởng giả Tu Đạt, nơi Ương Quật Ma đắc đạo và được trà tỷ sau khi nhập niết bàn, đều được người sau dựng tháp thờ phụng trong thành. Chư ngoại đạo bà la môn sanh tâm ghen ghét, nên muốn phá hoại, nhưng trời nổi sấm sét, khiến họ không thể phá được.

Ra cửa thành phía nam một ngàn hai trăm bước, bên phía tây đường lộ là nơi trưởng giả Tu Đạt xây cất tịnh xá. Mặt tiền của tịnh xá hướng về phía đông. Mở cửa ra, thấy hai bên có hai cột trụ đá. Trên cột trụ bên trái có khắc hình bánh xe. Trên cột trụ bên phải có khắc hình con trâu. Bên phải và trái của tịnh xá đều có hồ nước trong xanh. Cây cối xum xuê, hoa quả màu sắc lạ thường, tốt tươi đẹp mắt. Đó gọi là tịnh xá Kỳ Hoàn. Phật thăng lên cung trời Đâu Suất, thuyết pháp cho mẹ Ngài trong chín mươi ngày. Vua Ba Tư Nặc vì muốn gặp Phật, nên sai thợ dùng gỗ ngưu đầu chiên đàn khắc làm tượng Phật, rồi đặt tượng này nơi Phật thường ngồi thiền. Phật vừa trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, thánh tượng bèn khởi thân di động, ra ngoài nghinh đón Phật. Phật bảo:

- Ông hãy ngồi nơi đó. Sau khi Ta nhập niết bàn, ông phải thay Ta mà làm pháp thức cho bốn chúng đệ tử.

Nghe thế, tượng bèn đi về chỗ cũ. Vì vậy, Phật dời chỗ ở của mình qua tịnh xá nhỏ bên phía nam, cách xa nơi đặt tượng Phật khoảng hai mươi bước. Tượng này là tôn tượng đầu tiên nhất. Người sau khắc tạo tượng Phật đều y theo kiểu mẫu của hình tượng đó.

Tịnh xá Kỳ Hoàn vốn có bảy tầng. Chư quốc vương cùng nhân dân khắp nơi thường tranh nhau cúng dường, treo tràng phan bảo cái, rải hoa dâng hương, đốt đèn sáng cả đêm, ngày ngày đều không dứt. Lần nọ, chẳng may, một con chuột gặm tim đèn dầu làm cháy tràng phan bảo cái cùng bảy tầng lầu của tịnh xá. Chư quốc vương, quần thần cùng dân chúng rất buồn rầu vì bảo rằng tượng chiên đàn cũng đã bị cháy. Song, bốn năm ngày sau, mở cửa phía đông của tịnh xá nhỏ, họ đột nhiên thấy tượng Phật cũ, nên tất cả đều mừng rỡ, rồi cùng nhau

sửa chữa tịnh xá, xây làm hai tầng, và đặt tượng về chỗ cũ.

Tôi và Đạo Chính vừa đến tịnh xá Kỳ Hoàn, đồng hoài niệm đức Thế Tôn năm xưa trụ tại đây trong hai mươi lăm năm mà cảm thương cho phận mình sanh nơi biên địa. Chúng tôi cùng chư pháp lữ viễn du qua bao nhiêu vương quốc, hoặc có người trở về nước, hoặc đã mất; mỗi mỗi đều biến chuyển theo dòng đời vô thường. Nay chỉ thấy chỗ trống không của Phật, nên rất đau buồn. Chúng tăng nơi đó ra ngoài hỏi han tự sự:

- Các ngài từ nước nào đến đây?

Đáp:

- Chúng tôi từ đất Tàu đến.

Chúng tăng nơi đó vui mừng bảo:

- Lạ thay! Người nước biên địa cũng có thể đến đây cầu

Pháp!

Nói xong, chúng tăng bàn tán với nhau:

- Chư sư hòa thượng của chúng ta, từ xưa đến nay tiếp nối truyền thừa, chưa từng gặp đạo nhân người Tàu đến đây.

Cách tịnh xá về phía tây bắc bốn dặm có một vườn cây, được gọi là Đắc Nhân. Xưa kia có năm trăm người mù, sống tại nơi đó để ở gần tịnh xá. Phật thuyết pháp cho họ nghe. Phật vừa thuyết xong thì mắt họ sáng trở lại, nên rất vui mừng, liền cắm cây tích trượng xuống đất, rồi đồng cúi đầu đánh lễ Phật. Những cây tích trượng đó sanh sống trở lại và mọc lớn ra. Thế nhân rất tôn trọng và không ai dám chặt đi, nên dần dần mọc lan tràn ra thành vườn cây, và được gọi là vườn cây Đắc Nhân. Chúng tăng trong tịnh xá Kỳ Hoàn dùng ngọc xong thì thường ra đến khu vườn này để tọa thiền.

Cách tịnh xá Kỳ Hoàn khoảng sáu bảy dặm về phía đông bắc, Tỷ Xá Khử Mẫu xây ngôi tịnh xá, và thỉnh Phật cùng chúng tăng đến đó tu hành. Tịnh xá này đến nay vẫn còn tồn tại.

Các đại viện của tịnh xá Kỳ Hoàn, mỗi nơi đều có hai cửa; một cửa xoay về hướng đông; một cửa xoay về hướng bắc. Trưởng giả Tu Đạt đã từng lót vàng để mua khu vườn chứa tịnh xá Kỳ Hoàn. Tịnh xá nằm ngay chính giữa khu vườn đó và là nơi Phật thường trú ở lâu nhất. Nơi Phật thường thuyết pháp, độ người, kinh hành, tạo thiền cũng được xây tháp thờ. Mỗi mỗi đều có danh tự. Bên cạnh cũng có nơi bà Tôn Đà Lợi giết người rồi phao vu cho Phật. Ra khỏi cửa đông của tịnh xá Kỳ Hoàn về phía bắc khoảng bảy mươi bước, bên hướng tây của đường lộ, xưa kia Phật đã từng cùng chín mươi sáu ngoại đạo luận nghị. Quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, nhân dân đồng tụ hội nơi đó để lắng nghe. Đương thời, một bà ngoại đạo tên là Đàm Giá Ma Na (Chanchamana) khởi tâm ghen ghét, nên độn bụng tựa như đang mang thai, đến trước giữa tăng chúng phi báng Phật làm việc phi pháp. Lúc đó, trời Thiên Đế Thích hóa hình thành một con chuột trắng, leo lên mình bà ta và cắn đứt sợi dây lưng, nên khiến cho áo quần độn trong bụng rớt xuống đất. Ngay tức khắc, đất nứt ra, bà ta bị chôn sống, đọa xuống địa ngục. Gần đó cũng có nơi mà Đề Bà Đạt Đa vì muốn dùng độc tráo để hãm hại Phật mà phải bị chôn sống đọa địa ngục. Người sau làm dấu phân biệt rõ ràng những nơi đó.

Họ lại xây tịnh xá, cao khoảng sáu trượng, ngay nơi Phật luận nghị với ngoại đạo. Chính giữa tịnh xá có thiết đặt một tượng Phật. Phía đông trên đường lộ có một ngôi đền thiên tự của ngoại đạo, được gọi là Ảnh Phúc, đối diện với tịnh xá Phật luận nghị với ngoại đạo, và cũng cao khoảng sáu trượng. Được gọi là Ảnh Phúc vì khi mặt trời chuyển qua hướng tây thì bóng tịnh xá của Thế Tôn chiếu ngay trên đền thiên tự đó. Khi mặt



trời chuyển qua hướng đông thì bóng của đèn thiên tự đó hướng về phía bắc, mà không bao trùm lên tịnh xá của Phật. Ngoại đạo thường phái người đến quét dọn, dâng hương, đốt đèn trong ngôi đền đó. Song, đến sáng thì những ngọn đèn đó tự dung di chuyển vào tịnh xá của Phật. Bà la môn thấy vậy nên mắng chửi chửi sa môn là ăn cắp đèn của họ để cúng dường Phật. Việc này xảy ra mãi mà không dừng. Tối đến, bà la môn rình mò, thấy chư thiên thân (mà họ đang phụng thờ) mang những cây đèn dầu đi nhiều vòng quanh tịnh xá rồi cúng dường Phật, rồi đột nhiên biến mất. Thấy sự việc rõ ràng, các bà la môn mới biết thần lực cảm hóa màu nhiệm của đức Phật, nên bỏ nhà xuất gia nhập đạo làm tăng sĩ. Tương truyền gần thời gian mà sự kiện này xảy ra, chung quanh tịnh xá Kỳ Hoàn có chín mươi tám ngôi tăng già lam mà chư tăng thường cư trú đông đúc, duy chỉ có một ngôi là trống không.

Nước Trung Quốc này có chín mươi sáu ngoại đạo. Họ đều biết việc đời này và đời trước. Mỗi ngoại đạo đều có đồ đệ và đều đi khát thực, nhưng không mang bình bát. Họ cũng cầu phước, nên trên đường lộ lớn lập các lữ xá phúc đức, phòng ở, giường chiếu, thức ăn nước uống để cung cấp cho các lữ hành cùng chúng xuất gia, khách khứa đến đi; điều khác biệt là thời hạn ở lại những nơi đó ngắn hay dài.

Hiện tại, đồ đệ của Đề Bà Đạt Đa cũng còn cúng dường ba vị Phật trong đời quá khứ, nhưng không cúng dường Phật Thích Ca.

Cách thành Xá Vệ về hướng đông nam khoảng bốn dặm có một ngôi tháp là nơi mà đức Phật đứng bên đường chặn quân của vua Lưu Ly định thôn chiếm nước Xá Di.

Chương XXII. Thành Ca Tỳ La Vệ. Cảnh tiêu điều của thành. Truyền thuyết Phật dẫn sanh và những sự kiện liên hệ.

Đi về hướng đông gần một do tuần thì tới thành Ca Tỳ La Vệ. Trong thành không có vua chúa hay nhân dân. Thành quá hoang tàn mọc meo, chỉ có vài tăng sĩ và khoảng mười gia đình dân dã. Nơi vương cung của vua Bạch Tịnh có hình tượng của mẹ thái tử. Nơi thái tử cỡi con ngựa trắng, nơi Bồ Tát lúc nhập bào thai, nơi thái tử ra khỏi thành phía đông thấy người bệnh hoạn rồi quay xe ngựa trở vào thành, đều có xây tháp thờ. Nơi tiên A Tư Đà ngắm xem tướng mạo thái tử, nơi thái tử liệng xác chết con voi bên đường khi đang cùng đi với Nan Đà và những người khác, đều có xây tháp. Nơi thái tử thi bắn cung tên bay về hướng đông nam ba mươi dặm rồi cắm xuống đất, khiến một dòng suối chảy ra. Người sau xây một giếng nước ngay nơi đó để cung cấp nước cho khách lữ hành. Nơi Phật viếng thăm phụ vương sau khi đắc đạo, nơi năm trăm Thích Tử xuất gia rồi lễ bái Ưu Bà Ly khiến cho đất đai rung động, nơi Phật thuyết pháp cho chư thiên, nơi trời Tứ Thiên Vương giữ bốn cánh cửa thành khiến phụ vương Ngài không thể vào được, nơi Phật ngồi dưới cây Ni Câu Luật (hiện tại vẫn còn sống) hướng mặt về phía đông và được bà Đại Ái Đạo cúng dường y ca sa tăng già lê, nơi vua Lưu Ly giết dòng họ Thích và tất cả đồng đảng quả Tu Đà Hoàn, tháp thờ đến nay cũng vẫn còn.

Cách thành về phía đông bắc vài dặm là ruộng của vua Tịnh Phạn, nơi thái tử ngồi bên dưới gốc cây quán xem nông dân cấy cấy.

Mười lăm dặm về phía đông của thành có vườn thượng

uỷen của vua Tịnh Phạn, được gọi là Lâm Tỳ Ni (Lumbini). Phu nhân Ma Da vào hồ tắm gội, rồi đi ra khỏi hồ khoảng hai mươi bước, dùng tay nắm cành cây Vô Ưu, hướng mặt về phía đông mà hạ sanh thái tử. Thái tử vừa đản sanh liền đi bảy bước. Hai long vương (hiện thân) phun nước gội tắm thân thái tử. Nơi đó vẫn còn có một giếng nước mà hiện nay chúng tăng thường đến lấy uống.

Chư Phật có bốn nơi thường định, tức là nơi thành đạo, nơi chuyển pháp luân, nơi thuyết pháp hàng phục ngoại đạo, nơi xuống sau khi thăng lên cung trời Đao Lợi để thuyết pháp cho người mẹ. Ngoài ra còn những nơi kỳ dị mà Phật thường tùy thời mà thị hiện.

Nước Ca Tỳ La Vệ hoang dã, dân chúng sống rải rác. Người bộ hành thường sợ voi trắng và sư tử hoang nên chẳng dám đi lang thang.

Muốn đọc hết quyển sách, xin vào trang lưới chùa:

www.chuahaiduc.org

